

CỎ THƠM

TAM CÁ NGUYỆT SAN



VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
SỐ 52 – MÙA THU 2010



CỎ THƠM

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG

ĐỒNG CHỦ BÚT

PHẠM VĂN TUẤN

TRẦN BÍCH SAN

NGÔ TĂNG GIAO

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRĂNG MỸ HẠNH

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BÁ

THỦY SENSER

www.cothommagazine.com

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194, USA

TEL. (703) 471-1271

FAX (703) 471-1196

Email: dsenser@yahoo.com

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BÀNG.
HẢI BÀNG H.D.B. NGUYỄN NGỌC BÍCH.

ĐỖ BÌNH. ĐINH CƯỜNG.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.

PHAN ANH DŨNG.

VŨ THÁI HÒA. VŨ HỐI. PHAN KHÂM.

VI KHUÊ. HUY LÃM. NGUYỄN LÂN.

PHẠM TRỌNG LỆ. NGUYỄN PHÚ LONG.

VŨ NAM. CAO MỸ NHÂN.

PHẠM THỊ NHUNG. ĐẶNG NGUYỄN.

VŨ MẠNH PHÁT. TRẦN BÍCH SAN.

NGUYỄN VĂN SƠN. ĐIỀU TẦN.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH. TIỂU THU.

NGUYỄN VĂN THÀNH. HỒNG THỦY.

LÊ THƯƠNG. TRƯƠNG ANH THỤY.

BÙI THANH TIÊN. THANH TRANG.

HÀ BÌNH TRUNG. TẠ QUANG TRUNG.

PHẠM VĂN TUẤN. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA

VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA

HẢI BÀNG HDB: Chandler, AZ

VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN

VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY

LAM ĐIỀN NGUYỄN THỬ: Charlotte, NC.

TIỂU THU: Québec, Canada

VŨ NAM: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



THÁNG 09, NĂM 2010

MỤC LỤC

VĂN	Trang	Hạt Trân Châu	
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG : Là Thư Mùa Thu	6	PHẠM TRỌNG LỆ : Thơ Trời Đất Không Bao Giờ Chết	120
NGUYỄN QUÝ ĐẠI: Hà Nội 1000 Năm Thăng Long	8	TIỂU THU: Hạt Bụi Trong Tim	124
NGUYỄN VĂN THÀNH : Phiên Tòà Xét Xử và Hành Quyết Góa Phụ Capet	17	MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH: Phường Xưa Phố Cũ Hà Thành	134
HẢI BĂNG HDB: Cao Bá Quát Kẻ Sĩ Quạt Cường	25	THANH TRANG: Một Giọng Hát Thuộc Lớp Đầu Đàn...	143
NGUYỄN BẢO HƯNG : Ngôn Ngữ Ngữ, Cái Mới và Sáng Tạo	35	LÊ VĂN KHOA: « Suối Tóc » của Thái Đắc Nhã	148
PHẠM VĂN TUẤN: Nhà Văn Anh George Orwell và Truyện «Trại Súc Vật »	41	PHAN ANH DŨNG : Một Chút Cảm Nghĩ Về Cộng Hòa Ukraine	153
PHẠM THỊ NHUNG: Nét Đẹp Của Người Phụ Nữ Việt Nam Xưa Qua Ca Dao	53	TRƯỜNG ANH THỤY Thiền Trong Nhiếp Ảnh	155
PHƯƠNG DU: Thú Vui Của Dân Tộc Việt Nam	57	NGUYỄN HƯƠNG N.C. Người Em Gái Buồng Tầm	160
NGÔ TĂNG GIAO : Bóng Dáng Đà Lạt Trong Thơ Nhất Tuấn	60	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG : Phố Phường Xưa Hà Nội	165
ĐỖ BÌNH : Cảnh Đời Hư Ảo	66	PHONG THU: Tại Sao Tôi Tổ Chức Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ	175
NGUYỄN LÂN : Thi Sĩ Phan Khâm	74	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG : Tại Sao NTND Tham Dự DHVCPN	179
NGUYỄN THỤY: Tứ Bất Tận – Tứ Bất Năng	79	PHONG THU: Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ Kỳ II	181
LÊ THƯƠNG : Vẫn Thơ Trữ Tình	83		
ĐỖ PHÚ : Lạc Vào Mộng Ảo	88	THƠ	
NGUYỄN PHÚ LONG : Mạn Đàm Về Thơ Đường Luật	94	TUỆ NGA: Vâng Trăng Cổ Độ	16
BÙI BÍCH HÀ: Nhận Xét Về Cuốn Tim Một Cõi Về của Nhà Văn Nguyễn Lân	97	PHAN KHÂM: Khi Nào...	36
NGUYỄN LÂN: Tâm Tình Tác Giả <i>Tim Một Cõi Về.</i>	99	YÊN VI : Love ‘s Everything	46
HỒ TRƯỜNG AN: Phỏng Vấn Học Giả Trần Bích San	104	XUÂN AN VÕ HÙNG ANH Hạnh Phúc Đơn Sơ	52
HOÀNG DUNG: Cô Gái Với Đồi	117	NGUYỄN MÂY THU: Tình Thu, Cảm Thu	52
		YÊN VI : Love, Still	52
		VI KHUÊ : Vườn, Hoa Vào Thu	56

CHỦ NHÌ ANH: Garden, Flower in Autumn	56	CAO NGUYỄN : Chào Mừng	187
VIỆT BẰNG : Cho Người Mai Sau	73	Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ Việt	
ĐỖ BÌNH : Thiên Thu	73	QUỐC NAM : Mừng Đại Hội	187
KIỀU ANH: Thăm Huyền Không Tự	73	Văn Chương Phụ Nữ	
THẾ LINH: Weeping For The Twin Towers	81		
NGÔ MINH HẰNG: Chào Vĩnh Biệt Twin-Towers	81	NHẠC	
THANH THANH LXN:	82	HUY LẪM: Tình Người Cô Đơn	50
Farewell For Ever, Twin Towers		NGUYỄN TẮT VỊNH & PHAN KHÂM:	102
LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ: Em Vẫn	90	Bướm Vàng Đang Đậu	
Là Cô Giáo		ANH BẰNG & HOÀNG SONG LIÊM	133
CAO MỸ NHÂN : Bến Chiêu	93	Tình Ca Trên Phố	
ĐOÀN NGỌC KIỀU ANH: Sông Chiếu	93		
HỒ CÔNG TÂM : Cô Lái Đò	93	TRANH, HÌNH	
PHAN KHÂM : Tâm Động	93	NGUYỄN SƠN: Gió Thu (bìa)	1
NGUYỄN VÔ CÙNG : Tình Thơ	93	MINH CHÂU: Hải Âu	142
NGUYỄN KINH BẮC: Thư Gửi Chị	93	PH. V. TUẤN & NG. V. HẰNG:	188
Ý ANH : Vu Lan, Trung Thu	98	Phóng Sự Bằng Hình Ảnh Ngày Đại Hội	
ĐỖ THỊ MINH GIANG:	101	Văn Chương Phụ Nữ	
Vàng Chiếc Lá Thu		Bìa sau: Ảnh Nguyễn Sơn và Minh Châu	206
UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT	101		
Thì Thơ Buồn Em Mãi Dệt Vải Đau		GIỚI THIỆU	
THẾ LINH: In the Praise Of	102	Văn Phòng B.S. NGUYỄN QUỐC QUÂN	34
The Statue Of Liberty		Chúc Mừng PHAN TUẤN KHANH	78
NGUYỄN PHÚ LONG: Một Tuần Đã Qua	103	CD Vui Sâu Thương Nhớ	119
BÙI THANH TIỀN : Năm Nào	127	của TRỊNH THANH THỦY	
Em Cài Thu Lên Tóc		Chúc Mừng PHAN QUỐC DUY	150
NGÔ THỊ VÂN: The Lonely Seagull	142	Văn Phòng B.S. NGUYỄN KIM DUNG	156
and The Indifferent Sea		CD Thao Thức của TRỊNH THANH THỦY	164
THU LÊ : Hải Âu Cô Đơn và	142	PHẠM BÁ VINH: Dạ Tiệc, Dạ Vũ Tạ Từ DC	197
Đại Dương Lạnh Lùng		Ra Mắt Sách Những Cánh Hoa Đại	198
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG : 178		Màu Vàng của Hồng Thủy	
Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ		Đà Lạt Ngày Tháng Cũ: Ngô Tăng Giao	199
HOÀNG BẠCH MAI : Đại Hội 180		Nhà xuất bảnTiếng Quê Hương :	200
Đại Hội Nữ Lưu Cầm Bút		Những Mảnh Trời Khác Biệt	
CAO MỸ NHÂN: Mỗi Ý Thơ 183		Việt Nam Trong Chiến Tranh Tư Hữu	
Là Một Sắc Hoa			
Hoàng Hương Lộc: Đại Hội 187			
Văn Chương Phụ Nữ Việt Nam			

LÁ THƯ MÙA THU

Trong ba tháng hè qua, một tin vui nhất, Người Mỹ nào cũng thở phào nhẹ nhõm, cái giếng dầu ở ngoài khơi Vịnh Mexico đã hết phun dầu vô tội vạ. Người dân vùng vịnh đã yên tâm trở lại nghề đánh cá tôm cua sò hến và cũng là miếng cơm manh áo, cuộc đời của họ.

Cũng trong hè vừa qua, Ngọc Dung đã hụt đi dự hai tiệc vui :

Một là đám cưới của Phan Tuấn Khanh thứ nam Nhà Thơ Phó Chủ Nhiệm Nội Vụ Phan Khâm và Chị Phi Hồng vào ngày 24 tháng 7, trong thời gian Ngọc Dung đi dự Đại Hội Trưng Vương tại Nam California.

Hai là đám cưới Phan Quốc Duy, trưởng nam Chủ Biên Website Cỏ Thơm và Phó Chủ Nhiệm Ngoại Vụ Phan Anh Dũng và Chị Tâm Hảo. Ngọc Dung bận tham gia Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ tại Virginia vào 3 ngày 13-14 -15 tháng 8.

Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ Việt đầu tiên tại vùng Thủ Đô Hoa Kỳ đã lôi cuốn gần 40 bóng hồng cầm bút, cầm cọ, cầm đàn, và cầm máy ảnh. Với tầm vóc lớn lao, quan trọng và đáng được hoan nghênh của Đại Hội nên Nhà Báo Phạm Bá Vinh, Nhà Văn Nguyễn Thị Ngọc Dung và Nhà Văn Hoàng Dung đã đứng ra ủng hộ, giúp Nhà Văn Phong Thu tiếp tay tổ chức Đại Hội được thành công rực rỡ. Xin quý vị độc giả đọc thêm chi tiết trong 20 trang cuối của số báo Cỏ Thơm 52.

Vui đấy, nhưng chúng ta vẫn không thể thoát được chuyện buồn trên trần gian, thế tục này. Và chuyện buồn nhất là Nhà Thơ Quỳnh Anh ngã bệnh phải vào nhà thương. Bây giờ chị đang nằm tại một trung tâm phục hồi. Chị bị liệt nửa người, không nói được. Râu rĩ hơn nữa, không thân hữu nào được vào thăm chị. Bà con họ hàng thân thích cũng chỉ được vào thăm theo ngày giờ ấn định. Có người lên vào thăm thì Chị Quỳnh Anh chỉ khóc lóc thống thiết. Ôi, sao lại có cảnh ngộ bi đát này! Mong rằng quý vị độc giả, quý văn thi nghệ sĩ Cỏ Thơm giữ gìn sức khỏe, không gặp phải hoàn cảnh đáng buồn như thế.

Mùa hè đã qua rồi, nhưng trong số báo Cỏ Thơm Mùa Thu vẫn có những bài văn, bài thơ Việt, Anh ngữ đầy cảm xúc, khúc Hai Tòa Cao Ốc World Trade Center bị quân khủng bố làm sụp đổ với hàng ngàn người tử vong tháng 9/11/2001. Người ta không thể quên được nỗi kinh hoàng, đau đớn và phẫn nộ ấy.

Đúng ngày này năm nay, Nhà Văn Nguyễn Đức Nam và Nhạc Sĩ Phan Anh Dũng cùng một số thân hữu đã tổ chức một Buổi Đại Hòa Tấu *Ca Ngợi Tự Do*, «Ode to Freedom» để kỷ niệm 35 xa xứ và tưởng niệm nạn nhân 9/11. dàn Nhạc Giao Hưởng nổi tiếng thế giới Kyiv Symphony Orchestra & Chorus với 100 Ca Nhạc Sĩ Ukraine và Ban Hợp Xướng Vùng Hoa Thịnh Đốn, trình bày những bản nhạc chọn lọc của Ukraine, Hoa Kỳ và của Nhà Soạn Nhạc Lê Văn Khoa. Đây cũng là một nỗ lực lớn lao của những người yêu chuộng nhạc giao hưởng

và làm hãnh diện Cộng Đồng Việt tại Hoa Thịnh Đốn. Quý vị có thể xem những bài tường thuật và hình ảnh trong Website Cỏ Thơm.

Bây giờ nói đến chuyện mùa thu lá vàng bay. Ngày Tam Thập, 10/10/2010, Nhà Báo Phạm Bá Vinh sẽ tổ chức một buổi Dạ Tiệc Dạ Vũ giả từ Virginia. Xin quý vị xem chi tiết trên Website Cỏ Thơm <www.cothommagazine.com> và trang 197 Báo Cỏ Thơm số mùa thu. Anh Phạm Bá Vinh và Toà Soạn Sóng Thần sẽ di chuyển đi Dallas.

Tháng 10 năm nay cũng là tháng được mùa ra mắt sách. Ngày 10/16/2010 Nhà Văn Nguyễn Cao Quyền Cựu Đại Tá Chánh Án Tòa Án Quân Sự QLVNCH sẽ cho ra mắt tác phẩm *Việt Nam Trong Chiến Tranh Tư Hữu* do Nhà Xuất Bản Tiếng Quê Hương phát hành, tại Hội Trường James Lee, 2855 Annandale Road, Falls Church, VA 22042.

Ngày sau đó, Nhà Văn Hồng Thủy cho ra mắt một tuyển tập truyện ngắn đầu tay, *Những Cánh Hoa Đại Màu Vàng*, từ 2 giờ – 5 giờ chiều Chủ Nhật 10/17/2010, tại Hội Trường Jewish Center, 8900 Little River Turnpike, Fairfax, VA 22031. Xin quý vị cũng xem chi tiết trên Website Cỏ Thơm <www.cothommagazine.com> và trang 198 của số báo này.

Tập truyện ngắn *Những Mảnh Trời Khác Biệt* của 16 tác giả thuộc Không Lực VNCH, do Nhà Xuất Bản Tiếng Quê Hương phát hành, nhưng chưa chọn được ngày ra mắt sách. Chắc chắn tập truyện này phải có những chuyện đặc biệt về Không Quân.

Soạn Giả Ngô Tăng Giao cũng đã cho phát hành một tuyển tập dày hơn 300 trang, có nhan đề *Đà Lạt Ngày Tháng Cũ*, gồm các bài thơ, các đoạn trích dẫn từ trong các truyện ngắn, truyện dài, tùy bút của 150 tác giả đã viết về Đà Lạt. Xin xem chi tiết trang 198. Người Đà Lạt, người yêu Đà Lạt, có kỷ niệm với Đà Lạt không thể bỏ qua *Đà Lạt Ngày Tháng Cũ*.

Chúng tôi cũng rất vui mừng Biên Khảo Gia Nguyễn Cúc, tác giả *Sài Gòn 300 Năm Cũ* và Chủ Nhiệm Giai Phẩm «Tiếng Sông Hương», sau một thời gian nghỉ dưỡng bệnh đã trở lại Cỏ Thơm trong số báo 52 với truyện ngắn rất Huế, rất trữ tình *Người Em Gái Buồng Tầm*. Xin nhắc lại Buồng «Tầm» có dấu huyền chứ không phải dấu sắc. Cảm ơn Anh Nguyễn Cúc, chúc Anh nhiều sức khỏe và trở lại đều đều với Cỏ Thơm.

Ngoài ra, Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm vẫn tràn đầy những bài biên khảo, thơ, nhạc, truyện có giá trị như bao giờ để cống hiến quý vị độc giả yêu chuộng văn học, nghệ thuật. Quý vị có thể tìm mua Báo Cỏ Thơm tại Washington Music, 6795 Wilson Blvd.#26, Falls Church, VA 22044 ; điện thoại 703 538-4979.

Chúng tôi thành thật cảm tạ quý văn thi nghệ sĩ đã đóng góp bài vở để cùng chung bước với Tạp Chí Cỏ Thơm trên đường phụng sự văn chương chữ nghĩa Việt Nam Hải Ngoại. Xin tái ngộ cùng quý vị vào mùa đông tuyết trắng.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

HÀ NỘI 1000 NĂM THĂNG LONG

Nguyễn Quý Đại

Thời học sinh chúng ta đọc tác phẩm Hà Nội Ba Mươi Sáu Phố Phường của Thạch Lam và nhiều tác giả di cư vào Nam diễn tả nét đẹp Hà Nội qua thơ nhạc, văn chương thật lãng mạn và hấp dẫn tôi đã mơ ước một lần đến thăm đất ngàn năm văn vật. Từ năm 1975 thống nhất Nam Bắc tôi cũng như nhiều người bị tập trung cải tạo, lúc được trở về hoàn cảnh khó khăn bị quản chế chưa phục hồi quyền công dân, cơm không đủ ăn thì làm gì thực hiện được giấc mơ du lịch! May mắn tôi vượt biển đến được bến bờ tự do.

Hè năm 2005 gia đình tôi lần đầu về Sài Gòn, sau 25 xa xứ nỗi xúc động tràn ngập trên đường về quê hương, kỷ niệm cả một đời đang trở về trước mặt. Ngày đầu đi viếng mộ ba mẹ, thăm bà con xa gần. Tuần sau chúng tôi đi Hà Nội về Đà Nẵng.... Hà Nội thời tiết vào hạ nóng 38 độ C, xuống Phi Trường Nội Bài hùng hực hơi nóng, mồ hôi nhễ nhại với tâm trạng bồi hồi, mong thăm được danh lam thắng cảnh, các Đền, Chùa Di Tích Văn Hóa trước năm 1954..



Phi Trường Quốc Tế của Thủ Đô đã tu sửa nhiều năm, nhưng còn nghèo nàn nhân viên phục vụ lạnh lùng, không vui vẻ giọng the thé như ra lệnh „đi nói này“... (đi lối này) mình đang ở trên quê hương đất nước nhưng cảm thấy xa lạ như ở nơi nào....Từ Nội Bài về Hà Nội khoảng 35 km qua cầu Thăng Long sông Hồng nước màu đỏ trời êm đềm giữa mệnh mang nắng gió, cầu dài phần chính 1688m với 15 nhịp, chiều dài toàn bộ 5503 m rộng 20 m được xây từ 1974 xong 1985. Tầng trên dành cho xe hơi, tầng dưới là đường rầy tàu lửa, hai bên cho xe gắn máy và khách đi bộ. Hai bên xa lộ nhiều nhà mới xây theo lối kiến trúc đa dạng, nhưng đặc thù nhà Miền Bắc hình ống phần trên thường có hình tháp, nhiều Pano quảng cáo màu mè như: mì ăn liền, điện thoại di động, du lịch... Trên những đồng lúa xanh từng nhóm người nhỏ cổ họ mang sau lưng bành lá để che nắng giống như con Rùa.

Hà Nội xây dựng từ năm 1010 dưới triều Vua Lý Công Uẩn, lịch sử thay đổi theo thời gian qua các tên: Thăng Long, Đông Đô, Đông Kinh, đến năm 1831 Vua Minh Mạng đổi thành Hà Nội. Hà Nội có nghĩa là vùng đất bên trong sông, những

sông chảy qua Hà Nội là những Sông: Hồng, Đuống, Cầu, Cà Lò, Dáy, Nhuệ, Tích, Tô Lịch và sông Kim Ngưu mang lại cho Hà Nội một vẻ đẹp thơ mộng. Hà Nội có 7 Quận Nội Thành: Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Ba Đình, Đống Đa, Tây Hồ, Cầu Giấy, Thanh Xuân và 5 Huyện Ngoại Thành: Từ Liêm, Gia Lâm, Đông Anh, Thanh Trì, Sóc Sơn. Hà Nội vẫn còn nhiều công trình kiến trúc cổ và hơn 600 ngôi Chùa. Các hồ rộng 10 Hectare (100.000m²): Hồ Tây, Hồ Hoàn Kiếm, Hồ Bảy Mẫu, Trúc Bạch, Thiên Quang, Thủ Lệ, Giảng Võ. Hà Nội (cũ) diện tích 2.193,4111km² và dân số 2.568.007 người. Hà Nội mở rộng có diện tích 3.344,7002km² dân số 6.448.837(2009)

mật độ trung bình 1.875/km². Vì dân số Hà Nội tăng quá nhanh nên chật chội, giao thông thường xuyên kẹt xe, môi trường ô nhiễm. Nhiều di sản kiến trúc xưa dần dần biến mất, Hà Nội là một thành phố phát triển không đồng đều với nhiều khu vực ngoại thành lạc hậu, nơi

người dân vẫn chưa có được những điều kiện sinh sống tốt đẹp, còn những khu nhà Ô Chuộc, Chuồng Cọp thiếu văn minh.... Trên đường phố chằng chịt dây điện với những băng rôn và cờ đỏ búa liềm, làm cho chúng ta tưởng nhớ đến cổ thi sĩ Trần Dần bị thanh trừng trong vụ án Nhân Văn Giai Phẩm vì cái tội làm thơ chống chế độ “*Tôi bước đi không thấy phố thấy phường. Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ...*”

Hà Nội có trên 50 trường Đại Học và Cao Đẳng là một trong hai trung tâm giáo dục Đại Học lớn nhất Quốc Gia, đào tạo

hầu hết các ngành nghề quan trọng. Năm 2007, tại thành phố có 606.207 sinh viên, Hà Tây 29.435 sinh viên đào tạo đa ngành và chuyên ngành hàng đầu của Việt Nam, nhưng theo danh sách xếp hạng 200 Đại Học tại Á Châu “Asian University Rankings - top 200” không có tên Đại Học Việt Nam! Điều này làm chúng ta cần phải suy nghĩ, trong khi đó sinh viên Việt Nam hải ngoại theo học các Trường Đại Học danh tiếng thế giới thường nổi tiếng giỏi. Sự thành công này chứng tỏ dưới chế độ CSVN độc tài, tham nhũng, hối lộ đã làm Ngành Giáo Dục không phát triển độc lập, Phương Pháp Giáo Dục lạc hậu nặng “hồng” hơn “chuyên”, lịch sử VN hiện nay theo Giáo sư



Hà Văn Thịnh dạy Sử ở Đại Học Huế trả lời phỏng vấn trên Đản Chim Việt “lịch sử chỉ có 30% sự thật, 70% giả dối..”, nạn buôn bán bằng cấp, dư luận châm biếm: “đại học đại trà”. Nghĩa là vừa học vừa uống trà vẫn xong đại học Hà Nội cũng đầy dẫy

tệ nạn xã hội bằng giả, học giả, kiến thức giả, con người (học thức) giả, thành tích giả...càng ngày đời sống càng tồi tệ hơn, lòng dân vẫn còn những ray rứt chưa yên. Cuối năm 2010 Hà Nội Kỷ Niệm 1000 Năm Thăng Long, nhưng mùa đông thành phố đổi tên là “Hà Nội” vì nước ngập sau vài cơn mưa lớn, những Sông Hồ bị san lấp xây nhà tràn lan, nước thải của thành phố từ các xí nghiệp ra Sông Hồ làm môi trường ô nhiễm gia tăng cá chết, trong tuần thường có những đoàn người khiếu kiện vì mất đất mất nhà.. .

Theo thơ văn người Hà Nội văn minh, lịch sự nhưng các con tôi thắc mắc tại sao các cô gái Hà Nội xinh đẹp lại ít cười và không biết nói „cảm ơn /Thank you“ hay “không có chi/ you’re welcome“ với du khách“. Nhưng ở Singapore người ta tiếp du khách rất lịch sự chào hỏi nụ cười luôn nở trên môi “Greet, Smile and Thank”.

Đời sống còn khá chênh lệch giữa người dân làm ăn lương thiện, sống bằng đồng tiền do mồ hôi và sức lực của chính mình và những người đầy quyền lực “ngồi mát ăn bát vàng”, đường phố đủ các loại xe đời mới đắt tiền như: BMW, Mercedes... người ngồi sau tài xế y phục sang trọng Veston, Caravat, không mặc

áo đại cán theo kiểu Mao thời xưa hay nón cối, dép râu. Hà Nội ảnh hưởng Văn Minh Tây Phương đầu Thế Kỷ 20, nơi tập trung các nhà Thơ Mới, những nhạc sĩ tân nhạc cùng những trí thức, học giả nổi tiếng, văn học phát

triển như Trường Đông Kinh Nghĩa Thục, Nhóm Tự Lực Văn Đoàn... những biến động sau “Cách Mạng Tháng Tám 1945” “Cải Tạo Xã Hội Chủ Nghĩa”... Năm 1954 đất nước bị chia đôi những người Hà Nội văn minh sang Pháp hay di cư vào Nam, giai cấp mới nhập cư vào thành phố, như Sài Gòn sau 30.4.1975 nhiều người đã rời bỏ quê hương: di tản, vượt biển, H.O... nhiều gia đình bị nhà cầm quyền CS đánh tư sản tịch thu tài sản đuổi họ đi vùng kinh tế mới, giai cấp mới là Cán Bộ, Bộ Đội đến chiếm nhà... Ngày nay chúng ta về Phi Trường Tân Sơn Nhất thấy nhân viên từ trong ra ngoài, cả người hốt rác cũng đều là Người Bắc mới. Không thể thống kê hết



số người ngoài Vĩ Tuyền 17 vào Sài Gòn để mưu cầu cuộc sống tốt hơn. Năm 1975 gọi là “Giải Phóng Sài Gòn” mà chính là cái may mắn giải phóng con người Miền Bắc.

Trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc, Hà Nội là Kinh Đô Thăng Long của Nhà Lý, Trần và Hậu Lê, di tích về văn học là Văn Miếu Quốc Tử Giám (Temple de la Litterature Premiere Universite Nationale) là một trong những di tích lịch sử, quý báu được thành lập từ năm 1070, năm 1076 Vua Lý Nhân Tông lập Quốc Tử Giám diện tích 1530m² là Đại Học đầu tiên của Việt Nam. Từ 1253 được đổi tên Quốc Học Viện. Năm 1483 đổi thành Thái Học Viện.

Bên trong có tường ngăn thành nhiều khu. Phía trước có Tứ Trụ cao 75 m ngang 350 m biểu hiệu cho bốn hướng Đông Tây Nam Bắc; cổng chánh có chữ Văn Miếu Môn, hai bên vào cổng có đôi rồng đá từ thế kỷ thứ 15. Từ cổng đi vào là

công viên nhỏ có những cây đa cổ thụ cành lá sum xê, vào cổng Đại Trung Môn: có hai cổng hai bên Thành Đức và Thành Đạt, đi lối giữa và 2 bên đến Khuê Văn Các (lầu bình thơ) có cổng Tò Vò ba mái biểu tượng cho: Quá khứ-Hiện tại-Tương lai, lối kiến trúc ở đây nhiều đường xoắn ốc trái-phải có nghĩa là Sinh-Tử; hai bên gác có cổng nhỏ tên là Súc Văn và Bí Văn, vào trong khu này chính giữa có các dãy nhà dựng 82 tấm bia đá trên lưng Rùa, người ta cho rằng lưng Rùa là Trời, bụng là Đất, Rùa biểu tượng cho sức khỏe và trường thọ

Từ năm 1484 Hồng Đức Thứ V, Lê Thánh Tông chủ trương ghi lên bia đá tên tuổi những người đậu tiến sĩ. Thiên Quang Tỉnh (giếng

ánh sáng mặt trời) đầy nước trong, in bóng như tấm gương soi bóng, giếng hình vuông tượng trưng cho đất, cửa tròn gác Khuê Văn tượng trưng cho trời. Đi qua Khuê Văn Các sân rộng có nhiều chậu kiểng được cắt xén mỹ thuật gọi là sân Đại Bái lát gạch, hai dãy nhà lớn Tả Vu và Hữu Vu, ở giữa ngôi nhà dài gọi là Bái Đường, thờ hình Chu Văn An là Hiệu Trưởng đầu tiên trường này, hai bên có 2 con Hạc cao đang ngậm ngọc ở mỏ và đứng trên 2 con Rùa bằng đồng (nghĩa là trí tuệ và trí thức vĩnh viễn), và chiếc chuông lớn được đúc năm 1768.

Nóc nhà có cặp Rồng đang chầu, nhà thấp cột bằng gỗ liềm chạm trổ sơn màu đỏ, kèo đều chạm hình đầu rồng công phu, bên phải góc cuối khu có trống gỗ lớn sơn màu đỏ, treo trên giá cao khoảng 4 m. Bên nhà thờ Chu



Văn An trên bục gỗ nhỏ, các cô mặc áo tứ thân, đội nón quai thao, trình diễn nhạc cổ truyền Việt Nam. Những hàng ghế dành cho du khách, sau khi trình diễn nhạc, các cô bán các món hàng kỷ niệm.

Ngày nay Văn Miếu chỉ còn là nơi thờ „Thánh Hiền „còn lại dư âm thời phát triển văn hóa. Vua Gia Long (1802-1819) thống nhất Sơn Hà cho dựng thêm Khuê Văn Các, năm 1805 chuyển Quốc Tử Giám vào Kinh Đô Huế. Văn Miếu được tu sửa qua nhiều giai đoạn. Văn Miếu là linh hồn truyền thống Văn Hoá Dân Tộc Việt Nam, trong các đợt viếng thăm ngoại giao của cố T.thống Francois Mitterand đến Việt Nam từ 23-27.6.1993 cũng như cựu Tổng Thống Bill Clinton đến Việt Nam từ 16 đến 18.01.2000 đều thăm Văn Miếu Quốc Tử Giám Hà Nội.(họ không vào Lăng Ba Đình)

Cầu Thê Húc nối liền với Đền Ngọc Sơn nghiêng mình trên mặt nước Hồ Hoàn Kiếm, cầu sơn màu đỏ Thê Húc nghĩa là giữ lại ánh sáng đẹp của mặt trời, Đền Ngọc Sơn, còn gọi là Đắc Nguyệt Lâu (lầu được trăng) dưới bóng cây đa cổ thụ, ở giữa một ốc đảo nhiều cây xanh. Đền chính gồm hai ngôi nối liền nhau, ngôi Đền thứ nhất về phía Bắc thờ Trần Hưng Đạo và Văn Xương. Tượng đặt ở hậu cung, trên bệ đá cao khoảng 1m, hai bên có hai cầu thang bằng đá. Tượng Văn Xương đứng, tay cầm bút.

Phía Nam có đình Trấn Ba (Đình chấn sóng- ngụ ý là cột trụ đứng vững giữa làn sóng không lành mạnh trong nền văn hoá đương thời). Đình hình vuông có tám mái, mái hai tầng có 8 cột chống đỡ, bốn cột ngoài bằng đá, bốn cột trong bằng gỗ. Các nhân vật được thờ trong Đền ngoài Văn Xương Đế Quân, Lã Động Tân, Quan Vân Trường, Trần Hưng Đạo, còn thờ cả Phật A Di Đà. Nơi đây thể hiện, quan niệm ảnh hưởng Tam Giáo của Người Việt. Mùi thơm thoang thoang của nhang trầm, do khách hành hương hay các „sĩ-Tử“ ngày nay đi thi, đến cầu nguyện các Vị Thánh giúp may mắn.. Đền có con Rùa khô lớn để trong lồng kính, hiện nay còn con Rùa lớn thỉnh thoảng nổi lên mặt nước. Đền Ngọc Sơn là kiến trúc hòa hợp giữa đền và hồ, nối liền thời gian và không gian hài hoà giữa con người và thiên nhiên.

Hồ Trúc Bạch có từ thế kỷ XII khi dân hai làng Yên Hoa (nay là Yên Phụ) và Yên Quang (nay là phố Quán Thánh) đắp con đê ngăn góc Đông Nam Hồ Tây để nuôi cá, trên Hồ Tây xây Khách sạn 5 sao Inter

Continental làm thay đổi quang cảnh xưa. Ở phía Nam Hồ Tây có làng Trúc Yên, vốn có nghề làm mành, do đó nhà nào cũng trồng trúc, trúc mọc như rừng. Đời Chúa Trịnh Giang (1729-1740) xây ở đây một cung điện gọi là Viện Trúc Lâm. Về sau viện trở thành nơi giam cầm những Cung Nữ có lỗi, phải dệt lụa để mưu sinh. Lụa đẹp, bóng bảy, nổi tiếng khắp Kinh Thành, gọi là lụa Làng Trúc (chữ Hán là Trúc Bạch). Ba phía xung quanh Hồ phủ xá che khuất, chỉ phía Tây giáp đường Cổ Ngư (nay là Thanh Niên) Con đường đẹp như chiếc cầu nằm ngang hai Hồ Tây và Trúc Bạch. Đường Cổ Ngư dài gần 1km, nhiều cây liễu rủ lá xanh mền mại phủ xuống mặt Hồ, những hàng phượng vĩ còn sót lại những cánh hoa rơi rụng, Trưa hè Hà Nội thơ mộng nhờ gió mát đưa đến từ các Hồ. Đêm về nơi đây là điểm hẹn hò của những cặp tình nhân trên ghê đá, bụi cây....nếu ai đi một mình sẽ bị những cặp ngồi ở đó tấn công không cho vào.

Chúng tôi dạo quanh Hồ Hoàn Kiếm trưa và tối thường thức gió mát, trên các ghê đá đều có những cặp tình nhân đang tình tự. Có thể nơi đây là điểm hẹn hò, họ rất tự nhiên luyến ái trước mặt người đi, họ „văn minh“ táo bạo hơn cả giới trẻ Tây Phương, đúng là tệ nạn Xã Hội nhưng móc túi thì thường xảy ra ở nơi đông người.

Phiá Bắc Hồ có gò đất nhỏ, trên gò có đền thờ Cầu Nhi gắn với chuyện Lý Công Uẩn dời đô. Lý Công Uẩn sinh năm Giáp Tuất (974), dời Đô năm Canh Tuất (1010)."Tuất" theo lịch cổ là năm "Chó". Trong tín ngưỡng cổ truyền Chó là con vật có khả năng xua đuổi tà ma, bảo vệ đất đai.

Huyền thoại kể rằng trước ngày Lý Công Uẩn dời đô, có một con Chó tới làm ổ đẻ con trên đỉnh Núi Nùng, nơi này sau dựng "Chính Điện Đài" và lập bên Điện ngôi Đền thờ Chó Mẹ và Chó Con. Đến triều đại sau, đền thờ Cầu Mẫu, Cầu Nhi được dời ra ngoài Hoàng Thành, dựng trên gò trong Hồ Trúc. Quanh Hồ có nhiều Chùa chiền nổi tiếng kiến trúc đặc sắc, nhưng rất tiếc những di tích cổ đều viết Chữ Hán hay Chữ Nôm thế hệ chúng ta không đọc được.

Ngày nay quanh Hồ Tây nhiều biệt thự hiện đại, sang trọng mọc lên nơi đây du khách có thể thưởng thức những món ăn đặc sản: Bánh Tôm Hồ Tây, Bún Ốc Hồ Tây, Quán Cá Hồ Tây? đi du thuyền Hồ Tây nhìn được phong cảnh chung quanh Hồ Tây có nhiều làng hoa nổi tiếng: Nghi Tâm, Tây Hồ, Quảng Bá, Tứ Liên, Nhật Tân, Đại Yên, Ngọc Hà, Hữu Tiệp, Trích Sài, tiếc thay nước Hồ Tây bị ô nhiễm đục ngầu.

Chùa Một Cột còn gọi là Chùa Diên



Hựu, nghĩa phúc lành dài lâu. Xây năm 1049 thời Vua Lý Thánh Tông, nhà Vua cho dựng Chùa Một Cột có dáng dấp đã thấy trong giấc mơ như một đoá hoa sen nở trên hồ nước. Có lẽ du khách cảm thấy nỗi buồn nào đó trước một

di tích lịch sử được phổ biến sâu rộng là linh hồn dân tộc, bản sắc văn hóa, nhưng Chùa nhỏ khiêm nhường đứng giữa Hồ Sen hình vuông có bờ đá bao bọc.. cột bằng bê tông Chùa qua nhiều lần trùng tu, trong khu vườn nhỏ có nhiều cây cổ thụ, ngược lại bên cạnh và phía trước là Quảng Trường Ba Đình...hai nơi kiến trúc tân kỳ, làng Ông Hồ to lớn có lính nghi lễ, quân

phục trắng túc trực tốn kém, tại sao không mai táng ông theo phong tục Người Việt để phần thân xác trở về với cát bụi, linh hồn siêu thoát

Đền Quan Thánh còn có tên là Trấn Vũ Đế là nhân vật thần thoại ông Thánh giúp An Dương Vương trừ ma khi xây Thành Cổ Loa, Đền này xây vào đời Vua Lý Thái Tổ (1010-1028) năm 1893 Đền được tu sửa trong Đền có tượng Thánh Trấn Vũ bằng đồng đen đúc năm 1677 nặng 3600kg cao 3,92 m chu vi 3,48m Khách hành hương đưa tay sờ dưới chân tượng sẽ được may mắn bởi vậy phần bàn chân tượng sáng bóng màu đồng vàng. Đền được bao phủ bởi những cành cây cổ thụ, sân rộng luôn có bóng mát nơi này buổi chiều là sân tập võ thuật.

Chùa Trấn Quốc nằm trên đảo nhỏ Hồ Tây, ngôi Chùa cổ nhất Việt Nam (?) xây dựng từ năm 541. Chùa yên tĩnh trăm mặc, bên nước hồ gió mát không thấy Sư Trụ Trì? trong Chùa có tượng Phật Thích Ca (Sakyamuni)



nhập Niết Bàn là kiệt tác của nghệ thuật tạc tượng Việt Nam. Trước sân Chùa có cây bồ đề của Thủ Tướng Ấn Độ tặng năm 1959 được chiết nhánh từ cây bồ đề ở Vườn Lâm Tỳ Ni, du khách viếng Chùa đi quanh gốc cây này mấy vòng để cầu nguyện điều mình muốn sẽ toại nguyện.

Đền Hai Bà Trưng được lập từ năm 1142 đời Vua Lý Anh Tông, Đền xây trên bờ Sông Hồng bị nước sông sới lở, nên dân làng Đồng Nhân dời đền tới khu Vĩ Sở vào năm Gia Long 18. Trong hậu cung có tượng Hai Bà Trưng, hai bên tả hữu là tượng các Nữ Tướng và 2 con Voi gồ

màu đen với ngà Voi thật. Tượng trưng cho Voi của Hai Bà cầm quân ra trận. Hàng năm đến Mùng 6 tháng 2 người ta thường làm Lễ Hội tưởng niệm Hai Bà, rước lễ lấy nước giữa dòng sông về tắm tượng.

Nhà Thờ Lớn Hà Nội, năm 1882 sau khi quân Pháp hạ Thành Hà Nội lần Thứ II, Giám Mục Paul F. Puginier cho xây nhà Thờ thiết kế theo kiến trúc của Âu Châu thời Trung Cổ khánh thành năm 1887 có chiều dài 64,5m, rộng 20,5m, hai tháp chuông cao 31,5m với những trụ đá to nặng bốn góc. Cái đồng hồ lớn gắn giữa mặt tiền nhà Thờ có hệ thống điện liên kết với 5 quả chuông treo trên hai tháp. Thánh lễ chiều vẫn đông người, dù hơn nửa thế kỷ dưới chế độ CS nhưng người ngoan Đạo vẫn còn nhiều.

Hà Nội 36 Phố Phường (1) bắt đầu chữ Hàng. Hàng Đào nghe qua có thể nhầm nơi này bán đào hay người đẹp. Làng này có từ thế kỷ thứ 15 làm nghề nhuộm vải màu đỏ hoa Đào, nên có tên Hàng Đào... Chiều

Hà Nội chúng tôi đi xích lô với hướng dẫn viên thăm 36 Phố Phường, đường phố Hà Nội hẹp, ít xe hơn Sài Gòn các cửa tiệm nhỏ, kiến trúc xưa nhà theo hình ống, nhiều căn phố rộng hơn 1m5, lâu không có cửa sổ, những hàng cây cổ thụ gốc lớn được „tưới nước quanh năm“ nhà dân hay các quán ăn thường mang nước rửa chén, giặt quần áo.. đổ vào gốc cây. Hà Nội đẹp, thơ mộng nhưng nếu du khách uống nước nhiều, sẽ không có nơi giải quyết, đàn ông có thể đứng tạm gốc cây như người dân ở đây, còn quý bà thì sao? dọc theo đường không tìm được thùng rác. Nước cống từ

trong nhà chảy ra trên các rãnh ở phố, phố xưa không có hệ thống cống chím như Sài Gòn. Chợ Đồng Xuân nổi tiếng Hà Nội xây từ năm 1889, chợ dài 52 m cao 19 m nơi đây bán đủ hàng hóa nhất Miền Bắc, nhiều loại hàng của Tàu đã và đang giết chết kinh tế Việt Nam, nếu khách không rành mua thường bị hàng giả, người bán thường nói giá cao gấp 2, 3 lần, thực phẩm tràn ngập các hoá chất độc hại, không gian sống thì ồn ào và ngày càng bị thu hẹp.

Phố Hàng Chuối như những khu phố khác, nhưng có thêm „*chợ hoa nở về đêm*“ chợ một phiên..Một ngày trôi qua khi bóng đêm chầm chậm phủ xuống từng góc phố Hà Nội là lúc những „*buồm đêm*“ bắt đầu một cuộc mưu sinh, lầm lũi nơi hè đường bóng tối. Sự mưu sinh trong đấng nhục và xô bồ giữa đêm đen, mỗi gốc cây, cột đèn diễn ra những cuộc mua bán tình dục...Muốn hiểu mặt trái của Hà Nội, phải cần một thời gian dài ở đó. Buổi tối tôi lang thang qua phố, trên vỉa hè thường bán gà luộc còn đủ đầu, chân. Gà nuôi trong vườn (gọi là gà đi bộ) dân Hà Nội ít nhậu như Sài Gòn, họ tụm nhau uống trà đánh cờ tướng, phần lớn các món Chè được các cô ưa thích..những tiệm ăn lịch sự sạch như Quán Huế, Ngự Thiện, Vip, Nam Thanh, nhưng nhà vệ sinh phải ngồi theo lối „*cổ điển*“ không có giấy... Từ Sài Gòn Hotel đường Lý Thường Kiệt có thể thấy khu phố Khâm Thiên, ngày xưa không quân Mỹ ném bom tàn phá, đã xây dựng lại thành phố mới đẹp hơn. Về khuya đến quán cháo Ngạn (vịt) và các tiệm phở ở Phố Hai Bà Trưng .. đi qua vài con đường đến quán cháo Ngạn, đông thực khách ồn ào nóng nực, giống như một quán Quốc Doanh. Người bồi mời chúng tôi lên lầu có máy lạnh sạch sẽ hơn, nhưng đi qua nhà bếp nhân viên làm việc mồ hôi nhễ nhại, những con vịt vừa cắt tiết bỏ nằm dưới đất bên những vũng nước đọng nhiều rác, thau rửa chén có

những miếng giẻ đổi màu, lên lầu cũng chẳng khác hơn, mặt bàn còn dính dầu mỡ...

Quán Phở bên đường vợ chồng người ngoại quốc đang ngồi, chúng tôi được chủ quán mời vào ngồi đối diện với hai người khách (họ nói tiếng Pháp, là dân Tây) biết ăn phở. Chúng tôi trao đổi xã giao vài câu chuyện, gọi bia Tiger phải chờ 20 phút sau. Phở gốc từ Hà Nội, nhiều người có lẽ vì còn bảo thủ cho rằng „*phở Hà Nội vẫn giữ được bí quyết khiến nó trở thành độc đáo, nâng cách ăn phở lên đến một nghệ thuật không nơi nào bắt chước được*“... (Tôi không chú ý đến vấn đề ăn uống như Vũ Bằng, Nguyễn Tuân nhưng du khách đến Hà Nội ăn phở sẽ thất vọng).

Trên cái xe cũ lò than cháy đổ nước lèo bốc khói, tô phở đã sắp tái nạm, bà đầu bếp dùng muỗng đầy bột ngọt bỏ vào tô, tôi yêu cầu bỏ bột ngọt ít, bà ta dùng các ngón tay bốc và chùi chùi tay vào quần, rồi đổ nước lèo bung tô phở để trên bàn thiếu các thứ rau thơm, giá sống, bên cạnh các cuộn giấy vệ sinh dùng để lau miệng, ống đũa tre ngã màu làm sao có thể ăn được, tôi chợt nhớ câu ca dao mà tự hỏi

„*Ngàn năm bảo vật đất Thăng Long,
Bún chả (phở) là đây có phải không?*“

Hè ở Hà Nội, chỉ còn lại những cánh hoa phượng vĩ thưa thớt rơi xuống ven hồ. Hồ Hoàn Kiếm thơ mộng yên lặng không một gợn sóng, những đàn cá nhỏ đi tìm mồi. Nhà Hàng Thủy Tạ đông người, thức ăn nghèo nàn, bàn ghế thô sơ, dù khát nước nhưng không thể uống hết nửa chai Bia Hà Nội có mùi vị chua.. Dạo quanh phố Hàng Gai, khu “*tơ lụa*” nhiều du khách Tây Phương xem hàng, người mua cũng nhiều, mà xem cũng lắm. Giá cả so với đời sống nơi đây rất đắt, chỉ dành cho giới giàu có, rủng rỉnh đôla may ra mới chịu được.

Người nghèo nếu thích phải suy đi, tính lại trước khi mua một món hàng! Những

hàng cây sấu thân thẳng, tán tròn, xanh tốt quanh năm vì lá non mọc ngay khi lá già rụng, không bị sâu hại đến tàn úa như cây bàng, cây sấu chiều được thời tiết Hà Nội nóng, lạnh, giông bão khắc nghiệt. Thành ngữ "*dân trèo sấu*" chỉ những người đói nghèo, vô gia cư của Hà Nội, nhưng không có nghĩa cây Sấu gắn với hèn mọn, mà kiêu bạc dịu dàng. Cây Sấu trái nhỏ như trái chanh, trái Sấu rế tiền làm ô mai hay gọt vỏ ngâm như chanh muối sẽ thành những món ăn ngon.

Đền Phủ Đồng Thiên Vương ở Gia Lâm phải qua cầu Chương Dương cầu này xây từ (1979-1985) dài 1213 m gồm 11 nhịp, rộng 18,55m là cột sống nối liền Hà Nội với ngoại thành bên kia Sông Hồng và đi các tỉnh, nhưng cầu không được tu bổ, các mảnh bê tông nứt xuống cấp, cầu nằm song song cách cầu Long Biên không xa. Cầu Long Biên như một di tích lịch sử, nó có tên Paul Doumer xây từ năm (1898-1902) thời thuộc địa, cầu dài 1682 m nối liền Hà Nội với Gia Lâm, trước 1972 bị không quân Hoa kỳ ném bom sập, dù tu sửa nhưng cầu bị biến dạng. Hiện nay chỉ dùng cho Tàu lửa và khách đi bộ, dưới gầm cầu có một xóm nhỏ của những người dân tứ xứ đến lập nghiệp. Vùng ngoại thành từ Đê Yên Phụ đến gần đập đá, mọc lên một ngôi làng thịt cày. Một dãy phố dài cả cây số với những bảng hiệu san sát bán thịt cày, là món ăn ưa thích của người Bắc, người ta gọi đích danh quán thịt cày, chứ không nói một cách lấp lửng như xưa ở Sài Gòn: „Cày Tơ; Nai Đồng quê; Đứng đây rồi..“ Thỉnh thoảng có quán thịt Dê mọi người cũng ưa thích, đặc sản có tương làng Bàn qua ca dao

*Thịt dê ăn với tương Bàn,
Đêm về anh mới phùng phùng như dê
Đêm về em mới tỉ tê,
Ngày mai anh cứ thịt dê tương Bàn*

Hà Nội thành phố cổ kính, mái nhà xưa nép mình dưới hàng cây cổ thụ, Hồ Gươm trái tim trong lòng thành phố với truyền thuyết lịch sử của một thời dựng nước và giữ nước có những hàng liễu thướt tha mơ màng soi bóng bên hồ nước rêu xanh. Hà Nội Thủ Đô Việt Nam đất ngàn năm văn hiến, cái Rốn Văn Hóa của Dân Tộc Việt Nam từ ngàn xưa được truyền tụng qua lịch sử, thi ca.. Hà Nội bây giờ không còn êm đềm, thanh lịch ... phong cảnh đẹp trữ tình xưa đã đổi mới trong tiếng kèn xe ồn ào, những con đường chen chúc người xe, khói xăng mù mịt....hay những khu nhà bê tông lạnh lùng, trơ trẽn đã làm Hà Nội giống như chiếc áo cũ rách vá nhiều miếng mất đi cái mộng mơ quyến rũ của những ngày tháng cũ. Hà Nội chỉ còn lại dư âm trong lòng người hoài cổ.

NGUYỄN QUÝ ĐẠI
Munich 2010

Tài liệu tham khảo

Văn Miếu Quốc Tử Giám (nhà xuất bản Thông tấn)

Non nước Việt Nam (tổng cuộc du lịch)

Hình của tác giả và trên Internet

nhạc Hà Nội mùa này vắng những cơn mưa của NS Trương Quý Hải, được đổi lời

<http://www.youtube.com/watch?v=k12AEL3HBzA&feature=related>

¹ *Hàng Bò, Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Buồm, Hàng Thiếc, Hàng Hai Mã vĩ, Hàng Điếu, Hàng Giày, Hàng Lờ, Hàng Cót, Hàng Mây Hàng Đàn Phố Mới, Phúc Kiến, Hàng Than, Hàng Mã, Hàng Mắm, Hàng Ngang, Hàng Đồng, Hàng Muối, Hàng Nón, Cầu Đông, Hàng Hòm, Hàng Đậu, Hàng Bông, Hàng Bè Hàng Thùng, Hàng Bát, Hàng Tre Hàng Vôi, Hàng Giầy, Hàng The, Hàng Gà.“*

Vàng Trắng Cổ Độ

Ơi, vàng trắng cổ độ
Sôi đốc mòn lê thê
Nửa đời cơn mộng huyện
Tuyệt sương chấn nẻo về

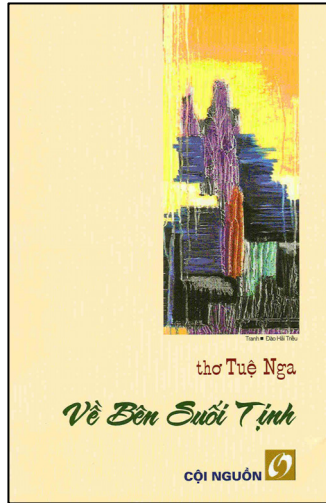
Bên kia bờ đại hải
Là Quê Hương dấu yêu
Gửi về em nỗi nhớ
Chiều đi ... lặng lẽ chiều

Mây tím màu hoang biệt
Trên thóp núi mù sa
Ai ngược dòng ký vãng
Tìm một thời đã qua

Tuổi thơ, thơm nắng lụa
Biển xanh, tình thiết tha
Ơi, vùng trời kỷ niệm
Thoáng, vù năm giáp hoa

Nắng tà huy bảng lảng
Xao xuyên chiều... mệnh mông
Trang Kinh vàng mật ngữ
Vang vọng tiếng thu không

Ta từ đâu, sẽ đến ?
Nơi nào là bờ bến
Cõi tịnh yên, mây hồng
Nghe bước đời êm ả



Ai về bên hư không
Bờ Chân, hay Cõi Áo
Trắng xóa một giòng sông
Khô sấu tư miên viên

Mây bay, mây bênh bồng
Lênh đênh chiều lạc phố
Nhớ về một giòng sông
Có vàng trắng cổ độ

Trên tháp chùa rêu phong
Có lời ca Nhân Ái
Trên thung lũng mây hồng
Có nhánh Lan trắng nở

Trong nắng chiều vô song
Bầy trẻ thơ vui hát
Khúc hát ca Tiên Rồng
Năm mươi con, lên núi

Năm mươi con, xuống đồng
Đồng ruộng tươi màu mạ
Huyền thoại một giòng sông
Tình yêu như lụa trắng
Vời vợi ánh trăng trong

Ơi, vàng trắng cổ độ
Sôi chiếu mấy tầng không
Ơi, vàng trắng Quê Mẹ
Ơi, gió chiều tịnh không ...

Tuệ Nga
(Oregon)

PHIÊN TÒA XÉT XỬ VÀ HÀNH QUYẾT GÓA PHỤ CAPET

Nguyễn Văn Thành

(Tiếp theo Cỏ Thom số 51 và hết)

Tòa Án Cách Mạng gửi Trát đòi cựu Hoàng Hậu Antoinette ra Tòa vào buổi chiều ngày 12 tháng 10 năm 1793 trong một phòng tối tăm với ánh sáng lung linh của hai cây nến. Các thẩm vấn viên bắt đầu cứu xét hồ sơ. Đối với cựu Hoàng Hậu Marie Antoinette, nhà báo cấp tiến và nhà lãnh đạo Ba Lê Công Xã Jacques René Hébert đã viết, “Không thể trị vì mà vô tội,” (One cannot reign innocently), và như vậy Góa phụ Capet đã bị coi như có tội về bằng chứng đó từ lúc khởi đầu rồi. Kế tiếp, các thẩm vấn viên chất vấn Antoinette việc gửi tiền và tin tức về Áo để sử dụng chống Pháp, ảnh hưởng với chồng chống đối tự do tư tưởng, và xúi giục chồng chạy trốn tới Varennes.

Tất cả có 35 câu hỏi đưa ra bằng chứng buộc tội được chuyển lên ông Dự Thẩm (Examining Magistrate) Nicolas Hermann để thẩm tra.

Ông Dự Thẩm hỏi: “ Bị cáo không lúc nào ngưng chà đạp quyền Tự Do-Bị cáo muốn trị vì với bất cứ giá nào và lên ngôi dẫm lên xác của biết bao người ái quốc”

“Chúng tôi không cần phải lên ngôi, chúng tôi đã ở đây,” Marie Antoinette trả lời, “Nhưng chúng tôi chẳng bao giờ có điều ước mong nào cả, ngoại trừ mang lại hạnh phúc cho nước Pháp.”

Hermann hỏi bị cáo có nghĩ các ông vua có cần thiết để đem lại hạnh phúc cho người dân không?

“Một cá nhân không thể quyết định những vấn đề như thế.” Antoinette đáp lại.

Đêm đó, sau khi tù nhân được áp giải trở về phòng giam, Biện Lý Antoine Fouquier-Tinville thảo một bản cáo trạng dài 8 trang buộc tội Góa phụ Capet.

PHIÊN TÒA

Phiên Tòa xét xử Marie Antoinette khai mạc vào thứ hai ngày 14 tháng 10 năm 1793. Luật Sư chỉ định Claude Chauveau-Lagarde xin Tòa cho hoãn để có đủ thì giờ đọc hồ sơ nhưng bị bác và thủ tục tiến hành như chương trình ấn định. Nicolas Hermann chủ tọa phiên xử với 3 thẩm phán và 12 nam bồi thẩm đoàn, 41 nhân chứng ra khai trước Tòa về vụ Hoàng Hậu âm mưu với Áo chống lại nước Pháp, tổ chức phong trào phản cách mạng, gây ra nạn đói năm 1789.

Những sự buộc tội đó quá quen thuộc được báo chí đăng tải từ lâu. Ngày đầu khai mạc phiên xử, Công tố viên đưa ra một sự việc động trời qua lời khai của Louis cậu đã làm tình với mẹ và người cô (Charles Capet bị tẩy não và nhồi sọ bằng chứng buộc tội mẹ và cô do Simon và Hébert thực hiện khi Marie Antoinette bị chuyển nhà tù). Hoàng Hậu giữ im lặng một lúc, sau đó trả lời câu hỏi của Chánh Án Hermann. Sờ dĩ tôi chưa trả lời ngay bởi vì, “Bản tính con người không cho phép lời buộc tội như vậy đối với người mẹ.” (Nature refuses to answer such a charge brought against a mother). Marie Antoinette nói tiếp,

“Tôi kêu gọi sự thẩm xét vấn đề này của tất cả các bà mẹ hiện diện trong phòng xử án.” (I appeal in this matter to all the mothers present in Court). Bằng chứng nguy tạo của công tố viện đưa ra không có kết quả lại tác dụng ngược lại khiến những người dự thính phiên xử phản ứng bằng sự im lặng đầy thiện cảm và xúc động đối với bị cáo. Còn các bà ở ngoài hành lang cũng thốt lên lời thì thầm thương cảm rồi làm ồn la lên bị lính canh phòng ngăn chặn và buộc phải giữ im lặng.

Công tố viện tiếp tục tấn công vào cá tính của cựu Hoàng Hậu, cáo buộc Antoinette là người không có đức tin và dùng xảo thuật lời cuốn chồng làm những điều có lợi cho nước Áo.

“Khuyến cáo làm một điều gì đó và đem ra thực hiện là hai việc khác nhau.” Antoinette lạnh lùng trả lời.

Cựu Hoàng Hậu tự biện hộ cho mình thật khéo léo và hùng hồn chinh phục được thiện cảm của các người dự thính cuộc tranh luận trước Tòa. Ngay như Luật Sư chỉ định Chaveau-Lagarde bào chữa cho Antoinette cũng hết lời khen ngợi về sự thông minh tuyệt vời và nhanh trí trả lời các câu hỏi thật hóc búa.

Theo sử gia Richard Covington và Maguerite Jullut, những bằng chứng buộc tội Marie Antoinette rất mơ hồ, không dựa vào yếu tố luật định của tội phạm mà chỉ toàn chuyện rỉ tai, nghe lại cùng những tin đồn đại vu vơ.

Vào đêm khuya ngày thứ hai, Marie Antoinette được nói lời cuối cùng. “ Ngày hôm qua, tôi không biết các nhân chứng ra Tòa và tôi cũng không rõ họ khai

những gì.” Hoàng Hậu nói tiếp “Thôi được, không có một nhân chứng nào phát biểu bất cứ điều gì chống tôi cả. Tôi kết luận bằng sự nhận xét tôi chỉ là vợ của Vua Louis thứ 16 và tôi bị giàng buộc phải tuân hành mọi việc theo ý muốn của nhà Vua.”

Lời nói cuối cùng của cựu Hoàng Hậu không có chút ảnh hưởng gì đối với bồi thẩm đoàn cả. Tòa tạm ngưng rồi rút vào phòng nghị án kéo dài vừa vặn một giờ. Tòa tái nhóm tuyên phạt Marie Antoinette tử hình về tội “Phản quốc” và đưa lên máy chém. Sau đó, nữ tử tội bị áp giải trở về phòng giam chờ thủ tục hành hình vào sáng hôm sau.

HÀNH QUYẾT

Vào sáng sớm mùa thu với ánh sáng nhạt nhòa ngày 16 tháng 10 năm 1793, 30.000 binh sĩ

không kể lực lượng an ninh thành phố tuần tra các khu phố, canh gác cẩn mật các công viên đặt súng đại bác, bố trí hàng rào an ninh lính vũ trang đứng dọc hai bên đường, vai kề vai, suốt lộ trình xe chở nữ tội đi qua tới đoạn đầu đài. Cựu Hoàng Hậu bị áp giải từ Tòa về phòng giam chỉ được nghỉ ngơi vài tiếng rồi lại bị đưa đi hành quyết ngay ngày hôm đó.

Theo cuốn hồi ký của Luật Sư chỉ định Chaveau-Lagarde, khi được tổng đạt bản án tử hình bị hành hình ngay, cựu Hoàng Hậu không hề biểu lộ tí chút sợ hãi nào cũng như phản nộ hay yếu đuối. Đi qua những người dự thính phiên Tòa hay đứng ngoài hành lang quan sát, Marie Antoinette mặc dầu mệt lả trên 30 tiếng đồng hồ trong



*Elisabeth, Charlotte
và Charles đến thăm
Marie Antoinette tại nhà tù
Thành Phố Paris*

diện với đôi mắt loé lên lòng quả cảm sẽ chết một cách xứng đáng theo truyền thống tổ tiên dòng họ Habsbourg của mình.

Vào 8 giờ sáng, tiếng trống đánh liên hồi hòa với tiếng kèn của quân đội vang động khắp nơi báo hiệu tất cả sẵn sàng thi hành nhiệm vụ được giao phó.

Cụu Hoàng Hậu thức giấc lúc 5 giờ cầu nguyện rồi uống một tách sô cô la (chocolate) và ăn một miếng bánh mì nhỏ. Kế tiếp được phép viết một lá thư cho cô em chồng Elisabeth dưới sự quan sát, qua cửa kính, của hai sen đảm canh gác ngày đêm. “Chị biết cháu Dauphin đã gây cho em biết bao đớn đau nhưng em hãy nhớ thật dễ dàng dạy một đứa trẻ, 8 tuổi, nói những câu mà nó cũng chẳng hiểu gì cả. Hãy tha thứ cho cháu, cô em thánh thiện của chị. Chị đang chết và không quên em đã hy sinh cả cuộc đời ở lại với anh chị và hai cháu. Hãy khuyên nhủ cháu không trả thù những kẻ đã giết cha mẹ cháu. Nhớ anh chị em thân yêu, vào giờ phút tận cùng này, hình ảnh họ luôn luôn ở trong tâm trí chị.” (Lá thư này không đến tay người nhận vì lãnh tụ Robespierre lấy cắp để xem Marie Antoinette dối dăng muốn trả thù ai. Robespierre và đồng bọn 22 người bị đưa lên máy chém ngày 27 tháng 7 năm 1794 và nhóm Câu Lạc Bộ Jacobin đã tịch thu được lá thư trong cuộc điều tra)

Viết thư xong, cụu Hoàng Hậu sửa soạn thay quần áo. Phòng giam quá chật hẹp không có chỗ nào kín đáo cả, Marie Antoinette đành phải xin phép hai sen đảm. “nhân danh cá nhân về sự lịch duyệt, tôi cần thay áo quần không có sự quan sát.” Hai sen đảm trả lời, “chúng tôi không thể chấp nhận được vì nhiệm vụ của chúng tôi là phải theo dõi ngày đêm.” Cụu Hoàng Hậu đã khéo léo sử dụng khăn choàng cổ đẹp của phụ nữ Hồi giáo che sao mặc được cái sơ mi màu đen bên trong rồi khoác bộ áo dài màu trắng may chần ra ngoài, đầu đội mũ, chân

đi đôi giày màu tím mận, chờ xe đưa lên đoạn đầu đài.

Vào lúc 10 giờ, Giám thị Larivière mở khóa phòng giam Marie Antoinette. Hai Thẩm phán và Lục sự đọc bản án kết tội tử hình đưa cụu Hoàng Hậu lên máy chém guillotine. Đức Cha Gérard không mặc áo nhà tu, ăn bận như người dân thường, đến ban phép lành toàn xá cho tử tội nhưng Marie Antoinette lễ phép từ chối và coi Cha như người khách xa lạ vậy. Cha Gérard ngờ ý muốn đi cùng với tử nhân tới Quảng Trường Concorde. Cụu Hoàng Hậu đáp lại, “Việc đó tùy ý Đức Cha.” Theo một số sử gia, Vua Louis 16 và Hoàng Hậu Marie Antoinette đều coi thường các nhà tu hành được đề cử đi kèm nạn nhân lên máy chém.

Tiếng trống rền vang không dứt xen với tiếng hô tập hợp của Đại Đội Hiến Binh chờ sẵn ở ngoài cổng nhà giam thành phố và hòa cùng tiếng ngựa hí của chi đội kỵ binh sen đảm canh gác khu vực được chỉ định.

Đao phủ Henri Sanson đi vào phòng giam cụu Hoàng Hậu cùng với hai phụ tá. Dòng họ Sanson, gốc Florence Ý, chuyên hành nghề đao phủ mà người Pháp gọi là “exécuteur des hautes oeuvres à Paris,” cha truyền con nối từ thời xa xưa (1688-1847). Người cha Henri, Charles Sanson chém đầu vua Louis 16, và nay người con lại chém đầu Hoàng Hậu Marie Antoinette.

Vào 11 giờ, xe tumbrel do ngựa kéo chuyên dùng để chở các tử tội lên máy chém guillotine đã tới, Sanson hô to, “đơ cao hai tay lên” cụu Hoàng Hậu thét lên, “Vua Louis không bị trói tại sao trói tay ta, “ Một thẩm phán ra lệnh, “Hãy làm nhiệm vụ”. Tức thì Sanson thô bạo nắm chặt hai cổ tay kéo ra sau lưng trói quặt bằng dây thừng. Tiếp đến Sanson rút kéo ra cắt tóc sát tận thừng. Tiếp đến Sanson rút kéo ra cắt tóc sát tận gáy rồi dùng dây thừng kéo Marie Antoinette như con vật lên xe tumbrel.

Xe vừa ra khỏi cổng nhà tù, Đại Đội Hiến Binh dàn ra hai bên đủ lối cho xe lăn, phân đội

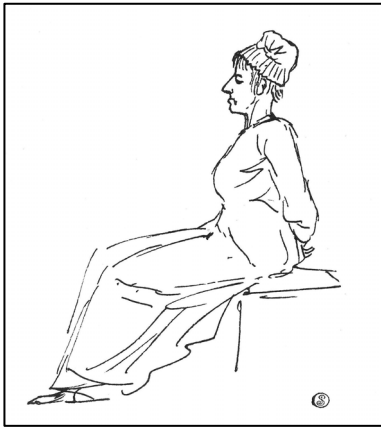
ky binh dẫn đầu tiến tới nơi xảy ra cuộc cách mạng nay gọi là Quảng Trường Concorde. Ước trên 20.000 người được phép tham dự vụ hành quyết cựu Hoàng Hậu Marie Antoinette. Dân chúng đứng dọc hai bên đường vừa thấy xe bò chở nữ tử tội đi diễu qua liền hô to « Cộng Hòa Muôn Năm » rồi tiếp « Đả Đảo Độc Tài, » nhưng tuyệt nhiên không có một lời nào hạ nhục hay nguyên rủa cựu Hoàng Hậu cả. Nghe những tiếng hô vang các khẩu hiệu đó ở dọc đường, Marie Antoinette ngồi bất động và thản nhiên. Khi xe tumbrel đi qua góc đường Roule và Saint- Honoré, Họa Sĩ tài danh Louis David chạy theo phác họa thần tình chân dung Hoàng Hậu Marie Antoinette mặc bộ áo dài trắng may chần bắt tử sắp bước lên đoạn đầu đài để lại biết bao ngậm ngùi cho người quan sát.

Xe tumbrel tiếp tục lăn gàn tới Quảng Trường Concorde, Đức Cha Gérard khuyên cựu Hoàng Hậu hãy can đảm lên. Marie Antoinette phản bác, « Khi những nỗi bất hạnh của tôi sắp chấm dứt không phải là lúc tôi mất can đảm. » (The moment when my ills are going to end is not the moment when courage is going to fail me.)

Xe tiến vào Quảng Trường, đây là lúc duy nhất suốt lộ trình Marie Antoinette biểu lộ tí chút sinh động khi quay ra nhìn vườn và Điện Tuileries. Phải chăng cựu Hoàng Hậu nghĩ tới ngày định mệnh tháng Tám đã khiến Vua Louis 16 do dự để cho phe Cách Mạng lật đổ Ngai vàng? Hay cựu Hoàng Hậu hồi tưởng lại vào một ngày mùa Xuân, cách đây 23 năm đứng trên sân thượng Lâu Đài của Vua Louis 15, dơ tay vẫy chào một biển người vui mừng hoan hô rầm trời cô dâu trẻ đẹp Marie

Antoinette. Và Quận Công de Brissac nói, “Thưa Bà, có 200.000 người hâm mộ đang chờ chiêm ngưỡng Bà.”

Giờ đây, tưởng như 200.000 người đó đang theo dõi cựu Nữ Hoàng Marie Antoinette đi sang bên kia thế giới. Bỗng xe tumbrel chồm lên và lắc mạnh rồi ngưng hẳn tại nơi hành hình. Nhìn thấy bức tượng “Tự Do”, cha Gérard nói cho cựu Hoàng Hậu rõ xe đã tới. Marie Antoinette sửa soạn xuống xe. Dao phủ Sanson dơ tay tỏ ý muốn giúp cựu Hoàng Hậu nhưng cựu Hoàng từ chối, tự xuống xe thật nhanh rồi tiếp theo nhẹ nhàng bước ba bậc thang lên sàn bực đoạn đầu đài. Cựu Nữ Hoàng chuyển động thật vội vã tựa hồ như muốn lia đời gấp nên đã dẫm gót giày lên chân dao phủ Sanson. Người khổng lồ này thét lên một tiếng tức giận. Marie Antoinette quay lại



Nữ tử tội Marie Antoinette

nói với giọng dịu dàng pha chút giễu cợt, “Xin lỗi ông, tôi đã vô ý.” Rồi quay đi đột ngột làm rơi cái mũ, sau đó đứng yên chờ dao phủ làm nhiệm vụ.

Henri Sanson và hai phụ tá kiểm tra lần cuối tóc, gáy và cổ áo của nữ tử thì bỗng nhiên cựu Hoàng Hậu thét lên, “Làm mau lẹ lên! Mau lẹ lên!” Họ đẩy cựu Nữ Hoàng lên tấm ván dài hình chữ nhật, bắt nằm

xấp, bị trói bằng giây thừng và cổ đặt vào khoen gỗ có kính chiếu hậu. Sanson lướt tấm ván đứng dưới lưỡi dao và hô to, “sẵn sàng” tức thì Nữ tử thần Guillotine cúi xuống hôn nhanh như tia chớp, đầu Marie Antoinette rơi vào cái giỏ lúc 12 giờ 15 phút. Nếu tính từ lúc cựu Hoàng Hậu xuống xe cho tới lúc bị chém đầu chỉ có 4 phút mà cựu Hoàng Hậu thét lên hai lần “Làm mau lẹ lên! Làm mau lẹ lên!” tương 4 phút đó dài như thiên thu. Lưỡi dao chém đầu Hoàng Hậu Marie Antoinette không rõ cơ quan nào

đã mua được trong cuộc bán đấu giá, riêng lưỡi dao chặt đầu Vua Louis 16 hiện được bảo tồn tại Viện Bảo Tàng Luân Đôn, Anh Quốc.

Thủ tục bêu đầu nữ tử tội trước đám đông diễn ra như thường lệ. Hàng ngàn người nhảy múa vui mừng hô to “Cộng Hòa Muôn Năm” chạy chung quanh máy chém tìm một vật gì đó của Hoàng Hậu Marie Antoinette để làm kỷ niệm.

Xác Hoàng Hậu không được chôn cạnh Vua Louis 16 mà nằm ở ngôi mộ không đánh số thuộc khu vực cuối cùng trong nghĩa trang nhỏ Madeleine cách sau Giáo Đường Madeleine hai khu phố hướng về Trạm xe lửa St Lazarre, Paris.

Ngày mùng 1 tháng 11 năm 1793, Thành Phố Paris nhận được bản kê khai của Ban Quản trị nghĩa trang Madeleine ghi: “ Quan tài cho Góa phụ Capet, 7 bảng Anh, ngôi mộ và phu đào huyết, 15 bảng Anh, 35 sols.”

Các chi tiết trên miêu tả đám táng Marie Antoinette, Hoàng Hậu cuối cùng chấm dứt chế độ quân chủ kéo dài một ngàn năm tại Pháp.

Hãy còn bị giam tại Ngục Temple, Madame Elisabeth, em Vua Louis 16, bị đưa lên máy chém tháng 5 năm 1794 như kẻ thù của nhân dân. Louis Charles, 10 tuổi, Vua Louis 17 bị thủ tiêu cho mãi tới năm 2000 mới tìm thấy nơi chôn. Sau khi giải nghiệm tử thi, chính quyền xác nhận những tế bào một phần nhỏ của trái tim còn sót lại cho thấy là của Vua Louis 17. Chín tháng sau khi Louis Charles bị thủ tiêu, người chị Charlotte, 17 tuổi, được trao đổi tù binh trở về Áo lập gia đình với Quận Công Angoulême, tạ thế năm 72 tuổi không con tại ngoại ô thành Vienne. Bá Tước Ferson giữ chức cố vấn tối cao cho nhà Vua Thụy Điển, lúc nào cũng hối tiếc đã không cứu Marie Antoinette, người mà đương sự thực tình yêu thương, chạy trốn bị bắt ngày 20 tháng 6 năm 1791 tại Varennes. Mười chín năm sau cũng vào ngày định mệnh 20 tháng 6 năm 1810, một đám đông hỗn tạp ở ngoại ô Kinh Đô Stockholm đánh bằng gậy và ném đá

giết lầm Ferson tưởng Bá Tước là thủ phạm đầu độc Vua Thụy Điển. Axel Ferson vĩnh viễn ra đi năm 54 tuổi còn độc thân.

Vào tháng tư năm 1814, Bá Tước Provence, lúc đó 58 tuổi, em Vua Louis 16, bị lưu đày ở Anh trở về nước lên ngôi vua Louis thứ 18, Tháng Giêng năm sau, nhà Vua cho bốc hài cốt người Anh cả và chị dâu chuyển về hầm mộ Thánh Đường Saint Denis gần Paris và đặt hai bức tượng trắng của cặp uyên ương vương giả đang quì bên cạnh nhau cầu nguyện trên hầm mộ của Dòng họ Bourbon vào năm 1815 trong Thánh Đường này. Cũng cần ghi thêm, vào thời gian trị vì, Vua Louis 18 đã phái Bá Tước de Kergarison tới yết kiến Vua Gia Long đòi phải thi hành Hiệp Ước Versailles mà Giám Mục Bá Đa Lộc đi cùng Hoàng Tử Cảnh ký năm 1787 tại Paris (xin xem Cỏ Thom số 42)

VÀI HÀNG TẠM KẾT

Trong lịch sử Pháp, chưa có một nhân vật nào lại ám ảnh dân tộc Pháp như Hoàng Hậu Marie Antoinette vì vậy, ta thấy nhiều học giả, chính trị gia, sử gia và luật gia cho đến nay vẫn còn tranh luận đưa ra những sự nhận xét khác nhau về vụ án Louis và Antoinette.

Thomas Jefferson, Bộ Trưởng trong chính quyền Louis 16 (tác giả lừng danh viết Bản Tuyên Ngôn Độc Lập 1776 và là Tổng Thống thứ Ba của Hoa Kỳ được bầu lần đầu tiên trong cuộc tranh cử lưỡng đảng) lấy lòng khẳng định nếu Marie Antoinette ẩn mình sống như trong tu viện thì cuộc Cách Mạng Pháp không bao giờ xảy ra cả. Trái lại, sử gia Pháp Richard Covington cho rằng có lẽ Jefferson đã đi quá xa trong bài viết về Marie Antoinette đăng ở hệ thống Bảo Tàng Viện Smithsonian Tháng 11 năm 2006. Marie Antoinette có thể được hưởng hạnh phúc trọn vẹn nếu chỉ giữ vai trò nghi lễ như Hoàng Hậu thôi. Nhưng Louis quá nhu nhược nên đã thúc đẩy Hoàng Hậu phải nắm chức vụ nổi bật ở Triều Đình, đó là điều mà

dân tộc Pháp không thể nào tha thứ được. Cuối cùng Hoàng Hậu đã bị chém đầu chỉ vì lý do đơn giản là vợ Vua Louis và biểu tượng của sự chuyên quyền.

Chắc chắn rằng Hoàng Hậu Marie Antoinette bị coi như dê tế thần cho mọi sự sai trái dưới nền quân chủ chuyên chế. Nhưng cũng thật rõ ràng cả hai đã từ chối thỏa hiệp với chính quyền cách mạng nên Louis và Marie Antoinette đã mất tất cả.

Còn Napoléon Bonaparte nhận xét về vụ án Louis và Antoinette ra sao?

Hoàng Đế Nã Phá Luân là một thiên tài quân sự, có lẽ vĩ đại bậc nhất trong lịch sử của nhân loại. Với sự thông minh xuất chúng, ông hiểu biết rất rõ về lịch sử và luật pháp. Bộ Luật Napoléon (The Code Napoléon) vẫn giữ vai trò độc tôn trên thế giới chưa có quốc gia nào có Bộ Luật có thể sánh được với Bộ Luật đó. Hiện nay nước Pháp vẫn áp dụng Luật Hành Chánh trong Bộ Luật Nã Phá Luân được coi như mẫu mực cho các nhà cải tổ luật pháp trên toàn thế giới.

Napoléon đã tự phong làm Hoàng Đế của nước Pháp và đã tạo ra một đế quốc trải rộng khắp miền tây và miền trung của Âu châu. Hoàng Đế Nã Phá Luân đã là chủ nhân ông của toàn thể Âu Châu trong 16 năm. Điều đáng đề cập trong thời gian trị vì, Hoàng Đế Napoléon Bonaparte muốn minh bạch hóa vụ tai tiếng về sự lừa đảo lớn nhất trong lịch sử chiếc vòng hạt xoàn đeo cổ với 647 hạt kim cương trị giá 1 triệu rưỡi quan (nay trị giá 4 triệu 7) mà nạn nhân là Hoàng Hậu Marie Antoinette. Một tòa án độc lập gồm một số đại biểu trong Quốc Hội được tuyển chọn tái thẩm vụ án. Mặc dầu Marie Antoinette được đặt ra ngoài vụ án, phán quyết của Tòa tái thẩm cũng nghi ngờ Hoàng Hậu đứng sau vụ án lừa đảo để lấy tiền gửi về Áo cho người anh là Hoàng Đế Joseph II (xin xem chi tiết trong Cò Thom số 42 về Vua Louis ra lệnh bắt giam Đức Hồng Y Rohan để đưa ra Tòa).

Thất vọng về phán quyết trên, Hoàng Đế Nã Phá Luân tuyên bố, “Có điều gì đó còn tệ hơn cả tội giết vua (There is something worse than regicide)

CÓ LUẬT MÀ KHÔNG ÁP DỤNG

Những nhân vật trọng yếu trong nhóm cực cách mạng đề cử Maximilien Robespierre lãnh đạo Câu Lạc Bộ Jacobin. Robespierre hành nghề Luật Sư tại Paris, nhà tư tưởng, Đại biểu Hội Nghị Quốc Ước, tổ chức ra Ba Lê Công Xã, khẳng định rằng, “động lực của dân chủ vừa là khủng bố và đạo lý” (affirmant que le ressort de la démocratie est à la fois terreur et vertu). Nhóm của Robespierre gồm có các nhà báo, chính trị gia như Danton, Marat, Hébert, Saint Just, Couthon... muốn lấy đầu Vua Louis 16 vì mục đích chính trị mà không cần phải đưa ra tòa án xét xử. Nhưng Hội Nghị Quốc Ước không chấp thuận và đòi hỏi phải thành lập một phiên tòa xét xử công khai về hành động phản quốc của Louis 16. Biết không thể khống chế được các đại biểu trong Hội Nghị Quốc Ước, nhóm của Robespierre tìm cách chặt đầu Louis qua ngả pháp lý tự đặt ra thủ tục xét xử Louis nên làm ngơ hình sự tố tụng và hình luật cùng tinh thần Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền Pháp.

Vì lý do không áp dụng luật đã ban hành hợp lệ từ trước nên các Luật sư như Malesberbes và De Sèze phản đối cho rằng bản án kết tội Louis từ hình là phi pháp và vi hiến đi trái với nguyên tắc “xét xử theo đúng diễn tiến luật pháp” (due process of law)

Chúng tôi không đề cập sự liên hệ hay phân biệt giữa luật nội dung (criminal law) và luật thủ tục (criminal procedure) để vấn tắt đi thẳng vào mấy điểm pháp lý liên quan tới vụ án:

1 Về mặt thủ tục.

Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền 1789 viết rằng, “Con người được sinh ra

Tự Do và Bình Đẳng về các Quyền Lợi.” (Men are born and remain free and equal in rights)

Theo quan niệm chính thống của các nhà Luật học quốc tế, thủ tục hay hình thức điều tra thẩm vấn là chị em sinh đôi của tự do. Nếu thủ tục bị vi phạm, tự do nhân thân và an toàn cá nhân sẽ bị vi phạm (Luật Bảo Thân-Habeas Corpus). Trong trường hợp đó, hồ sơ truy tố vô hiệu, tòa sẽ tuyên bố bỏ vụ tranh tụng, miễn nghị và phóng thích bị cáo.

2. Về mặt chính trị

Cứu cánh của luật pháp nhằm mục tiêu thực hiện được cái nguyên vọng sâu xa và thường hằng của thể nhân là tránh sao cho khỏi là nạn nhân của bất công. Hòa bình, an thái nằm ở đó. Luật pháp chưa phải là công lý tượng trưng bằng hình ảnh hai cái đòn cân thăng bằng quen gọi là cân cân công lý. Cân cân này cần phải dựa vào các nguyên tắc công bình ngăn ngừa và thị uy trừng phạt mọi hành động bất công. Nếu con người không được tự do và bình đẳng thì công lý chính trị không thể tồn tại. Tỷ như thực hiện thuyết của Robespierre “Động lực dân chủ vừa là khủng bố và đạo đức” gây ra nhiều rủi ro mà luật pháp không thể chấp nhận. Đó là lãnh vực chính trị cần phải đi trước luật pháp.

Theo tập tục luật pháp “khi Chính Trị đi vào Pháp Đình thì Công Lý đội nón đi ra.”

3 Chính trị phải đi trước luật pháp

Chúng tôi xin nêu ra một thí dụ điển hình cho thấy chính trị phải đi trước luật pháp dưới thời Tổng Thống Bill Clinton.

Khối Minh Ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) không được phép của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc, đã dội bom suốt 78 ngày tại Kosovo, (trong Liên Bang Nam Tư cũ) phát động vào ngày 24 tháng 3 năm 1999, gây tử thương khoảng 500 thường dân vô tội. Vào thời điểm đó, Tòa Án Hình Sự Quốc Tế chỉ có thẩm quyền trong lãnh thổ Nam Tư cũ mà thôi, không có liên hệ gì tới vụ dội bom ở Kosovo cả. Đó là

vấn đề an ninh của các nước nằm trong Liên Hiệp Âu Châu cần phải chấm dứt cuộc chiến tranh thanh lọc chủng tộc do Tổng Thống Nam Tư Slobodan Milosovic chủ xướng nhằm tiêu diệt toàn thể sắc dân Hồi giáo Slav và Croat để vẽ lại bản đồ Serbia có thể đưa làn sóng người tị nạn vĩ đại gây rối loạn Cộng Đồng Âu Châu.

Theo sự nhận định của cựu Trưởng Phòng Công Tố Tòa án hình sự quốc tế Rwanda, Thẩm Phán Richard Golstone, “Vụ dội bom ở Kosovo, Nam Tư cũ, không được phép của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc là một hành động phản pháp lý. Nhưng về mặt chính trị và đạo đức thì sự can thiệp của Khối NATO là chính đáng.

(Xin xem chi tiết trong Cỏ Thom số 23)

4 Cuộc thanh trừng đẫm máu giữa phe Danton và Robespierre

Danton bị lãnh tụ Robespierre tố cáo là tiếp xúc với phe phản cách mạng muốn phục hồi vương quyền và tham nhũng nên bị bắt đưa lên máy chém. ngày 5/4/1794. Sau cái chết của Danton, các thành viên của Hội Nghị Quốc Ước bắt đầu lo ngại cho số phận của họ trước cảnh độc tài khát máu của Robespierre. Họ tự hỏi: “ngay cả lãnh tụ của Đảng Jacobin còn bị đưa lên máy chém. thì ai trong chúng ta sẽ được an toàn” Nhiều người đã nghi ngờ Robespierre muốn trở nên kẻ độc tài.

Vào ngày 27 tháng 7, Robespierre nói trước Hội Nghị Quốc Ước chỉ trích mọi công việc còn dang dở trong thời gian qua và đưa ra một danh sách ghi tên các kẻ phản bội đang muốn phá hủy nền Cộng Hòa, và Robespierre cũng ám chỉ rằng một số kẻ này đang nằm trong Hội Nghị Quốc Ước. Chính vào lúc này, một Đại biểu phía sau trong phòng hội đã hô lớn: “Tôi đòi phải bắt giữ Robespierre.” Cả phòng hội liền vang lên câu nói: “Đã đảo kẻ bạo quyền.” Mặt Robespierre tái đi. Ông ta cố nói lớn nhưng giọng nói đã bị hô hoán của hội trường lấn át. Một đại biểu la lên: “Máu của Danton đã làm mày nghẹt giọng”

Ngày 28 tháng 7 năm 1794, Robespierre và đồng bọn 22 người đã bị chặt đầu trên máy chém guillotine.

5 Hội Nghị Quốc Ước và chế độ Cộng Hòa trên đà sụp đổ

Vào tháng 12 năm 1793, Napoléon ra lệnh đặt các khẩu đại bác ở trên cao, hướng về hải cảng Toulon và bắn thẳng vào các tàu chiến Anh, vì vậy hạm đội Anh phải rút lui và quân Cách Mạng Pháp đã chiến thắng tại Toulon. Do công lao ưu việt này, Napoléon Bonaparte thuộc Đảng Cộng Hòa (ông gia nhập Câu Lạc Bộ Jacobin năm 1791) được phong chức Thiếu Tướng. Chính tại nơi này, ông đã bộc lộ khả năng của một vị Tướng tài và một nhà lãnh đạo uy dũng.

Biết chiến thắng của Napoléon tại Toulon, Tư Tước Paul de Barras chỉ định Napoléon giữ chức chỉ huy Trường quân đội thuộc Bộ Nội Vụ. Các người bảo hoàng muốn tái lập chế độ quân chủ, xúi giục dân chúng Paris nổi loạn vào ngày 5/10/1795. Khi đám đông biểu tình rầm rộ trước Điện Tuileries, Napoléon hạ lệnh đặt các khẩu đại bác và bắn thẳng vào đám người biểu tình. Hàng trăm người chết và bị thương. Đường phố Paris nhờ vậy sớm trở lại yên tĩnh. Napoléon đã cứu được Hội Nghị Quốc Ước và chế độ Cộng Hòa sụp đổ, và được phong chức Trung Tướng. Napoléon đã tự cho mình là người thừa kế và bảo vệ công cuộc Cách Mạng Pháp. Napoléon chính là con người của Cách Mạng Pháp bởi vì chính nhờ cuộc Cách Mạng này mà ông sớm bước chân lên địa vị cao sang và quyền lực bậc nhất của Quốc Gia. Ông là người của Thế Kỷ 19 vậy.

Điều đáng lưu ý ngành Tư Pháp được thay đổi khá nhiều do việc phổ biến Đạo Luật Napoléon (the Code Napoléon), bãi bỏ các luật lệ khác nhau thuộc các tỉnh khác nhau của nước Pháp, tạo nên một hệ thống luật pháp thống nhất, không đặt căn cứ trên các điều lệ đã có từ trước mà trên lý trí (reason) Đạo luật này công nhận mọi người bình đẳng trước Pháp Luật bất kể cấp

bậc hay tài sản, nhưng đặt quyền lợi Quốc Gia lên trên quyền lợi Cá Nhân.

Những luật lệ bất công và những hình phạt dã man và cực kỳ tàn ác xảy ra vào hai thời kỳ khủng bố năm 1792 và 1794 đã đi vào dĩ vãng, Napoléon Bonaparte là một danh nhân đã làm thay đổi Lịch Sử của nước Pháp và của Thế Giới.

Nguyễn Văn Thành
Arlington, Virginia, Hạ 2010

Tham khảo và trích các tài liệu sau:

- Law A Treasury of Art and Literature- Edited by Sara Robbins.
- Great World Trials-The 100 Most Significant Courtroom Battles of All Time- Edward W. Knappman, Editor-A New England Publishing Associated Book.
- Louis and Antoinette by Vincent Cronin.
- Life and Death of Louis XVI by Saul K. Padover
- Secrets of Marie Antoinette by Oliver Bernier
- Marie Antoinette by Philippe and Marguerite Jallut (Library of Congress-catalog card number 70-162-666)
- Bé xé ra to hay là Vụ Án của Thế Kỷ của Tiến Sĩ Luật Khoa Nguyễn Trọng Liệu
- Danh Nhân và Sự Nghiệp Tập I, II và III của Soạn giả và Dịch giả Phạm Văn Tuấn
- Cầm Nang Nhân Quyền của Luật Sư Nguyễn Hữu Thống
- Bài viết Thomas Jefferson và Hoàng Tử Cảnh của Biên Khảo Gia Trần Đông Phong
- Antoinette by Richard Covington-November 2006 Smithsonian
- The Last Days of Marie Antoinette by Rupert Furneaux
- Marie Antoinette by Antonia Fraser
- Queen of France by André Caslot
- Marie Antoinette the Last Queen of France by Evelyne Lever

CAO BÁ QUÁT: KẺ SĨ QUẠT CƯỜNG

Hải Bằng.HDB

Vài Nét Cơ Bản về Lịch Sử Dẫn Tới Sự Hình Thành Triều Nguyễn

Cao Bá Quát là một nhà thơ lỗi lạc trong nửa đầu thế kỷ thứ 19 và là Kẻ Sĩ duy nhất hiện ngang đứng lên phất cờ khởi nghĩa chống chính sách độc đoán và tham nhũng của triều đình Nhà Nguyễn. Để giải thích tại sao ông không sống an phận như Nguyễn Bình Khiêm hay không cố gắng thành đạt như Nguyễn Công Trứ, cần phải giới thiệu lại những trang sử cũ để thấy rằng những biến cố chiến tranh trong suốt ba thế kỷ và những nổi cơ cực quá mức của người dân đã tác động mạnh lên tâm hồn nhân đạo, tính cương trực, và tinh thần bất khuất của ông khiến ông không còn chọn lựa nào khác hơn là phải vùng lên, đứng với câu:

*Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt
Còn hơn le lói mãi thiên thu*

Đầu thế kỷ thứ 16, Nhà Hậu Lê bắt đầu suy vi dưới đời Lê Tương Dực (1505 – 1509), một vị vua hoang dâm và tàn ác. Năm 1516, Trịnh Duy Sản giết Tương Dực. Nhưng cuối năm đó Trịnh Duy Sản bị nghĩa quân của Trần Cao giết. Trần Cao uy hiếp Thăng Long ba lần rồi thất bại. Năm 1525, Mạc Đăng Dung xuất hiện, giết vua Lê Chiêu Tông và hai năm sau chính thức lập ra Nhà Mạc, đóng đô ở Thăng Long sử gọi là Bắc Triều; còn Nhà Lê lui vào Thanh Hóa sử gọi là Nam Triều nhưng quyền bính nằm trong tay Trịnh Kiểm con rể của Nguyễn Kim, hai nhân vật chính mở đầu cuộc chiến Trịnh - Nguyễn tương tàn đẫm máu.

Cuộc chiến tranh Trịnh - Mạc kéo dài từ 1546 đến 1592 (47 năm) rất khốc liệt. Tiếp đó là cuộc tranh giành giữa Trịnh Kiểm và Nguyễn Hoàng kéo dài từ 1627 đến 1672 (gần 50 năm). Kế đó là nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra trong đó Nhà Tây Sơn dấy binh từ 1771 và cuối cùng bị Nguyễn Ánh tiêu diệt vào năm 1802.

Trong suốt thời gian hơn 300 năm liên, người dân Việt sống trong cảnh chiến tranh triền miên vô cùng khổ ải. Đến khi Nhà Nguyễn thống nhất năm 1802, triều đình chỉ lại tiếp tục bắt dân lao dịch xây cất những thành quách và cung điện mới nên khắp nơi lại nổi lên những cuộc chống đối và nhiều sĩ phu bất phục.

Trong lịch sử Việt Nam vào đầu thế kỷ thứ 19, Chu Thần Cao Bá Quát là Kẻ Sĩ duy nhất dám đứng lên chống lại triều đình Nhà Nguyễn. Tuy không thành công nhưng ông đã thành nhân. Những thế hệ sau này noi gương bất khuất của ông có thể kể như Hoàng Hoa Thám, Đội Cấn, Nguyễn Trung Trực, Trần Cao Vân, Nguyễn Thái Học, v.v. Cao Bá Quát để lại một khối lượng thi văn lớn hơn so với khối lượng thi văn của Nguyễn Công Trứ.

I. Tiểu Sử Cao Bá Quát

(1809 – 1854) và **Bối Cảnh Xã Hội**

Cao Bá Quát sinh năm 1809, mất năm 1854, người làng Phú Thị, Gia Lâm, Bắc Ninh

(nay thuộc Hà Nội), và là một nhà thơ xuất chúng trong thế kỷ 19 với tên tự là Cúc Dương, hiệu Chu Thần, và biệt hiệu Mẫn Hiên.

Cha ông là Cao Bá Chiêu dòng dõi khoa bảng; em song sinh là Cao Bá Đạt (cha của Cao bá Nhạ, tác giả bài “Tự Tình Khúc”).

Cao Bá Quát tư chất rất thông minh. Lên 5 tuổi đã lầu thông Tam Tự Kinh; năm 14 tuổi đã biết làm đủ các thể văn bài. Đương thời có câu: “Thần Siêu, Thánh Quát”.

Ông trải qua ba triều vua Minh Mệnh (1820 – 1840), Thiệu Trị (1841 – 1847), và Tự Đức (1848 – 1883).

Ông gia nhập Mạc Văn Thi Xã do Tuy Lý Vương và Tùng Thiện Vương sáng lập và được vua Tự Đức khen:

Văn như Siêu, Quát vô Tiền Hán

Thi đảo Tùng, Tuy, thất Thịnh Đường

Nhưng rồi họ Cao lại cao ngạo tở ý chê:

Câu thơ Thi Xã, con thuyền Nghệ An (thuyền nước mắt)

Ông nổi tiếng quá kiêu ngạo qua câu nói: “*Thiên hạ có 4 bờ chữ; tôi giữ hai bờ; anh tôi và Nguyễn Văn Siêu một bờ; còn một bờ chia cho thiên hạ.*” Do đó, vua quan và nhiều người không ưa ông.

Dưới Triều Nguyễn, chế độ thi cử có tình trạng phân biệt Bắc, Trung, Nam. Miền Bắc, vốn đất rộng, dân đông, nhiều sĩ tử, và xưa nay nổi tiếng có nhiều gia đình văn học, thế mà chỉ có mở 2 trường thi Hương; còn Miền Trung, đất hẹp, người ít, mới khai lập, lại có tới 4 trường thi Hương; và Miền Nam, cũng mới khai lập chưa xong, cũng có 2 trường thi Hương.

Trong 27 khoa Thi Hội ở Huế, hàng trăm người đậu trong đó chỉ có 4 người Miền Bắc. Khoa Thi Đình đời Minh Mệnh (1838), Phạm Văn Nghị, người Bắc, được điểm cao nhất, nhưng lại bị xếp đậu dưới Nguyễn Cửu Trường. Ông này được đôn lên đậu Đình Nguyên vì là người Thanh Hóa, quê hương Nhà Nguyễn. Năm 1862, thí sinh Bắc Hà

Hoàng Hữu Tài mạnh dạn tố cáo tệ nạn này trong bài hỏi về thời sự khiến vua Tự Đức phải chấm Hoàng Hữu Tài đậu Phó Bảng để trấn an sĩ tử Bắc Hà.

Năm 1832, Cao Bá Quát đậu Á Nguyên; rồi thi Hội hai lần nhưng không đậu. Sau nhờ có người tiến cử, ông được bổ làm một chức quan nhỏ ở Bộ Lễ. Có lần được cử làm Sơ Khảo trường thi; ông bị quy tội sửa lỗi phạm húy (ky những tên thuộc dòng họ nhà vua) của vài thí sinh nên bị 3 năm tù.

Năm 1847, ông được đề bạt làm ở Hàn lâm Viện. Có lần ông được cử theo phái đoàn qua Tân Gia Ba (Singapour, thuộc địa cầu Anh) với Đào Tri Phú; nhờ đó ông có dịp thấy tận mắt sự tiến bộ của Tây Phương và ngán ngẫm cho cảnh chậm tiến của nước nhà do cái lối học “tâm chương, trích cú”, không có sáng tạo và ích lợi gì cho nhân quần, xã hội. Ông viết:

Nhai văn, nhại chữ buồn ta

Con giun nào biết đâu là cao sâu!

Tân Gia từ vượt con tàu

Mới hay vũ trụ, một bầu bao la

Giật mình khi ở xóm nhà

Văn chương, chữ nghĩa, khéo là trò chơi

Không đi khắp bốn phương trời

Vùi đầu ánh sách, uống đời làm trai

Năm 1850, ông bị chuyển lên mạn ngược (miền núi) ở Sơn Tây làm Giáo Thụ Quốc Oai, sống một cuộc sống nghèo và không xứng với tài của ông:

Nhà trống ba gian, một thầy,

một cô, một chó cái

Học trò dăm đứa, nửa người,

nửa nợ, nửa đười ươi

Ông không chỉ bất bất mãn vì ông bị bạc đãi mà ông còn bất mãn vì chính sách đàn áp và bóc lột của Nhà Nguyễn: Triều Đình chi hưởng thụ và quay lưng lại với những

thống khổ của người dân, bao che cho đám quan lại tham ô để có hậu thuẫn, bắt chấp cả số can gián của vị quan chính trực như Nguyễn Công Trứ chẳng hạn.

Vua Gia Long phê vào đơn dân kiện rằng: “*Phủ, Huyện có trách nhiệm trị dân; nếu mới bị dân kiện, chưa biết tình trạng nặng nhẹ ra sao mà đã đưa ra giam c nhục nhã thì làm sao mà tiêu biểu, xứng xuất được nhân dân?*” và “*Quan là cha mẹ dân. Làm nhục quan phủ huyện thì làm gì còn uy tín của quan?*” Giáo sĩ Eyot ghi: “*Thuế khóa cực kỳ nặng nề*”; Langlois viết: “*Nhà vua và quan lại làm cho dân hết sức phẫn uất về việc tô thuế quá quá ...*”

Dưới thời Minh Mạng, việc đào kinh Vĩnh Tế dài 23 dặm, sâu gần 4 mét, rộng 26 mét từ Châu Đốc thông tới Hà Tiên, xuyên qua rừng rậm, chân núi đá, và đầm lầy với khoảng 26 ngàn dân phu thay phiên nhau đào suốt ngày đêm khiến hơn 7000 người đã bỏ mạng. Đây là bài về lưu hành dưới thời Tự Đức:

*Bắt dân đào kinh
Đào mười thước rộng
Bốn mươi thước dài
Đo đất đếm người
Một suất đình hai thước
Bắt đào cho được
Hạn trong mười ngày
Dân tình ngao ngán
Có kẻ trốn không đi
Tìm lên núi, lên ri
Đào khoai, mài củ chuối
Người gầy, bụng đói
Chỉ còn bộ xương
Cai phó tổng không thương
Bắt về đình nộp đập ...
Vợ con thêm nheo nhóc
Chông lại phía phu phen
Muốn vạch cả trời lên
Kêu gào cho hạ dạ*

Các vua Nhà Nguyễn rất thích xây lăng tẩm nguy nga, chẳng hạn, Khiêm Lăng Vạn Niên Cơ khiến cho trong dân gian có câu ca:

*Vạn niên là vạn niên nào?
Thành xây xương lính, hào đào máu dân!*

*Từ ngày Tự Đức lên ngôi
Cơm chẳng đầy nôi, trẻ khóc như ri
Bao giờ Tự Đức chết đi
Thiên hạ bình thì mới dễ làm ăn*

Tại sao Nhà Nguyễn lại đầy ải dân như vậy? Tại sao giữa con người với con người lại có thể đối xử với nhau như vậy?

Các sử gia không phân tích nói tại sao Triều Đình Nhà Nguyễn lại bóc lột và đàn áp người dân quá mức như vậy. Thực tế cho thấy: sau khi thống nhất đất nước, các vua Triều Nguyễn chỉ lo hưởng thụ, xây lăng tẩm nguy nga, và tạo những tầng lớp vấy vấy cánh bằng cách ban cho các quan chức trong triều, ở các tỉnh, và các làng xã những quyền hạn rộng rãi để đàn áp dân lành và bao che những vụ lạm quyền. Đường như đó là chính sách của Nguyễn muốn làm cho dân nghèo và chết bết đi để không làm loạn. Nhưng thực tế thì từ Nam chí Bắc, không đâu là không có những cuộc nổi dậy vì đói và khổ cực. Đời Gia Long có tới 6 trận đói lớn; Từ đời Minh Mạng tới khoảng giữa thế kỷ 19 có tới 10 trận đói lớn. Giáo sĩ Retord chép:

Dân nghèo bán những mảnh ruộng của mình cho nhà giàu với giá rất hạ; hoặc vay vãi đầu gạo với giấy nợ sẽ trả gấp 4 lần trong mùa gặt tới. Thành thử số thóc thu hoạch chỉ đủ để trả những món nợ và họ lại rơi ngay lập tức vào một vụ đói mới. Khi tôi đang viết những dòng này, hầu như họ không còn tìm đâu ra gạo để vay nữa dù với những điều kiện vay nặng nề như vậy! Đây là một bài về dưới thời Tự Đức nói về cảnh đói:

*Cơm thì chẳng có
Rau, cháo cũng không
Đất trắng xóa ngoài đồng
Nhà giàu niêm kín cổng
Còn một bộ xương sống
Vợ vất đi ăn mày
Ngồi xó chợ lùm cây
Quạ kêu vang bốn phía
Xác đầy nghĩa địa
Thây thối bên cầu
Trời ảm đạm u sầu
Cảnh hoang tan dói rét
Sẵn bút đây ta tả
Để giữ lại vài câu
Cho ngàn vạn năm sau
Biết cảnh tình cơ cực
Là cái thời Tự Đức*

*

Trong cuộc sống lầm than đó, người dân không còn cách lựa chọn nào hơn là hợp nhau lớn nhỏ để chống Triều Đình mong có sự thay đổi. Trong 17 năm đời Gia Long có tới 90 cuộc nổi dậy. Đời Minh Mạng có tới 230 cuộc nổi dậy. Đời Thiệu Trị có 58 cuộc nổi dậy trong vòng 7 năm. Đời Tự Đức có khoảng 40 cuộc nổi dậy.

Cao Bá Quát cũng không thể khoanh tay ngồi yên mà phải đứng dậy cứu dân nghèo dù biết rằng đó chỉ là một hy vọng mong manh. Ông là một trong những kẻ sĩ bị dồn vào thế phải chống triều đình. Ngay từ thuở nhỏ, ông đã bày tỏ ý muốn tạo dựng một xã hội khác tốt đẹp như thời các vua Nghiêu và Thuần:

*Ngã quân tử kiến cơ nhi tác
Dục vi Nghiêu, Thuần quân dân
Tôi, người quân tử, thấy thời cơ là làm
Muốn cho vua và dân sống như thời Nghiêu, Thuần*

*Thập tải luân giao cầu cổ kiếm
Nhất sinh đề thủ bách hoa mai
Mười kiếp luân lưu tâm cổ kiếm
Một đời đầu lay trước hoa mai*

Năm 1854, có dịp là ông đứng lên suy tôn Lê Duy Cự làm minh chủ, giữ chức Quân Sư, và dựng cờ thù hai hàng chữ tỏ chí nguyện từ thuở bình sinh:

*Bình Dương, Bỏ Bản, vô Nghiêu, Thuần
Mục Dã, Minh Điều, hữu Võ, Thang*

Ý nói ông theo gương Vua Vũ, Vua Thang nổi lên chống bạo quyền đem lại thịnh trị như thời Nghiêu, Thuần. Cuộc nổi dậy kéo dài được vài tháng thì bị dẹp. Có hai nguồn tin về cái chết của ông: (1) Ông bị Đinh Thế Quang bắn chết tại trận tiền. (2) Ông bị triều đình bắt đem chém và tru di tam tộc.

*

II. Cao Bá Quát: Con Người và Sự Nghiệp Thi Văn

Tuy cuộc đời của ông vẫn số, ông đã để lại cho đời 12 thi tập gồm 1267 bài thơ vừa Hán vừa Nôm, 18 bài Kinh Nghĩa, 10 bài hát nói, 1 bài phú, 1 truyện ký, 14 câu đối, 5 bài văn tự, 4 bài ký, 1 bài văn tế.

Qua thi văn, ông đã tỏ lộ chí hướng của ông muốn noi gương các vị anh hùng trong các bài thơ ca ngợi các vị thánh thần lập quốc và giữ nước như Phù Đổng Thiên Vương, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Chu Văn An, Nguyễn Trãi, v.v. nói lên tinh thần yêu chuộng công bằng và bác ái của ông.

Ông rất chê lối học tâm chương, trích cú của đa số nhà nho thủ cựu. Ông cũng làm thơ chống Tây Phương. Khác với Nguyễn Công Trứ, thơ của Cao Bá Quát phóng khoáng, kiêu mạn, và tỏ ra không tin tưởng vào chính quyền đương thời. Ông bị tù cũng có thể là vì quan trường ganh ghét, gán cho ông tội sửa bài thi.

Đề tìm hiểu về con người của Cao Bá Quát, trước hết nên đọc bài “Tài Tử Đa Cùng Phú” trong đó Cao Bá Quát mô tả cảnh nghèo và tâm chí của mình. Đó là bài văn xuôi có vần (chữ cuối), có đối, chứa nhiều điển tích, và đọc lên nghe rất kêu. Nhưng, khác với bài “Hàn Nho Phong Vị Phú” của Nguyễn Công

Trứ, bài “Tài Tử Đa Cùg Phú” của Cao Bá Quát bộc lộ niềm tự hào về con người đa tài của mình và cái tính khí cương trực không chịu luồn cúi cùng cái chí hướng cải thiện xã hội: “để ta đeo vòng thư kiếm, quyết xoay bạch ốc lại lâu dài” hoặc “để ta gánh vác giang san, quyết ném thanh khâm sang cầm tú”. Ông thực sự chưa chấp nhận tư tưởng Vô Vi của Đạo Lão: trí còn ôm nhiều cao vọng, lòng còn chắt cao tự hào, và tính còn đầy kiêu ngạo. Đó là những nguyên nhân dẫn đến cái chết của ông.

Bài “Tài Tử Đa Cùg Phú”

Có một người khổ dạng trâm anh, nét na chương phú; hơi miệng sữa, tuổi còn giọt máu; nét hào hoa chùng ná Tân, Dương.

Chôm tóc xanh vờ chắm ngang vai, lời khí khái thì thâm Y, Võ; nghiên gợn sóng, vẽ vờ điển tích, nét nhận điểm lẫn tẩn.

Bút vền mây dịu đặt văn chương, vòng thuyên khuyến lỗ chồ; nghiêng cánh nhận téch mái rừng Nhan, Không; chỉ xông pha nào quân chông gai.

Cựa đuôi kinh toan vượt bể Trình, Chu; tài bay nhây ngại gì lao khổ; lặc bầu rượu dốc nghiêng non nước lại; chén tiểu đàm mời mọt Trích Tiên.

Hồng tui thơ nong hét gió trắng vào; con xướng họa, hẹn hò Lão Đỗ; tươi nét mặt thơ sinh lộ lộ; bung mắt trần toan đập cửa phù đồ.

Rừa buồng gan du tử nhọn nhọn; giương tay Tào rắp xoay con khí số; tưởng đến khi vinh hiển đã coi thường; song nghĩ lại trần ai không rếch chồ.

Lêu nho nhỏ kéo tám gianh lướt thướt; ngày thê lương hạt nặng giọt mưa sa; đèn cón con có chiếu chiếu lồi thồi; đêm tịch mịch soi chung vừng trắng tỏ.

Áo Trọng Du bạc thếch, giải xuân thu cho đượm sắc cân lao; com Phiêu Mẫu hãm xì, đòi tuế nguyệt phải ngậm ngùi tân khổ.

Gió trắng rơi rụng để cái quỳên gầy, sương tuyết hắt hiu làm con nhận vô; tui thanh bạch ngược xuôi miền khách địa, trăm nghìn đường chỉ rện dệt thừa mau.

Đền toan hàn thức nhấp mái nam song, dăm ba ngọn lửa huỳnh khêu nho nhỏ; miêng châu quế những rì rầm học vấn, chị chú Tô căn nhẫn chỉ hiềm nghèo.

Vai tân sài đùng đỉnh ngâm nga, vợ anh Mãi bấn khoăn từng kể khó; đôi rau rìng thấy thóc Chu mà giá; đá thủ dương chom chớm xanh mắt Di nằm tốt ngáy o o.

Khát nước sông; trông dòng đục không vơ; phao vị thủy lênh đênh bạc đầu Lã ngôi dai ho lụ khụ; trông ra nhấp nhổ sóng nhân tình; ngoảnh lại vất vơ mây thế có.

Ngán nhẽ kẻ tham bê khóa lợi, mũ cánh chuồn đội trên mái tóc, nghiêng mình đừng chực cửa hầu môn.

Quần bao kẻ mang cái giàm danh, áo giới lân trùm dưới cơ phu, môi gối quỳ mòn sân tướng phủ.

Khéo ứng thù các quan trên; xin bài ngạnh cùng các phường phố; khét mùi thế vị, chẳng thà không; thom nức hương danh nên mới khó.

Tình uốn éo, muốn vạch trời lên hỏi; nào kiếp chữ đồng đầu tá, nữ hoài chén ngọc để trần ai?

Trí lẳng nhắng toan vượt biển đi tu; hỏi què tiên tử nơi mô, xin lãnh lấy vãn đan làm tế độ.

Bài phú Dương Hùng dù nghiệm tá, thì xin tống bản quỳ ra đến miền Đông Hải để ta đeo vòng thư kiếm, quyết xoay bạch ốc lại lâu dài.

Câu văn Hàn Dũ phóng thiêng chẳng, thì xin tống cùng-thần ra đến tận Côn Lôn để ta gánh vác giang sơn, quyết ném thanh khâm sang cầm tú.

Nhọc nhẫn con nhục, mát con vinh; cay đắng lúc cùng, bùi lúc phú. Vạy có lời Nôm dặn bảo thế gian rằng:

*Đừng thấy người bạch diện thư sinh mà
cười rằng “đa cùng tài tử”.*

Khác với Nguyễn Công Trứ nghèo nhưng biết nhịn nhục để vươn lên, Cao Bá Quát nghèo mà lại ngạo mạn nên không có lối thoát; vì vậy ông hẳn đã nhiều phen bị người ta khinh nhờn mặc dù ông là Kê Sĩ. Trong bài mô tả thái độ của chủ hàng cơm trọ cho thấy cái chua chát của thói đời coi trọng tiền của hơn chữ nghĩa:

Cảm Tác ở Hàng Cơm

*Kẻ tẻ bạc trong thiên hạ
Ai như anh hàng cơm?
Khi khách chưa ở trọ
Trước thềm kéo nài khách
“Có cơm ngon ông xơi
Có đệm ấm ông ngồi”
Sau khi khách ở trọ rồi
Chủ quán liền mở giòng
“Ông đã ăn cơm hàng tôi
Xin ông cho lời nhiều với”
Lấy tiền cơm xong rồi
Chủ quán đổi thái độ
Sáng sớm dục khách đi
Không cho được ngụm nước
Khách chậm bước một chút
Liên lớn giọng la lối
Quán chưa thu được lợi
Tiếp khách thật vồn vã
Lợi rồi, trở mặt lạ
Xét lại chủ quán này
Yêu tiền đâu yêu Sĩ*

*

III. Cao Bá Quát: Bất Khuất và Khởi Nghĩa

**Cao Bá Quát rớt hai lần thi Hội và bị
bỏ tù ba năm khi làm Sơ Khảo Trường Thi
ở Huế**

Mặc dầu có câu “Học tài, thi phận” và trong thực tế quả có người học giỏi mà rớt hay học dở mà vẫn đậu. Tuy nhiên, trong

trường hợp của Cao Bá Quát thì không hẳn như vậy. Ông nổi tiếng là một văn tài nhưng cũng nổi tiếng rất ngạo mạn khiến từ vua đến quan, không ai ưa ông.

Ông bị đánh rớt hai kỳ thi Hội (Tiến Sĩ) rồi thôi không đi thi nữa. Tuy vậy, ông cũng vẫn được cất nhắc làm quan để giải quyết cảnh nghèo túng và còn được cử đi sang Tân Gia Ba. Thời nào cũng thế, có tài mà kiêu ngạo thì khó có chỗ đứng tốt và người ta quý phục. Ông có thể sẽ là một Nguyễn Công Trứ thứ hai nếu ông bỏ được tính kiêu ngạo đi và chấp nhận hợp tác với triều Nguyễn. Truyện kể rằng khi ông được đề cử làm sơ khảo một kỳ thi, ông đã lấy muội đèn sửa lỗi “phạm húy” (lệ cấm dùng chữ trùng tên với các tên thuộc hoàng gia) trong một vài bài văn hay và bị xử ba năm tù. Đây rất có thể cũng chỉ là cố ngy tạo bởi các quan trường vốn ganh ghét tài ông.

Sống trong một hoàn cảnh bị chèn ép như vậy hẳn nhiên ông rất bất mãn và tạm tìm quên trong chén rượu và câu thơ. Ông bày tỏ tâm trạng chán nản trong bài thơ:

Uống Rượu Tiêu Sầu

*Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy
Cánh phù du trông thấy cũng cười
Thôi công đâu chuốc lấy sự đời
Tiêu khiển một vài chung lếu láo*

*Đoạn tổng nhất sinh duy hữu tửu
Trâm tư bách kế bất ư nhân
Dưới thiểu quang thấp thoáng bóng Nam San
Ngoảnh mặt lại cứu hoàn coi cũng nhỏ
Khoảng trời đất cổ, kim, kim, cổ
Mảnh hình hài không có, có không
Lọ là thiên tử vạn chung*

*

Nhiều người đọc rất thích bài thơ này bởi vì có sự chia xẻ về ý nghĩa cuộc sống phù du của con người để rồi liệu mà bớt đi những bon chen, những lao tâm, khổ trí, và quay về

với cảnh sống an nhàn. Nhưng thực tế thì Cao Bá Quát đã chỉ hưởng nhàn rất ít so với Nguyễn Công Trứ, và đôi khi ông không thể gạt bỏ được tư tưởng chán sống. Ông bày tỏ tâm tư đó trong bài:

Ngán Đồi

*Thế sự thăng trầm quân mạc vấn?**
*Yên ba thâm xứ hữu ngư châu***
Vất tay nằm nghĩ chuyện đầu đầu
Đem mộng sự độ với chân thân thì cũng hết
Duy giang thương chi thanh phong
Dữ sơn gian chi minh nguyệt
Kho trời chung mà vô tận của mình riêng
Cuộc vuông tròn phỏ mặc khuôn thiêng
Kẻ thành thị, kẻ vui miền lâm tâu
Gõ nhịp lấy đọc câu “Trương Tiễn Từu”
“Quân bất kiến Hoàng Hà chi thủy
Thiên thượng lai bồn lưu đảo hải bất phục hồi”
Làm chi cho một một đời?
(*việc đời lên xuống bạn hỏi làm gì?)
(**Trong chốn khói sóng mặt mù kia có chiếc thuyền đánh cá)

Hai bài thơ trên cho thấy rằng ông cũng hiểu cô nhân như **Tô Đông Pha** và **Lý Bạch** từng khuyên con người nên hưởng nhàn bởi vì mọi sự ở cõi đời sẽ thoáng qua như một giấc chiêm bao mà thôi. Nhưng bản thân ông có lẽ ông chán đời bởi vì ông không thực hiện được giấc mơ: “**để ta gánh vác giang san, quyết ném thanh khâm sang cầm tú**” và nhấn nhe người rằng: “**đừng thấy bạch diện thư sinh mà cười rằng “đá cùng tài tử”**”. Và, cuối cùng thì ông quyết ý suy tôn hậu duệ của Nhà Lê là **Lê Duy Cự** nổi dậy chống triều đình. Cuộc vùng lên chỉ kéo dài được vài tháng thì bị dập tắt.
Nếu thi đậu và được tin dùng, liệu họ Cao có thể làm được những gì?

Nếu được triều đình sử dụng, Cao Bá Quát có lẽ cũng chỉ như Nguyễn Công Trứ: được phái đi dẹp loạn hay khai khẩn nơi nào đó. Còn cái hoài bão lớn lao muốn **chuyên hóa tư duy** của các vua quan nhằm xóa bỏ óc kỳ thị địa phương; triệt hạ tham quan, ô lại; cải tổ chính sách thuế khóa và chế độ lao dịch; phát triển trường học; đáp ứng nhu cầu ngoại thương, v.v. thì chắc chắn là không thực hiện nổi, bởi vì đầu óc của vua Minh Mệnh, Thiệu Trị, và Tự Đức hồi đó rất thiên cận, nặng đầu óc bài Thiên Chúa Giáo, rất nghi kỵ những danh tài Bắc Hà; lại chỉ tin dùng những nịnh thần xuất thân cùng quê hương Thanh Hóa trong số đó không mấy ai đáng mặt tài danh.

Trong một khung cảnh nhân sự lãnh đạo thiếu đạo đức và tài năng như vậy, một con én làm sao tạo nổi mùa xuân? Những Kẻ Sĩ khôn ngoan đều tìm cách rút lui về ẩn, che dấu tài giỏi để an thân, như lời khuyên của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm:
Chớ chê người ngẩn, cậy ta dài
Dù kém, dù hơn cũng mặc ai
Quân tử ngẫm hay nơi xuất xử
Lộ là khôn dại cả hòa hai

Hoặc, có lẽ cũng nên phải ý thức tới *thời vận* và *số mạng* của con người nằm trong lẽ huyền vi của Tạo Hóa như lời trình bày của Uy Viễn Tướng Công Nguyễn Công Trứ:

Đi lại chẳng qua thời với mệnh
Cũng đừng thắc mắc, chớ đo lường
Vận mệnh khi may, đen hóa đỏ
Lúc đạt chẳng qua nhờ vận mệnh

Cao Bá Quát hẳn biết những lẽ khôn ngoan đó nhưng ông không thể chấp nhận sống trong một xã hội đầy bất công và người dân bị bóc lột như vậy. Ông luôn luôn bị thôi thúc bởi câu nói: “**Để ta đeo vòng thư kiếm, quyết xoay bạch ốc lại lâu dài**”.

Tóm lại, trước sau gì ông cũng phải phát cờ khởi nghĩa.

*

IV. Đời Sống Tình Cảm của Cao Bá Quát

Không được hiển đạt và không rùng rinh tiền bạc được như Nguyễn Công Trứ, tất nhiên Cao Bá Quát không thể hưởng nhàn theo kiểu của Uy Viễn Tướng Công. Tuy nhiên, ông cũng có lui tới các xóm ả đào để đánh trống và nghe giọng ngâm của các nàng ca kỹ. *Rất có thể ở đây ông đã gặp và đã yêu ít nhất một người.*

Vốn tự nhận mình là một con người “tài tử”, Cao Bá Quát cũng có những dòng thơ tình cảm rất thấm thiết. Ông đã gặp người đẹp nào, rồi xa nhau, rồi nhớ nhung trong cuộc đời của ông khi ông viết những câu trong bài hát nói này:

Hoài Cảm

*Giai nhân nan tái tặc [Người đẹp khó gặp lại]
Trót yêu hoa nên dan díu với tình
Mái Tây hiên nguyệt gác chành chành
Rầu rĩ lắm xuân về, oanh nhớ*

*Phong lưu tài tử đã xuân tứ
Trường đoạn tiên nương nhất chỉ thư
Nước sông Tương một dải nông xờ
Cho kẻ đày, người đày mong mối*

*Bút rứt nhẽ, trăm đường, nghìn nỗi
Chữ chung tình biết nói cùng ai?
Trót vì gấn bó một hai*

*

Gặp nhau, thấy thương nhau, rồi xa nhau; đó là lẽ thường tình đối với những con người nghệ sĩ đa tình vốn có sẵn trong lòng những mối tình vô tên tuổi:

*Gặp nhau trong khoảnh khắc
Mà tình yêu như đã kết tự bao giờ?
Chỉ có mình ta biết
Nàng là cả một bài thơ ...*

Để rồi phải thốt lên:

*Yêu là chết đi ở trong lòng một chút
Chia ly là chết đi một chút
Là chết cho mỗi phút mình yêu
Bóng hình phảng phất sáng chiều
Tâm tư lãng đãng, phiêu diêu, vật vờ*

Cao Bá Quát cũng không ngoại lệ. Ông bày tỏ tình cảm đó một cách rất man mác trong bài:

Tạm Biệt

*Tài tử với giai nhân là sẵn nợ
“Giải cứu nan*” ấy chữ làm sao?
Trai xưa nay chùng đã biết bao
Kìa tan hợp, nợ khứ lưu, đâu dám chắc?*

*Giai nhân khứ khứ, hành hành sắc
Tài tử triều triều, mộ mộ tình
Ủỷ kia ai, như mây tuôn, như nước chảy,
như gió mát, như trăng thanh
Lơ lửng khéo trên người chi mãi mãi?*

*Trời đất có san đi, sẻ lại
Hội tương phùng còn lắm lúc về sau
Yêu nhau xin nhớ nhờ nhau*

* Trích trong câu: “*Quân minh, lương tế tao phùng đệ; Tài tử, giai nhân giải cứu nan*” [Vua sáng, tôi giỏi dễ gặp nhau; Trai tài, gái sắc khó gặp nhau].

Lời và ý trong những bài thơ tình cảm của Họ Cao rất trong sáng và mênh mang và cũng đậm đà như những câu thơ này của Nguyễn Công Trứ:

*Thương thay người ở đôi quê
Nẻo đi thời nhớ, nẻo về thời thương*

Tiếc thay chỉ vì quá kiêu mạn và ôm mộng thể thiên hành đạo nên cuộc hưởng lạc của ông không được như Nguyễn Công Trứ.

V. Vài Nhận Định về Cao Bá Quát

Giáo sư Dương Quảng Hàm trong cuốn *Việt Nam Văn Học Sử* viết: “Ông [Cao Bá

Quát] là một bậc có tài lỗi lạc, nhưng không được trọng dụng, nên sinh ra chán nản, bực tức, khinh thế ngạo vật kết cục đến làm loạn mà phải giết chết, bởi thế trong thơ ca của ông ta nhận thấy cái tư tưởng yếm thế, cái tình cảm của một kẻ bất đắc chí”.

Học giả Nguyễn Văn Tố, trong một buổi thuyết trình về Cao Bá Quát tại Hội Trí Tri, Hà Nội (1934) đã tóm kết sự nghiệp của họ Cao trong một câu: “Xưa nay bậc văn hào không những đã làm những việc phi thường mà lại còn làm những điều phi pháp nữa; ấy là trường hợp của Cao Bá Quát.”

Xét lại thì thấy con người Cao Bá Quát tính khí khảng khái nhưng đại ngạo mạn lại ôm giấc mộng bá vương, nên trước sau gì ông cũng phải quyết đấn thân vào con đường chống triều đình tuy hy vọng thành công rất mong manh.

So Sánh Thái Độ Sống của Cao Bá Quát với Thái Độ Sống của Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Công Trứ

Cả ba vị đều thông minh, văn chương lỗi lạc, và đều thâm nhuần tư tưởng Từ Bi của Phật Giáo, Vô Vi của Lão Giáo, và Quân Tử của Khổng Giáo; những mỗi vị mang những *tâm tính* khác biệt nên đã biểu lộ những thái độ sống khác nhau.

Vì **tâm** còn *đầy ngạo mạn*, họ Cao buông bỏ lời khuyên của Lão Tử, không giữ cho mình cái *đức khiêm tốn* như Nguyễn Bình Khiêm để sống một cuộc sống giản dị và an thân. Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm từng nói:

Có tài mà cậy chi tài?

Vì **tâm** còn *quá khát vọng* với lý tưởng cải thiện xã hội khiến cái **trí** bị mờ tối, ông đã không nhận định rõ cái “thời” và cái “thế” của mình ngộ hầu hành xử khôn ngoan như Nguyễn Công Trứ trong việc ứng dụng cái lễ “Xuất Xứ” của người quân tử để ra làm quan hoặc lui về câu cá hay cày ruộng:

*Lúc vị ngộ hỏi tòng nơi bồng tát
Hiêu hiêu nhiên điều vị canh sắn*

Nguyễn Công Trứ ra làm quan để, nếu không can gián được vua, diệt được tham quan, thì cũng giúp được một số dân lập nghiệp ở hai huyện Kim Sơn và Tiền Hải, Thái Bình.

Và, có lẽ vì tâm chưa thấm nhuần đức từ bi của Đạo Phật, Họ Cao đã dẫn dắt những người theo mình và những thân nhân ba họ vào chỗ tử vong một cách oan uổng trong một cuộc nổi dậy còn rất non nớt. Tuy nhiên, nguyên nhân sâu xa dẫn tới hành vi chống đối triều đình là do tâm hồn của Cao Bá Quát thực sự đã bị ảnh hưởng rất nhiều bởi tư tưởng và hành động của Lý Bạch và Bạch Cư Dị.

Lý Bạch (701- 762) lâu thông kinh sử lẫn kiếm thuật và nổi tiếng là bậc kỳ tài, tính tình khảng khái, phóng khoáng. Từ thuở thanh niên ông đã ôm mộng làm chính trị để giúp nước. Vua Đường Huyền Tôn vời ông vào triều nhưng nhà vua chỉ sử dụng tài văn chương của ông thôi. Triều thần phần đông ganh ghét ông. Ông chỉ làm quan trong ba năm rồi xin về hưu. Vĩnh Vương Lâm, con thứ 16 của Huyền Tôn, khởi loạn và mời ông ra giúp. Ông bắt đầu dĩ nhận lời nhưng chỉ nhận làm Mạc Phủ Tân Khách. Mưu đồ của Vương Lâm thất bại, ông bị ghép vào tội phản nghịch. May nhờ Quách Tử Nghi xin cho khỏi tội chết. Lúc đó ông được 53 tuổi.

Bạch Cư Dị (722- 846) nổi tiếng cùng với Lý Bạch và Đỗ Phủ. Cũng như Lý Bạch, ông ôm hoài bão cải thiện xã hội, nâng cao đời sống dân nghèo, ghét sự tài sản bất quân. Ông chủ trương “Lợi cho vạn người; giàu cho cả thiên hạ”. Nhưng tính tình ông ngay thẳng quá. Có lần giữa triều đình ông nói thẳng với nhà vua: “Bệ Hạ lầm rồi”. Vì thế vua tuy trọng mà không ưa; triều đình nhiều kẻ dèm pha.

Trên hoạn đồ, có lần Bạch Cư Dị bị biếm chức xuống làm Giang Châu Tư Mã và chẳng trao cho trách nhiệm gì cả. Rốt cuộc trong cuộc đời ông, ông chỉ đắp được một con đập ngăn nước tạo nên hồ Tiền Đường giúp nông dân có nước làm ruộng. Chí của ông tỏ lộ qua hai câu thơ:

Tranh đắp đập cừ trường vạn tượng

Đỡ quân đô cái Lạc Dương Thành

Tranh lấy tấm chân áo cừ lớn dài vạn tượng

Để ông cùng đắp với hết Thành Lạc Dương

Cao Bá Quát cũng tỏ ra không kém Bạch Cư Dị khi phê bình thơ của nhóm Thi Xã do vua Tự Đức dẫn đầu rằng:

Ngán thay cái mũi vô duyên

Câu thơ Thi Xã con thuyền Nghệ an

Hậu quả là ông bị trừ đập, tù, và đày lên miền sơn cước với một chức giáo thụ nhỏ nhoi. Cuối cùng, ông thực hiện giấc mơ: “để ta đeo vòng thư kiếm, quyết xoay bạch ốc lại lâu đài” bằng cuộc nổi dậy ở Mỹ Lương nhưng thất bại. Âu đó cũng là số mệnh dành cho mỗi con người khó tránh khỏi và ông rất xứng đáng được đời ca ngợi là anh hùng bất khuất vì **ông là một Kê Sĩ có tâm huyết với đất nước và dám phát cờ chống bạo quyền hầu cứu dân bị áp chế.**

HBHDB (Arizona)



BÁC SĨ

NGUYỄN QUỐC QUÂN



CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane

Annandale, Va 22003

(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

Ngôn Ngữ, Cái Mới và Sáng Tạo

NGUYỄN BẢO HƯNG

Trong một bài viết đã đăng trên diễn đàn này (1), chúng tôi có nêu vấn đề khả năng diễn đạt của tiếng Việt với chủ ý chứng minh rằng tiếng Việt là một ngôn ngữ đầy đủ khả năng đáp ứng cho mọi nỗ lực tìm tòi sáng tạo. Chúng ta cũng biết một nhà văn muốn đi tìm cái mới thường ngập ngừng đắn đo mỗi khi cầm bút viết. Ngập ngừng đắn đo bởi vì ông ta đang tìm cách xua đi âm vang của những sáo ngữ thời thượng, những nhịp điệu ru êm, những lập luận công thức đang vo ve khuyến dụ ông, tìm cách lôi kéo ông lại sa vào vũng lầy của những cảm xúc tiên chế, những suy tư đã xếp nếp. Có xua đuổi những vo ve ấy, ông mới lắng nghe được những vang vọng, những thì thầm nhỏ nhỏ đang muốn cố nhồi lên tự thăm thẳm đáy lòng. Những thì thầm, những vang vọng ấy chính là tín hiệu của những cảm xúc mới lạ, những cảm nghĩ mới mẻ nảy sinh từ một trạng huống đặc biệt hoặc do phát hiện được một khác lạ ở những cái mà ta cứ tưởng rằng chẳng còn gì để nói thêm được nữa. Từ những cảm nghĩ, những cảm xúc vừa hiện lên, hãy còn phảng phất mơ hồ ấy, ông mới đi tìm chữ nghĩa để tìm cách nắm giữ chúng, bắt chúng phải hóa thân thành lời. Với một người viết yêu chữ nghĩa, trọng chữ nghĩa, tìm đến sáng tạo với tấm lòng như vậy, ông ta có thể an tâm tìm thấy ở tiếng Việt một người bạn đồng hành tâm đầu ý hợp.

Trong bài viết nêu trên chúng tôi đã tìm cách phân tích để chứng minh rằng dưới hình thức một câu chuyện kể dân gian mộc mạc bằng văn vần, *Chân Quê* thực ra là một bài thơ mang ý nghĩa sáng tạo. Và nếu Nguyễn Bính, chỉ với hai chữ « Chân quê » chọn làm tựa cho bài thơ, đã nói lên được cái nhìn sáng tạo của mình bằng thứ ngôn ngữ hầu như đại chúng chính vì ông đã nắm được bí quyết sử dụng điều mà người ta vẫn gọi là *thiên tài của ngôn ngữ* (le génie de la langue), tức là khả năng diễn tả đặc thù của mỗi ngôn ngữ một. Cái làm nên thiên tài của ngôn ngữ Việt hay, nói khác đi, cái đem lại cho tiếng Việt một khả năng diễn tả ưu việt đặc thù, theo tôi, trước hết là do tiếng Việt là thứ tiếng đơn âm nhưng lại có cấu trúc câu được tạo nên bởi các từ ghép do một, hai hoặc ba từ khác nhau ghép lại thành. Thứ đến, tiếng Việt là sự hội nhập của nhiều tiếng gốc khác nhau : tiếng Hán, tiếng Pháp (với gốc la tinh) và tiếng Việt chính gốc. Nhờ vào đặc tính này của tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm lại gồm các từ vựng được cấu tạo bởi các từ ghép, nên ta có thể, tùy theo hoàn cảnh, tùy theo nhân vật, tùy theo tâm trạng, tùy theo cảm nghĩ..., tạo ra những từ mới bằng cách hoặc hoán đổi vị trí của chữ trong một từ, hoặc thay thế một chữ nào đó bằng một chữ khác trong một từ để làm cho ý tưởng được sáng tỏ hơn hoặc để làm nổi bật cái sắc thái, cái âm hưởng, cái ý vị của điều ta muốn diễn tả.

KHI NÀO.. KHI NÀO

Khi nào ... khi nào
cái bóng của chính mình
chưa thoát khỏi dòng thơ
những tình khúc vẫn cứ quay tơ
đang còn ngơ ngẩn, ngẩn ngơ khi nào
Khi nào ... khi nào
cái bóng của chính mình
chưa thoát khỏi men cay
những tình khúc vẫn cứ ngắt ngây
đang còn nửa tỉnh, nửa say khi nào
Khi nào ... khi nào
cái bóng của chính mình
chưa, chưa thấy hư hao
còn nghe sóng vỗ dạt dào bể khơi
mây bay về cuối chân trời
xin mưa xin nắng ở đời ngược xuôi
khi nào ... khi nào
cái bóng của chính mình
đứng bên lề, hòa vào cái bóng ... chiều trôi
dòng sông thao thức nói lời trăm năm

Phan Khâm

(Virginia)

Để dẫn chứng tôi xin tạm liệt kê sau đây danh sách các từ vựng được tạo thành với từ *tưởng* chọn làm gốc tôi sưu tầm được: *tư tưởng, ý tưởng, suy tưởng, lý tưởng, tưởng tượng, tưởng nhớ, tưởng niệm, tin tưởng, hồi tưởng, hoài tưởng, mơ*

tưởng, tư tưởng, vọng tưởng, đồng tưởng, giả tưởng, ảo tưởng, không tưởng, hư tưởng, hoang tưởng, bệnh tưởng, cuồng tưởng, huyền tưởng... Bây giờ tôi xin nhờ các vị soạn từ điển hay các nhà lý luận phê bình văn học định nghĩa dùm tôi các từ trên và, nếu có thể được, cho một câu thí dụ kèm theo để giúp tôi nắm được cách sử dụng thích đáng các từ đó. Giả dụ công tác này thực hiện, giờ tôi lại có ý nhờ các nhà ngôn ngữ học tìm kiếm dùm tôi một vài ngôn ngữ trên thế giới cũng có được những từ vựng tương đương để diễn tả đầy đủ các sắc thái, âm hưởng đa dạng như trường hợp các từ Việt nêu trên. Bởi thế tôi tin rằng, nếu chịu khó tìm hiểu tới nơi tới chốn và chịu khó chọn từ, chọn nghĩa một cách ý thức, bất cứ người viết nào cũng có thể đem lại cho văn bản một ý vị khả dĩ làm vừa lòng được khách đọc khó tính muốn đi tìm sự thích thú trong đọc sách. Bù lại, nếu ta chấp nhận kiên trì trong chọn lựa từ ngữ để diễn tả chính xác, thích đáng điều ta muốn nói lên, ta sẽ có cơ hội để phát hiện rằng tiếng Việt quả là một ngôn ngữ dồi dào sức sống, với tiềm năng tự tạo và tái tạo thần thông biến hóa không thua gì ông Tê thiên đại thánh dám đánh cả Trời luôn.

Nhưng dù có là công cụ sắc bén đến mấy, ngôn ngữ cũng chỉ là phương tiện truyền đạt mà thôi. Với nó và nhờ nó, một nhà văn hay nhà thơ tài hoa có thể diễn đạt chính xác, cụ thể tư duy của mình hay truyền đạt trọn vẹn những rung cảm với âm hưởng sắc thái tinh tế nhất. Nhưng công cụ bao giờ cũng chỉ là công cụ, bản thân ngôn ngữ không hề chứa **mầm mống** sáng tạo nên không phải là **nguồn gốc** sáng tạo. Bởi vậy một nhà văn, nhà thơ nếu chỉ biết

tìm tòi vận dụng khả năng diễn đạt của ngôn ngữ nhằm mục đích thể nghiệm một bút pháp mới, một hình thức diễn đạt mới nhưng rút cục vẫn chỉ lặp lại có ngần ấy chủ đề nội dung quen thuộc, thì nỗ lực cách tân của ông ta cũng chỉ là một sự cách tân trong sáng tác mà thôi. Mà sáng tác không hẳn đồng nghĩa với sáng tạo. Sáng tạo, theo tôi, chủ yếu nằm trong cái nhìn khai phá nghĩa là cần hướng sự tìm kiếm vào việc phát hiện những sự kiện, chi tiết còn ẩn dấu một ý nghĩa mới ở những cái mà mọi người tưởng như đều đã «biết rồi, khổ lắm, nói mãi». Để làm sáng tỏ sự khác biệt giữa *sáng tác* là dùng thủ thuật, bút pháp để nói mới mẻ, nói khác đi, nói cao siêu bí hiểm, nói tối tăm hũ nút, nói không giống ai để rồi cũng chỉ nói lên những điều mà mọi người có nghe nói hoặc cũng có thể nói lên được, với *sáng tạo* là đưa ra được cái nhìn mới mẻ khả dĩ đem lại một ý nghĩa mới làm biến đổi nội dung ở những cái ta vẫn cho là quen thuộc, tôi đề nghị một trường hợp khảo sát cụ thể : vai trò của Caligula trong vở «CALIGULA» (Gallimard – coll. Folio-Théâtre -1944) của A. Camus.

Là một hoàng đế ở đầu công nguyên (12-41) và tuy chết trẻ, mới 29 tuổi, nhưng Caligula lại khét tiếng là bạo chúa do các tội ác ngông cuồng quỷ quyết của y: loạn luân với em ruột, đòi triều đình kiếm cho được mặt trăng về làm đồ chơi, bắt cận thần phải hiến vợ và làm tình ngay trước mắt họ, tùy tiện ra lệnh giết người không theo một lộ gích nào. Tuy nhiên khi mới đăng quang, Caligula đã có một vài cử chỉ quảng đại báo hiệu có thể trở thành một đấng minh quân. Chỉ sau cái chết đột ngột của Drusilla, em gái và cũng là người tình yêu quý nhất,

Caligula mới đổi tâm tính và trở thành bạo chúa. Đối với cuộc đời của một nhân vật như Caligula chi tiết này tưởng không có gì đáng kể ; nhưng nó lại đập vào mắt Camus khiến ông quyết định chọn Caligula làm chủ đề cho vở kịch của ông. Nếu chỉ xét về mặt nghệ thuật sân khấu, vở Caligula tưởng như không có gì mới lạ so với những vở kịch hay tác phẩm hư cấu khác cũng nói về nhân vật này. Trong vở kịch ta cũng thấy một Caligula lộ diện nguyên hình là một bạo chúa với những tội ác tày trời theo lịch sử ghi chép. Điều được coi mới mẻ hay đúng ra được gọi là sáng tạo ở Camus, chính là vì ông đã biết dùng ánh sáng ý thức của thời đại mình đem rọi chiếu vào lịch sử làm thay đổi chân tướng Caligula, biến một nhân vật vốn được biết như một bạo chúa bi ối thành một nạn nhân biểu tượng của sự phi lý ở đời. Và nhờ óc sáng tạo này ông đã lôi ra được ánh sáng cái ý thức về phi lý vốn là mối ưu tư hàng đầu của thế hệ ông. Đây là một chủ đề sâu sắc mà nội dung thông điệp không dễ gì phổ biến được sâu rộng. Bởi vậy Camus mới chọn kịch như là thể loại giúp ông tiết kiệm được ngôn từ mà lại có khả năng truyền đạt tối đa.

Vở kịch mở màn với cảnh triều đình nhón nhác đi tìm Caligula biệt tăm đã ba ngày. Khi tái xuất hiện, Caligula chỉ còn là một thân hình tiêu tụy, mặt mày lem luốc, miệng lảm nhảm như một anh khùng. Phải chờ tới khi gặp lại tâm phúc là Helicon, Caligula mới thốt ra một câu giúp ta hiểu được sự thay đổi đột ngột của y: «*Mọi người đều phải chết và không có hạnh phúc.*» («*Les hommes meurent et ne sont pas heureux* » (CALIGULA, acte I, sc.4, p.

49). Bằng câu này Caligula muốn thổ lộ rằng y đang phải sống một thảm kịch lớn, không phải do cái chết của Drusilla mà vì cái chết đó khiến y phát hiện ra một sự thật khủng khiếp: đời người là hữu hạn và hạnh phúc chỉ là ảo ảnh. Với Hélicon, sống chết là chuyện ở đời và điều này không khiến «*thiên hạ phải bỏ bữa ăn trưa*» («*Ce n'est pas cela qui les empêche de déjeuner*» Sdd, tr. 49). Nhưng với Caligula đây lại là biểu hiện của định mệnh phi lý dành cho kiếp người. Điều này làm hấn bất bình nổi loạn vì thấy không thể chấp nhận sống giả dối, sống cam phận với một hạnh phúc ảo ảnh như vậy.

Sẵn có quyền bính trong tay, hấn quyết định thực hiện điều được coi như bất khả thi trước con mắt người đời: thay đổi thân phận phi lý con người. Ý muốn bất nhốt mặt trăng làm đồ chơi chính là hành vi biểu tượng cho quyết tâm thực hiện sự bất khả thi đó. Nhưng trước mắt, Caligula tự cho mình nhiệm vụ thức tỉnh mọi người, bắt họ phải mở mắt nhìn ra thân phận phi lý của mình. Để thực hiện sứ mạng, Caligula ra quyết định tất cả phú hộ bất kỳ lớn nhỏ đều phải lập chúc thư trước bỏ quyền thừa hưởng gia tài của con cái để nạp cho nhà nước. Sau đó y ra lệnh cho quân thủ công khổ thiết lập một danh sách không theo một qui tắc thứ tự nào để tùy tiện lôi những người có tên trong danh sách ra chặt đầu mỗi khi nhà nước cần tới tài sản của họ.

Caligula gọi đó là một «*phương pháp sư phạm nhằm biến cái bất khả hữu thành khả hữu*». («*C'est de la pédagogie... Il s'agit de rendre possible ce qui ne l'est pas.*» Sdd, tr. 58). Phương pháp sư phạm của *giáo sư* Caligula («*Il leur manque un professeur*

qui sache ce dont il parle» Sdd. tr. 49) là đẩy lý luận phi lý tới tận cùng giới hạn để biện minh cho các quyết định phi lý của mình : nếu phi lý là luật chơi ở đời, tại sao có những điều lại được coi là phi lý ? Bằng cách lý luận này Caligula muốn dồn mọi người tới chỗ phải bất bình nổi loạn trước các quyết định độc đoán phi lý của y và, qua đó, bất bình nổi loạn trước sự chết như là thân phận phi lý con người. Nhưng bài học siêu hình sâu sắc ấy lại vượt quá tầm hiểu biết của đám cận thần, nên họ mới coi Caligula là một hiểm họa và quyết định phải trừ khử y.

Ý nghĩa nhân bản mà Camus muốn gán cho Caligula đằng sau khuôn mặt bạo chúa sadique theo lịch sử, còn được soi tỏ hơn nhờ vào hai nhân vật trong vở kịch là Scipion và Cherea. Scipion là một thiếu niên mười bảy tuổi tâm hồn thi sĩ, cha ruột bị chính Caligula sát hại. Lúc đầu Scipion rất căm thù Caligula và nuôi ý định giết Caligula để trả thù cha. (II, 12 – Sdd. tr.95-98). Nhưng sau một cuộc trao đổi với Caligula, Scipion hiểu rõ hơn con người thật Caligula, thông cảm được với khát vọng u uẩn của y nên từ bỏ ý định trả thù. (II,14 –Sdd. tr.99- 106). Là cận thần, Cherea cũng hiểu được Caligula như Scipion. Nhưng chính vì thế hấn càng thấy lý do phải trừ khử Caligula. Bởi vì, theo hấn, «*có toi mạng cũng chẳng nhằm nhờ gì... Nhưng làm tiêu tan lẽ sống, làm mất đi lý do tồn tại, đó mới là điều không thể chịu đựng được. Ta không thể sống vô có.*» («*Perdre la vie est peu de chose... Mais voir dissiper le sens de cette vie, disparaître notre raison d'exister, voilà ce qui est*

insupportable. On ne peut vivre sans raison. » Sdd. tr. 73).

Ta có thể nói Cherea là biểu tượng cho điều mà chủ nghĩa hiện sinh gọi là sự **sự nguy tín** (la mauvaise foi) tức là thái độ sống giả dối, sống cầu an, sống ẩn núp dưới một lẽ sống giả tạo để có thể kéo dài sự tồn tại. Cũng vì muốn được sống cam phận như vậy nên, dù được Caligula ân xá sau khi âm mưu bị bại lộ, Cherea vẫn tham dự vào cuộc sát hại Caligula. Duy có điều khác biệt với đám cận thân giả nua là Cherea đã ra tay hành động mặt đối mặt chứ không chịu làm kẻ đâm sau lưng chiến sĩ như đám cận thân đồng lõa. Vở kịch kết thúc với cảnh Caligula trước khi thở hắt ra còn cười sằng sặc và rống lên : «*Ta vẫn sống đây*» (« Je suis encore vivant ! » Sdd. tr.172). Bằng câu trần trối này Caligula muốn nhắn nhủ đám cận thân rằng, cho dù có hủy hại được thân xác y, nhưng từ nay họ sẽ phải sống mãi với ám ảnh về thân phận phi lý mà Caligula đã gieo rắc trong đầu họ.

Kịch bản CALIGULA trong bộ Folio-Théâtre của nhà xuất bản Gallimard, Paris dày 209 trang. Nếu tính số trang dành cho phần từ khi mở màn (tr.37) tới lúc hạ màn (tr.172) thì toàn bộ vở kịch chỉ chiếm có 135 trang. Nếu ta lại tính thêm rằng trên những trang này một số trang chỉ có độc một chữ mang tên nhân vật, và một số trang khác được vài dòng với mẫu đối thoại đôi ba chữ thì tổng số chữ dành cho vở kịch giỏi lắm chỉ lấp đầy ngót trăm trang sách khổ bỏ túi là cùng. Vậy mà với ngần ấy chữ nghĩa và chỉ dựa vào một thể loại cổ điển với những lời lẽ thuộc về ngôn ngữ đời sống hàng ngày, Camus vẫn giúp cho độc giả không phải chuyên môn nhận thức được

một vài khái niệm then chốt của chủ nghĩa hiện sinh. Điều này cho phép tôi nghĩ rằng, trong sáng tạo, một khi ta có được cái nhìn khai phá và nắm vững chất liệu ta vẫn nói lên được cái mới; chứ không nhất thiết phải ưu tiên tìm kiếm (?) một thủ thuật, một bút pháp mới lạ ta mới tiến hành được cuộc cách mạng cách tân văn học.

Không coi nhẹ vai trò quan trọng của kỹ năng biểu thị nhưng tôi cho rằng mọi công trình sáng tạo đều cần có chất liệu tốt. Mà chất liệu quý báu nhất, trong văn học nghệ thuật, vẫn là vốn sống. Vốn sống càng dồi dào, chất liệu càng đa dạng phong phú. Những hoàn cảnh đặc biệt, những tình huống bất đắc dĩ mới là nguồn cung cấp chất liệu hiếm hoi. Chúng là điều kiện làm nảy sinh những cảm xúc mới, những ấn tượng mới, những suy tư mới. Và chỉ những cảm xúc, ấn tượng suy tư được nảy sinh từ những trạng huống ngoại lệ ấy mới giúp ta tạo dựng nên được những tác phẩm có xương có thịt.

Những năm tháng dài sống trên quê hương phải trải qua biết bao thảm họa chiến tranh, nghèo đói, chậm tiến biết đâu, nhìn lại, ta đã chẳng tích lũy được một vốn sống quý báu. Tới khi được đặt chân lên những nước văn minh tiên tiến nhìn thấy người ta giàu sang của cái ê hề, sinh hoạt tự do thả dãn, không bằng lòng điều gì tha hồ quạc miệng chửi tưới hột sen, ta ngỡ ngàng tự hỏi phải chăng thiên đường hạ giới nơi đây. Nhưng sau những choáng ngợp ban đầu, ta lại phát hiện ra rằng cuộc sống những chôn này cũng có cái gì không được ổn lắm. Gia đình nhà nào cũng hai ba chiếc xe, TV, dàn xen mỗi phòng đều có. Vậy mà ra đường ai nấy cũng hót ha hót hải có đường còn tắt

bật hơn cả dân nghèo phải lo chạy gạo ở quê nhà. Mà cũng ít gặp được ai ra chiều há hê cả. Mặt mũi người nào cũng làm lì khó đăm đăm như mắc bệnh táo bón kinh niên. Đụng nhau mà như không ngó thấy nhau, chẳng thèm chào hỏi thì chớ lại chỉ chực kiếm chuyện sinh sự để xả sù bắt, có khi còn định rút súng để xoi tái nhau luôn.

Được ra hải ngoại, do đó, có thể còn là cơ hội giúp ta có thêm điều kiện so sánh, đối chiếu, đưa ra cái nhìn mới mẻ để đặt lại vấn đề một số giá trị được coi là tiêu biểu cho ý nghĩa đời sống văn minh kỹ thuật vật chất. Tôi cho rằng chỉ bằng con đường khai thác vốn sống và vị thế đặc biệt riêng tư ấy mới thực sự dẫn ta tới con đường sáng tạo. Còn như chỉ đặt nặng vấn đề thẩm mỹ hình thức tôi e rằng khó mà đem lại sinh khí cho một nền văn học có chiều hướng đang xuống cấp và ngày càng bị đe dọa bởi sự tràn ngập của những sản phẩm thuộc loại *văn hóa tiêu dùng* (2). Và cũng chỉ bằng con đường sáng tạo ta mới mong thoát khỏi nền văn chương tầm gửi sống nhờ vay mượn văn học nước ngoài và, nhờ đó làm nên những tác phẩm lớn (3) có tầm vóc quốc tế. Hay, ít ra cũng một vài tác phẩm giá trị vượt thắng được thử thách thời gian như « *Nỗi buồn chiến tranh* » của Bảo Ninh.

Một nỗi buồn nhân bản ray rứt mà, ngày nay, càng đọc lại ta càng thấm thía ý nghĩa chua cay. Nhìn ra nước ngoài, nhà văn mang Pháp tịch gốc Trung Hoa Cao Hành Kiệt được trao giải văn học Nobel là nhờ cuốn « *Linh Sơn* », (bản dịch tiếng Pháp « *La montagne de l'âme* », Editions de l'Aube-2000). Ta có thể coi « *Linh Sơn* » như là tập ký sự của Cao Hành Kiệt trong suốt cuộc hành trình xuyên Hoa Lục để tìm

đường lẩn trốn ra nước ngoài. Trong cuộc hành trình ấy ông đã nhiều lần len lỏi tới nhiều vùng thâm sơn cùng cốc và được tiếp xúc với những thổ dân bộ tộc vẫn bảo tồn được phong tục tập quán cổ truyền mặc dù bị chính quyền Bắc Kinh xếp vào loại hủ hóa và tìm mọi cách xóa bỏ. Bằng một văn phong và một một kỹ thuật diễn đạt thuộc về riêng ông chưa hề thấy được đem giảng dạy trên các đại học, « *Linh Sơn* » còn là một tài liệu nhân chủng học phong phú, một thiên phóng sự linh động về con người, về cuộc sống. Về những con người trong cuộc sống: những khuôn mặt tâm thường mờ nhạt trong cuộc sống muôn màu muôn vẻ cũng tâm thường mờ nhạt, nhưng lại phảng phất một mùi hương thấm đậm tâm hồn các sắc tộc cổ đại Trung Hoa vẫn được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác bất chấp mọi thăng trầm thế cuộc. Có lẽ nhờ vậy mà tác phẩm « *Linh Sơn* » đã lọt vào mắt xanh của ban giám khảo Hàn Lâm Viện Stockholm chẳng?

(1) « *Có nên đặt vấn đề về khả năng diễn đạt của tiếng Việt* », N.B. Hưng –

(2) Bốn chữ *văn hóa tiêu dùng* là tựa cuốn sách của Nhà Xuất Bản Thông Tin Văn Hóa Hà Nội 1998, do một nhóm nhà nghiên cứu biên soạn. Tôi đã mượn bốn chữ « *văn hoá tiêu dùng* » này không hẳn theo ý nghĩa nội dung và mục đích của nhóm chủ trương, mà chỉ muốn nói đến những bài viết được quan niệm thực hiện như sản phẩm hàng hóa, chủ yếu chạy theo thị hiếu nhằm đáp ứng đòi hỏi của thị trường.

(3) Chu Văn Sơn : « *Tác phẩm lớn, tại sao chưa ?* » Talawas, mục « *Văn Học Việt Nam* », 16-11-2006.

NHÀ VĂN ANH GEORGE ORWELL VÀ TRUYỆN “TRẠI SÚC VẬT”

PHẠM VĂN TUẤN

1/ Các con vật và con người trong Trại Súc Vật.

Old Major: là một con heo đực già, được nhiều con vật trong nông trại kính trọng. Con heo này cảm hờn chế độ độc đoán của loài người nên dạy cho các con vật khác trong nông trại bài ca “*Thú Vật của Nước Anh*” và vận động chúng nổi dậy.

Snowball: một con heo đực trẻ hơn, là một trong các nhà lãnh đạo sáng giá của cuộc nổi dậy. Sau khi trù liệu các chương trình phức tạp xây dựng nhà máy xay lúa, nó bị đàn chó của Heo Napoleon săn đuổi khỏi trại súc vật rồi sau đó, thường là “*dê tế thần*” khi nông trại gặp khó khăn.

Napoleon: một con heo đực trẻ khác, nhiều tham vọng, cùng với Heo Snowball lãnh đạo cuộc nổi dậy lật đổ ông Jones. Sau khi thành công, nó dần dần kiểm soát mọi sinh hoạt của nông trại cho đến khi trở thành một nhà độc tài.

Squealer: con heo mập, là phát ngôn viên của Heo Napoleon, có khả năng nhào nặn tư tưởng của các con vật khác bằng cách dùng các lời hùng biện rộng tuếch, nhưng đầy tính thuyết phục. Nó thường cất nghĩa

tại sao các con heo thường làm trái ngược với các Giáo Điều. *Boxer*: con ngựa kéo xe nhiều sức mạnh, rất trung thành và kém thông minh, là con vật “*tiên tiến*” trong mọi kế hoạch cần đến sức lao động, sau này khi đã kiệt sức, thì bị bán cho lò sát sinh.

Clover: con ngựa cái thường âm thầm thắc mắc trước các quyết định của Heo Napoleon, đã giúp đỡ Boxer khi con ngựa này ngã quỵ.

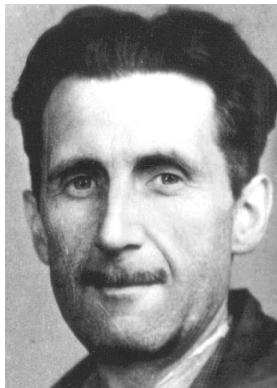
Mollie: con ngựa vô dụng, ưa thích “*bằng khen*” và đường ngọt hơn là các lý tưởng hay cuộc nổi dậy. Sau này nó bị dụ ra khỏi nông trại vì lời hứa hẹn một cuộc sống tốt đẹp.

Benjamin: con lừa bị quan, hoài nghi trước mọi loại xã hội, thường đưa ra các lời nhận xét ẩn dụ, khiến cho các con vật khác kém hăng hái.

Moses: con quạ thường làm vui các con vật khác bằng câu chuyện mô tả một “*thiên đường*” gọi là Núi Kẹo Đường (Sugarcandy Mountain).

Bluebell, Jessie và Pincher: ba con chó này sinh ra 9 con chó nhỏ, về sau lớn lên trở thành các vệ sĩ của Heo Napoleon.

Ông Jones: chủ nhân của nông trại Manor, bị các con vật trục xuất khỏi nông trại. Ông ta đã chết vì không còn hy vọng chiếm lại tài sản cũ.



Ông *Whimper*: kẻ môi giới giữa Heo Napoleon và các nông trại chung quanh.

Ông *Pilkington*: chủ trại Foxwood lảng giềng, bỏ bê công việc, thường say mê săn bắn và đánh cá, sau này đã bán đất cho Heo Napoleon và ăn nhậu, chúc mừng với con heo này.

Ông *Frederick*: chủ trại Pinchfield lảng giềng, là một nhà buôn mưu mẹo, đã lừa đảo Heo Napoleon khi mua gỗ bằng tiền giả. Sau này ông ta tìm cách tấn công và chiếm đoạt trại súc vật nhưng thất bại.

2/ Cốt Truyện (1943).

Vào một đêm trường sau khi ông chủ Jones đã ngủ mê mệt vì say rượu, các thú vật của Nông Trại Manor tụ họp trong nhà chứa cỏ để nghe con heo già Old Major kể về một giấc mộng kỳ lạ. Khởi đầu, bằng một giọng nói rõ ràng và đầy sức mạnh, Heo già Major kể lại sự hiểu biết của mình về “*bản chất của cuộc đời*” theo đó trên quãng đời này, các con vật đã phải làm việc cực nhọc, chịu đựng gian khổ, không được ăn no, tới khi không còn sức lao động nữa thì bị làm thịt. Tại sao có sự bất công này? Bởi vì các con vật đã bị làm nô lệ cho loài người và đây là “*giới sinh vật chỉ tiêu thụ mà không sản xuất*”. Vì vậy chỉ còn một giải pháp: phải lật đổ loài người. Mọi con vật phải “*đoàn kết lại*” vì một mục đích chung: nổi dậy.

Buổi họp bị gián đoạn một thời gian ngắn vì vài con chó chạy đi đuổi chuột, tiếp theo Heo già Major đề nghị bỏ phiếu quyết định loài chuột là “*đồng chí*” (comrades), kế tiếp mọi con vật đều tán thành một quyết định khác của Heo già Major như sau: “*Con người là Kẻ Thù*”. Các con vật vì vậy cần phải tránh xa các thói quen của con người: không

xài nhà ở, giường nằm, quần áo, tiền bạc, mật dịch, rượu. Và trên hết “*Tất cả chúng ta đều là Bạn. Không con vật nào được giết một con vật khác. Mọi con vật đều bình đẳng*”.

Heo già Major đã không thể mô tả hết giấc mộng tốt đẹp của nó cho các con vật khác nghe, đây là “*giấc mộng về một trái đất không còn loài người*”, và nó cũng dạy cho các con vật kia hát bài ca “*Các Thú Vật của Nước Anh*” mà nó học được trong giấc mộng. Nhờ hát đi hát lại bài ca cách mạng này, các con vật đều trở nên cuồng nhiệt.

Không lâu sau đó, Heo già Major qua đời nhưng các con vật còn sống khác đều cần phải hiểu rõ nền Triết Học “*Súc Vật Chủ Nghĩa*” (Animalism), đều phải nổi dậy chống lại ông chủ Jones. Công tác giảng dạy và tổ chức quần chúng được giao phó cho các “*con heo*” bởi vì loài heo được coi là những con vật tỉnh khôn, khéo léo. Trong số các con vật này, có hai con tài giỏi nhất là Heo Snowball và Heo Napoleon. Ngoài ra còn có Heo Squealer, một kẻ ăn nói xuất sắc.

Ngày tháng trôi dần qua, ông chủ trại Jones càng uống nhiều rượu mạnh và càng trễ nải việc chăm sóc nông trại. Rồi vào một buổi chiều kia, khi ông Jones quên cho súc vật ăn uống sau một ngày dài, các con vật phá cửa, xông vào máng ăn và giành ăn uống. Ông Jones và các người làm công bèn dùng roi, gậy, đánh đập các con vật. Các con vật đói ăn này không thể chịu đựng hơn được nữa. Chúng bèn tấn công các kẻ đàn áp. Vừa ngạc nhiên, vừa hoảng sợ, cả chủ lẫn tớ đều bị đuổi khỏi nông trại. Thật là bất ngờ. Cuộc nổi dậy đã thành công. Ông chủ Jones không còn nữa, Nông trại Manor từ nay thuộc về các súc vật.

Niềm vui của tất cả súc vật thật là vô kể, chúng là chủ nhân và sẽ làm việc hòa thuận với nhau suốt đời. Chúng rất phấn khởi khi các con heo dạy chúng biết đọc và biết viết. Bảng hiệu “*Nông Trại Manor*” nay được đổi thành “*Trại Súc Vật*” (Animal Farm), đồng thời trên vách tường của vựa lúa, Bảy Giáo Điều của Chủ Nghĩa Súc Vật được viết rõ như sau:

- 1- Ai đi hai chân đều là kẻ thù.
- 2- Ai đi bốn chân hay có cánh đều là bạn.
- 3- Không con vật nào được phép mặc quần áo.
- 4- Không con vật nào được phép ngủ trên giường.
- 5- Không con vật nào được phép uống rượu.
- 6- Không con vật nào được phép giết một con vật khác.
- 7- Mọi con vật đều bình đẳng.

Dù cho Bảy Giáo Điều này được dạy cho các con vật học thuộc lòng, nhưng cũng có vài con vật quá ngu dốt, học không thuộc bài! Vì thế Heo Snowball đã tóm tắt tất cả các Giáo Điều thành một câu châm ngôn dễ nhớ: “*Bốn chân Tốt, hai chân Xấu*”.

Sau cuộc Nổi Dậy thành công, mọi con vật đều phải ra đồng làm việc và vào ngày Chủ Nhật, chúng tụ họp trong vựa lúa để thảo luận về các đường lối, chính sách của nông trại mới. Các con heo trở nên các kẻ giám sát vì được coi là thông minh nhất. Công tác cần phải làm ngay là vắt sữa bò và các con heo lo công việc này. Một con vật nêu thắc mắc là “*sẽ phải làm gì với lượng sữa này*” thì Heo Napoleon nói lớn: “*Xin đồng chí đừng quan tâm tới sữa bò. Công tác chính là phải lo hoàn thành vụ thu hoạch*”. Khi các con vật từ cánh đồng trở về thì lượng sữa bò đã biến mất. Thực ra Heo Napoleon đã ăn cắp lượng sữa

này cùng một số trái táo, giành cho chính nó và các con heo khác. Heo Napoleon đã cắt nghĩa rằng sữa tươi tuyệt đối cần thiết cho loại lao động trí óc mà loài heo đang thi hành bởi vì nếu không có loài heo suy tính, ông Jones sẽ trở lại nông trại và chẳng con vật nào mong muốn điều này. Ngoài ra, nó còn dùng Heo Squealer, một con heo có khả năng thuyết phục các con vật khác tin rằng loài “*heo*” luôn luôn sống “*đạo đức*” và bao giờ cũng quyết định đúng đắn, “*chí công vô tư*”. Kể từ nay mọi con vật đều phấn khởi, hoàn thành mọi công tác trong thời gian kỷ lục, xuất sắc nhất làm công việc nặng nhọc là con ngựa Boxer.

Vào mùa thu năm đó, ông Jones và các gia nhân cố gắng tìm cách chiếm lại nông trại nhưng nhờ sự khôn khéo và lòng can đảm của Heo Snowball, nhờ các chiến thuật của con heo này mà các con vật đã chiến thắng ông Jones sau một trận đánh được gọi là “*Trận Chiến tại Chuồng Bò*” (The Battle of the Cowshed). Mùa đông tới. Mollie là một con ngựa vô dụng, chỉ quan tâm tới “*bằng khen*” và đường ngọt, đã bị một người lạ dụ ra khỏi nông trại. Rồi ngày tháng qua, giữa Heo Snowball và Heo Napoleon đã xảy ra các bất đồng ý kiến. Heo Snowball nói cần phải khiến cho các con vật khác nổi dậy tại các nông trại khác, còn Heo Napoleon cho rằng chúng phải tự kiếm ra súng đạn. Khi Heo Snowball bắt đầu phác thảo ra chương trình xây dựng một cối xay gió để sản xuất điện năng và nhờ vậy cung cấp cho súc vật thêm thời gian nhàn rỗi, thì Heo Napoleon lại cho rằng kế hoạch này vô ích, chỉ khiến cho các con vật mất đi thời gian cần thiết để sản xuất thực phẩm.

Vào một ngày Chủ Nhật, khi các con heo tập trung mọi con vật lại để bỏ phiếu về cối xay gió, khi Heo Snowball hùng hồn diễn thuyết về một loại điện tiết kiệm sức lao động sẽ được sản xuất ra, thì Heo Napoleon ra một hiệu lệnh, 9 con chó hung dữ do Heo Napoleon nuôi dưỡng từ trước, đã xông ra, tấn công Heo Snowball và đuổi con heo này chạy thục mạng, vĩnh viễn bị loại ra khỏi nông trại. Vây quanh là bầy chó hung dữ, Heo Napoleon tuyên bố rằng từ nay, không duy trì các buổi thảo luận mất thời giờ nữa, một ủy ban đặc biệt của loài heo do nó làm “*chủ tịch*”, sẽ ra lệnh mỗi ngày. Bốn con heo trẻ lên tiếng phản đối nhưng tiếng gầm gừ của bầy chó hung dữ khiến cho bốn con heo kia phải im lặng, đồng thời bầy cừu cũng đồng thanh và liên tục kêu be be câu châm ngôn “*Bốn chân Tốt, hai chân Xấu*”, ngăn cản cuộc tranh luận.

Sau đó vài ngày, Heo Napoleon lại tuyên bố rằng Heo Snowball đã ăn cắp ý tưởng của nó về việc xây dựng cối xay gió, rằng cối xay gió này sẽ phải được thực hiện, rằng công trình này do mọi con vật hy sinh. Công việc xây dựng được tiến hành. Ngựa Boxer to, khỏe, đã tỏ ra có giá trị nhất trong công tác này. Nhưng rồi một trận bão đã làm sụp đổ cối xay gió dang dở. Heo Napoleon đã đổ tội “*phá hoại*” cho Heo Snowball và ra lệnh làm lại công trình. Sau đó, Heo Napoleon đã mượn một kẻ trung gian để mua bán với các nông trại láng giềng. Việc làm này trái với các Giáo Điều của “*Chủ Nghĩa Súc Vật*”.

Một hôm, Heo Napoleon ra lệnh tất cả con vật phải tập họp trên sân rộng rồi sau đó, các con chó cắn tai bốn con heo nhỏ, lôi chúng ra trước mặt Heo Napoleon. Các con

heo nhỏ này nhận tội đã âm mưu với Heo Snowball để phá hoại cối xay gió và rồi giao nạp nông trại cho con người. Sau khi thú tội, bốn con heo nhỏ đã bị các con chó cắn cổ chết. Điều này cũng xảy ra với ba con gà mái, một con ngỗng v.v... Các vụ thú tội tăng dần, đồng thời cũng chất cao đồng xác thú vật. Sau các lần hành quyết này, các con vật khác đều khiếp đảm, rón rén lùi đi.

Cũng có vài con vật còn nhớ rằng những vụ tàn sát này vi phạm Giáo Điều Thứ Sáu, nhưng khi tới vụ lúa, chúng đã thấy ghi trên đó câu: “*Không con vật nào được phép giết một con vật khác mà không có lý do*”. Rồi tiếp theo, nhiều con vật đã bị hành quyết vì âm mưu ám hại Heo Napoleon. Kể từ nay, con heo “*lãnh tụ*” này luôn luôn có bầy chó hung dữ bao quanh, lại được truy tặng nhiều danh dự, chẳng hạn một bài thơ ca ngợi tài năng của Heo Napoleon được viết trên vách tường của vụ lúa.

Lòng tham lam quyền lực đã khiến cho Heo Napoleon trở nên một nhà độc tài, nó cùng với các con heo khác dọn vào trong nhà của nông trại, nơi này chúng bắt đầu ngủ trên giường. Heo Squealer nói rằng điều này tuyệt đối cần thiết. Như vậy việc làm này có đi ngược với Giáo Điều Thứ Bốn không? Khi các con vật kiểm soát lại các Giáo Điều đã được viết rõ bằng sơn, thì thấy ghi rằng: “*Không con vật nào được phép ngủ trên giường có trải khăn*”.

Việc xây dựng cối xay gió cần tới nhiều vật liệu, nên thực phẩm phải bán đi. Các con vật đều nhận lượng đồ ăn bị cắt giảm, trong khi các con heo lại mập hơn. Vào tháng 8, cối xay gió được hoàn thành và Heo Napoleon đã bán cho ông Frederick một đồng gỗ nhưng ông này đã trả lại bằng một

đồng tiền giả. Sau đó ông Frederick và các người thuộc phe của ông ta đã tấn công “Trại Súc Vật”, đặt chất nổ phá cối xay gió. Sau trận đánh ác liệt, các con vật đã đẩy lui được các kẻ xâm lăng dù cho một số bị chết, hầu hết bị thương. Các con heo đã ăn mừng chiến thắng bằng một bữa tiệc rượu. Do nhiều con heo nghiện rượu, Giáo Điều Thứ Năm được sửa là “*Không một con vật nào được uống rượu tới quá độ*”.

Thời gian vẫn trôi dần qua, khẩu phần giành cho các con vật bị bớt đi ngoại trừ phần ăn của loài heo và loài chó bởi vì hai loài này cần “bồi dưỡng” nhiều hơn. Ngoài cối xay gió, Trại Súc Vật cần phải xây dựng một trường học để dạy dỗ lớp heo trẻ. Con ngựa Boxer to lớn vẫn làm việc không than mệt, dù cho nó mỗi ngày một già hơn. Nó muốn xây xong một dãy nhà trước khi nghỉ hưu.

Một hôm khi đang kéo một xe chở nặng, ngựa Boxer ngã quỵ xuống. Heo Squealer công bố rằng đồng chí Napoleon đang dàn xếp đặc biệt để ngựa Boxer được điều trị trong một bệnh viện thú y gần đó. Nhưng khi chiếc xe tải tới nông trại để chở con bệnh đi, thì anh bạn lừa Benjamin đã đọc được giòng chữ viết bên cạnh xe: người ta mang Boxer tới lò sát sinh! Rồi chiếc xe tải khuất bóng nơi xa. Tới lúc này, không còn cách cứu vãn! Ba ngày sau, Heo Squealer cho vẽ một bức tranh mô tả anh ngựa Boxer qua đời một cách yên lành trong bệnh viện! Tất cả con vật khác đều tin tưởng điều này. Để đề cao danh dự của Ngựa Boxer, các con heo tổ chức yến tiệc, chúng ca hát với giọng khàn khàn suốt đêm bởi vì nhờ một món tiền nào đó, loài heo đã mua thêm được một thùng rượu uýt-ki.

Các năm trôi qua. Trại Súc Vật được mở mang rộng thêm do Heo Napoleon đã mua được hai cánh đồng lân cận của ông Pilkington. Các con vật đã xây thêm được vài tòa nhà, lắp thêm máy móc nhưng chúng vẫn phải làm việc rất cực nhọc, vẫn thiếu ăn hơn trước do số chó và số heo gia tăng. Điều này cũng dễ hiểu, bởi vì nông trại là sở hữu của hai loài súc vật này.

Một hôm, Heo Squealer lừa các con cừu qua một khu riêng trong một tuần lễ, lúc trở về các con vật này nhìn thấy những cảnh vừa ngạc nhiên, vừa đáng sợ: một con heo đi thẳng người bằng hai chân sau! Vâng, đây chính là Heo Squealer, rồi các con heo khác cũng đi đứng theo cách quý phái này. Cuối cùng Heo Napoleon xuất hiện, đi qua đi lại bằng hai chân sau, bên hông còn đeo một cây roi. Các con vật muốn lên tiếng phản đối, nhưng tất cả loài cừu đều kêu be be câu nói: “*Bốn chân Tốt, Hai chân Tốt Hơn*”. Sau đó tất cả loài heo xếp hàng đi vô trong nhà. Như vậy khi đi bằng hai chân, các con heo đã học tập các thói quen của loài người áp chế! Thấy vậy, con ngựa cái Clover bèn nhờ chú lừa Benjamin đọc lại các Giáo Điều, thì trên tường vừa lóa chỉ còn một câu tuyên ngôn: “*Mọi con vật đều bình đẳng, nhưng vài con vật lại bình đẳng hơn các con khác*” (All animals are equal, but some animals are more equal than others). Cũng từ nay, cách gọi lẫn nhau bằng “*đồng chí*” (comrades) bị loại bỏ, giống như nhiều năm về trước, bài ca “*Các Thú Vật của Nước Anh*” đã bị cấm hát. Bảng hiệu của nông trại được viết giống như trước: “*Nông Trại Manor*”.

Từ nay, các con heo đều mang roi bên mình, chúng mua máy truyền thanh, mặc quần áo giống như ông Jones. Chúng cũng

tiếp đón các chủ trại láng giềng. Vào một đêm tối, tiếng ồn ào và tiếng nhạc bay ra từ căn nhà của nông trại. Mặc dù sợ hãi, các con vật khác cũng tò mò, lại gần cửa sổ và nhìn thấy bên trong cảnh trí nhiều người và nhiều heo ngồi chung quanh cái bàn rộng, cùng nhau đọc diễn văn và uống rượu. Khi một chủ trại chúc mừng sự thành công của Trại Súc Vật thì Heo Napoleon đáp lời, hứa sẽ tăng cường các liên lạc thương mại với các nông trại láng giềng. Về khuya, bữa ăn nhậu này kéo dài thành một đám cãi lộn. Ngó nhìn qua cửa sổ, các con vật bên ngoài không thể phân biệt nổi ai là heo, ai là người.

3/ Cuộc đời của Nhà Văn George Orwell (1903-1950).

George Orwell tên thật là Eric Blair, chào đời năm 1903 tại Bengal, nước Ấn Độ. Cha của Eric là nhân viên người Anh phục vụ tại Ấn Độ khi quốc gia này là một phần của Đế Quốc Anh. Vài năm sau khi Eric ra đời, người cha hồi hưu và trở về sống tại nước Anh, vì vậy Eric thuộc giới trung lưu cấp thấp. Vào tuổi lên 8, Eric được gửi đi sống nội trú để chuẩn bị thi vào Trường Eton, dù cho phí tổn ăn ở rất cao, bằng một phần tư lợi tức của gia đình. Sau đó, Eric nhận được học bổng để theo học ngôi trường danh tiếng Eton này. Đây là nơi dành cho con em các gia đình giàu có, tại nơi đây tiền bạc, họ hàng danh giá, tài nghệ thể thao, y phục thời trang... là các thước đo của con người cao sang trong khi Eric lại là kẻ nghèo nhất trong thứ xã hội trường giả này. Trong các ý tưởng xã hội và cấp tiến, đặc biệt trong thời gian sau Thế Chiến Thứ Nhất.

LOVE'S EVERYTHING

When I die,
I want to be Happy
With a smiling face
'Cause life is nothing
Even die!

When I live,
I want to be Happy
With my living life
'Cause life is nothing
If only live!

When I Love,
I want to be Happy
With my Loving life
'Cause life is nothing
Without LOVE!

Yen Vi / Yvette Springfield

Sau khi tốt nghiệp từ Trường Eton với thời kỳ từ tuổi lên 8 tới 18, Eric đã gặp nhiều cảnh bất bình đẳng và áp chế trong trường học và cũng tại nơi này, Eric làm quen với hạng gần chót, do không thể xin học bổng theo học Đại Học Oxford nên chàng thanh niên Eric theo bước chân của cha, đậu kỳ thi công chức của Đế Quốc Anh (the Empire's Civil Service Examination), qua xứ Miến Điện (Burma) phục vụ trong ngành cảnh sát đế quốc. Cũng tại xứ thuộc địa này mà Eric đã trực tiếp quan sát nhiều cảnh áp chế và bất công, nhận ra sự xa cách và căm thù giữa các tầng lớp xã hội. Vào năm 1937, Eric từ chức rồi trở về sống tại thành phố Paris, nơi

đây ông làm nghề dạy học, và có khi phải đi rửa chén trong khách sạn. Mặc dù công việc cực nhọc, Eric không muốn trở về nước Anh sinh sống bằng sự trợ giúp của họ hàng, bởi vì ông cho rằng các năm nghèo khó này là cách trừng phạt giai cấp đàn áp mà ông là một thành viên. Eric bắt đầu cầm bút, viết ra các truyện ngắn và tiểu thuyết nhưng các sáng tác ban đầu đều bị các nhà xuất bản từ chối.

Năm 1933 Eric Blair cho in cuốn “*Đi xuống và đi ra tại Paris và London*” (Down and Out in Paris and London) và để tránh cho gia đình khỏi bị mang tiếng, Eric đã dùng bút hiệu: George Orwell. George là một tên phổ thông của người Anh, Orwell là giòng sông mà tác giả yêu mến. Năm sau, George Orwell phát hành cuốn tiểu thuyết “*Các Ngày tại Miến Điện*” (Burmese Days), rồi cuốn truyện “*Con Gái của Tu Sĩ*” (Clergyman’s Daughter) xuất bản vào năm 1935, nói về các kinh nghiệm dạy học.

Qua năm 1936, George Orwell được một nhà xuất bản gửi tới một vùng mỏ than của nước Anh để tìm hiểu đời sống của người dân. Cảnh lao động cực khổ trong hầm mỏ tối tăm, ngày này qua tháng khác của dân thợ mỏ, vừa thiếu ăn, vừa thiếu việc làm, đã khiến cho George Orwell viết ra cuốn truyện mô tả nhiều kinh nghiệm đầu tay: “*Con Đường tới Bến Wigan*” (The Road to Wigan Pier). Kể từ nay George Orwell là một nhà văn “*thiên xã hội*” (Pro-Socialist), nhưng thường chỉ trích cay đắng các nhà xã hội người Anh bởi vì ông muốn nói lên “*sự thật không đẹp*”.

Vào thời kỳ này đang phát triển các chế độ phát xít và độc tài: nước Ý có Mussolini nắm chính quyền, nước Đức nằm trong tay Hitler. Tại Tây Ban Nha, một chính phủ xã

hội mới ra đời, hứa hẹn cải tổ ruộng đất, cải cách bầu cử và phân cách nhà thờ với chính quyền. Năm 1937, do lòng mong muốn đấu tranh vì công bằng xã hội, George Orwell tình nguyện tham gia vào Nhóm Cộng Hòa trong cuộc Nội Chiến Tây Ban Nha chống lại phe đối nghịch của Tướng Franco được Đức Quốc Xã yểm trợ. Các kinh nghiệm thực tế trong cuộc nội chiến này rất quan trọng đối với nhà văn. Tại Barcelona, George Orwell đã tìm thấy một bầu không khí vui vẻ, tương kính giữa các “*đồng chí*”, mọi người đối xử với nhau một cách công bằng. Ông tin tưởng vào sự thành công của chủ nghĩa xã hội. Thế nhưng, các chiến hữu đấu tranh cho dân chủ, cho tự do, đã bị các thành phần Cộng Sản áp đảo, bắt giam, đem ra bắn bỏ. Các người Cộng Sản không đồng ý với quan điểm của nhóm dân quân mà George Orwell tham gia. Những người sau này bị nghi ngờ phản bội con đường Cộng Sản. Rất may, George Orwell không bị các người Cộng Sản bắt giam mà bị thương ngoài mặt trận rồi được chở về nước Anh để điều trị.

Khi trở lại nước Anh, George Orwell đã tường thuật những điều mắt thấy tai nghe, nhưng không ai tin. Ông đã nhận thấy các lý tưởng xã hội bị đàn áp không phải do cánh Hữu, mà do chính cánh Tả của các người Cộng Sản, đồng thời ông cũng nhận ra sự bất lực của cánh Tả không Cộng Sản, họ không chấp nhận sự thật. Năm 1939, George Orwell cho xuất bản cuốn tiểu thuyết “*Lên Cao*” (Come Up for Air) và đây là tác phẩm đầu tiên mang lại lợi tức. Cuộc chiến tranh thế giới mà tác giả tiên đoán trong tác phẩm này đang dần dần diễn ra. George Orwell lại tình nguyện tham gia quân đội Anh nhưng bị

từ chối vì lý do không đủ sức khỏe. Sau đó, ông làm việc cho Đài Phát Thanh BBC.

Sau khi thôi việc từ đài phát thanh, George Orwell khởi công viết cuốn truyện “*Trại Súc Vật*” (The Animal Farm) vào tháng 11 năm 1943. Ông muốn phơi bày sự bí ẩn của chế độ Xô Viết. Vào thời kỳ này Liên Xô và Anh Quốc là đồng minh chống lại Quốc Xã Đức. Nhiều người không muốn lắng nghe những điều xấu xa của Liên Xô. Bốn nhà xuất bản đã từ chối in và phát hành tác phẩm “*Trại Súc Vật*”. Năm 1946 xuất hiện tác phẩm danh tiếng nhất của George Orwell: “1984” (Nineteen Eighty-Four), trong đó ông mô tả một xã hội tương lai gập.

George Orwell qua đời tại thành phố London vào đầu năm 1950 do sức khỏe suy giảm. Ngoài các tiểu thuyết, hai tuyển tập sau cùng của ông là “*Bắn Voi, và các bài khảo luận khác*” (Shooting an Elephant, and Other Essays, 1950), và “*Các Niềm Vui như thế*” (Such, Such Were the Joys, 1953).

4/ Vài nhận xét về cuốn truyện “Trại Súc Vật”.

Vào giữa thế kỷ 19, Karl Marx cũng như vài nhà tư tưởng xã hội, đã tố cáo các bất công trong xã hội tư bản công nghiệp. Marx cho rằng Lịch Sử của thế giới là Lịch Sử của các cuộc đấu tranh giữa các giai cấp, giữa kẻ bị trị và kẻ thống trị. Marx mong muốn chấm dứt cảnh “*người bóc lột người*” và ước mơ thiết lập một xã hội “*không giai cấp*” trong đó mọi người đều bình đẳng. Cũng theo ý kiến của Marx, muốn thực hiện lý tưởng tốt đẹp này, cần tới một cuộc nổi dậy của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư bản nhờ vậy công nhân sẽ làm chủ các tư liệu sản xuất như cơ xưởng, máy móc v.v.. V.I. Lenin đã dùng tư tưởng của Marx, coi Đảng Cộng Sản

là giới lãnh đạo của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh.

Tại nước Nga vào năm 1917 đã xảy ra cuộc cách mạng chống lại chế độ phong kiến của Sa Hoàng. Chính quyền Kerensky ban đầu mang tính cách dân chủ tư sản, đã bị Lenin lật đổ bằng Cuộc Cách Mạng Tháng 10 với tính cách xã hội cấp tiến. Tiếp theo là 4 năm nội chiến đẫm máu trong đó Hồng Quân do Leon Trotsky chỉ huy, đã đánh bại các đạo quân Bạch Vệ trung thành với Sa Hoàng và cộng tác với các đạo quân ngoại quốc.

Sau khi Lenin qua đời vào năm 1924, đã diễn ra cuộc tranh giành quyền lực giữa Trotsky và Stalin. Qua năm sau, nhờ các hành động tàn bạo hơn, Stalin thắng thế và Trotsky bị loại ra khỏi Đảng Cộng Sản rồi bị ám sát chết vào năm 1940. Trong thập niên 1930, Stalin trở thành nhà độc tài, đã dùng Công An, Mật Vụ làm công cụ khủng bố, thi hành các vụ bắt giam tập thể và vô số vụ hành quyết để loại trừ mọi kẻ tình nghi không theo đúng đường lối Stalin-nít. Nạn nhân của chế độ độc tài chuyên chế này gồm hàng trăm ngàn đảng viên Bolshevik trung thành và hàng triệu người dân Nga vô tội.

Chủ đích của George Orwell khi viết ra cuốn truyện “*Trại Súc Vật*” là để mô tả thành quả của Cuộc Cách Mạng Cộng Sản năm 1917, đã tạo nên một chính quyền độc tài hơn, đàn áp hơn, tàn sát hơn. Nông trại Manor là hình ảnh của nước Nga thời kỳ trước năm 1917 với các nhân vật tương đương như sau:

Ông Jones tượng trưng cho Sa Hoàng Nicholas II (1868/1918), hoàng đế cuối cùng của nước Nga, một người nhu nhược, không chấp nhận cải cách. Dưới thời Sa Hoàng này,

hàng triệu người dân bị đói khổ, đàn áp, giống như các súc vật trong nông trại Manor.

Heo Old Major là nhà tiên tri của cuộc Cách Mạng Súc Vật, là con heo đã gieo vào trong đầu óc các con vật khác tư tưởng “*nođi dầy*”. Đây là hình ảnh của Karl Marx, người mơ mộng về một cuộc cách mạng toàn cầu, về một xã hội không giai cấp. Con heo già này còn là hình ảnh của Lenin (1870/1924), một con người không nhân nhượng, đã làm thay đổi nước Nga thành Liên Xô, một quốc gia tổ chức theo lý tưởng Cộng Sản.

Một trong các đồng chí của Lenin là Trotsky (1879/1940), lãnh tụ của Hồng Quân. Hình ảnh của Trotsky là Heo Snowball với chương trình xây dựng cối xay gió, sự kiện này tượng trưng cho tư tưởng của Trotsky muốn biến đổi lý thuyết Marx thành hiện thực. Snowball là con heo khéo léo, nhiều sáng kiến nhưng thiếu khả năng âm mưu, tranh giành quyền lực. Các thất bại trong Trại Súc Vật đều bị đổ lỗi cho Heo Snowball, là kẻ vắng mặt, là “*dê té thần*”.

Heo Napoleon là nhân vật chính trong truyện. Có lẽ tác giả dùng tên riêng này để chỉ Hoàng Đế Napoleon của nước Pháp, một nhà độc tài nắm quyền thống trị sau cuộc cách mạng vì “*tự do, bình đẳng và tình huynh đệ*”. Heo Napoleon trong truyện còn tiêu biểu cho Joseph Stalin (1879/1953), một con người tàn bạo, không quan tâm tới thảo luận và tư tưởng, chỉ tập trung vào hành động, vào việc giành lấy quyền lực qua các vụ khủng bố và thanh trừng. Heo Napoleon đã dùng các con chó hung dữ khi thi hành các vụ tàn sát giống như Stalin sử dụng cơ quan mật vụ KGB để loại trừ các đối thủ rồi trở nên một nhà độc tài nhiều quyền uy. Các con chó hung dữ này còn là hình ảnh của giới Công An, Mật Vụ của chế độ Cộng Sản.

Heo Squealer là phát ngôn viên của Heo Napoleon, tượng trưng cho loại bộ trưởng

tuyên truyền, giống như Dr. Goebbels trong chính quyền Quốc Xã Đức. Heo Squealer luôn luôn đe dọa các con vật trong nông trại về sự trở lại của ông chủ Jones. Nó che dấu sự thật, đã viết lại các Giáo Điều, dùng nhiều mỹ từ trong luận điệu, làm nhiệm vụ mô tả các hành động tốt đẹp của lãnh tụ sao cho có lợi nhất trong công tác tuyên truyền.

Ngựa Boxer tượng trưng cho giới lao động Nga, làm việc cực nhọc mà không được hưởng thụ các thành quả. Con ngựa ngu đốt này tin tưởng một cách mù quáng vào tài lãnh đạo của lãnh tụ, chấp nhận rằng mọi điều Heo Napoleon nói ra đều là chân lý.

Khi viết ra cuốn truyện “*Trại Súc Vật*”, George Orwell là nhà văn hoàn toàn không tin tưởng vào các đảng phái thuộc cả phe Tả lẫn phe Hữu. Đường lối xã hội cấp tiến của ông có tính cách cá nhân hơn chính trị, ông biện hộ các quyền lợi của cá nhân chống lại các đòi hỏi của các tổ chức, ông tấn công cách tổ chức chuyên chế tồn tại trong Đế Quốc Anh tại Ấn Độ và Miến Điện, nên độc tài phát xít tại Tây Ban Nha, chế độ Cộng Sản Xô Viết của Liên Xô và cả sự tàn nhẫn, không tôn trọng cá nhân trong các bệnh viện công của nhiều nước.

Tài năng của George Orwell thể hiện trong cách tạo ra các hoàn cảnh vừa linh động, vừa gây tiếng xấu, tác giả đã dùng hành động của những con vật để chỉ trích, mỉa mai các tật xấu và hành động độc ác của con người, phê phán mọi loại tổ chức mà kết quả thử nghiệm thường dẫn tới các loại quản lý chuyên chế, tới cách lường gạt tàn bạo và tệt hại hơn trước./.

Phạm Văn Tuấn
(Virginia)

Tình Người Cô Đơn

© 1999 Huy Lâm

Nhạc & Lời:
Huy Lâm

Pasodoble ♩ = 110



Một ngày đàn qua, ánh dương tàn phai — màu, bóng cây mờ in —



dài, tiếng chim riu rít gọi đàn. Minh ta một bóng, ngóng trông về chân —



trời, thoáng buồn nhẹ tiếng — đàn, âm vang niềm nhớ. Thời gian êm



trời, tháng năm âm thầm lướt — qua, bóng em muôn trùng cách — xa. Tình là ngàn



mây cuốn nhanh theo làn gió — đưa, cánh hoa xuôi dòng nước — trôi, bóng nhạt bay cuối —



trời, — Rong chơi vui với cây đàn, tình tình



tang nấn phím cho đời tươi. Vui cho hết đam mê mơ



mộng. — Hẹn hò lưu luyến chỉ vương thêm sầu đau. Phiêu

To Coda ⊕

luu khắp bốn phương trời. Ngừng chân ta hát khúc hoan
ca, vì lòng ta vui với cây đàn, để ta quên
kiếp người cô đơn. Ngao du vui thú với cây đàn. Kia là đồng
xanh, sông uốn khúc vờn quanh. Quê hương, nước non bao nhiêu
tình. Kỷ niệm thơ ấu bao năm không hề phai. Ra
đi không vấn vương u hoài. Ngừng chân ta hát khúc hoan
ca, vì là lòng ta vui với cây đàn, để ta quên
D.S. al Coda ⊕ *CODA*
kiếp người cô đơn. Một ngày đàn ca. Lòng ta tha
thiết với cây đàn cho quên kiếp người cô đơn.

HẠNH PHÚC ĐƠN SƠ

Ngoài hiên lan đua nở
Cảnh sắc đẹp nên thơ
Bắt đầu một ngày mới
Hạnh phúc theo dòng đời

Nằm ngủ cạnh giàn hoa
Gặp lại Mẹ hiền hòa
Hội ngộ bạn phương xa
Lòng vui mừng khôn tả.

XUÂN AN VÕ HÙNG ANH (Paris)

TÌNH THU

Chiều mưa này có đôi mình,
Chân đi trên cỏ xanh in lá vàng.
Mùa thu, mưa rất nhẹ nhàng,
Bên hồ gợn sóng, có đàn chim qua.
Gió thu đưa dáng liễu xa,
Nghiêng soi đáy nước la đà, như mơ.
Tay đan tay nói vu vơ,
Lá thu bay, ghé hững hờ trên môi.
Cắn vào khe khẽ mà thôi,
Để nghe hạnh phúc rạng ngời trong tim.
Chiều thu, dạo bước chân êm,
Tình thu lai láng nỗi niềm tri âm.

NGUYỄN MÂY THU (Paris)

LOVE, Still

Don't tell me you no longer Love
When the world turns
The sun rises
The sky's blue
The cloud 's flowing

Don't tell me you no longer Love!
When the birds sing
The flowers Spring
And the wind's blowing.

Don't tell me you no longer Love!
When the sun still rises
The sky's still blue
Your eye still bright
And your smile still on your shining face!

YenVi / Yvette Springfield

CẢM THU

Lá vàng, lá đỏ chen nhau,
Trời cao mây xám lẫn màu xanh lơ.
Nắng thu nhẹ êm mơ.
Cúc hồng, cúc tím, như chờ đợi ai.
Thoảng vừa một chút gió lay,
Áo bay trắng ngát hiên ngoài
say hương.
Gửi về đâu nỗi nhớ thương?
Sầu thu man mác lòng vương vấn đầy.

NGUYỄN MÂY THU (Paris)

NÉT ĐẸP CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM XƯA QUA CA DAO

GS Phạm Thị Nhung

Kỳ IV

BỒN PHẬN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM XƯA TRONG GIA ĐÌNH

Bồn phận đối với chồng, thiên chức làm vợ.

Ngay khi vừa bước chân về nhà chồng, cô dâu mới đã tự nguyện đem tất cả thiện chí, tài đức của mình để xây dựng hạnh phúc gia đình :

Nguyện với trắng già

Tơ hồng kết lại một nhà đảm ấm yên vui.

Việc đầu tiên, nàng bỏ bớt điểm trang, tỏ ra ta đây là gái đã có chồng :

Có chồng bớt áo thay vai

Bớt màu trang điểm kéo trai nó lằm.

Rồi sẵn sàng cùng chồng chia ngọt sẻ bùi, đồng lao cộng khổ:

- Nếu chồng nàng là con nhà nông,

nàng vui vẻ cùng chàng chia phần công tác.

Từ việc đồng áng:

Trên đồng cạn, dưới đồng sâu

Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa.

Đến chuyện bếp núc, quấy cơm:

Trời mưa cho lúa chín vàng

Cho anh đi gặt, cho nàng quấy cơm.

Vào những tháng rảnh rỗi, nàng lại cùng chồng sửa sang mái ấm gia đình :

Em về cắt gĩa, đánh gianh

Chặt tre, chẻ lạt cho anh lợp nhà.

Sớm khuya hòa thuận đôi ta

Hơn ai gác tía, lâu hoa một mình.

Còn những ngày được mùa, tuy phải làm việc cực nhọc, đầu tắt mặt tối, nhưng nàng rất phấn khởi, vì biết rằng sẽ có đủ tiền đóng thuế, đóng sưu (tức chuộc sưu dịch) cho chồng. Chàng hẳn yên lòng khi đã làm tròn bổn phận công dân, lại được miễn hết các công việc tạp dịch vất vả :

Tháng năm gặt hái đã xong

Nhờ trời một mẫu năm nông thóc đầy.

Nông thóc đầy em say, em giã

Trấu ủ phân, cám bã nuôi heo.

Sang năm lúa tốt, tiền nhiều

Em đem đóng thuế, đóng sưu cho chồng.

Hơn nữa, nàng còn tính đến chuyện mua nhiều, mua xả cho chồng để chàng có được chút danh phận với đời. Muốn thế, nàng tự nhủ, phải làm việc hơn nữa. Nghĩa là ngoài công việc đồng áng, nàng còn phải lo cửi canh để làm tăng gia ngân quỹ gia đình:

Con rô nó rạch lên phen

Uốn tay cho mềm, dệt cửi cho ngoan.

Có tiền ta đóng việc quan cho chồng.

Một khi chồng nàng được dự vào hàng quan viên trong làng, chàng chẳng những không phải lo chuyện bị gọi đi phu phen tạp dịch cực khổ, mà vào những ngày hội hè đình đám, chàng còn được khăn đóng áo dài, ăn trên ngồi trước, vẻ vang như ai (ý chỉ hàng chức sắc, là những người có khoa

bằng, chức tước hoặc được phẩm hàm vua ban, hay những vị chức dịch trong làng).

-Nếu chồng nàng là học trò.

Sống trong một xã hội trọng văn học cử nghiệp như xã hội VN ta, nếu chồng nàng là học trò, đang theo đòi việc nghiên bút thì nàng vô cùng hể hả ; nàng quyết lòng nuôi chàng ăn học cho đến thành danh :

*Em thời canh củi trong nhà
Nuôi anh ăn học đặng khoa bảng vàng.*

Hiện tại, nàng đang được sống trong cảnh êm đềm, thơ mộng. Khi thì vợ chồng làm việc chung bóng dưới đèn:

*Em ngồi canh củi trong khung
Anh đến ngồi học cùng chung một đèn.*

Khi thì bên nhau dưới ánh trăng thanh :
*Sáng trăng giải chiếu hai hàng
Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ.*

Nàng không quản ngại thức khuya dậy sớm chăm sóc, nhắc nhở chồng trau thi luyện phú, dùi mài kinh sử :

*Khuyến anh đọc sách, ngâm thơ
Dầu hao thiếp rót, đèn mờ thiếp khêu.*

Và :

*Canh một dọn cửa, dọn nhà
Canh hai dệt củi, canh ba đi nằm.
Canh tư bước sang canh năm
Trình anh dậy học chớ nằm làm chi.*

Để khích lệ chồng cũng như mình vượt thắng những giờ phút nhọc nhằn, lười biếng, chán nản... nàng vẽ ra một tương lai xán lạn khi chàng được đặng khoa bảng vàng :

*Nữa mai chúa mở khoa thi
Bảng vàng chói lọi kia đề tên anh.*

Và nhất là cảnh tượng huy hoàng, náo nhiệt trong ngày chàng tân khoa Tiến sĩ vinh qui bái tổ :

Võng anh đi trước, em thì võng sau

Tàn, quạt, hương án theo hầu

*Rước vinh qui về nhà bái tổ
Ngả trâu bò làm lễ tế vua
Họ hàng ăn uống say sưa
Hàng tổng, hàng xã mừng cho ông nghè.*

Ngoài ra, chàng còn làm về vang tổ tông và bảo đảm cho gia đình một đời sống danh giá, sung túc :

*Trước là vinh hiển tổ tông
Sau là xiêm áo thành thoi
On trời, lộc nước đời đời hiển vinh.*

Dám hỏi trong xã hội ta xưa kia, có bao nhiêu chàng trai khoa danh hiển đạt mà không nhờ vào sự khích lệ và tận tình giúp đỡ của các bậc hiền phụ ?

- Nếu chồng nàng là lính.

Một khi có lệnh vua chúa ban ra, cắt cử mỗi làng phải đóng góp bao nhiêu binh lính, thì làng cứ tính theo tỷ số dân đinh của mình mà lo liệu cho đủ.

☐ Trường hợp chồng nàng bị đặng lính. Nàng thiết nghĩ, âu đó cũng là nghĩa vụ của chàng đối với vua với nước, nên không dám cản ngăn. Nàng chỉ xin hứa một điều, ở nhà, sẽ chăm lo gánh vác việc gia đình cho chàng được an lòng ra đi :

*Khuyến anh đi lính cho ngoan
Cho dân được cấy, cho quan được nhờ.*

Và :

*Anh ơi phải lính thì đi
Việc nhà đơn chiếc đã thì có tôi.*

Nhưng nghĩ đến nông nổi vất vả của chồng trong suốt thời hạn quân dịch, kéo dài có tới sáu năm, khi đến mười năm, thì lòng nàng rất đổi xót xa. Thế nên, mỗi bước chân tiễn đưa là mỗi tiếng than khóc tỉ tê :

Con cò lặn lội bờ sông

Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non.

Từ ngày chồng nàng đi lính xa nhà đến giờ, nàng xiết bao cô đơn, sầu khổ :

*Anh đi lưu thú Bắc thành
 Để em khô héo như cành mai khô.
 Phượng hoàng lẻ bạn sầu tư
 Em đây lẻ bạn cũng như phượng hoàng.*

▫Trường hợp chồng nàng là trai thời loạn.- Đọc kinh sử nước nhà chúng ta đã rõ, từ thời lập quốc đến nay, chinh chiến xảy ra triền miên; hết ngoại xâm (Trung Hoa một ngàn năm, Pháp một trăm năm) lại đến nội chiến, huynh đệ tương tàn (Lê-Mạc, Trịnh-Mạc, Trịnh-Nguyễn, Tây Sơn-Nguyễn), chưa kể đến những cuộc vua quan đem quân đi chinh phạt Chân Lạp, Thủy Chân Lạp với những cuộc nổi dậy của nông dân chống lại triều đình Huế. Đến đời chúng ta, sau năm 1954, Nam Bắc lại phân tranh vì ý thức hệ Quốc – Cộng ... đã khiến biết bao gia đình phải ly tán, vợ chồng cách xa.

Làm trai thời loạn, nếu chồng nàng không bị động viên thì cũng vì lòng ái quốc mà tự nguyện nhập ngũ, tòng chinh. Do ý thức được nghĩa vụ thiêng liêng của chồng trong cơn quốc biến, nàng không dám để cho nước mắt nhi nữ thường tình làm nhụt chí khí nam nhi, mà trái lại, đã khẳng khái khích lệ chồng mau mau lên đường phụng quốc:

*Anh đi theo chúa Tây Sơn
 Em về cây cuốc mà thương mẹ già.
 (Thời Tây Sơn đại phá quân Thanh)*

*Tổ tiên để lại em thờ
 Anh ra ngoài ải cầm cờ theo vua.
 (Thời vua Hàm Nghi xưng hịch cần vương)
 v.v...*

Nàng xin hứa với chàng một dạ son sắt, thủy chung đợi chờ :

*Đá mòn, nhưng dạ chẳng mòn
 Tào Khê nước chảy, hầy còn trơ trơ.*

Xưa nay chinh chiến mấy ai về?... Nàng chinh phụ của chúng ta đã ôm con chờ chồng cho đến hơi thở cuối cùng. Cái chết của nàng đã được huyền thoại hóa, nàng ôm con lên non ngóng chinh phu, hóa đá thành núi Vọng phu. Từ đó, hồn nàng đã nhập vào hồn thiêng sông núi; và tượng đá hình nàng ôm con chờ chồng đã trở thành một biểu tượng cho tình yêu son sắt, thủy chung của người chinh phụ đối với chinh phu, nói rộng ra, của người phụ nữ VN đối với người bạn trăm năm.



Tranh Nguyễn Thy.

Trên khắp giải đất VN của chúng ta đã có biết bao người ly phụ, một dạ keo sơn gắn bó, thủ tiết đợi chờ người bạn đời như vậy. Bởi thế, nhiều nơi có núi vọng phu :

*Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa
 Có nàng Tô Thị đứng chờ đợi ai.
 Vọng Phu cảnh đẹp núi Nhồi
 Có nàng chinh phụ phượng trời dầm dẫm.
 Bình Định có núi vọng phu
 Có đầm Thị Nại, có cù lao xanh.*

(Còn tiếp 1 kỳ)

PHẠM THỊ NHUNG
 (Paris)

Vườn, Hoa Vào Thu

Bình thường, tôi vẫn bình thường
sớm mai trở dậy soi gương vẽ mày
ngó bàn tay, ngó bàn tay
tay năm ngón chẳng hao gầy ngón mô

Vén lên sợi tóc mai thừa
nghe như từ tạ cũng vừa tháng năm
chân mang guốc gỗ ra thăm
đào xoan mấy cội đứng nằm dưới sân

Vườn thơm đâu có ngại ngần
dâng ta một đóa hoa hồng đỏ tươi
xanh um ở phía sau đồi
rọp lên rau cải rau mùi của ta

Thương chưa, bầu vẫn ra hoa
cành non lá nõn la đà ấp yêu
lá sao lá uốn mỹ miều
cành sao cành dịu dàng leo phủ giàn

Trời xanh, cỏ biếc, thu vàng
hai con bướm đậu tan hàng, ngần ngợ
nhớ ngày bụi phấn vào thơ
mùa xuân sao để thẹn thùa đi qua

Đừng làm vỡ giấc mơ hoa
giữ cho em trọn đường qua lối về

Vi
Khuê
(Virginia)



Garden, Flower in Autumn

Usual, I felt quite usual
A morning waking up, with a mirror,
painted my eyebrows
Looked at my hand, looked at my hand
It had five fingers, none were particularly thin

Tidying up a protruding hair
I felt time's progress in the air
Putting on my wooden clogs and went to see
in the courtyard the several cherry trees

The sweet smelling garden did not hold back
Offered me a bulb of rose radiantly red
Behind the hill the very green
urged on my lush herb and spice garden

How lovely, the calabash still had flowers
Young vines dropped low with tender leaves
How beautiful were these leaves that twisted
How the vines so gently climbed and
covered the frame

Yellow fall, green grass, blue sky
Two bewildered butterflies landed out of line
Recalled when powder-fragrance started
into poetry
How could I have let spring days gone by
so regretfully

Don't shatter the flowery dream, my dear
Please preserve for me the melodies of my years

Chữ Nhị Anh
(Virginia)

THÚ VUI CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

PHƯƠNG DU

Da số dân chúng Việt Nam sống về nghề nông, chuyên về trồng lúa, cho nên chỉ làm việc trong những tháng mưa. Vì thế vào mùa Xuân là mùa khô ráo dân chúng không làm việc cho nên ca dao thường nói:

*Tháng giêng là tháng ăn chơi
Tháng hai cờ bạc tháng ba hội hè...*

Tục ngữ cho ta biết có hai thứ vui chơi, là tứ khoái và tứ đồ tường. Tứ khoái được diễn tả bằng bài thơ sau đây :

*Sướng thay tứ khoái ở trên đời
Thiên hạ ai ai cũng hưởng chơi
Đừng bảo rằng đời là bể khổ
Không không tứ khoái quá vui rồi*

*Khoái uống khoái ăn khoái nói tông
An Khang ngon giấc suốt đêm đông
Bình minh thưởng thức mùi hương lúa
Hưởng thú điền viên bó ruộng đồng*

Tục ngữ và ca dao có những câu sau đây :

*Ăn được ngủ được là tiên
Không ăn không ngủ mất tiền thêm lo*

No cơm ấm cật, dậm dật tại gia

Thứ nhất quận công, thứ nhì tiện đồng

Tứ đồ tường có bốn thứ vui sau đây: cờ bạc, rượu chè, trai gái, thuốc xái. Về loại ăn chơi này nếu không biết tự kiềm chế sẽ

vướng phải nhiều tai họa làm cho tan cửa nát nhà :

*Cờ bạc là bác thẳng bản
Cửa nhà bán hết tra chân vào cùm*

Vì vậy thú chơi này phần nhiều bị chính phủ cấm đoán, nhất là cờ bạc, tuy thế dân chúng vẫn say mê vì là tục lệ “phép vua thua lệ làng”:

*Luật pháp không tha tứ đồ tường
Thế mà thiên hạ vẫn đua mang
Dạy gì ta lại khu trừ nó
Vì biết phép vua thua lệ làng.*

Giới trí thức Việt Nam xưa chịu ảnh hưởng của Lão giáo và Khổng giáo thường hay thực thi thú vui tứ đồ tường mà không bị tai họa vì họ biết giữ luật trung dung.

Về rượu chè, thi sĩ nào cũng hưởng thụ thú vui này, mỗi người một lý do, mà lý do nào cũng có tính cách tích cực, khác với tính tiêu cực của thi sĩ Vương Hàn, trong bài thơ nhan đề “Lương Châu Tử”:

*Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi
Giục ẩm tỳ bà mã thượng thôi
Túy ngọa sa trường quân mạc tiểu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi*

Sau đây là các lý do uống rượu của các nho sĩ Việt Nam :

1) Để vui chơi cùng bè bạn, trong bài thơ khác Dương Khuê, Nguyễn Khuyến viết:

*Cũng có khi rượu ngon cùng nhấp
Chén quỳnh tương ấm áp bầu xuân...*

*Rượu ngon không có bạn hiền
Không mua không phải không tiền
không mua*

2) Đề tìm cảm hứng làm thơ:
*Khi gió gác khi trăng sân
Bầu tiên chuốc rượu câu thần nói thơ*
(Nguyễn Du)

3) Đề cho trí óc được sáng suốt:

*Khi chén rượu khi cuộc cờ
Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên*
(Nguyễn Du)

4) Đề xuất trần tiêu dao tiên cảnh:
*Thơ một túi phẩm đề câu nguyệt lộ
Rượu ba chung tiêu sái cuộc yên hà
Thú xuất trần tiên vẫn là ta*
(Nguyễn Công Trứ)

5) Đề tránh cảnh bon chen trong vòng danh lợi:
*Thu ăn măng trúc đông ăn giá
Xuân tắm bầu sen hạ tắm ao
Rượu đến gốc cây ta sẽ nhấp
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao*
(Nguyễn Bình Khiêm)

6) Đề cho dễ ngủ, không cần dùng thuốc:
*Đánh ba chén rượu khoanh tay giấc
Ngâm một câu thơ vỗ bụng cười*
(Nguyễn Công Trứ)

7) Đề tiêu khiển:
*Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy
Cảnh phù du trông thấy cũng nực cười
Thôi công đâu chuốc lấy sự đời
Tiêu khiển một vài chung lếu láo*
(Cao Bá Quát)

8) Đề tiêu sầu... :
*Thê ngôn tú tửu chân vô ích
Ngã dục tiêu sầu thả tự do*

Về trai gái, ngoài những bài thơ của nữ sĩ Hồ Xuân Hương, ta thấy cũng có ít nhiều thi sĩ tán thưởng thú vui “cảnh già chơi trống bỏi”:

Bài thơ chiếu gon

Tương truyền một hôm, Nguyễn Trãi trên đường đi châu về, trời nhá nhem tối thì gặp Nguyễn Thị Lộ. Thấy cô gái bán chiếu xinh đẹp, Nguyễn Trãi cao hứng ngâm mấy câu thơ gheo:

*Á ở nơi nào, bán chiếu gon?
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn?
Xuân xanh nay độ bao nhiêu tuổi?
Đã có chồng chưa, được mấy con?*

Không ngờ cô bán chiếu cũng ngâm thơ đáp lại:

*Thiếp ở Tây Hồ bán chiếu gon,
Cớ chi ông hỏi hết hay còn?
Xuân xanh vừa độ trăng tròn lẻ
Chồng còn chưa có, có chi con!*

Nguyễn Trãi yêu sắc, phục tài bèn dò hỏi gia cảnh rồi cưới Nguyễn Thị Lộ làm thiếp.

Cảnh già lấy vợ hầu

.....
*Trong trần thế duyên duyên nợ nợ
Duyên cũng đành mà nợ cũng đành
Xưa nay mấy kẻ đa tình*

Lão Trần là một với mình là hai
Càng già càng dẻo càng dai.*

(Nguyễn Công Trứ)

*Xưa có Trần Tu 73 tuổi đỗ tiến sĩ vua gả cho vị công chúa vừa 17 tuổi và nay có ông (Nguyễn Công Trứ) cũng ở tuổi 73 cưới

nàng hầu, là hai Thi sĩ Trần Kế Xương, về trai gái, cho ta những câu thơ sau đây:

*Một trà một rượu một đàn bà
Ba cái lãng nhăng nó quấy ta
Chừa được cái nào hay cái đó
Có chăng chừa rượu với chừa trà*

Tóm lại trong cuộc sống ta ta bị cám dỗ bởi nhiều thú vui, nhưng theo ý kiến của Trần Kế Xương thì chừa được cái nào hay cái đó.

*Từ đồ tường
Từ khoá lại thêm từ đồ tường
Tham lam tám thứ dễ sâu vương
Phật khuyên triệt để trừ ham muốn
Khổng dạy trung dung giữ kỷ cương
Không rượu không chè nghèo khẩu vị
Không trai không gái nhạt tình hương
Ai ơi hãy gắng theo thiên mệnh
Ấm cật no cơm ngủ kỹ càng*
(Phương Du)

TỆ NẠN “XUẤT KHẨU LAO NÔ”

“Xóa đói giảm nghèo”... Đảng thiết tha!
Người dành cố đất, kẻ cầm nhà!“
Đóng tiền dịch vụ”: thân cùng quẫn!“
Xuất khẩu lao nô”: cảnh xót xa!
Mòn mỏi vời trông về đất mẹ!
Ngậm ngùi tử biệt đáo quê cha!
Ra đi nào biết ngày về lại
Sống chết đôi đường... giọt lệ sa!

6/9/2010

HỒ CÔNG TÂM
(Texas)



PHÒNG MẠCH BÁC SĨ VÕ ĐẠM

591 University Blvd. East
Silver Spring, Md 20901

Nay đã được trang bị máy móc tối tân
để điều trị các chấn thương do
TAI NẠN LƯU THÔNG

Đ.T. (301) 434-4943
Cell Phone (24/24): (240) 422-3454



BÓNG DÁNG ĐÀ LẠT TRONG THƠ NHẤT TUẤN

NGÔ TẶNG GIAO

Nhà thơ NHẤT TUẤN tên thật là PHẠM HẬU. Sinh trưởng tại Nam Định. Quê ngoại quê nội ở Ninh Bình. Di cư vào Nam năm 1954. Gia nhập trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, năm 1955, Khóa XII. Rồi từ 1966 từng làm Quản Đốc Đài Phát Thanh, Giám đốc Nha Nghiên Cứu Kế Hoạch Bộ Thông Tin, Giám Đốc Nha Vô Tuyến Truyền Thanh và Tổng Giám Đốc VN Thông Tấn Xã v.v... Trên vai nhà thơ là hai hoa mai trắng: Trung Tá.

Nhà thơ được biết đến nhiều qua những tập thơ “*Truyện Chúng Minh*” (xuất bản trong khoảng từ 1959-1964) và những tập truyện “*Đời Lính*” (xuất bản 1965). Trên 50 bài thơ trong “*Truyện Chúng Minh*” đã được phổ nhạc bởi nhiều nhạc sĩ trong khoảng từ 1959-2008.



Từng sống ở Đà Lạt nên thành phố đầy sương mù và mưa bay này vẫn luôn mãi tiềm ẩn ở một góc nào đó trong trái tim nhà thơ. Có lẽ cũng vì thế mà trong những vần thơ “*Truyện Chúng Minh*” NHẤT TUẤN đã ghi lại một số những dòng hồi tưởng với hình ảnh Đà Lạt mà một phần đời của mình còn gửi lại nơi chốn ấy. Và có lẽ để tưởng vọng về Đà Lạt mà trong chuỗi ngày sống ly hương, khi mái tóc đổi màu, nhà thơ đã chọn một thành phố cũng đầy mưa rơi giữa miền đồi núi chập chùng với ngàn thông xanh hoài ngàn năm ở vùng trời tây bắc Hoa Kỳ để định cư, đó là Seattle (Washington State).

Trong thơ NHẤT TUẤN, thoát tiên tình yêu thấp thoáng trong bài “*Truyện Chúng Minh*”, chỉ gọi lên nỗi nhớ mong của người ở Đà Lạt vì bị xa cách với người ở Sài Gòn:

*“Còn nhớ những thư người trước gửi
Sài Gòn - Đà Lạt mới năm nào
Từng chiều thứ bảy anh mong đợi
Màu chữ xanh, yêu đến ngọt ngào*

*Hồn có nguyên trinh màu trắng cũ
Môi hồng vẫn thắm thuở ban đầu
Không dung lòng rộn niềm ao-ước
Nhưng biết ai còn nhớ đến nhau.”*

Trong đời lính, khi phải rời xa Đà Lạt, từ nơi tiền đồn biên giới nhà thơ gửi lòng nhung nhớ về thành phố này nhân mùa Giáng sinh khi viết bài “*Niềm Tin*”, cũng đầy mong nhớ:

*“Lại một Noel nữa
Mấy mùa Giáng sinh rồi*

Anh ở đồn biên giới
Thương về một khung trời.

Chắc Đà Lạt vui lắm
Mimosa... nở vàng
Anh đào khoe sắc thắm
Hương ngào ngọt không gian

Mấy mùa Giáng sinh trước
Chỗ hẹn anh chờ hoài
Lần này không về được
Hỏi hộp đơi tin ai.”

Một ngôi giáo đường nhỏ bé của Đà Lạt cũng lưu lại kỷ niệm một mùa Giáng Sinh với hoa anh đào khoe sắc thắm trong lòng NHẬT TUẤN. Nhà thơ viết bài “Nhà Thờ Đường Cô Giang”:

“Thêm xuân nữa lại về
Giữa một trời tuyết lạnh
Nhiều đêm dài xa quê
Tìm hoài trong ảo ảnh

Những kỷ niệm thần tiên
Bây giờ anh vẫn nhớ
Nhà thờ đường Cô Giang
Chúa nhật... mình đến đó

Đà Lạt vào Giáng Sinh
Anh Đào reo mở hội
Tan lễ em và anh
Đường hoa về chung lối

Họ thấy... em hôn anh
Vội làm dấu Thánh Giá
Mấy sơ và... sư huynh...
Muốn là thiên thần cả!!

Em hỏi:
-Họ có yêu ?
Anh đáp:
-Khi khẩn hứa
Họ xin yêu rất nhiều
Yêu hết con cái Chúa

Anh cố giữ niềm tin
Của tuổi trẻ mơ mộng
Nơi quê hương ngàn trùng
Xin em đừng tuyệt vọng

Vì sẽ có một ngày...
Giáo đường xưa... lại đến
Quỳ dưới trời tuyết bay
Thiết tha anh cầu nguyện.”

Sau khi tình yêu nơi giáo đường xuất hiện, trong hồi tưởng nhà thơ chỉ mong “thấy” được người yêu nơi bài “Cầu nguyện” (chứ không mong “lấy” như bản nhạc đã đổi lời) với hai câu cuối thật buồn bã:

“Con quỳ lạy chúa trên trời
Để cho con thấy được người con yêu
Đời con đau khổ đã nhiều
Kể từ thơ dại đủ điều đắng cay
Số nghèo hai chục năm nay
Xây bao nhiêu mộng trắng tay vẫn nghèo
Mỗi tình đầu trót bọt bèo
Vì người ta thích chạy theo bạc tiền
Âm thầm trong mỗi tình điên
Cầm bằng Chúa định nhân duyên bẽ bàng
Bây giờ con đã gập nàng
Không giàu, không đẹp, không màng lợi danh.
Chúng con hai mái đầu xanh
Chấp tay khẩn nguyện trung thành với nhau.
Thề rằng sóng gió biển dâu,
Đã yêu... trước cũng như sau... giữ lời

Người ta lại bỏ con rồi,
Con quỳ lạy Chúa trên trời thương con.”

Giáng sinh thường là thời điểm kỳ diệu nhất trong suốt cả năm với tiếng chuông ngân nga trong đêm vắng, với ánh nến lung linh huyền ảo và thánh ca trầm bổng gọi lên những cảm xúc thanh thoát, êm đềm và thánh thiện. Bên giáo đường hoa mimosa Đà Lạt khoe sắc vàng tươi thắm, nhưng

trong lòng nhà thơ lại chỉ nổi lên kỷ niệm buồn bã với bài “Mimosa Thôi Nở”:

“Noël xưa anh nhớ
Khi hãy còn yêu nhau
Nhà thờ nơi cuối phố
Thấp thoáng sau ngàn dâu
Anh chờ em đi lễ
Chung dâng lời nguyện cầu
Mimosa bừng nở
Đẹp như tình ban đầu
Đà Lạt mờ trắng lạnh
Đường về ta bước mau.

Rồi anh hỏi khẽ em
Đã xin gì với Chúa
Trong đêm lễ Noël
Em lắc đầu chẳng nhớ
Nhưng hồng lên đôi má
Nắm tay anh đợi chờ
Trông em sao xinh quá
Và ngoan như nàng thơ

Mới bốn mùa thu qua
Mimosa vẫn nở
Sao mới tình đôi ta
Ai làm cho dang dở

Đêm nay Noël đây
Chuông nhà thờ khắc khoải
Gió thổi lang thang bay
Mưa buồn giăng ngõ tối

Anh quỳ bên tượng Chúa
Cúi đầu chấp hai tay
Lạy Chúa con chờ đợi
Người ngày xưa về đây
Nhưng em không về nữa
Đường khuya mưa bay bay
Mimosa thôi nở
Trong hồn anh đêm nay.”

Trong bài thơ “Truyện Cây Hoa Mimosa” (1964), lại cũng vẫn thoáng về giận hờn, trách móc:

“Một đi vĩnh biệt cao nguyên
Mimosa trả... cho miền núi non
Làm gì có chuyện sắt son
Thì thôi đừng dại mỗi mòn mắt trông”

Đà Lạt là thành phố với núi đồi và rừng thông. Núi vươn cao cùng thông xanh reo suốt bốn mùa như cùng hát vang lên khúc tình ca gửi vào năm tháng mà nếu vắng bóng thời thành phố sẽ như một cơ thể mất linh hồn. Hình ảnh ngọn núi cao Lap Be Bắc (Lapbe Nord) và cảnh Đà Lạt về đêm đã được nhà thơ NHẬT TUẤN nhắc tới trong bài “Đêm Cuối Cùng Đà Lạt”, cũng kể lại một chuyện tình dang dở:

“Rồi kỷ niệm về dần trong trí nhớ
Đêm cuối cùng hai đứa đi ciné
Những con đường Đà Lạt lúc vào khuya
Hoa lá tả rơi vàng đôi mái tóc

Gió buốt từ “Lap Be Nord” xa tắp
Anh vội vàng cởi áo khoác cho em
Tiếng thở dài chen tiếng bước đi êm
Mình yên lặng diu nhau cho đến sáng.

Và anh nhớ em hát bài Hoài Cảm
Giọng ngân buồn, môi gọi cổ nhân ơi
Đêm hôm qua trong tiệc cưới đông người
Lời hát cũ làm anh xao xuyến mãi.

Ôi ngày xưa sao giờ không trở lại?
Để em là riêng của một mình anh
Để anh nghe hoài giọng hát thanh thanh
Nhưng câu chuyện chúng mình không kết cuộc

Vì hai đứa... tại vì... ai biết được?!
Nên giờ này anh phải sống xa em
Rồi tình cờ nghe giọng hát quen quen
Bài Hoài Cảm, đêm cuối cùng Đà Lạt!”

Trước từng cùng “người xưa diu hiền”
kề vai nhau tình tự ngồi bên hồ Than Thở.
Nay sao lại đã xa nhau, chỉ còn lại lời thơ

than tiếc nhớ dĩ vãng kỷ niệm trong “Bài Hát Đồi Sim”:

“Đà Lạt đầy sương khói
Một mình anh lặng yên
Nghe hồn mình nức nở
Nghe buồn len trong tim

Nếu mình đừng gặp nhau
Trên núi đồi Đà Lạt
Vi tình yêu ban đầu
Đã tan theo sóng nhạc

Người xưa... người xưa đâu?
Để... lòng anh tan nát
Đời bãi bể nương dâu
Cũng buồn như tiếng hát.”

Cũng vẫn hồ Than Thở Đà Lạt thuở nào là nơi đôi lứa vui chơi với hoa “bất tử” từng là sứ giả của tình yêu. Nhưng nay sao chỉ còn là một kỷ niệm buồn đến “tàn nhẫn” trong bài thơ “Cánh Immortel Cuối Cùng” (1964):

“Hôm xưa đi chơi hồ Than Thở
Em ngắt bên đường một đóa hoa
Rồi chạy đến anh cười hớn hở
Đây hoa bất tử như tình ta

Hoa ấy màu vàng chen sắc máu
(Màu vàng tâm sự kẻ yêu nhau
Là âu yếm với tình đơn hậu)
Êm đẹp bao nhiêu giấc mộng đầu

Quả thực cũng như tên bất tử
Bông hoa nhỏ nhỏ của người thơ
Anh đem về để trong phòng ngủ
Tươi mãi không tàn, có lạ chưa

Từ dạo sân nhà em đổ pháo
Em cùng người ấy sống yên bình
Đêm đêm úp mặt vào tay bảo
Nào có ra chi... truyện chúng mình

Trái với tên hoa là bất tử
Hoa dần héo rũ sắc tàn phai

Cánh rơi tan nát như tâm sự
Như tiếng lòng anh khẽ thở dài

Rồi đến chiều nay cánh cuối cùng
Trời dâng lệ xuống khóc rưng-rưng
Hoa ơi đừng giống tình ta nhé
Ta vẫn cầu mong được thủy-chung

Anh quên màu đỏ trong hoa đó
Màu đỏ là màu của biệt-ly
Và của bao nhiêu sầu hận tủi
Giờ đây còn biết nói năng chi

Cánh hoa bất tử rơi lần chót
Tàn nhẫn như người rũ áo đi.”

Mưa Đà Lạt giăng mắc trên thành phố cũng khiến cho nhà thơ ngậm ngùi nhớ lại biết bao hình ảnh cũ chất chồng, đầy ngang trái và nát tan. Trong cảnh Xuân về với cái Tết tha hương, NHẬT TUẦN viết bài “Mưa trong kỷ niệm”:

“Chiều mưa đó tưởng không còn gặp lại
Lần cuối cùng hai đứa lặng nhìn nhau
Có bao giờ em hiểu được anh đâu
Tình ngang trái và những lời gian dối

Trong tay nhau nhiều lần anh tự hỏi
- Ái Khanh ơi ! Em còn nhớ chăng em
Bình minh hồng... và những buổi chiều êm
Truyện Chúng Mình... với bao nhiêu kỷ niệm

Hoa không đợi mà tình cờ bướm đến
Mình yêu như chưa từng có bao giờ
Em về rồi anh ở lại bơ vơ
Và bỗng thấy muốn giận hờn mãi mãi

Chiều mưa đó tưởng không còn gặp lại
Nào ngờ đâu trên thành phố Cao Nguyên
Đang âm thầm đếm bước dưới trời đêm
Anh bỗng thấy dáng người xưa thấp thoáng

Mái tóc đó bỗng bênh che vàng trán
Nét môi cười và cặp mắt nai thơ

Anh tưởng mình như đang sống trong mơ
Và thăm hỏi hay chỉ là hư ảnh

Ai thoát gặp đã vội vàng lẩn tránh
Trong mưa bay anh thờ thần ra về
Mimosa tràn ngập lối anh đi
Hoa hay chính mình đang tan nát...?

Tết tha hương... nhớ mùa xuân Đà Lạt
Lòng băng khuâng nhớ người cũ năm nào
Tình tưởng phai theo ngàn cánh anh đào
Bỗng giây phút lại thắm hồng nổi nhớ

Tiếng mưa như giọng ai... hoài nức nở
Lần cuối cùng... rồi mãi mãi...
Và mãi mãi... chia xa...
Cho hồn anh nổi bão táp phong ba
Thương từng hạt mưa buồn trong kỷ niệm.”

Một ngày nào đó khi hồi tưởng về thành phố cao nguyên với tình yêu đẹp để tràn đầy mộng ước lúc mình còn là sinh viên võ bị, NHẬT TUẤN viết bài “*Nhớ Về Đà Lạt*” (1964). Thời gian trôi qua. Cảnh vẫn còn đó. Người xưa đã cách xa. Để rồi lại cũng vẫn đầy hình ảnh của buồn bã, của dang dở chia ly vào giai đoạn cuối của khúc nhạc tình:

“*Nhớ tám năm về trước
Khi còn là sinh viên
Học trong trường Võ bị
Nơi núi rừng cao nguyên*”

*Dạo ấy em mười tám
Xinh đẹp hơn tiên nga
Tóc mây bồng vương trán
Môi cười tươi như hoa*

*Còn nhớ không ngày xưa
Đà Lạt buồn trắng mờ
Gió vàng trên nước biếc
Chim chiều bay bờ vờ*

*Chúng mình sát vai nhau
Tay đan tay chậm bước*

Cùng đếm từng vì sao
Rồi xây bao mộng-ước

Rừng ái ân vẫn đó
Hồ Than thờ còn đây
Thông im buồn đợi gió
Mây đôi xa còn bay

Cũng vẫn một khung trời
Còn nguyên hình ảnh cũ
Em bây giờ xa rồi
Tìm đâu người viễn xứ

Tình nào không dang dở
Màu nào mà không phai
Cho nên anh không nở
Làm thơ để trách ai

Riêng chiều nay nhớ lại
Truyện chúng mình ngày xưa
Nhìn khung trời Đà Lạt
Mà tưởng mình đang mơ.”

Trong cuộc sống tại nước ngoài, với tiêu đề “*Truyện chúng mình hải ngoại*” NHẬT TUẤN viết: “*Thôi trang đời đã khép*”:

*“Và những chiều Đà Lạt
Một mình trên đồi thông
Mưa nhạt nhoà trong mắt
Gửi sầu... vào mênh mông”*

Bài “*Áo ảnh*”:

*“Xin giữ mãi kỷ niệm buồn Đà Lạt
Giữa đồi thông rừng cỏ non xanh ngắt
Nhớ điên cuồng trong một phút băng khuâng”*

Bài “*Lại một xuân buồn*” (1985):

*“Nhớ Bích Câu Đà Lạt thoáng mưa bay
Hồ Than Thờ cùng lòng ai hòa nhịp
Rừng Ái Ân với ngàn thông xanh biếc
Thác Gougah, cây gọi gió than van
Đồi 15 đầu đó cụm mai vàng
Giáng Sinh tới Anh đào khoe sắc thắm
Mimosa sương long lanh đọng nắng*

*Chiều Lâm Viên, bản Thượng khói dâng cao
Những kỷ niệm xưa thân ái biết bao...
Ghi lại thuở bên nhau nơi Trường Mẹ!*

*

Mới chỉ trích dẫn một số ít vần thơ trong “*Truyện Chúng Minh*” của NHẤT TUẤN người đọc đã thấy bóng dáng thành phố sương mù Đà Lạt chập chờn ẩn hiện. Bóng dáng Đà Lạt một trời thương nhớ quả thật rất thích hợp để được chọn làm bối cảnh cho những truyện tình.

Tình yêu nam nữ đã có từ vạn kiếp và luôn là một đề tài bất diệt trong vườn hoa văn học nghệ thuật của bất cứ quốc gia nào. Riêng trong lãnh vực thi ca thì từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây, tình yêu luôn gọi hứng cho các nhà thơ. Hình như tình yêu không có tuổi tác, chừng nào trái tim con người còn đập thì con người còn yêu. Hơn nữa một số văn sĩ, thi sĩ đã từng nói rằng: “Thơ trữ tình có thể coi như tổng hợp, như tuyệt đỉnh của thơ, mà chính thơ là tuyệt đỉnh của tiếng nói loài người!” Họ còn mạnh miệng nói thêm nữa: “Thi ca sẽ là tôn giáo cuối cùng trên mặt địa cầu này khi mà tất cả nhân loại không còn giữ lại được cho họ một niềm tin nào ở nơi tôn giáo mà chúng ta đang có”.

Thật ra nhà thơ không phải là kẻ vi phạm tội mà bị “phát vãng” từ thiên cung xuống dưới trần như có người thường nói. Nhà thơ cũng chỉ là một con người bình thường và đối tượng của thơ, chất liệu tạo ra thơ chính là cuộc sống trên cõi nhân gian mà thôi. Cũng vẫn có yêu có ghét, có vui có buồn, có quên có nhớ, có xum họp và có chia ly... Có lẽ phải quan niệm rằng: “Thơ là một lối sống, một lối nhận thức, một lối dùng ngôn ngữ, âm điệu để diễn tả tâm tư tình cảm riêng. Cái nền của thơ là cảm xúc, một cảm xúc thành thật. Thơ không phải là một cách đọc thoai mà phải là một

cách truyền đạt kinh nghiệm cho tha nhân. Thơ cần có sự thông cảm và thương thức của người đọc.”

Người yêu thơ có lẽ phải nhận ra rằng NHẤT TUẤN, với những vần thơ lai láng trữ tình trong “*Truyện Chúng Minh*” không phải chỉ là truyện riêng tư “thì thầm bên gối” giữa hai người nữa mà đã hóa thành “truyện chúng mình” của bao nhiêu là đôi tình nhân thanh niên nam nữ khác. Nhà thơ đã viết xuống hộ những trang nhật ký về tình yêu của những người trẻ tuổi. Khi thì đắm đắm thiết tha. Nhiều lúc lại dang dở não nề, phải cần đến thời gian như là một loại linh dược để dần dần hàn gắn các vết thương lòng trong quá khứ. Có thể coi đây là tâm sự chung của một thế hệ thanh niên thời đó, đồng lứa tuổi với tác giả.

Nhưng có một điều quan trọng cần phải nói thêm là sau những tháng ngày quần quai với “*Truyện Chúng Minh*”, NHẤT TUẤN đã vượt khỏi những hình ảnh buồn chán thương đau, những nhớ nhung rất thể nhân thường tình của thời trai trẻ đó. Nhà thơ đã chuyển hướng về một chân trời thi ca với tầm cao của những hình ảnh đẹp đẽ hơn như những lời tâm sự chân thành của nhà thơ NHẤT TUẤN mấy chục năm sau khi viết những “*Truyện Chúng Minh*”:

*“Ngày còn là cậu học trò Trung Học
Trong tình yêu bé nhỏ, cá nhân
Tôi đã từng than thở biết bao lần
Và làm thơ
Trách những người mau phụ bạc...”*

...
*Giờ đây, theo đời sống quân đội lớn lên
Sau những tháng năm tranh đấu
Tôi bỗng thấy rằng
Mình chỉ toàn là thương hò nhớ hã
Tôi bỗng thấy rằng
Còn rất nhiều tâm sự khác để làm thơ...”*

Ngô Tăng Giao
(VIRGINIA, Mùa Thu Vàng 2010)

CẢNH ĐỜI HƯ ẢO

Đỗ Bình

Chiều trên sông Seine nắng vàng ngả long lanh mặt nước tựa ánh trăng đêm, bờ xa mấy con sóng bạc nhấp nhô rẽ theo chiếc du thuyền trắng như đám mây nổi chờ đầy khách du ngoạn. Vừa chớm thu trời se se lạnh, gió hiu hiu không đủ làm dòng sông gọn sóng nhưng hàng cây ven bờ vẫn lao xao, thỉnh thoảng có chiếc lá vàng nhẹ rơi. Cứ mỗi độ thu, vào những ngày cuối tuần Đấng thường ra sông Seine một mình ngồi nghe tiếng sóng vỗ để nhớ về những dòng sông quê. Cơn gió lùa thoảng qua hơi lạnh làm sáng khoái tâm hồn, Đấng hít mạnh nhưng vẫn dỗi mắt nhìn chiếc lá lững lờ trôi. Chàng trầm nghĩ: *«Nếu cuộc đời êm như dòng sông thì tâm hồn chàng sẽ chẳng dăng bão tố! Như thế những danh từ chiến tranh, thù hận và tình yêu cũng trở thành vô nghĩa.»*

Đấng đang thả hồn theo chiếc lá, bỗng những giọng Việt Nam chen lẫn tiếng cười làm chàng sực tỉnh, lòng cảm rộn rã vì nơi mảnh trời xa xôi này thoảng được nghe ngôn ngữ, làn điệu quê hương rất ấm áp phát ra quanh đây. Chàng ngoái lại ngắm nhóm khách du lịch người Việt đang đi dọc theo bờ sông, trông cách ăn mặc của họ chàng biết đây là đám nhà giàu mới từ Việt Nam sang Paris. Quần áo và nữ trang của họ rất đắt tiền, loại dành cho những buổi dạ tiệc, có lẽ đây là những thành phần có quyền thế nên trung diện như thế? Nhìn họ bảnh bao mà chàng chạnh lòng nhớ đến quê

mẹ, mảnh đất còn nghèo đói. Ký ức một thời trước và sau chiến tranh, khúc phim dĩ vãng chợt quay về.

Ông bà ngoại Đấng ngày trước không giàu, ngoài một số ít ruộng đất ở quê và một hiệu buôn nhỏ ở Hà Nội, nhờ biết cần kiệm và chịu khó làm việc nên gia đình ngoại cũng dư giả; dù có tính cần kiệm nhưng ông bà lại rất hảo tâm, hay làm phước bố thí cho kẻ nghèo. Do công việc buôn bán ông bà phải giao tiếp với những khách hàng thuộc nhiều thành phần mà chẳng quan tâm đến các đảng phái, nhưng ông bà lại rất nhiệt tình ủng hộ những phong trào yêu nước nên chẳng bỏ sót lần đóng góp nào, nhất là những tuần lễ vàng do Việt Minh phát động. Ngoại có tám người con mà một nửa đã theo tiếng gọi Việt Minh lên đường, trong số đó có mấy người đã mất tích và chết trên chiến khu Việt Bắc, chỉ còn sống sót mỗi cậu giáo út! Những người con còn lại theo những chí hướng Quốc Gia, hai người bác của Đấng đều gia nhập quân đội Cộng Hòa, và đều bị tử trận hồi tết Mậu Thân, và chiến trường Quảng Trị! Bà di ruột chị của mẹ chàng cho đến ngày nhắm mắt vẫn chưa một lần quay về đất bắc. Bên nội Đấng là ngoại kiều, bố chàng là người lai sinh và lớn lên ở Paris làm y sĩ, có một thời gian phục vụ tại bệnh viện De Lanessan (Đồn Thủy) ở Hà Nội.

Sự mâu thuẫn âm ỉ trong gia đình ngoại đã ăn vào xương tủy lâu ngày nên gia đình thiếu vắng hẳn tiếng cười! Mẹ Đấng ngâm ngùi khóc, kể:

«Bà ngoại con buồn vì sự chia rẽ, anh em trong nhà thù lẫn nhau nên ngoại gia trước tuổi!»

Trong số các anh chị em cậu giáo Tú là em út, người mẹ Đãng thương nhất. Cậu ở chung với ông bà và thường ghé thăm chị và cho quà các cháu. Nhưng bỗng dưng cậu biệt tích! Mãi sau này di cư vào Nam nghe mẹ kể cậu đã theo Việt Minh lên chiến khu chống Pháp, và chính cậu đã lên về Hà Nội khuyên gia đình nên sang Pháp để tránh hiểm họa sau này, nhưng mẹ Đãng vì thương những người thân nên nản nã chưa kịp đi thì hiệp định Genève chia đôi đất nước xảy ra!

Vào Sài Gòn mẹ Đãng là một nhà buôn, bà đang làm ăn phát đạt thì gia đình chàng có giấy hồi hương về Pháp, mẹ Đãng thương anh chị nên không muốn rời quê hương vì bà đã từng sống bên ấy. Chàng vì thương mẹ nên ở lại. Sau này khi chiến tranh trở nên khốc liệt, một số người bạn Pháp của mẹ là nhân viên sứ quán khuyên Đãng nên về Pháp, nhưng chàng cứ dửng dăng. Tự ái không cho phép chàng trốn tránh chiến tranh, dù rằng không thích, vì nó đã hủy diệt bao mầm sống, cướp đi bao người thân của chàng. Nhưng chàng cũng không thể làm ngơ khi các bạn xa gần của chàng nhiều người đã hy sinh vì lý tưởng, nằm xuống cho ước vọng tự do quê hương để giữ an lành cho bao kẻ khác, trong đó có gia đình chàng. Do đó chàng theo tiếng gọi lên đường dấn thân vào chốn hiểm nguy không phải để tìm vinh quang hay làm người hùng, mà chỉ mong giữ sự bình yên xóm làng, và cũng để trả nợ núi sông nơi đã sinh ra chàng.

Biển cỏ tháng tư năm 75, chàng cùng chung số phận với bao chiến hữu khác bị đi

tù nhiều năm, và được thả về vì lý do bệnh tật. Chàng được gia đình đưa vào bệnh viện Bình Dân tiếp tục điều trị, nhờ đầy đủ phương tiện chữa trị nên sức khỏe chàng dần dần khá nhiều, mắt đã hồi phục được một phần ánh sáng. Một hôm người thân đến thăm cho biết cậu Tú đã hưu trí và hiện đang ở nhà mẹ chàng tại Sài Gòn, nghe tên cậu lòng chàng vẫn lạnh băng, không cảm xúc! Hình ảnh của cậu Tú khi xưa đã nhạt nhòa trong ký ức!

Ngày chàng xuất viện thay vì về thẳng kinh tế mới, mẹ Đãng đã chạy cho chàng về tạm trú nhà mẹ, ở đây hai cậu cháu bắt đầu dĩ phải chạm mặt nhau. Cậu Tú khuôn mặt lạnh như đá, chẳng chút tình cảm. Đã thế cậu thường hay khiêu khích, mỉa móc trong mỗi câu chuyện nói với các bà chị cố ý cho Đãng nghe. Cậu oang oang tuyên truyền khoe thành tích chống Pháp, chống Mỹ, chống Tàu. Lúc đầu chàng còn nể tình cậu cháu nên im lặng, sau thấy cậu làm quá nên đã đốp chát lại. Chàng đem sự nghèo đói của VN ra so sánh với các nước Âu Mỹ, cứ mỗi lần như thế cậu Tú lại giả đò ngủ gà ngủ gật để tránh rơi vào ngớ bí, đúng là thủ thuật CS!

Tình trạng xung đột ấy cứ âm ỉ kéo dài cho đến một hôm mấy người bạn cũ đến thăm Đãng. Trong mắt cậu có vẻ hờn hờ, bốt hậm hực khi biết cả đám ấy đang phục vụ cho nhà nước. Họ có vẻ rất nể trọng cậu, và còn có nhã ý mời cậu cùng đi ăn. Trong lòng cậu hả hê, nhưng vẫn làm mặt nghiêm, giả bộ từ chối. Mẹ Đãng thấy thế nói thêm vô, và cậu nhận lời, Cả nhóm cùng kéo nhau lên phố Tự Do vào một nhà hàng sang trọng, nơi dành riêng cho người nước ngoài và cán bộ. Đây là lần đầu kể từ ngày Sài Gòn đổi tên chàng trở lại chốn quen thuộc này nên bỗng xúc động. Con đường xưa vẫn thế dù đã thay

tên nhưng dấu tích kỷ niệm vẫn còn. Vía hè vẫn tấp nập người qua lại nhưng người hôm nay trong những bộ quần áo xô xêch thiếu lượt là. Màu sắc lộng lẫy của con đường năm xưa đã tắt ngóm vì hồn thành phố đã chấp cánh bay xa!

Bước vào trong nhà hàng cảnh sắc trang trí bàn ghế vẫn thế, chàng thấy rạo rục tâm hồn như vừa tìm lại một kỷ vật lâu ngày đánh mất. Nhưng niềm hân hoan vội chùng xuống, có cái gì nghèn nghẹn chặn nơi cô họng; thì ra quanh đây lố nhố những chiếc nón cối ngả nghiêng trên bàn.

Mọi người ngồi xuống bàn, Dũng gọi những món ăn, rượu ngoại và bia xuất khẩu. Đăng không biết uống rượu nên chỉ thích ăn, nhìn những món hảo vị bày ra chàng chợt nhớ những năm đói lạnh trong tù, chàng đã thèm từ mẩu đường, hạt muối hay nhánh tóp mỡ. Nhớ đến những bạn tù còn đang khốn khó trong các trại giam lòng cảm chua xót và ngồi thù ra! Mùi cá hấp và chim bồ câu quay hương bay lên thơm phức, nhưng chàng chẳng còn thiết tha ăn.

Cậu Tú ăn uống rất tự nhiên như một nhà sành điệu, không biểu hiệu ngỡ ngàng gì. Rượu đã mềm môi cậu vẫn uống, cậu có vẻ rất háo rượu! Từ lúc rời nhà đến giờ mới thấy nét mặt cậu tươi, môi nhòe nụ cười. Cậu gật gù mở miệng khen rượu ngon. Cả bọn đồng ồ lên!

-*“Rượu Mỹ đấy cậu!”*

Cậu Tú chẳng nói gì, nét mặt phẳng lì, vươn vai thò tay cầm chai rượu tự động rót cho mình rồi nâng ly nốc cạn. Ánh đèn vàng vọt của nhà hàng tỏa ra ấm cúng, những chiếc bàn đầy khách thường xa nhau như giữ một khoảng cách, chắc họ sợ người khác nghe chuyện của mình. Người mặc chiếc áo xanh đã cũ ngồi cạnh cậu Tú là

Dũng trắng, gốc “rau giá,” nó tốt nghiệp cử nhân Văn Khoa làm báo chí được vài năm, đổi nghề khi miền Nam đứt phim. Bỏ nó ngày trước là một trí thức theo Mặt Trận Giải Phóng bị chết trên Trường Sơn, bạn bè ai cũng biết nhưng tình cảm đôi với nó vẫn đậm đà thắm thiết, chẳng có gì ảnh hưởng với chung quanh. Nó được hoãn dịch vì lý do gia cảnh mẹ già con một, nay đang làm công nhân sở vật tư nên rất dư giả. Bỗng cao hứng nói:

-*“Bao mùa Noel rồi chúng mình không có dịp đón réveillon chung. Noel này mình gặp nhau chung vui đi?”*

Phong râu, gốc “Hố Nai” ngồi đối diện với cậu Tú, học ở Luật, tốt nghiệp cùng năm với Dũng. Ngày trước nó được hoãn dịch vì lý do sức khỏe diện “con ông cháu cha” bố và ông nó đều chết trong tù CS, nay đang làm ở sở thương nghiệp cũng khăm khả. Nó toe toét cười nói:

-*“Chúng ta sẽ cùng nâng cốc rượu đón mừng Chúa giáng sinh. Hồng ân Thiên Chúa sẽ mang hạnh phúc đến với gia đình chúng ta.”*

Cậu Tú bỗng dần ly rượu xuống phán một câu chóc lira :

-*“Chẳng có Chúa Phật gì cả! Chỉ có Bác thôi.. Bác mới có khả năng đem hạnh phúc no ấm đến toàn dân.”*

Dũng trắng đáp liền :

-*“Chẳng có Bác biếc gì cả! Chỉ có đờ la Mỹ là no ấm thôi. »*

Cậu Tú dùng dùng nổi giận đứng phắc dậy, khoa chân múa tay trợn mắt nói:

-*«Chúng mày tưởng các ông chiến thắng tạm bợ hả ? Đùng có hòng... liệu cái hồn đấy!»*

Đám bạn Đăng biến sắc về sự có bất thường này chưa biết phải phản ứng ra sao!

Cậu định nói nữa thì thằng bạn ngồi cạnh Đăng là giáo viên cấp ba ngày trước, thuộc loại thầy giỏi, nay bị hạ xuống cấp hai. Nó gốc xứ Quảng, được mệnh danh là kẻ ít nói! Lê Khang đứng phắc dậy kê tai cậu nói nhỏ. Chẳng biết nó nói gì mà cậu Tú xiù như trái bóng và từ từ ngồi xuống. Một đứa vội tiến ra quây tính tiền, những đứa còn lại điệu cậu ra xe.

Thật hú hồn! May mà chẳng ai nghe được những điều cậu nói, nếu không thì cả đám tù mút mùa!

Lên xe cậu Tú nhũn người ra, ngoẹo đầu vào thành xe ngủ một giấc đến nhà. Bước chân xuống xe cậu lại tỉnh queo! Tiễn bạn về, ra xe Đăng hỏi thằng bạn xứ Quảng:

-«*Lê Khang! Mà nói gì mà ông cậu tao xò thế? ... Xuýt tí nữa là chúng mình đi tù cả đám!*»

Lê Khang cười khoái trá nói :

-«*Tao nói phét cậu mày sợ!*»

Cả đám trở mắt nhìn nó. Nó vỗ vai Đăng cười nói tiếp :

-«*Tao cũng sợ toát mồ hôi... nhưng bỗng dưng tao phọt được một câu mà tao mang máng đọc được ở đâu nên nói bừa: “Tôi là người của sở bảo vệ chính trị được lệnh theo dõi cậu trong thời gian ở trong Nam... thế là ông xò xuống.”*»

Cả bọn cười rũ lên khoái trá, một cán bộ gộc mà sợ một câu hù vu vơ của thằng công nhân viên quèn, thế mới biết chế độ CS kiểm soát lẫn nhau quả khiếp thật! Khi đám bạn đi khuất rồi, Đăng quay vào nhà kể cho mẹ nghe, bà tức giận mắng cậu như tát nước! Cậu Tú mếu máo khóc và phân trần, hai chị em cùng khóc! Riêng Đăng chưa hả giận, chàng nghi là cậu muốn hại mình. Vốn sẵn bất đồng vì chứng kiến, nay sự việc càng trầm trọng hơn khiến chàng

quên hẳn tình cậu cháu, một ý nghĩ cực ác lóe trong đầu, Đăng hành xử như kẻ mộng du, xông xộc vào phòng xách mấy chai rượu mạnh mà mẹ chàng dùng để điều dóm đám công an phường. Bà thấy Đăng mang nhiều rượu ra định cản vì không sợ cậu Tú uống nhiều hại đến sức khỏe, nhưng bà lại muốn hai cậu cháu có dịp ngồi với nhau để xả bớt sự căng thẳng bấy lâu và nhất là chuyện mới đây. Bà dặn:

-«*Cậu con già rồi, cho cậu uống ít chút... Để cậu ngủ, sáng mai lại sức tha hồ uống.*»

Đăng vâng dạ cho qua và tiếp tục làm theo kế hoạch. Chàng khui chai Whisky, khui thêm chai Martel Rémi, mùi rượu thơm phức! Chàng thường nghe bạn bè nói rượu pha hai ba thứ rất dễ say. Đưa hai chai rượu lên xoay xoay soi trong ánh điện, như tìm cái chất tinh khiết trong rượu, chàng muốn khêu gợi cơn say trong cậu. Mắt cậu Tú sáng quắc... Thế là Đăng đã chài được cậu! Những thời đá trong ly rượu lóng lánh như kim cương đang mời gọi, màu rượu làm tăng độ óng ả thơm như hương môi thiếu nữ tuổi giẫy thì. Cậu bạn này sang ly khác. Mặt cậu Tú trông giống những tấm bia hình tượng trong những bãi tập bắn ở quân trường, khuôn mặt sáng sủa của cậu bắt đầu chảy ra, môi tái, run lên bần bật. Ly rượu trên tay cậu sóng sánh, chao đi chao lại làm đổ, chàng được dịp rót thêm cho đầy. Cậu Tú bắt đầu nhũn ra, người rút lại, cậu bỗng thều thào lè nhè kể lại chuyện gia đình năm xưa, những điều Đăng không hề biết. Giọng cậu buồn như tiếng võng giữa trưa hè, lòng Đăng chột bụi ngủi xót xa như lọt vào một câu chuyện buồn cổ tích! Chàng thấy hối hận về những ý nghĩ điên rồ của mình và bừng tỉnh, mồ hôi toát ra như tắm. Chàng cầm ly rượu của

cậu uống cạn, rượu xông lên tận óc, cháy rụi cả lồng ngực. Đây là lần đầu tiên trong đời chàng uống rượu, uống mừng vì vừa thoát một tội ác. Nếu sự việc xảy ra cậu Tú chết vì uống quá nhiều rượu do trúng gió, thì lương tâm chàng cũng sẽ không bao giờ được yên ổn, suốt đời bị dằn vặt! Đấng bành hoằng thầm nghĩ: *«Chàng ghê tởm chủ thuyết CS chứ đâu thù ghét con người. Cậu Tú chỉ là nạn nhân, kẻ mê sảng chủ nghĩa... Xuyết nữa chàng đánh mất mình!»*

Đấng thu vôi mấy chai rượu cất xuống gầm bàn, cậu Tú định giựt lại nhưng không được. Cậu ngoe nguẩy trong tiếng nắc cục và thều thào :

-«Rượu ngon lắm, cậu còn uống được mà... để cho cậu uống.»

Chàng vói tay tắt chiếc quạt đứng cạnh đó đang xoay hết tốc độ, sợ cậu bị nhiễm lạnh, dù trời đang oi bức. Cậu Tú lại khêu khào định nói với Đấng điều gì nhưng chẳng nghe rõ, rồi cậu rũ ra ghé ngủ. Trong men rượu chộp chờn hình như cậu có hai con người: *«Con người hiện tại là con người CS đây rầy những ham muốn nhưng biết che nắp dưới nhãn hiệu «yêu nước». Cái não trạng của cậu đã chứa đầy tính đảng nên chỉ biết vâng lời và sẵn sàng hy sinh dân thân vào tội ác dù biết bị lừa dối! Còn con người thứ hai là con người mang thuần tính người, biết lý lẽ của con tim nhưng phải nhẫn nhục để tồn tại. Hai thực thể ấy mâu thuẫn nhưng luôn hiện hữu và dẫn dắt nhau.»*

Đấng sát lại gần cậu, lúc này chàng mới có dịp nhìn thật kỹ cậu và cảm thấy thương xót: Một thân hình tiều tụy còm cõi nào có khác gì tù nhân? *«Ôi bao nhiêu năm tận tụy với đảng nào cậu có được gì ngoài danh từ hào! Những nghiệt ngã đón đầu đã giáng*

ngay lên đầu cậu đến bố mẹ bị đảng đầu tổ cũng không dám mở miệng can ngăn hay than phiền. Chủ thuyết phi nhân đến thế mà vẫn trung thành, thật uống phí một đời!»

Đấng bế cậu vào giường, người cậu mềm như bún. Chàng ra tủ lấy hộp dầu con hổ vào cao gió khắp toàn thân cho cậu, chàng còn thức suốt đêm canh chừng cậu. Chưa hừng sáng đường phố Sài Gòn đã tấp nập, tiếng ồn ào của xe cộ lẫn tiếng người buồn bán nghe huyền ảo. Dù bị công an rượt đuổi cấm chợ ngăn đường nhưng không cản được dân, cấm chỗ này họ bày chỗ khác, vì miếng cơm manh áo họ đã bớt sợ hòng súng. Cậu Tú thức dậy nhìn thấy Đấng ngồi bên cạnh giường và đang quạt cho cậu. Bằng một giọng đầy xúc động :

-«Con thức cả đêm không đi ngủ hả?»

Đây là lần đầu tiên từ hôm gặp mặt cậu buông lời triu mến như lời cha với con. Đấng mỉm cười thấy như vừa trút đi một gánh nặng.

Kể từ sáng hôm ấy những móng vuốt chủ nghĩa, những cùm gông cách mạng, những hãm huyền lý tưởng đều vụt bay. Nơi ấy chỉ còn lại tình gia đình sau bao năm nẫu nát. Cậu Tú trở lại nguyên hình với con người bằng xương thịt, máu mủ huyết thống. gương mặt rười rượi của cậu sáng hẳn lên, ánh mắt thoảng nét vui. Môi run run cậu hé mở cõi lòng: - *“Hai chị ạ! Đã từ lâu em đợi giây phút này để được bày tỏ nỗi lòng cùng các chị: Trong giai đoạn «cải cách ruộng đất» ông bà về thăm quê bị đội cải cách bắt ghép tội là địa chủ cường hào, có con theo thực dân, phản động nên bị đem đầu tổ. Mẹ buồn mà chết vì sự bạc bẽo, phản phúc của những người trong đội đầu tổ, họ đã từng được gia đình ta giúp trong lúc nghèo đói túng thiếu! Bố thì bị dày lên*

Thái Nguyên và bỏ xác trên đó! Những người thân còn lại ở Bắc chẳng ai dám hé môi can thiệp, hay một lời van xin giúp, có người còn cải tên đổi họ để tránh liên lụy!

Bá vừa khóc, hỏi:

«*Thế lúc đó cậu ở đâu ?*»

Cậu Tú mếu máo:

«*Hai chị ạ! Trong giai đoạn chỉnh lý, thanh trừng xảy ra khắp nơi ấy em bị đưa đi công tác xa, mãi Thanh Hóa!*»

Giọng cậu Tú ngập ngừng, đứt khúc buồn bã:

«*Em vì đã quá sợ cấp lãnh đạo đảng ghép tội liên hệ với gia đình phản động, nên đã hèn yếu khi hay tin bố mẹ bị bắt mà không cấp tốc trở về quê bảo lãnh... Thật đáng tội! Lúc đó em vẫn ngây thơ tin vào Đảng, cứ ngỡ nhà ta có nhiều người hy sinh ở chiến khu Việt Bắc thì họ không dám đầu tổ bố mẹ, nhưng đầu ngõ họ lại phui công khiến bố mẹ ra nông nổi ấy! Cũng vì chuyện đó em xin phục viên không những không được mà còn bị hạ tầng công tác! Xin hai chị cứ mắng nhiếc và lượng thứ cho em!*»

Mấy chị em nức nở chan hòa nước mắt.

Bà ngừng khóc nói :

-*“ Thôi em ạ, đảng nào bố mẹ cũng mất lâu rồi... nhắc lại chuyện cũ chỉ thêm buồn. Nhưng nếu chẳng làm sáng tỏ thì lòng các chị đây không yên. Hôm nay chị mới hiểu rõ nội tình, biết em cũng đau khổ thì sao các chị còn trách em được nữa.»*

Cậu Tú đứng lên tiến lại bàn thờ tổ có cả hình thờ ông bà ngoại mồm lâm râm khẩn và thấp nén nhang.

Đảng trở mắt nhìn cậu, thì ra chủ thuyết CS không diệt được lòng tín ngưỡng ẩn trong cậu, bỗng chàng cảm thấy đời vui lên. Gia đình chàng đa tôn giáo: Mẹ Đảng đạo Phật, bà di lý chồng Công giáo nên theo

đạo, Đảng theo bên nội nên đạo Chúa, giờ Cậu Tú sau nhiều năm theo CS nhưng gốc vẫn đạo ông bà.

Sau khi thấp nhang cậu Tú quay về chỗ cũ tiếp tục nhắm rượu, cậu cũng mong Đảng thông cảm cho những thái độ quá quắt về định kiến đã trở thành một thói quen của người CS. Còn chàng lòng cũng đầy ắp nỗi của đứa cháu vẫn xem cậu là kẻ thù!

Bữa cơm trưa hôm đó thật ảm cúng như cơn mưa đã tạnh. Cậu ngâm nga trong cốc rượu, bùi ngùi kể cho gia đình nghe những đắng cay cơ cực mà cậu đã trải qua trên đất bắc. Ba chị em cùng khóc. Mẹ Đảng nói:

-*« Gia đình nghèo như thế sao cậu không viết thư xin? »*

Bá Đảng khóc bùi ngùi hỏi :

-*« Em là cán bộ mà khổ như thế sao không bỏ quách vào Nam từ năm bảy năm thì có đỡ hơn không? »*

Cậu ghen ngào :

-*« Rõ tội! Nếu biết sự tình như thế em đã theo các anh chị vào Nam hồi năm mươi tư thì còn gì nói... Khốn thay... em lại ngờ trong Nam bị kìm kẹp chắc phải khổ hơn ngoài Bắc nhiều! Chẳng thế hôm vào thăm hai chị và các cháu em có mua mấy cân đường, định mang vào biếu hai chị... nhưng vào đây, thấy nhà hai chị em xấu hổ quá... Do đó em đã nói láo cho đỡ thẹn! »*

Bá Đảng vẫn khóc, thộn thức nói:

-*« Chị em mà xấu hổ cái gì! Còn gặp được nhau là quý rồi! »*

Cậu Tú quay sang Đảng giọng trầm buồn:

-*« Bằng mọi giá con phải đi nước ngoài con ạ! Quê hương này sinh ra con nhưng không dưỡng được đâu!... Người ta chỉ tạm gác thù hận qua một bên, khi cần họ lại mang ra bêu xấu hoặc đổi chác! Những người như con khó sống chung được với*

họ!... Cũng chính vì các anh chị của cậu người theo Pháp kẻ theo Mỹ mà bao năm cậu chỉ là chiếc bóng trong đảng CS, họ dùng nhưng không tin! Họ cho cậu sống là may đấy con! Trong đảng mà trừ ếm nhau thì còn ác hơn loài thú dữ ! »

Bá nổi giận :

-« Chúng nó ác như như thế mà trời lại không tru diệt nó ! Thà chị chết trong Nam chứ không trở về Bắc! »

*

Paris, một hôm Đảng nhận được thư gia đình báo tin cậu Tú mất lòng chàng buồn rười rượi ! Trong thư có tấm ảnh chụp một căn nhà tranh xơ xác nằm bên bờ sông nơi vùng quê hẻo lánh. Nếu không có khung hình cậu trên cổ quan tài thì chẳng bao giờ Đảng dám nghĩ cậu Tú lại sống cơ cực như thế! Ôi cả đời cậu hy sinh cho một lý tưởng huyền hoặc những tưởng mang đến sự công bằng phúc lợi cho mọi người, nào ngờ ngay chính bản thân cậu sống trong cơ cực nghèo đói, bị chèn ép, đổ kị bởi chính tinh «đồng chí»! Từ ngày rời quê Đảng chưa lần trở lại, mẹ chàng vẫn ở lại vì muốn được chết trên quê hương, bà viết thư sang muốn chàng đừng về dù cho mai này bà có nhắm mắt cũng an tâm. Bà dặn dù ở bất cứ nơi đâu hãy nhớ mãi hình ảnh đất mẹ trong tim vì sông nào cũng đều chảy ra biển cả. Chàng thầm nghĩ: *«Nếu chẳng có những lời ru tha thiết ngọt ngào đầy man trá của chủ thuyết CS làm mê hoặc những kẻ mộng du, cùng với bao tham vọng của những kẻ hám quyền lực tạo cơ hội cho ngoại cường giành xé, thì quê mẹ đâu phải lâm than đổ nát, rạn vỡ tình người, và gia đình ngoại đâu phải ly tán!»*

Bóng chiều tắt, dòng sông Seine rục rờ muôn ánh điện với những chiếc du thuyền lộng lẫy ngược xuôi. Ngồi trên tàu điện

ngắm trở về nhà mà đầu chàng vẫn miên man hình ảnh đám du khách Việt Nam quần áo sang trọng hồi chiều, họ là những nhà «trữ bản đồ» trông thật béo tốt tươi tắn, chẳng bù cho những bà mẹ già còm cõi da bọc xương, một thời được vinh danh xếp vào loại gia đình liệt sĩ vì có con có chồng bỏ xác ở Trường Sơn. Những mái đầu bạc đó hiện đang sống trong cô đơn hiu quạnh nơi quê nhà, phải tất tả chạy gạo từng bữa để tự nuôi thân thì lấy tiền đâu du lịch? Huống chi những người dân đen thấp cổ bé miệng chắc còn khổ biết chừng nào?! Chàng nghe tin đất nước ngày nay đã thay đổi, phải thay đổi để có thể theo kịp các cường quốc Đông Nam Á và Á Châu thì đó là điều đáng mừng. Nhưng rất tiếc sự thay đổi đó chỉ là sự chuyển từ «cái xấu này sang cái xấu khác» khiến xã hội hôm nay càng tha hóa hơn! Đảng thẫn thờ về một mảng đời chợt đến của dĩ vãng.

*

Sáng nay trước hàng hiên nhà có chùm hoa vàng mới nở, cánh hoa mong manh trong nắng gọi khơi niềm nhớ. Chàng bỗng thương quê mẹ, mảnh đất còn nhiều dấu tàn phá chiến tranh, những vết hận thù mà thời gian chưa đủ xóa! Ở đó chàng đã mất quá nhiều, chỉ còn lại kỷ niệm. Tiếng chuông nhà thờ bên khu phố cổ vọng lại lảng lảng tâm hồn, xa xa những vầng mây trắng nổi đuôi nhau không biết về đâu cuối trời? Đảng chạnh nhớ đến những người thân và bằng hữu một thời lòng bỗng bùi ngùi. Một thoáng yên lặng cho những người thân, những người đã nằm xuống vì ý nghĩa tự do... và những linh hồn ly hương phiêu bạt./.

ĐỖ BÌNH (Paris)

CHO NGƯỜI MAI SAU

1
Đừng ngạc nhiên nghe Em,
Khi Anh gửi cho Em,
Những Vần Thơ đầy hoa lá,
Những Vần Thơ đầy gió trắng,
Những Vần Thơ nồng nàn âu yếm,
Những Vần Thơ xây mộng ảo Cung Hằng,

2
Nếu không viết những Vần Thơ
khi tim hồng lên tiếng hát
Anh sẽ chết khát
như một lữ hành lạc lõng
giữa biển cát bao la.

3
Nếu không viết những Vần Thơ
trong những ngày tháng tư vỡ lên tiếng
sóng
Anh sẽ chết trong tuyệt vọng.
như những người di tản,
gửi thân cho ngọn sóng bạc đầu,
trong một đêm không sao,
và trong một Đại Dương không đáy.

4
Có những thành phố Anh qua,
những khung trời rất xa Anh tới,
như một Port of Prince – Haiti
ngày trước, ngày sau đã đổi khác mất rồi.
Em thấy chưa em ơi?

5
Chuyện xưa in dấu cuộc đời,
viết câu thương nhớ,
cho người mai sau.

VIỆT BẰNG

(San Jose, CA)

Thiên thu

Em ra đi chiều biển xanh sóng vỗ,
Gió mùa sang làm tóc xõa tung bay.
Hoàng hôn buông biển loáng màu trắng ngà.
Nghiêng xuống em thành một giải ngân hà.
Ôm giấc mộng vượt ngàn khơi thăm thẳm.
Đời hân hoan vòng sinh tử lạnh căm!
Ôi đất hứa tình thế nhân mờ mịt !
Biển hải hùng làm hun hút tự do!
Hoa với sóng trời bày chi bảo tố ?
Bờ bên kia chỉ là cõi hư vô !
Biển gọi em theo bọt sóng xa mù.
Về bên đó tình ơi em thiên thu!

ĐỒ BÌNH

(Paris)

Thăm Huyền Không Sơn Tự

Huyền Không Sơn Tự giữa không gian
Giữa lá cây xanh giữa gió ngàn
Từng phiến đá sầu ngơ ngẩn đứng
Hoàng hôn êm ả, tiếng chuông vang.

Lòng trần rơi lại phía sau lưng
Thanh tịnh tâm an với núi rừng
Quên hết cuộc đời đầy khổ ải
Để hồn thanh thản với muôn trùng.

Kiều Anh

(Minneapolis, MN)

THI SĨ PHAN KHÂM

NGUYỄN LÂN

Trước khi gặp anh, tôi vẫn nghĩ văn nhân, thi sĩ là có vóc dáng thanh thanh, cao cao, gầy gầy như Vũ Hoàng Chương, Thế Lữ, Đinh Hùng hoặc có mái tóc bông bênh như Xuân Diệu của thập niên 40 nhưng tôi đã chứng hững thấy thi sĩ Phan Khâm khác hẳn thế! Anh rõ ra nòi võ tướng với đôi chân mày lưỡi mác đậm đen, xéch ngược, khuôn mặt phong sương, dẫn dỏi, khắc khổ, trông là lạ không như tôi tưởng tượng về các thi sĩ.



Thi Sĩ Phan Khâm

Ấy thế, thơ Phan Khâm lại thu hút người đọc. Anh làm nhiều thể điệu, từ thơ cổ, xương họa, thất ngôn bát cú đến những thể thơ mới điệu kỳ. Nhưng không như nhiều nhà thơ hiện tại, đọc lên nghe trúc trắc, thơ Phan Khâm có giai điệu nhịp nhàng, có âm thanh trầm bổng, rất thú vị cho những ai yêu thơ và biết đọc thơ. Cái đặc biệt của nhà thơ là chân chất, mộc mạc. Cái dễ thương của nhà thơ là đậm thắm hương quê. Dùng nhiều từ thoạt nhìn nghe kỳ kỳ nhưng càng đọc càng ngắm càng thấy những câu thơ – nhất là thơ tình tự – thật đáng yêu!

Thường thì tôi không thích thơ tự do vì nhiều nhà thơ muốn viết sao thì viết, đọc lên nghe lủng củng cứ như mình đang nhai sạn.

Thơ Phan Khâm không thế. Thi sĩ đã đặt bút viết những câu có âm vận, có tiết tấu thanh âm quyện vào nhau vừa chân thành vừa lãng

mạn. Đối với tôi, văn vẫn khác văn xuôi là thế. Không cần cầu kỳ dập theo khuôn sáo, âm luật thời xưa, nhưng phải có hồn, có nhạc tính trong thơ mới quyến rũ được khách yêu thơ, mới thấy được giai âm trầm bổng khi bình thơ những lúc trà dư tửu hậu.

Là thi sĩ nên Phan Khâm có những tư tưởng bênh bồng, phiêu lãng, mộng thực triền miên:

hoan đạo

Cấm em nhắc chuyện tình...”

Ấy vậy mà:

“Ta nhìn em điên đảo

Tay nắm vào vô minh

Em nhìn ta khờ khạo

.....

Tới ngã ba Thiên Đường

Chưa dứt được vấn vương

.....

Ở trong cung thiên thu

Bao giờ đưa nhau tới

Bao giờ còn ngóng đợi

Hình như và hình như

Áng mây hồng phiêu du”

Hay, nhưng sao mơ hồ thế. Lời thơ đẹp, xúc động và gợi cảm. Ý thơ thanh thoát mà

chan chứa ân tình. Thực và mộng như quyện vào nhau nhuần thấm ân sủng của đứa con ngoan đạo, của con người tâm thức... để đi vào phiêu du, lãng đãng như áng mây hồng trời...

Hơn thế nữa, thi nhân còn có tâm hồn thánh thiện, thủy chung. Xin hãy nghe tiếng lòng của chàng:

“... trên thế gian này

Trong vườn nào

Nếu có một loài sâu biết nói

Đang kêu gào cơn đói

Thì trái cây mộng chín sẽ không rơi

ở yên trên cành chung thủy chung đôi

Em ơi, xin nguyện một đời

cầu kinh thánh hóa giữa trời muôn sao”(Trên thế gian này)

Một bài thơ tỷ dụ là lạ. Những chuyện như là không tưởng vẫn có thể xảy ra. Làm sao biết được? Chỉ có Trời biết. Trời hoán chuyển mọi việc mà thôi. Đành cầu xin hồng ân của Trời.

Đọc đến mấy câu thơ dưới đây mới thấy ngất ngây say đắm mà chỉ có những ai đã từng yêu – mà yêu da diết – mới thấm, mới nào lòng:

“Thương ngơ ngẩn,

Nhớ ngẩn ngơ.

Em ơi! Chừ nghĩa bây giờ vô ngôn”

(Bụi bay)

Thật tuyệt! Tương tư đến mức độ này đúng là bậc thượng thừa! Chẳng còn chữ nào diễn tả được nỗi lòng đờn đau thương nhớ! Chắc thi sĩ đã có lần yêu dữ dội trong đời. Có thể mới rung cảm được người đọc.

Cái hay của Phan Khâm là anh giàu tưởng tượng và biết dùng những tính từ, trạng từ và ngay cả động từ biến thể phong phú

trong ngôn ngữ Việt để làm người đọc thú thích, say sưa. Trong bài “Chiếc lá cuối cùng” nhà thơ dẫn dắt người đọc từ hai chiếc lá không muốn rời nhau như đôi tình nhân miên viễn tâm hồn bên nhau. Vũ trụ như thế tràn đầy thương yêu. Đẹp thật!

“Hai chiếc lá đổ dành

Bỏ quên đi hờn giận

Hững hờ chưa muốn rời

Dan díu tựa lưng trời...”

Thi sĩ ưa tượng hình một cách linh động để người xem thơ nhìn ra một quang cảnh khác, một quang cảnh nửa hư nửa thực, một quang cảnh rất gợi tình, tưởng như không táo bạo. Nhưng đọc lên sẽ làm độc giả liên tưởng tới những cảm xúc tột đỉnh, những khoái lạc thế gian. Khởi đầu rất nhu mì như đôi trẻ:

“Tôi đang đi kiếm ... lòng vòng

Tôi đang đi kiếm đất trồng cây si

.....

Tôi không đi kiếm... sao đành

Biết đâu em lại đổ dành... kiếm đi

(Tôi đang đi kiếm)

Dễ thương biết mấy cái trò chơi ú tim của đôi người trẻ tuổi này! Dễ thương biết mấy cái văn tài chất phác của Phan Khâm!

Nhà thơ đã hưng phấn óc tưởng tượng của người đọc một cách tự nhiên như trong bài “Chiều mưa bong bóng”. Một bài thơ đầy nhạc tính. Chỉ mô tả bong bóng nước mưa thôi mà đọc lên với hàng ngàn bong bóng nhấp nhô, vòng vo, tình tự, dây dưa làm khách yêu thơ liên tưởng tới sự phập phồng của cặp nhũ hoa con gái!

“Chiều mưa bong bóng

.....

Mắc vào dây dưa

.....

Mắc vào tương tư
.....
Bên bờ du dương
.....
Bong bóng... nhấp nhô”

Tới bài thơ “Lên” quả thật đã kích động óc tò mò của người đọc để cùng tác giả nghĩ tới những cái sống động sôi nổi nhất của ái tình. Thi nhân đã khéo léo nhân cách hóa, biết đập vào thị hiếu của độc giả với những hình tượng, màu sắc của núi mây, bướm hoa tình tự:

“ Nâng lên tròn trịa xuân thì
Nhón lên gót mỏng cực kỳ khít khao
.....
Lâng lâng lên giữa đường vào bướm hoa
.....
Kéo lên em cứ xuýt xoa phong trần
Tình lên quanh đỉnh phù vân...
Gió lên cuốn hết nợ nần giao thoa”

Ta thấy gì nhỉ?! Cái gì của tuyệt đỉnh say sưa? Có phải “giao thoa” không? Còn nữa, xin cùng tôi đọc mấy câu thơ thật bóng bẩy, trầu tượng, gợi hình, gợi cảm này:

“ Chốn này
Tôi thấy rất quen
Quen hơi, quen cả những đêm lạ lòng
Nhấn theo tà áo mưa phùn
Tới trong chân tóc tưởng vùng cỏ khô”

Làm người đọc thấy “vùng cấm địa” của người yêu. Ghê thật!

Nhưng không hẳn chỉ có gợi cảm gợi tình. Thơ tình Phan Khâm vẫn có cái nhu thuận, hiền hậu của những ai chỉ thích mối tình lãng mạn trong trắng lồng trong khung cảnh thơ mộng. Xin hãy đọc:

“ ...Suối tóc em dài như suối mơ

Xuân xanh mộng寐 cả đôi bờ
Đôi bờ mộng寐 đêm huyền diệu
Huyền diệu từng chân tóc kẽ tơ...”
(Hẹn hò kiếp khác ở phương đông)

Mặc dầu thi sĩ làm nhiều thể điệu, nhưng không thể không nhắc đến thi tài “cổ” của Phan Khâm với thể thơ Đường luật. Nói đến thơ Đường luật phải nhắc tới thể thất ngôn bát cú để xứng họa, bắt buộc phải có âm, có vần bằng trắc theo qui luật, thi sĩ đã chứng tỏ sở học của mình, có nghiên cứu tường tận với âm luật rất chính mà hơi thơ vẫn chau chuốt, nhẹ nhàng. Chắc chắn các bậc tiền bối không thể chê trách thơ Đường luật của anh. Thi sĩ biết dùng từ, biết gieo vần, đã làm quen với thơ Đường, đã xứng họa ngang tay các bạn thơ như Hồ Công Tâm, Cao Mỹ Nhân, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phùng Trần, Lê Chí Phong, Tân Anh, Lý Hiếu... Bài xứng họa nào cũng chứng tỏ thi sĩ không lạ gì thơ Đường, chơi chữ điệu nghệ, đối âm, lập tiết điệu phong phú (như những bài xứng họa Khởi Thủy Thương Nguồn/ Bên Dòng Thạch Hãn, Cảnh Đồng Quê/ Vãn Một Lòng, Trăng Tàn/ Ánh Trăng Suông, Tình Thu/ Tiếc Thu, Đêm Trăng Ngang Thiếu Thất/ Trăng Khuyết Mái Hiên Tây, Những Chiều Đông/ Không Ngủ). Xin đơn cử hai bài thơ xứng, họa dưới đây để quý độc giả thưởng thức tài thơ cổ của Phan Khâm.

Trăng Tàn - Xứng
Với bóng trăng tàn, uống rượu suông
Cạn thêm chén nữa chẳng vui buồn
Đường vang kèn đệm màn hoan lạc
Phố vắng đàn rung nhạc loạn cuồng
Xác đã liệm cùng cơn bão dậy
Hồn còn hoài niệm biển mưa tuôn

Đêm mai đời cũng không gì lạ
Với bóng trăng tàn uống rượu sông
(Lý Hiếu)

Ánh Trăng Sông – Họa
Bên cầu tức tưởi ánh trăng sông
Sóng vỗ lao xao tuổi đá buồn
Ôm mở hành trang chờ lặn lội
Gom từng kỷ niệm nhớ quay cuồng
Linh hồn lửa thắp: trầm hương đốt
Thân xác kinh cầu: mạch nước tuôn
Ngựa hí gót mòn u uẩn khúc
Bên cầu tức tưởi ánh trăng sông
(Phan Khâm)

Thi sĩ gốc miền Trung nên anh tả cô gái Huế
trong bối cảnh cố đô rất... Huế. Nét đặc thù
có một trên đất nước Việt ta”:

“ Cho xin chút Huế đi O
Chút mưa rả rích bay vô nội thành
.....
Chút hương sen hồ Tịnh Tâm
Chút ăn chút nói thâm trầm cố đô
.....
Chút nào vương vấn điệu hò Nam Ai
Chút hồn áo tím liêu trai
Mái tóc thể xõa ngang vai thuở nào...”

Cũng như đa số văn thi sĩ miền Trung -
Phan Khâm ca ngợi xứ sở của anh, cảnh cũng
như người - hơn những thi nhân miền khác?
Phải chăng là vùng đất “cây nên sỏi đá” đã
nung đúc tinh thần xứ sở?

Phan Khâm là một nhà thơ trong buổi giao
thời giữa cái mới và cũ, anh đã thử đủ loại để
nói lên cái tình, cái cảnh, các trạng huống xảy
ra quanh mình. Thế loại nào anh cũng có khả

năng, càng viết nhiều càng tiến bộ. Bên cạnh
đó, cách nhìn đời của nhà thơ rất bình thản,
yên ả. Anh chấp nhận tất cả những đắng cay
bùi ngọt trong cuộc đời. Điểm này thể hiện rõ
ràng trong bài “Yên ổn đợi chờ”. Nhân sinh
quan của thi sĩ là cứ để tâm lắng đọng trước
mọi sự việc. Chuyện gì cũng có thể xảy ra.
Chuyện gì rồi cũng qua đi. Cứ an bình chờ đợi.
Nó đến rồi nó đi. Một cách nhìn đời khôn
ngoan như những câu dưới đây:

“Cuộc đời con người, thế gian vũ trụ
Không biết có bao nhiêu mới gọi là thừa
Không biết có bao nhiêu mới cho là đủ

.....
Có những hồi chuông nghe trong hơi thở
Chuông gọi hồn hay đang gọi xác thân ai
.....

Cứ chờ nhau đầu muện màng sẽ đến
Xin hiểu cho nhau, yên ổn đợi chờ “.

Thơ văn thể hiện tâm hồn con người
sáng tạo ra nó. Phan Khâm là nhà thơ có óc
quan sát, giàu trí tưởng tượng, biết lôi cuốn
độc giả theo dõi thơ của anh một cách thích
thú. Anh không cầu kỳ dù có vài chữ bóng
bẩy. Anh là con người mộc mạc nhưng đa
tình. **Đây Đó Nghĩa Tình** cho tôi thấy anh
yêu đời, biết cảm nhận tha thiết những ân
sủng Trời ban. Thơ anh đôi lúc có mong ước
thoát khổ đau, có trăn trở khắc khoải nhưng
anh không bị những cái đó dẫn dắt, cấu xé.
Theo thiển nghĩ, nhà thơ Phan Khâm nằm
trong vùng ánh sáng, nằm trong chân trời
hồng của thế gian này.

NGUYỄN LÂN
(Virginia)

Chúc Mừng



Ngày 24 Tháng 7 năm 2010, Nhà Thờ Phan Khâm và Phu Nhân Phi Hồng
đã làm lễ thành hôn cho Thứ Nam là

Phan Đình Tuấn Khanh cùng **Chu Thị Mỹ Thục**
Ái Nữ Ông Bà Chu Văn Phương và **Đặng Thị Nga**.

Xin chia vui cùng hai họ và chúc Tân Lang và Tân Giai Nhân trăm năm sắt cầm hòa hợp.

TOÀN BAN BIÊN TẬP TAM CÁ NGUYỆT SAN CỔ THƠM

Tứ Bất Tận - Tứ Bất Năng

Nguyễn Thùy

Cách đây lâu lắm rồi, những trên 40 năm, người viết đôi khi lui tới **‘Đàm Trường Viễn Kiến’** của nhà Học giả Nguyễn Đức Quỳnh. Ông vốn thuộc nhóm Hàn Thuyên, khuynh hướng Đệ Tứ Quốc Tế với Lương Đức Thiệp, Trương Tửu,... Nhưng khi vào Nam, ông ‘giả từ’ Mác, Lê, Trốt-Kít và trở về với khuynh hướng Quốc Gia, Dân Tộc. Mến mộ ông về phong cách xuề xoà, giản dị, nói năng ôn tồn, luôn luôn tương nhượng, khoan hoà cùng trọng nể ông về kiến thức, nhiều người thường đến nhà ông (nơi con hẻm đường Phan Thanh Giản, nay là đường gì, tôi không biết, cách ngôi chùa nhỏ Từ Quang của Thượng Tọa Thích Tâm Châu chừng mười mét) hàn huyên, tâm tình, trao đổi ý kiến về mọi vấn đề từ Chính trị, Kinh tế, Thơ Văn, Học thuật, thời sự, nhất là những người viết lách và một số Văn Nghệ sĩ như Nhạc Sĩ Phạm Duy, Nhà Thơ Trần Dạ Từ, Luật Sư Nghiêm Xuân Hồng, Luật Sư Nguyễn Hữu Thống, và hình như cả Bác sĩ Trần Ngọc Ninh và nhiều nhân vật khác nữa, phần lớn là người Bắc. Kể cả những người trẻ, dù miền Nam, miền Trung, nghe tiếng ông chứ ông không quen biết, ông cũng niềm nở tiếp đón. Do đó nên có người gọi căn nhà ông là **‘Đàm Trường Viễn Kiến’**. Những buổi gặp gỡ như thế, thường chỉ có uống trà và đàm đạo vì cuộc sống của gia đình ông cũng eo hẹp lắm.

Một lần, người viết nghe ông nhắc đến lời người xưa về **‘Tam Bất Năng, Tam Bất Tận’**. người viết ghi nhớ điều đó. Sau 1975, sống dưới chế độ Cộng sản, chứng kiến những gì Cộng sản đã gây ra cho nước, cho dân, nhất là về Giáo dục, tất cả mọi tầng lớp nhân dân, ngay cả thiếu niên, nhi đồng cũng phải học thuộc nhuần nhuyễn lý thuyết Mác-Lê, nhất là tư tưởng, đạo đức của ‘Bác Hồ vĩ đại’, người viết thấy cái **‘Tam Bất Năng, Tam Bất Tận’** kia còn thiếu nên mạo muội thêm vào một cái Thứ Tư và đổi thành **‘Tứ Bất Năng, Tứ Bất Tận’** như sau :

a) **Tứ Bất Năng** : Bốn điều không nên, không thể làm :

-**Phú quý bất năng dâm** (hiểu đơn sơ là: giàu sang thì không được dâm ô, đàng điếm, phung phí, hưởng lạc trác táng, đồi trụy,...)

-**Bần tiện bất năng di** (dù nghèo nàn, khổ sở cũng giữ gìn nhân phẩm, giá trị con người, không được dời đổi, đánh mất nhân cách của mình, không được làm những gì trái đạo đức, luân thường,...)

-**Uy vũ bất năng khuất** (trước cường quyền, bạo lực, không khiếp nhược, hèn hạ, quỳ lụy, cầu xin để trở thành nô lệ cho kẻ ác)

-**Lý tưởng bất năng hoặc** (không bị mê hoặc bởi lý tưởng của ai như kẻ cuồng tín chủ nghĩa, cuồng tín tôn giáo. Cũng còn có nghĩa là không nên đem cái lý tưởng, cái ý kiến của mình để áp đặt, khống chế ai, bắt buộc phải tuân phục ý kiến mình, bài bác hết mọi ý kiến, lý lẽ nào trái với ý mình).

b) **Tứ Bất Tận**: Bốn điều không nên đẩy đến cùng cực :

-**Xử nhân bất tận tài** (đối xử với ai cũng không nên bóc lột hết tài sản, của cải, tiền bạc kẻ khác mà phải để cho họ có cái gì để sống)

-Xử nhân bất tận lực (đối xử với người, không nên bóc lột hết khả năng, sức lao động của họ, biến họ thành thứ lao nô suốt đời cúc cung tận tụy phục vụ mình)

-Xử nhân bất tận tình (đối xử với người, không nên bắt buộc ai phải hết lòng hết dạ, phải trung thành tuyệt đối với mình, không được thân thương, cảm tình với bất cứ ai, ngoài mình)

-Xử nhân bất tận lý (đối xử với ai, không được chỉ cho cái lý của mình là hoàn toàn đúng mà không nhìn nhận phần nào cái lý của họ. Điều này, Nguyễn Du đã bảo : *‘Mà trong lẽ phải có người có ta’* (ĐTTT, câu 3114).

Ai đã từng sống dưới chế độ Cộng sản độc tài toàn trị, thấy ngay rằng Cộng sản hoàn toàn không để ý đến những lời trên. Cộng sản xóa ngay chữ **‘Bất’** để chỉ còn **‘Tứ Tận’** và **‘Tứ Năng’** nên nước nát, nhà tan, dân đói nghèo, dốt nát. Nhân dân bị biến thành cỏ rác, ngựa trâu cho Cộng sản vũng bèn ngôi vị ‘độc tài trị nước, độc quyền trị dân và độc tôn hưởng thụ’.

Nhưng, trở trêu thay, không riêng gì Cộng sản, bao nhiêu người Việt ty nạn Cộng sản nơi hải ngoại, luôn hô hào, kêu gọi đấu tranh cho Dân chủ, Tự do, cho Nhân quyền, Nhân phẩm, thế mà lại luôn sử dụng cái **‘Tứ Tận, Tứ Năng’** để chỉ trích, công kích, xỉ vả, bôi nhọ nhau, nhiều khi bằng những ngôn từ vô cùng nặng nề, thô tục, cuồng bạo. Mà nào đâu phải hạng người thất học, toàn là những kẻ có học vị cao, có địa vị xã hội : tiến sĩ, kỹ sư, bác sĩ, giáo sư, nhà văn, nhà báo từng có tiếng, có tăm. Người viết có cảm tưởng hầu như

chúng ta đã và đang bị một chứng bệnh tâm thần kỳ quái, không moi móc chỉ trích, đả phá nhau thì ‘ăn không ngon, ngủ không yên’ được, phải thế chăng ?!. Gần đây nhất, vụ Cô Lê Thị Công Nhân mãn hạn tù được Công an Cộng sản trả lại nhà dù còn bị quản thúc ba năm, Cha Nguyễn Văn Lý được Cộng sản tạm ngừng giam giữ 12 tháng, cho Cha về với gia đình để chữa bệnh cũng được (hay bị) bao người bệnh và chống đến tận cùng triệt để. (Bài viết này không bàn đến việc ‘bệnh’ hay ‘chống’ hai nhân vật này, có thể trong một bài khác)

Nêu ra hai cái **‘Tứ Bất Tận’** và **‘Tứ Bất Năng’** như trên, người viết chỉ mong sao chúng ta -những người yêu nước, những người chống Cộng và đấu tranh cho Tự do, Dân chủ- dù có khác biệt nhau về thái độ, quan điểm, dù có không cùng một cái nhìn về vấn đề gì đó, thì cũng chịu khó dùng lời nhẹ nhàng, lịch sự, ôn tồn, khoan nhượng với nhau chứ đừng dùng lối phũ phàng đối xử với nhau nữa. Nếu có phải dùng đến cái lối ‘hàng tôm hàng cá’ thì , thiết nghĩ chỉ nên sử dụng đối với Cộng sản, lớp người cam tâm làm tôi tớ cho cường quyền phương Bắc, sẵn sàng bán nước buôn dân để giữ được cái ghế ngôi thống trị trên đầu cổ nhân dân. Chúng ta tự hào có bốn nghìn năm văn hiến, tự hào truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc mà chỉ một việc đơn sơ, bé nhỏ là dùng lời dịu dàng, nhỏ nhẹ, lịch sự, nhu hòa với nhau cũng không giữ được sao ?!!!

France, 21/03/2010

Nguyễn Thùy

WEEPING FOR THE TWIN TOWERS

Amongst sister skyscrapers and under the lofty blue sky of New York City
For so many years, Oh Twin Towers, you gracefully and happily stood
To serve as the wealth-trading center for the entire world on earth.
Suddenly, you an' over three M souls died by terrorist hands: fanatic & bloody.
Farewell, adieu, and rest in peace. Sweetheart! Sweely!

Thế Linh (Virginia)

CHÀO VĨNH BIỆT TWIN-TOWERS

(gửi về New York với tất cả tiếc thương)

Lửa cao ngất lưng trời, ôi lửa đỏ
Khói đen cuồn mù mịt, khói đen mây
Những tan nát sau kinh hoàng tiếng nổ
Bao ngàn người trong biển lửa vùi thây

Rằng phim ảnh hay là đây, sự thật
Mà hãi hùng hơn sức tưởng, hơn mơ?
Khi hoảng loạn, tiếng muôn người khóc ngất
Khi lệ rơi, mà trí vẫn còn ngờ!

Hỡi Thượng Đế, dương trần hay hoả ngục
Mà cuồn điên quỷ dữ nướng thiêu người!
Mà khoảnh khắc ngàn sinh linh ngã gục
Mà đắm chìm trong biển lửa đây voi!!!

Khấp thế giới đang bàng hoàng rung động
Giận cho loài uống máu chẳng hề tanh
Thì bóng tối, có tiếng cười ác độc

Vỡ tay reo trên xương thịt tan tành!
Hỡi ác quỷ, bàn tay mi hiệu sát
Bao ngàn người vô tội chết tang thương
Niềm hạnh phúc, mộng tương lai xanh ngát
Bỗng vì mi mà tức tưởi đau buồn!

Ta đứng đó, bên bờ sông, mắt ướt
Nhìn khói bay, lửa rực giữa hung tàn
Ôi, giá phải, thân ta tan thành nước
Trả ơn người, và níu lại kỳ quan

Ôi danh tích của một thời hoa lệ
Đang vụn mình trong ngọn lửa phi nhân
Đang nhắc nhở người năm châu bốn bể
Cảnh giác cao, loài khát máu, hung thần

Chào vĩnh biệt... nghe đau hồn lữ thứ
Twin - Towers hình ảnh đã thân thương
Trong tình cảm của ta, người viễn xứ
Đến nơi này nương náu, nhận Quê hương!

NGÔ MINH HẰNG

11.9.2001

FAREWELL FOR EVER, TWIN TOWERS!

To New York with all my regret

The flames are blazing up in mid-air, oh flare-ups!
The obscure, furious smokes are blackening the clouds.

The ruins left after the dreadful explosions:
Thousands of bodies buried in the fire that enshrouds.

Is this a fiction movie or the very truth that has been
More terrible than in one's imagination or dream?
In panic the crowds are weeping, crying, screaming;
Tears have fallen but minds still doubt the scheme.

Oh God! Is this mankind's globe or hell
Where ferocious fiends are fiercely roasting souls,
And in an instant thousands of humans slumped down
And sank into such a full sea of live coals!

The whole world is astounded by the horrid cruelty,
Boiling mad at the blood-thirsty bands,
While in the dark, beyond the burnt flesh and bones,

The wicked wildly cheer and clap their hands!
Devils! With your mass destruction instruments
Thousands of people have lost thousands of their kin!
Their happiness, their aspiration for a fulgent future
Suddenly have got into pangs because of your sin!

There I stand, on the riverside, with wet eyes
Looking at the seething inferno of smoke-and-flame:
Oh, how I wish, even though smashed to smithereens,
I could show gratitude, save the wonder and its fame!

Oh, the splendid symbol of prosperity in a bright time
Is writhing and collapsing in the inhuman conflagration
And reminding all citizens all over the planet
To be always on guard against any evil machination.

Farewell for ever! I feel pain in my exile pneuma;
Twin Towers, the so much dear and beloved sign,
Will remain in my sentiments -- Since an immigrant
From afar, I have embraced this new Country as mine.

Translation by

THANH-THANH LÊ XUÂN NHUẬN

VĂN THƠ TRỮ TÌNH

Lê Thương

Văn thơ có tình mới hay, thiếu tình văn thơ trở nên khô khan, vô vị. Ý tưởng mới mẻ, xác đáng, văn thơ bóng bảy, rục rờ mà thiếu tình vẫn không rung cảm được người đọc. Ta chỉ yêu những cây bút, những vần thơ gợi được nỗi vui, nỗi buồn của tâm hồn ta.

Văn thơ trữ tình, trước hết nó ôm ấp nội tâm của tác giả, nào những vui buồn, chán chường, khổ đau, thất vọng... mà trong các thứ tình, tình duyên ái giữa nam nữ được chọn làm đề tài nhiều hơn cả và đề tài này đã làm rung động không biết bao nhiêu trái tim của nhân loại. Văn thơ trữ tình là khúc ngâm từ đáy lòng đang thôn thức mãnh liệt qua những ngòi bút mang nhiều tâm hồn lãng mạn. Thật vậy, văn thi sĩ vốn là những người mang tâm hồn đa sầu, đa cảm, đa tình, lãng mạn cho nên tình cảm của họ chứa chan, dạt dào, tâm hồn họ dễ rung động như dây tơ trên phím đàn. Họ vẩy nước mắt ra mài mực để viết lên những tiếng uất nghẹn từ đáy con tim mà mỗi chữ là một tiếng thở dài, mỗi câu là một dòng lệ (*Cho tôi ép nốt dòng dư lệ. Nhỏ xuống thành thơ khóc chút duyên*). T.T.KH trong “Bài Thơ Thứ Nhất”.

Trong kho tàng thi ca hiện đại của ta cũng đã chứa rất nhiều thơ trữ tình, điều này dễ hiểu bởi loại thơ trữ tình thường rung cảm tâm hồn người đọc. Thanh niên nam nữ đang yêu nhau, các ông, các bà với những kỷ niệm tình yêu háo hức, rạo rục

của thời niên thiếu còn lắng đọng trong đáy lòng nên thích đọc loại thơ này vì nó phản ánh tâm trạng vui, buồn, khổ, đau, thất vọng, chán chường của chính mình. Qua những năm tháng thần tiên của thời cấp sách, rời từ ghế nhà trường để bước vào trường đời, mấy ai trong chúng ta không còn vương vấn trong lòng một chút tình yêu của tuổi học trò mà mái trường và những hàng phượng vĩ nơi sân trường đã từng là chứng nhân của những mối tình đẹp tựa bài thơ, đẹp như đêm trăng huyền ảo, đồng thời cũng là nhân chứng của những oan khổ vì tình, vì tình mà tâm hồn điên đảo, vì tình mà áo não tâm can (*Người đi một nửa hồn tôi mất. Một nửa hồn kia bỗng đại khờ – Hàn Mặc Tử*).

Thêm vào đó, các nhà thơ tiền chiến của ta thi nhau làm thơ ca tụng tình yêu quá hay nên các thế hệ đàn em cứ thế tiếp tục đầu tư con tim vào việc ca tụng tình yêu. Tâm trạng của các thi sĩ trữ tình thời tiền chiến là tâm trạng chung của thanh niên nam nữ thời đó, họ buồn vợ vẫn, nhớ vu vợ, chẳng làm sao cả cũng than khổ, không ai đánh cũng than đau. Đây là cái thời lãng mạn nhất của thanh niên Việt Nam, họ sống trong mộng tình và chết vì tình mộng. Đó là cái thời đã đóng góp cho nên thi ca Việt Nam những bài thơ trữ tình tuyệt tác nhất. Một số bài thơ trữ tình thời tiền chiến đã được phổ nhạc, những bản nhạc này được gọi là “nhạc tiền chiến” và cho đến ngày nay (năm 2010) những bản nhạc tiền chiến trữ tình vẫn còn được một số lớn khán thính giả mến mộ. Đông Hồ, Tương Phố, Nguyễn

Bính, Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng...v...v... đều làm thơ khóc than, thương nhớ người yêu. Kể thì kín đáo như T.T.KH trong “Hai Sắc Hoa Ti-Gôn” hoặc lái nhái như J. Leiba trong “Năm Qua” hay nhí nhảnh như Nguyễn Xuân Huy trong “Giận Nhau”, rồi lẫn thẩn như Nguyễn Bính trong “Người Hàng Xóm”, khùng khùng như Lưu Trọng Lư trong “Tình Điền”. Ôi thôi, đủ các giọng mà đều là những giọng trữ tình gọi cảm.

Đây, xin nghe những giọng trữ tình của các nhà thơ tiền chiến:

Cách đây không lâu, có chàng thi sĩ tò mò muốn tìm hiểu tình yêu trai gái của người xưa như thế nào, có giống như tình yêu của mình ngày nay không?

*Người xưa lưu luyến ra sao nhỉ,
Có phải như mình lưu luyến chẳng?*
Huyền Kiêu (Trương Dạ Biệt)

Khôn nổi, Huyền Kiêu chỉ có ý định tìm hiểu tình yêu của người đời xưa để rồi tự mang nghiệp chướng của thi nhân. Nghiệp chướng của thi nhân là yêu thơ và yêu những cái đẹp. Thật vậy, ta chưa thấy một nhà thơ nào làm thơ để ca tụng một đối tượng không đẹp bao giờ. Đối tượng của nhà thơ có thể là một cô hàng xóm, một cô bạn học cùng trường, một thôn nữ làng bên, một cô lái đò, một cô hàng nước, một cô gái có duyên vừa quen trên chuyến xe lam, một thiếu phụ đài các... nhưng chắc chắn một điều là đối tượng của nhà thơ xinh đẹp, mỹ miều.

Cho nên nàng của Thảm Thệ Hà thì mơ mộng, u hoài:

*Mái tóc em buông lơ lửng gió thoảng,
Làn môi xinh mím chặt, mắt u hoài.
Ta cứ ngỡ em là nàng Ngọc Nữ,*

*Lạc đường trần để thăm nhớ thương ai.
(Khỏe Mắt U Hoài)*

Trong các nét đẹp của đối tượng, một số thi nhân thích cặp mắt của giai nhân vì nhà thơ đòi hỏi đối tượng của mình không chỉ đẹp thôi mà còn phải có hồn nữa. Vì “đôi mắt là cửa sổ của linh hồn” nên đối với Lưu Trọng Lư thì:

*Mắt em là một giòng sông,
Thuyền ta bơi lặn trong giòng mắt em,
(Trăng Lên)*

Còn Đinh Hùng thì mê cặp mắt của giai nhân một cách gián tiếp:

*Tương bóng hồ như bóng mắt xanh,
Ta bắt cầu hoa làm thủy tạ,
Mỗi chiều ngồi ngắm mắt em trong.
(Sóng Tây Hồ)*

Các thi sĩ lãng mạn chứa đầy trong tim những vần thơ trữ tình thì thử hỏi ai mà không thích cái giọng lãng mạn lả lơi đầy truyền cảm của Xuân Diệu:

*Là thi sĩ nghĩa là ru với gió,
Mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây.
Để tâm hồn ràng buộc bởi muôn dây.
Hay chia sẻ bởi trăm tình yêu mến.*

*Tôi chỉ là một cây kim bé nhỏ,
Mà vạn vật là muôn đá nam châm;
Nếu hương đêm say dậy với trăng rằm,
Sao lại trách người thơ tình lơ lả?
(Cảm Xúc)*

Và còn gì thơ mộng, lãng mạn cho bằng đứng nhìn trộm cô láng giềng đang hong tóc bên cửa sổ để lòng mình rộn rã một ước mơ:

*Trời đẹp như trời mới tráng gương,
Chim ca tiếng hát rộn ven đường.
Có ai bên cửa ngõ hong tóc,*

Cho chảy lan thành một suối hương.

*Giữa một giờ thiêng tình rất đẹp,
Mắt buồn và rất... rất thanh thanh.
Mày ai bán nguyệt, người ai nhỏ,
Em ạ, yêu nhau chết cũng đành!
Hồ Dzếnh (Xuân Ý)*

Ở trên Hồ Dzếnh nhìn trộm cô lảng giềng hong tóc bên song cửa để rồi mơ ước “yêu nhau chết cũng đành” còn Nguyễn Bình thì mang mối tình lẩn thẩn với “Người Hàng Xóm”, lẩn thẩn nhưng cũng rất ư là lãng mạn:

*Nhà nàng ở cạnh nhà tôi,
Cách nhau cái đậu mồng toi xanh rờn.
Hai người sống giữa cô đơn,
Nàng như cũng có nỗi buồn giống tôi.
.....
Cái gì như thế nhớ mong,
Nhớ nàng? Không! Quyết là không nhớ nàng.
Vàng, từ ân ái lỡ làng.
Lòng tôi riêng nhớ bạn vàng ngày xưa.
Tâm tâm trời cứ đổ mưa,
Hết hôm nay nữa là vừa bốn hôm.
Cô đơn buồn lại thêm buồn,
Tạnh mưa bướm bướm biết còn sang chơi?
Đêm qua nàng đã chết rồi,
Nghe ngào tôi khóc...Quả tôi yêu nàng!*

Mái trường đã từng là chứng nhân của không biết bao nhiêu mối tình thơ mộng thời tuổi học trò. Đây, xin hãy nghe tình yêu tuổi học trò qua nhà thơ Kiên Giang:

*Quen biết nhau qua tình lối xóm,
Cổng trường đôi điện gió lầu chuông.
Mỗi lần chúa nhật em xem lễ,
Anh học bài ôn trước cổng trường.
Thuở ấy anh hiền và nhát quá,
Nép mình bên gác thánh lâu chuông.*

*Để nghe khe khẽ lời em nguyện,
Thơ thần chờ em trước thánh đường.
Sau mười năm lễ, anh thôi học,
Nức nở chuông trường buổi biệt ly.
Rộn rã từng hồi chuông xóm đạo,
Khi nàng áo tím bước vu quy.
(Hoa Trắng Thôi Cài Trên Áo Tím)*

Yêu để mà khổ hay “Yêu là chết ở trong lòng một ít. Vì mấy khi yêu mà lại được yêu.”. Khi sự khổ đau dâng trào đến cùng cực thì nhà thơ chỉ biết tâm sự với thiên nhiên, than thở cùng vạn vật nên nhà thơ van xin suối ngàn ngưng róc rách, năn nỉ chim muông thôi ca hát, cây lá rừng ngừng thì thầm để lắng nghe tiếng thỏn thức của con tim mình:

*Rồi chàng đi ôm nỗi buồn chan chứa,
Mối thất tình dẫu dài với phong sương.
Hơn một lần chim lá ở bên đường,
Đã im lặng nghe tim chàng thỏn thức.
Hồ Văn Hảo (Tiên Thê)*

Và khi tình yêu dang dở, người ta có quên tình duyên cũ, quên hình bóng người xưa nhưng lối mòn trong tim nhỏ vẫn tìm ngõ ngách để nhớ thương:

*Ta muốn lòng ta cứ lạnh lùng,
Gác tình duyên cũ thẳng đường dong.
Song le hương khói yêu đương vẫn,
Phảng phất còn vương vấn cạnh lòng.
Thế Lữ (Giây Phút Chạnh Lòng)*

Trên thi đàn Việt Nam có hai chàng thi sĩ thất tình làm thơ kêu gào tên người yêu ồn ào náo nhiệt trong thi văn, đó là nhà thơ Hàn Mặc Tử và thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Hàn tiên sinh thì:

Nghệ hỡi Nghệ muôn năm sâu thẳm,

*Nhớ thương còn một nắm xương thôi!
Thân tàn ma dại đi rồi,
Rầu rầu nước mắt, bời bời ruột gan.*

.....
*Dấu đau đón vì điều phụ rẫy,
Nhưng mà ta không lấy làm sầu.
Trăm năm vẫn một lòng yêu,
Và còn yêu mãi rất nhiều em ơi.
(Muôn Năm Sầu Thắm)*

Trong thời gian Hàn Mặc Tử làm việc ở Phan Thiết có người yêu là Mộng Cầm, tên thật là Huỳnh Thị Nghệ, Lâu Ông Hoàng ở đây đã ghi đậm nét yêu đương của hai người và mối tình này đã đi vào lịch sử âm nhạc Việt Nam. Nhưng khi Hàn Mặc Tử lâm bệnh nan y, Mộng Cầm bỏ đi lấy chồng, Hàn tiên sinh quá khổ đau làm nên bài “Muôn Năm Sầu Thắm” trên.

Còn Vũ thi sĩ cũng làm thơ nức nở kêu gào tên người yêu:

*Tố của Hoàng ơi, Tố của anh!
Tố của Hoàng nay Tố của ai?
Mười Hai Tháng Sáu (Ngày 12 tháng 6 là ngày người yêu của Vũ tiên sinh lên xe hoa)*

Khi nói đến sự khổ vì yêu, những người yêu thơ đều không khỏi bùi ngùi cho mối tình ngang trái của T.T.KH, những dòng thơ của nữ sĩ là những tiếng khóc thầm, giấu diếm trong đó một khối tình dang dở. Trong thơ vẫn và ngoài đời cũng vậy, tình càng kín đáo, càng tế nhị thì càng đẹp, càng hay. T.T.KH chỉ làm có bốn bài thơ mà những dòng thơ này đã rung động không biết bao nhiêu con tim người đọc. còn tên tuổi của nữ sĩ đã đi vào văn học sử cũng nhờ thứ tình kín đáo gây nên nhiều huyền thoại đó:

*Đang lúc lòng tôi muốn tạm yên,
Bỗng ai mang lại cánh hoa tim,*

*Cho tôi ép nốt dòng dư lệ,
Nhỏ xuống thành thơ khóc chút duyên.
(Bài Thơ Thứ Nhất)*

*Hay:
Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời,
Ái ân lạt lẽo của chồng tôi.
Mà từng thu chết, từng thu chết,
Vẫn giấu trong tim một bóng người.
(Hai Sắc Hoa Ti-Gôn)*

Và rồi, nữ sĩ nhỏ từng giọt lệ để viết:
*Nếu biết rằng tôi đã có chồng,
Trời ơi! Người ấy có buồn không?
Có thăm nghĩ đến loài hoa vỡ,
Tựa trái tim phai, tựa máu hồng!
(Hai Sắc Hoa Ti-Gôn)*

Khi viết lên những dòng thơ này, nhất là hai tiếng kêu “Trời ơi!, có lẽ T.T.KH đã dứt từng đoạn ruột còn người đọc cũng thấy lòng quặn đau dùm cho nữ sĩ. Riêng những kẻ có cùng chung một tâm trạng với T.T.KH, nghĩa là đành cắn răng phụ người yêu đi lấy chồng mà “Vẫn giấu trong tim một bóng người” thì cũng thấy lòng mình thấm thía khôn tả.

Còn nữ sĩ Trương Phổ thì làm bài *Giọt Lệ Thu*” để khóc chồng. Bà Trương Phổ tên thật là Đỗ Thị Đàm, sinh năm 1896, mất năm 1973, tốt nghiệp Trường Nữ Sư Phạm Hà Nội và lập gia đình với một vị bác sĩ tên Thái Văn Du khi bà mới 18 tuổi còn bác sĩ Du mới ngoài 20. Đôi vợ chồng trẻ sống những ngày cực đẹp, tràn đầy hạnh phúc nhưng cuộc tình đẹp này lại quá ngắn ngủi, kết thúc bằng tử biệt khi bác sĩ Du mất vào năm 1920, lúc ấy ông mới có 30 tuổi. Nữ sĩ Trương Phổ lấy đề tài “*Giọt Lệ Thu*” để khóc chồng vì chồng bà và bà gặp nhau, yêu nhau vào mùa thu rồi sau đó chồng bà vĩnh viễn ra đi cũng vào mùa thu. Mối tình

của nữ sĩ Trương Phố chớm nở vào mùa thu lá rụng, còn cuộc tình của nữ sĩ T.T.KH cũng bắt nguồn từ mùa thu có lá vàng rơi, chất chứa cả một khối tình đầy những giọt lệ mùa thu (*Một mùa thu trước mỗi hoàng hôn. Nhật cánh hoa rơi chẳng thấy buồn – Hai Sắc Hoa Ti-Gôn của T.T.KH*). Đọc qua những vần thơ thu trong kho tàng văn học Việt Nam, ta chợt bắt gặp nỗi sầu riêng qua những thu khúc buồn nhất, thiết tha nhất... Các văn thi sĩ ta phong phú hóa đề tài mùa thu qua lá thu, rừng thu, gió thu, mây thu, trăng thu, mưa thu, trời thu, ý thu, hồn thu, tình thu, thu cảm, thu tâm, thu hận..., giờ đây ta lại bắt gặp “*Giọt Lệ Thu*” sâu thẳm, buồn man mác. Thu ơi! Trời thu bằng lăng, mây thu lang thang, trăng thu mơ màng, gió thu nhẹ nhàng, sao nữ để duyên nàng dở dang, bẽ bàng?

Trương Phố sáng tác “*Giọt Lệ Thu*” vào năm 1923, là tác phẩm trữ tình kết hợp thơ với văn xuôi, một thứ văn xuôi có vần điệu giàu chất thơ, được viết lên từ đáy con tim của một nhà thơ nữ trẻ tuổi đa cảm mà trong đó chất chứa tiếng khóc, lời than và nước mắt của tác giả. “*Giọt Lệ Thu*” được đăng trên Nam Phong Tạp Chí của Phạm Quỳnh vào năm 1928 và đã có một thời khiến cho hàng triệu con tim thổn thức vì cùng hòa nhịp với thu cảm, thu tâm và thu hận...:

“Anh ơi, chung cảnh thu này, đông tây nam bắc biết bao người cảm thu. Nhưng lòng thu hẳn có như em, mà mây chiều vẫn dạ, gió mai lạnh lùng. Như em mỗi hạt sương gieo là một giọt lệ thẳm, mỗi lần lá rụng là một mảnh tình sầu. Thu càng thâm, sầu càng nặng.

Anh ơi, giọt lệ khóc thu, em chỉ vì anh mà năm năm lai láng...Than ôi, thu sang thu nào lòng người biết bao:

*Sầu thu nặng, lệ thu đầy,
Vi lau san sát, hơi may lạnh lùng.
Ngón ngang trăm mối bên lòng,
Ai đem thu cánh họa cùng thu tâm...”*

Trương Phố là người tình chung thủy, cho tới mười năm sau vết thương lòng vẫn chưa hàn gắn, khi viết khúc “*Thu Hận*”:

*Chàng đi buổi thu sơ năm ấy,
Thu lại về, chẳng thấy chàng về.
Chàng ơi, đi chẳng trở về,
Thu về, thiếp những tê mê dạ sầu.
Làn mây nước biết đâu nhắn gửi,
Khoảng đất trời để mãi nhớ thương.
Vi chàng chín khúc đoạn trường,
Vi chàng trăm mối sầu vương tháng ngày.
Thu xưa khóc, thu nay lại khóc,
Năm năm thu mặng khóc mà già.
Người xưa khuất, cảnh cũ qua,
Non buồn, nước lạnh cỏ hoa tiêu điều.
Nỗi ly hận mây chiều, gió sớm,
Tình tương tư khoảng vắng đêm trường.
Gió mưa tâm sự thê lương,
Chỉ kim ai và đoạn trường nhau đây!...*

Lời thơ tuyệt vọng, giọng nghẹn ngào triền miên đã đúc kết thành những tiếng ca sâu thẳm mà khi đọc lên ai cũng cảm thấy lòng mình lâng lâng một nỗi buồn man mác...

Để kết luận, khi mà trái tim nhân loại còn rung lên những nhịp đập của tình yêu thì luôn luôn còn loại văn thơ trữ tình và luôn luôn người ta thích loại văn thơ tình cảm ướm át này.

Lê Thương

Richmond – Virginia

**Xin đọc và cổ động cho
TẬP SAN CỔ THƠM**

Lạc Vào Mộng Ảo

Đỗ Phú

Nhìn chồng và hai con tôi đang đào cát làm nhà trên bãi biển, từng căn nhà cát nhỏ đang được hình thành vuông vắn, gọn ghẽ, khéo léo, tôi cảm thấy một luồng hạnh phúc vô biên đang tràn ngập tâm hồn. Nghỉ hè năm nay, vợ chồng tôi hỏi các con muốn nghỉ hè ở đâu, cắm trại, du lịch hay đi nghỉ mát, tất cả đều muốn đi nghỉ mát ở một vùng biển. Chồng tôi đã chọn được một bãi biển đẹp và ít người tắm nằm trong khu Singer Island, West Palm Beach, thuộc Tiểu Bang Florida. Dọc bờ biển Florida, chỉ nguyên vùng W. Palm Beach đã có hàng chục công viên có bãi tắm đẹp, với những hàng thông, hàng cọ dài hàng dặm trông thật mát mắt. Bãi cát trắng xóa, mịn màng và người đến tắm thưa thớt. Vừa tới khách sạn là chúng tôi đi chợ mua trái cây những loại mới được giồng nhiều để phục vụ du khách Á Châu như soài, bưởi, khế ngọt, ổi, nhãn, vải, mía... Chúng tôi mua nhiều và khệ nệ bê ra bãi biển thưởng thức, các cháu dù sanh và lớn lên ở Mỹ cũng thích trái cây nhiệt đới. Chúng tôi cảm nhận một cuộc sống đầy đủ vật chất và sung sướng về tinh thần, tận hưởng những gì mà chúng tôi đang có. Hai vợ chồng, hai công việc làm thoải mái vừa trong tầm tay, không bị áp lực nặng nề của việc làm và cuộc sống. Với đồng lương trên mức trung bình, chi tiêu có chừng mực nên lúc nào chúng tôi cũng có tiền để dành cho các con ăn học sau này, đời sống cảm thấy an bình.

Ngày đầu tiên, chúng tôi tắm biển, ngày hôm sau đưa các cháu đi chơi thăm ngoại cảnh của vùng Miami, đi du thuyền thăm khu

dân cư tư bản của Miami, du thuyền len lỏi trên sông lạch nhỏ, nhiều khúc sông đào chạy sau nhiều ngôi nhà của những triệu, tỉ phú đang ở hay nghỉ mát hay dùng cho những ngày tĩnh dưỡng. Hướng dẫn viên giới thiệu tên những tòa nhà của các tỉ phú, vua giàu lửa, chủ công ty xe hơi, trị giá vài chục triệu đô la, những chiếc du thuyền đậu sau nhà có giá lên tới 3, 40 triệu là thường.

Một ngày trôi qua nhanh chóng, chúng tôi trở về với bãi biển một ngày rồi lại dành hai ngày sau đó đưa các cháu đi thăm vùng sinh thái, động vật như cá sấu, cá voi, công viên dành cho ngựa hoang, hổ, sư tử... trên những con tàu cánh quạt lớn chạy lên được cả các bãi sinh lầy hết sức thoải mái và thú vị. Du khách có thể dành hai tuần lễ để nghỉ mát, du chơi khắp vùng biển Florida.

Đến ngày thứ năm, chúng tôi lại dành cả ngày cho tắm biển, ba bố con chơi đùa trên bãi cát trắng, lúc chơi banh, lúc làm nhà trên cát. Tôi đi tản bộ dọc theo bờ biển, về phía mặt trời đang lặn về miền Tây, tôi bỗng linh cảm thấy bóng dáng một người quen đang ngồi trên một chiếc ghế vải sát bờ biển nhìn theo, tôi cố không nhìn nhưng không được, dáng người đó đã in vào óc tôi. Tôi vừa quay bước thì nghe tiếng nhẹ nhưng rõ: cô Linh, phải không?

Tôi Hoàng đây, cô có nhận ra tôi không? Anh... tôi là Khánh Hoàng đây mà. Tôi vừa rảo bước như chạy thì nghe tiếng nói bên tai, Khánh Hoàng muốn được gặp và nói vài câu với cô được không? Tôi đang bệnh và dưỡng bệnh tại đây, tôi chắc không còn sống được bao lâu nữa, không ngờ được gặp cô ở đây, xin cô cho tôi được nói đôi lời giải bày. Tôi quay lại nhìn Hoàng, vẫn nét mặt vuông xương

xương, má hõm, môi thâm, hơi dày, cặp mắt tròn nhưng nhỏ, bây giờ trông xanh xanh, tai tái thiếu não hơn xưa nhiều. Tôi không muốn nghe mà chân như dúi lại, không bước đi được, tôi nói anh còn gì để nói, hả anh?

Không nhiều lắm, Hoàng nói, tôi xin cô dành cho tôi ít phút, mời cô đến uống cà phê hoặc ăn tối với tôi. Thôi được, tối mai tôi và Thái, nhà tôi sẽ gặp anh, tại đâu nhi.? Gặp anh tại quán Manzo's Italian Deli ở đường Palm Beach Lakes, chỗ đó rộng rãi mình tha hồ nói chuyện. Anh biết chỗ đó không? Hoàng nói, biết và hẹn gặp lại vào 7 giờ tối. Hoàng trao cho tôi số điện thoại của anh để nếu có gì thay đổi, tôi gọi cho anh ấy.

Trên đường trở về khách sạn, hai chân tôi lâng lâng trên bãi cát, tôi không ngờ đã gặp lại Hoàng, người anh rể, chồng cũ của chị Linh Bảo, tôi luôn nghĩ rằng Hoàng là một con người mà tôi không bao giờ muốn gặp, nếu hẳn không nói đầu ồm thì thật dễ, tôi có thể phũ phàng từ chối.

Hai mươi năm về trước, một quá khứ của trẻ thơ, yêu đương, giận hờn, ghen ghét, đây sôi nổi lại trở về, một quá khứ mà gia đình tôi đã quên hoặc muốn không bao giờ nghĩ tới nữa. Gia đình tôi ngày đó là một gia đình trung lưu, bố tôi làm công chức, mẹ là dược sĩ có một cửa tiệm thuốc tây, nên cuộc sống của chúng tôi, ba chị em, rất thoải mái. Chị tôi, Linh Bảo, hơn tôi hai tuổi, là cái đình của gia đình. Cả nhà ai cũng đều yêu thương chị. Vào tuổi 18, ai cũng nói chị là người được hưởng mọi phúc lộc tốt của trần gian, chị nhỏ nhắn, da trắng mịn, mặt trái soan, mũi thẳng, mắt bồ câu, má có lúm đồng tiền, tóc đen mượt sỏa xuống hai bờ vai, chân tay xinh xắn mềm mại.. Chị lại ăn nói lễ phép, nhẹ nhàng với vẻ duyên dáng. Tóm lại chị Linh Bảo là cô gái thật xinh đẹp, được cả người lẫn nết. Tôi kém chị tôi hai tuổi, da dẻ đen hơn chị tôi, nói năng không được lưu loát, nhẹ nhàng như chị

Bảo, nhưng tôi cũng thường được khen là khá xinh. Chị em tôi thân nhau và hợp nhau, tôi thường bắt chước chị tôi mọi thứ, từ ăn mặc, học hành, cử chỉ, ăn nói v.v...

Bước vào lớp 12, chị Bảo được nhiều bạn trai theo tán tỉnh, trong số này có một chàng nổi bật, đang học Y Khoa, có vẻ được cha mẹ tôi cho phép đến nhà chơi và ngồi nói chuyện lâu tại phòng khách. Ai đến nhà chúng tôi nhất là bạn bè của bố mẹ, đều khen bố mẹ chúng tôi có hai cô con gái thật đẹp và ngoan, mỗi người một vẻ. Lâu lâu tôi lại nghe mẹ tôi thì thầm, bà An, bà Huệ ... muốn làm mai cậu này cậu nọ, nhưng chị Bảo tôi phản đối lấy lý do là còn nhỏ, muốn học xong đại học mới tính đến chuyện lập gia đình. Câu chuyện vẫn tiếp tục xảy ra cho đến một ngày, bà Mai làm mai dẫn đến chơi nhà cậu Khánh Hoàng được giới thiệu là Tiến sĩ Kinh Tế vừa tốt nghiệp ở Pháp về. Bà Mai kể cậu Hoàng vừa tốt nghiệp đã được chính phủ mời về giúp nước. Hoàng sẽ làm việc cho chính phủ với tư cách cố vấn bán thời gian, còn giành thời giờ vào việc mở mang văn phòng hay công ty kinh doanh sau này. Tuy mẹ tôi từ chối khéo nhưng bà Mai năn nỉ cứ để cho các cháu liên lạc, đi lại cho quen rồi sau sẽ tính.

Sau đó thỉnh thoảng Khánh Hoàng lại chơi thăm gia đình tôi, không lần nào anh tới là không có quà bánh, đủ loại, anh mang cả nước hoa đắt tiền như Chanel No 5, Eau de L'esprit cho chị tôi và bố tôi, còn mẹ tôi, tôi và em trai tôi Bách cũng có phần. Chị Bảo dần dần tỏ ra có thiện cảm với Hoàng, chị Bảo kể cho tôi nghe, chị thích nghe anh Hoàng kể chuyện học văn bên Tây, nhất là viễn vọng của anh về tương lai thì quá lớn nhưng có vẻ trong tầm tay và khả thi. Anh dự phóng sẽ nổi tiếng như một nhà tài phiệt giới, sẽ trở nên giàu có trong vòng 5 năm, anh phải thoát được cảnh gia đình bần hàn từ thời ông bà trở xuống. Anh gia nhập

EM VẪN LÀ CÔ GIÁO

Từ cát bỏng, bùn lầy... đến chông gai đá sỏi
Em vẫn đi rỉ máu gót chân hồng.

Chuyện xưa: “cái cò lặn lội bờ sông.”
Chưa chắc bằng em - ngược giòng thác lũ.
Lấy chồng lính duyên tình may rủi
Lời khen chê, an ủi... chẳng cần đâu

Cuộc đời thay như sấm nổ ngang đầu.
Em vẫn thế, nghĩa là em đã thắng.

Anh vào trại em cũng rời bụi giảng.
Làm mục nhà quê chân yếu tay mềm.
Nặng nhọc trăm bề trút xuống một thân em
Áo vá, mồ hôi... vẫn sáng ngời dung mạo

Rời bụi giảng - Em vẫn là cô giáo.
Dạy đồng lúa, nắng hè chim sáo
Bài học kiên trinh, dầu núi lở non mòn.
Không bắt chước cái cò “ tiếng khóc nỉ non”.

Hãy nhếch mép coi khinh
Lời dối trá với nhục hình man rợ.

Kẻ trả thù anh - âm thầm lo sợ.
Đưa bé em bông, câu hát em ru...

Anh bao năm còm cõi một thân tù.
Bà con bỏ, cha mẹ già, bạn bè xa lánh
Biết chỉ còn em đi về ấm lạnh.
Lên núi xuống đồng nặng gánh tình chung

Để hiểu rằng khắp cả non sông
Chỉ có núi với em còn đứng vững.
Thật xấu hổ một đời thôi cũng hồng.
Những bài thơ lóng cồng mấy mươi năm,
Vẫn mơ màng chấp vá chuyện xa xăm.

Học trò em những mái tóc hoa râm
Gặp em cúi chào, vòng tay thưa hỏi
Mãi đến mai sau, em vẫn là cô giáo.
Anh như cậu học trò ngờ ngáo chuyện đời xưa

Lam Điền Nguyễn Thử
(Long Thành 05031985-Charlotte 2009)

ban cố vấn tài chánh của chính phủ để lấy tiếng, để tránh phải đi lính hay nếu có phải đi thì cũng chỉ vài tháng lấy lệ rồi biệt phái về sở này sở nọ, và anh vẫn có thời giờ để làm tiền. Tiên, tiền và tiền, anh nói chuyện say mê không chán nó. Mẹ tôi có vẽ tán đồng và nói Hoàng nó nghĩ đúng thời buổi này ai cũng nghĩ đến tiền và chạy theo tiền, có tiền là có thể lực, có danh vọng, vinh quang, có kẻ hầu người hạ, tóm lại là có tất cả đó các con ạ. Tuổi thanh xuân của Khánh Hoàng phải được trù lên bởi hào quang, danh vọng. Chị Linh Bảo tôi đã bị thu hút vào lòng tham vọng của Khánh Hoàng và bị chinh phục mau chóng dù Hoàng đã đến sau và còn có thể nói là hơi xấu trai nữa. Rồi đến khi chị tôi đậu xong tú tài 2,

hai họ làm đám cưới cho Hoàng và Linh Bảo.

Dâu đẹp, chú rể học rộng, tài cao đi vào đời như chuyện thần thoại, hai họ và mọi người thân, bạn hữu hết lời tán tụng. Tôi luôn theo dõi và nhìn họ như những thần tượng, chỉ mong sau này được một phần như họ là mãn nguyện. Sau đám cưới hai vợ chồng lên Đalat hưởng tuần trăng mật một tuần lễ, ngày họ trở lại Sài Gòn đến thăm bố mẹ, tôi đã thấy nét mặt chị Bảo có vẻ ưu tư, thoáng nét buồn. Chị Bảo thường không giấu tôi điều gì, chưa kể lại hay tâm sự với tôi cả những chuyện riêng tư nhất. nhưng lần này tôi không hỏi vì nghĩ có lẽ chị mệt mỏi sau một chuyến đi xa. Khoảng một tháng sau chị về thăm nhà vào buổi chiều và ở nhà luôn mấy ngày cuối tuần, đến đầu

tuần, mẹ tôi phải dục dã chị mới chịu ra về. Vài tuần sau chị lại về ở nhà nhiều ngày đến lúc bố mẹ tôi đã ngỡ có chuyện gì xảy ra mà chị không muốn hoặc không tiện nói. Bố mẹ tôi lại thúc giục chị về nhà và nhắc chị là phải luôn luôn ở bên chồng để phụ giúp chồng và tránh cho anh ấy khỏi lãng nhãng. Chừng hai tháng sau, chị Bảo về nhà cho riêng tôi hay chị đã ra ở riêng và đã kiếm được chỗ làm đủ sống, không cho bố mẹ hay sợ họ buồn. Tôi vô cùng sững sốt gặng hỏi mãi chị mới nói, anh Hoàng là người có học, giỏi nhưng nhiều tham vọng cuồng nhiệt, muốn lấy vợ giàu, có tiền cho anh làm ăn phát triển khả năng nghề nghiệp ngay, anh nghĩ rằng chị hay bố mẹ vợ sẽ cho anh ấy nhiều tiền, nhà cửa, đất đai vv... Mới sau hai ngày ở trên Đalat, anh Hoàng đã nói với chị là bà Mai, người làm mối đã nói với anh là ông bà nhạc tương lai sẽ cho anh một căn nhà và một số tiền để anh làm ăn thoải mái. Anh nhắc chị tìm cơ hội hỏi bố mẹ xem sao. Chị trả lời là chị không bao giờ nghe bố mẹ nói chuyện cho con tiền bạc nhà cửa gì cả, có lẽ bà Mai hiểu lầm sao đó. Chị hỏi anh lấy em, thông minh xinh đẹp như vậy chưa đủ hay sao? Anh ấy ậm ừ trả lời nhưng của cải tài sản rất cần cho xúc tác công việc. Nếu không có bột, quấy nổi hồ sao cho lên được và chưa biết đến bao giờ. Thời gian là quyết định và anh Hoàng muốn mọi việc anh làm sẽ phải vượt thời gian, Anh phải nổi tiếng và giàu có ngay để thụ hưởng tuổi thanh xuân.

Trước ngày trở về lại Sài Gòn, anh Hoàng lại nhắc chị nhớ phải hỏi bố mẹ sớm để anh ấy còn hoạch định công việc, em thấy chị quá đổi kinh ngạc và làm sao mở miệng hỏi bố mẹ được. Nghĩ sao về một chàng rể trọng ngãi hơn tình, nếu không nói là chỉ tính chuyện đào mỏ, chị đành tìm cách nhẹ nhàng lia bỏ anh ấy, làm sao cho bố mẹ không quá đau buồn, vì cái sốc ngàn cân này. Tôi đã bị choáng nặng khi hay tin này, một người chị, đầy đủ công dung ngôn

hạnh, tôi chưa thấy ai đẹp hơn chị mình, chủ quan thôi, chị đã hoàn toàn hưởng mọi điều tốt lành trên đời cho đến khi lấy chồng. Tấm gương sáng của chị đã thành đám mây đen trước mặt tôi, phải bao nhiêu năm tháng sau mới phai mờ. Sau khi ly dị vài năm, chị tôi tái lập gia đình, chị sống rất hạnh phúc với Tuấn Hưng và đàn con ngoan ngoãn, thông minh.

Chị tôi đã lấy được người chồng có học, ăn nói giỏi, khéo léo như chị hằng mơ ước, giấc mơ đẹp của một người con gái bình thường, chị đến với anh vì mến phục, vì tình yêu thương chân thật, nhưng anh Hoàng đã đến với chị tôi với mọi toan tính của riêng anh, đến với đầy tham vọng, đến với mục đích tìm cơ hội hay bực thang đưa anh sớm đến giàu sang, danh lợi. Hai người hai giấc mơ đối chiều vì lòng tham, ước vọng cuồng dục đã đưa giấc mơ có thể hiện thực thành ảo, nếu con người biết đâu là giới hạn của lòng tham, biết kiềm chế dục vọng, ước muốn thì cuộc sống quả là giấc mơ tiên.

Bây giờ tôi nhìn thấy lại những gì đã xảy qua, tôi chờ đợi ngày mai đối diện với Khánh Hoàng để nghe anh ta nói gì và tôi đã sửa soạn một số lời trách móc nặng nề để đổ vào mặt anh ta. Vừa tới cửa nhà hàng Italian Deli thì thấy Khánh Hoàng đã đứng đợi chúng tôi ở cửa, vẫn bộ mặt ngày nào nhưng Hoàng đã già đi nhiều, gầy yếu, mặt xanh nhợt và dáng điệu yếu ớt, đúng anh ta đang đau làm lòng tôi trùng lại. Ngồi vào bàn, Hoàng giới thiệu các món ăn đặc biệt trong ngày cho chúng tôi thấy, tôi giới thiệu Hoàng với chồng tôi, hai người khi bắt đầu uống bia thì Hoàng ngỏ lời cảm ơn vợ chồng tôi đã tới, cho anh cơ hội để trình bày đôi lời về những lỗi lầm đã qua mà anh tin rằng dù tôi là người gần gũi nhất chưa chắc đã biết hết. Anh kể gần hai chục năm thất bại ê chề, do anh đã ảo tưởng về sức mạnh của dòng tiền, anh đã bỏ mất tình yêu chân thật, đầy tình

người của Linh Bảo và gia đình, để đuổi theo một cái bóng danh lợi phù du mà anh không bắt được. Đến lúc anh bị lở loét ruột rồi dẫn đến ung thư, phải cắt bỏ một phần bao tử, một khúc ruột dài, ăn uống không còn được nhiều nữa, anh mới nhận ra rằng mọi điều đều có giới hạn, nếu biết giữ, biết thương, biết thích những gì mình đang có, là điều hạnh phúc vô biên, hạnh phúc ở ngay bên mình, chung quanh mình mà mình không biết nắm lấy. Bây giờ bệnh của anh đã vào giai đoạn cuối, anh chỉ xin mọi người sẽ tha thứ và quên đi những tội lỗi của anh. Anh xin cho anh nói có lẽ lần chót, anh nói dài, nói nhiều về thời thơ ấu của anh, lớn lên đi học gặp muôn vàn may mắn, rồi được đi du học, đỗ đạt thành danh. Anh học ở một Đại Học Kinh Tế, sống trong môi trường kinh tế, suốt ngày học hỏi, tranh luận về thị trường, tiền tệ, xung quanh là xã hội tư bản, chỉ nói chuyện tiền bạc, tình người là mấy cô bạn gái đến với anh theo nhu cầu sinh lý không có tình yêu. Anh về nước vào lúc tình hình sôi động, một bầu trời vẩn đục, chiến tranh leo thang ngoài chiến trường, trong thành phố, người ta thi nhau chạy đi kiếm tiền, xây dựng nhà cửa cho Mỹ thuê, mở nhà hàng, quán ăn, ba, gái điếm khắp nơi để thu tiền, kiếm tiền với đủ mọi phương tiện. Thanh niên thì sì ke ma túy, trộm cắp, du đãng xảy ra hàng ngày, bên cạnh một cuộc chiến tranh khốc liệt. Làm kinh tế chỉ là chạy chọt, áp phe, lường gạt, không có chỗ cho lý thuyết này nọ ra đời hay phát triển. Việt Nam là một cái hồ bùn lầy nước đọng, đang bị vẩn đục vì chiến tranh, bọn phản chiến đang vận động la hét VN đang bao dung một cuộc chiến phi lý, phi nghĩa, tàn bạo cho chế độ tư bản. Thay vì đi tìm những người cùng chí hướng đang giúp nước để gạt đục khơi trong, anh đã mắc vào sai lầm lớn là nhảy ngay vào cái đầm lầy sôi sục đó để tìm giàu sang phú quý, để rồi kết quả như ngày nay, cái

gì kiếm được cũng mất hết, chỉ còn tiếng xú uế để lại.

Anh dần dần cũng đi vào mê hồn trận của giới áp phe không thoát ra khỏi cái vòng kim cô của họ. Anh đã gạt bỏ những cái hay cái thật đang có trong tay để đi tìm ảo vọng. Anh đã để cho tình yêu chân chất vụt bay, phải gần hai mươi năm sau khi chia tay Linh Bảo anh mới thấy hối hận, mới thấy niềm chua xót cho những sai lầm của anh. Tất cả những tài sản anh kiếm được đã mất vào tay bọn Cộng Sản khi chúng chiếm miền Nam. Người vợ sau cũng đã bỏ anh khi thấy anh bị đau ốm lê lết, anh không có con, nên anh sẽ ra đi vô hậu vào một ngày rất gần. Anh xin tôi chuyển đến bố mẹ tôi và Linh Bảo lời xin tha thứ. Bố mẹ tôi đã ra người thiên cổ từ lâu, còn chị Bảo đã nói chị gạt bỏ cái quá khứ xấu xa, cái nỗi đau bất hạnh chị gây ra cho bố mẹ và gia đình, dù không do lỗi của chị nhưng xã hội ta thời đó mọi tội đều đổ lên đầu người phụ nữ. Bố tôi đã có lần mắng chị Bảo, may không được bỏ chồng, chồng đuổi cửa trước thì về cửa sau, chứ nhà ta không có thói vợ bỏ chồng mà đi, không có thứ mèo mả gà đồng. Mẹ tôi còn có phần nào thông cảm cho con gái, có lẽ chị tôi đã không nói ra sự thực về người chồng của mình cho bố mẹ hay. Bây giờ tôi nghĩ chẳng nên nói lại việc vợ chồng tôi đã gặp lại Khánh Hoàng, một quá khứ đau buồn, đen tối của Linh Bảo, cái gì đã qua cho qua luôn, đó cũng là ý muốn của chị Bảo.

Khi đứng lên từ gĩa Hoàng, tôi không nói được gì, cổ họng tôi như nghẹn, những điều tôi muốn nói, muốn lên án nặng nề Khánh Hoàng đã tan biến ra khỏi trí óc của tôi. Ra khỏi nhà hàng, tôi nhìn thấy một vùng biển sáng, ánh sáng chan hòa lấp lánh trên những tầng mây từ phía chân trời xa, ở đó mọi vật đã trở nên vô thường, nhỏ bé và vô tận, dù trời đã về khuya.

Đỗ Phú Virginia

BẾN CHIỀU (Xương)

Em ơi, bỏ chị đứng bên sông
Quà quả sang đê, vượt cánh đồng
Kinh Bắc rời xa đàn sáo gọi
Vô Cùng bước tới nước non mong
Xưa nay thơ vẫn thay lời trách
Mai một tình thêm nhạt sắc hồng
Má thắm, môi son, rồi cũng nản
Bến chiều thuyền đợi để ai trông
Hawthorne 3-8-2010
CAO MỸ NHÂN

[2] SÔNG CHIỀU

Hiu hắt hoàng hôn trên nhánh sông
Gió thu xào xạc lá ngô đồng
Thuyền đi chở nắng đầy khoang nhớ
Sóng cuộn xô bèo giạt bến mong
Lãng đàng đầu non đôi nhạn trắng
Lừng lơ triền núi áng mây hồng
Không gian bàng bạc màu lưu luyến
Lòng kẻ xa nhà vẫn ngóng trông
Boston, 8.8.2010
ĐOÀN NGỌC KIỀU NGA

[3] CÔ LÁI ĐÒ

Đò neo nán đợi khách sang sông
Vẳng tiếng vi vu sáo mục đồng
Chinh chiến, người đi không trở lại
Điều tàn, kẻ ở vẫn chờ mong
Gió sương nhòa nhạt đôi môi thắm
Mưa nắng phôi pha cặp má hồng
Chiều xuống, nhà ai lên khói bếp
Buông chèo, cô lái thẫn thờ trông
Austin, Aug 9, 2010
HỒ CÔNG TÂM

[5] TÂM ĐỒNG

Đứng ở đầu sông nhớ cuối sông
Bên tai văng vẳng tiếng tâm đồng
Người đi nôn nóng niềm hy vọng
Kẻ ở dạt dào nỗi ước mong
Ngắm chị, rót mời ly rượu đỏ
Nhìn em, dâng tặng, nhánh hoa hồng
Hồn thơ lai láng tuôn ra mãi
Biết mấy cho vừa những... ngóng trông
Maryland 8/2010
PHAN KHÂM

[7] TÌNH THƠ

Đời còn chia nẻo mấy giòng sông
Người ở đầu non kẻ cuối đồng
Trăm nỗi ưu sầu chưa lắng dịu
Một niềm tương cảm vẫn hằng mong
Đã đau thế sự nhòa mây trắng
Càng tủi nhân sinh lấm bụi hồng
Thì trách chi nhau chiều bến lạ
Tình thơ hoa bút vẫn chờ trông
Suối Bạc, Aug 13, 2010
NGUYỄN VÔ CÙNG

[6] THU' GỬI CHỊ

Quanh quẽ phương này một bến sông
Chiều hôm gió cuốn quỳên hương đồng
Em còn mê mãi trời phiêu lãng
Chị vẫn ngậm ngùi nỗi nhớ mong
Ôi đã qua chưa mùa Hạ thắm
Mà sao để nhạt sắc Xuân hồng?
Mai đời có nối duyên thơ lại
Trở gót quay về thôi đoái trông!
Philadelphia Aug 9, 2010
NGUYỄN KINH BẮC

Mạn Đàm Về Thơ Đường Và Phép Xướng Họa

Nguyễn-Phú-Long

Một thể thơ xuất hiện vào thời nhà Đường bên Trung-Hoa, với những bài thơ có số câu, số chữ nhất định, luật lệ nhất định. Đó là thơ Đường luật.

Từ khi nước ta dùng văn Nôm, vào khoảng đời nhà Trần, cố tiên-bói Hàn-Thuyên đã áp dụng, phổ biến luật lệ của Đường Thi vào thơ ca Việt-Nam, do đó thơ Đường Luật còn được gọi là thơ Hàn Luật.

Mặc dù chúng ta không đồng ý quan niệm cho rằng thơ Đường chỉ là loại thơ nhằm thù tạc, thiếu xúc động, nặng công thức, gò bó, ưa mài giũa, dài lọc, thiếu hồn...nhưng cũng phải công nhận, như Nguyễn-Hung-Quốc đã viết trong cuốn *Nghi Về Thơ*: “Thơ Đường Luật thường phải tước bỏ phần lớn những từ có khả năng tạo nhạc” mà như ai đều rõ, thi ca thường gắn bó với nhau, nhạc trong thơ cũng là yếu tố quan trọng.

Luật lệ thơ Đường đã khe khắt, mà họa một bài thơ Đường lại cần thận trọng hơn vì người họa còn phải lưu tâm đến những vần, những ý, các chữ phải dùng, không được dùng theo bài thơ xướng. Bài thơ họa phải mang cùng nội dung. Nếu bài họa đề cập đến một ý khác, như vậy là lạc đề, bài thơ họa không đạt. Trường hợp bài họa không đạt có thể chỉ gọi là một bài “nương vận” thì đúng hơn. Đến đây xin đan cử hai bài thơ xướng họa lý thú trong văn đàn Việt-Nam.

Tôn Phu Nhân Quy Thục

*Cật ngựa thanh gươm vẹn chữ tòng;
Ngàn thu rạng tiết gái Giang-Đông.*

*Lìa Ngô bịn-rịn chòm mây bạc;
Về Hán trau-tria mảnh má hồng.*

Son phấn thà cam dày gió bụi;

Đá vàng chi để thẹn non song.

Ai về nhắn với Châu Công Cẩn;

Thà mất lòng anh được bụng chồng.

Tôn-Thọ-Tường

Họa bài

Tôn Phu Nhân Quy Thục

Cài trâm xóc áo vẹn câu tòng;

Mặt ngả trời chiều biệt cõi Đông.

Ngút tóa trời Ngô un sắc trắng;

Duyên về đất Thục đơm màu hồng.

Hai vai tơ-tóc bền trời đất;

Một gánh cương-thường nặng núi sông.

Anh hỡi! Tôn Quyền! anh có biết?

Trai ngay thờ chúa gái thờ chồng.

Phan-Văn-Trị.

Qua hai bài thơ trên, ta thấy thơ xướng họa còn được sử dụng như vũ khí để bênh vực cái quan niệm của mình cách tao nhã, “hòa nhi bất đồng”.

Từ đời nhà Đường tới nay, từ bên Trung Hoa sang đây thơ Đường và Đường thi xướng họa nói riêng vẫn là nguồn vui thú văn chương của nhiều người, tạo ra bao liên hệ bạn hữu tao nhã, giai thoại độc đáo... Về liên hệ bạn hữu thì có những bài xướng họa qua lại, những bài liên ngâm, thí dụ trong buổi họp mặt, trà dư tửu hậu, tuần tự mỗi người xuất khẩu góp một câu cùng

đề tài dễ chung cuộc có bài thơ Đường luật hoàn chỉnh giữ làm kỷ niệm. Về giai thoại xin kể bốn câu thơ cổ:

*Cửu hạn phùng cam vũ
Tha hương ngộ cố tri
Động phòng hoa chúc dạ
Kim bãng quả danh thi.*

Bài ngũ ngôn tứ tuyệt nêu lên bốn sự khoái của con người trên đời:

*Nắng hạn được mưa rào;
Xa quê gặp người cũ;
Đêm động phòng;
Thi đỗ...*

Ấy thế mà theo Bùi-Hữu-Nghĩa (1807-1872 quê ở Cần-Thơ, con nhà thuyền chài, đỗ giải-nguyên trường thi Gia-Định năm 1835) thì bài thơ ấy chẳng hay mấy, chưa đạt tới.. cực khoái! Bèn thêm mỗi câu hai chữ như sau:

*Thập niên cửu hạn phùng cam vũ
Vạn lý tha hương ngộ cố tri
Hòa thượng động phòng hoa chúc dạ
Nột nho kim bãng quả danh thi.*

Chắc không nói, ai cũng biết, với các thi sĩ tài ghè thâm hậu, kiến thức uyên bác người ta còn vẽ vờ ra nhiều hình thức như thơ khoán-thủ, thơ đọc xuôi ngược v.v... và đặc biệt là năm chữ dùng làm vần trong một bài thơ đôi khi các thi sĩ cố ý để lúc ghép lại chúng cũng là một câu văn có ý nghĩa (phần nhiều mang tính vui vui) như là: “Thăng ăn măng nhẵn răng”, “Ôi thôi rồi nôi xôi”, “Chiều tiêu điều yêu nhiều”... tới đây lại xin kể một bài làm thí dụ:

*“Không Chồng Trông Bông Lông”.
Chực gì bằng gái chực phòng không
Tơ tưởng vì chung một tấm chồng*

*Trên gác rồng mây ngao ngán đợi
Dưới khe cá nước ngẩn ngơ trông
Mua vui lắm lúc cười cười gương
Bán muộn nhiều phen nói nói bông
Vấn tưởng có chồng như có cánh
Giang san gánh vác nhẹ bằng lông.
Nguyễn Khuyển (?)*

Chẳng hay bài thơ trên có phải của Nguyễn-Khuyển chăng? Có người đã chép ra như vậy, nhưng không thấy ở sách nào, không biết đúng hay sai! Vị nào rõ xuất xứ làm ơn cho biết để đính chính lại sự thực. Loại thơ này bây giờ rất hiếm, chả thế mà cố vấn sĩ Xuân-Vũ có lần trần trở trong một tác phẩm (Không nhớ tên sách) đại khái đây là loại thơ cũng độc đáo, cũng hay mà nay ít người sáng tác.

Làm thơ Đường không phải chuyện dễ! Nhiều khi hoàn tất, rà đi rà lại, “nhất tam ngũ bất luận; Nhị tứ lục phân minh” mà vẫn nghe như không ổn. Thôi-xao bao nhiêu lượt vẫn thấy không êm xuôi, có lẽ cần phải xét đến vấn đề nữa. Vấn đề khổ đọc, một điểm nhỏ ít người để ý.

Khổ đọc là khó đọc, làm cho giai điệu bài thơ không trơn tru gây khó khăn cho nghệ sĩ ngâm thơ. Trong thơ Đường, thất ngôn bát cú, chữ thứ năm câu lẻ, trừ câu thứ nhất, tức là câu 3, 5, 7 và chữ thứ ba trong câu chẵn 2, 4, 6, 8 nên làm âm bằng, nếu là âm trắc vẫn đúng nhưng bị khổ đọc.

(Đây là tài liệu của Câu-Lạc-Bộ Unesco về thơ Đường ở thành phố Sài-gòn do người bạn gửi cho)

Xương họa thơ Đường khó hay dễ?

Làm thơ Đường còn khó hướng chi họa thơ Đường. Thêm vào đó chắc chắn là người họa thơ nhiều lúc gặp vắn éo le hay từ vận thì rất kẹt. Bà Hồ-Xuân-Hương có

câu thơ: “Lượng cả xin ông chó hẹp hòi”. Người họa vượt qua được cũng tỏ ra tài tình: “Xích lại gần đây tớ thắm hời”. Lại nữa, số là Thi hữu Hồ-Công-Tâm trước đây có câu thơ trong bài Nửa Khuya: “Giấc ngủ đêm đêm lại chập chờn” làm kẻ viết bài tùy bút ngắn này cũng một phen mất ăn mất ngủ mới họa được:

“Lạ thực, bài thơ có vận “chờn” để rồi “đầu chạy đuôi lợt” phẳng luôn sang câu thứ hai “Cứ làm day dứt mỗi duyên đơn”.

Tim chữ để họa thơ là rất nhọc nhằn đã đành. Làm thơ Đường, dù cho có cẩn thận vô cùng đôi khi phổ biến rồi cũng thấy còn sơ sót, tỷ như người bị “ma đưa lối, quỷ đưa đường” bịt mắt vậy. Đó là nói chung với những người và bài thơ thường thường thôi, còn những vị hảo hớn “danh trấn giang hồ” như Thôi-Hiệu với Hoàng-Hạc-Lâu; Nguyễn-Du với Độc Tiểu Thanh Ký thì thật là không biết nói làm sao.

Năm Quý Dậu 1813 nhân chuyến đi sứ sang Tàu, Nguyễn-Du tình cờ đọc một bài ký của nàng Tiểu-Thanh, hồng nhan bạc mệnh, một mỹ nhân đã sống trước Nguyễn Du chừng 300 năm, đọc xong sứ giả bèn ngâm ngùi thốt lên rằng:

*“Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố-Như”.*

Đó là hai câu thơ. Toàn thể bài thơ như sau:

*Độc Tiểu Thanh Ký
Tây Hồ mai uyển tấn thành khur (2)
Độc điệu song tiền nhất chỉ thư (1)
Chi phán hữu thân liên tử hậu (5)
Văn chương vô mệnh lụy phần dư (6)
Cổ kim hận sự thiên nan vấn (3)
Phong vận kỳ oan ngã tự cư (4)
Bất tri tam bách dư niên hậu (7)
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như. (8)
Nguyễn-Du*

Bài thơ này có in trong Bắc-Hành Thi Tập, nhiều người biết nhưng đa số nhiều người chỉ biết và thuộc hai câu cuối đề nói lên, viết ra khi cần kết thúc câu chuyện, bài viết... về cuộc đời không toại nguyện của Nguyễn-Du, do đó chẳng thấy toàn bài bị thất niêm, thất luật.

Đông Các Học Sĩ Nguyễn-Du làm thơ thất niêm sao? Nhiều người tin không thể xảy ra chuyện như thế được! Nhưng bài thơ còn rành rành đó mà! Người ta tìm hiểu, nghiên cứu, giải thích... Có người cho rằng bài thơ trên chỉ là bản nháp, hoặc khi đem vào Bắc-Hành Thi Tập thì đã vô ý lẫn lộn, người chép đã viết sai. Chính xác bài thơ ấy phải theo sự xếp đặt số câu trước sau theo thứ tự 1, 2, 3, 4, ghi chú như trên:

*Độc điệu song tiền nhất chỉ thư
Tây Hồ mai uyển tấn thành khur
Cổ kim hận sự thiên nan vấn
Phong vận kỳ oan ngã tự cư
Chi phán hữu thân liên tử hậu
Văn chương vô mệnh lụy phần dư
Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như.*

Mục đích là cùng nhau suy gẫm, học hỏi... Để kết luận, hân hạnh trình bày vấn đề bài thơ Độc Tiểu Thanh Ký ở đây, theo mấy nét chính, ngắn gọn từ một bài viết công phu phổ biến năm 2005 của một người bạn uyên thâm nho học, ông Linh-Đàn Nguyễn-Hữu-Kiểm hiện ở Sài-Gòn.

Nguyễn-Phú-Long
(Virginia)

Nhận xét về cuốn **Tìm Một Cõi Về** của Nhà Văn Nguyễn Lân

Bùi Bích Hà

Nhà văn Nguyễn Lân lại vừa về qua Quận Cam để giới thiệu tác phẩm văn chương thứ hai của ông, “Tìm Một Cõi Về,” 7 năm sau cuốn thứ nhất “Sôi Nổi.” Thời gian giữa 2 cuốn sách không để lại một dấu ấn nào trên khuôn mặt và dáng dấp phong nhã của ông. Hỏi bí quyết, ông chỉ cười, nhũn nhặn đáp lại bằng câu hỏi ngắn: “Thế à?”

Trong lời mở đầu cuốn sách, ông vừa khiêm nhượng vừa kín đáo bày tỏ hy vọng tâm sự ông gởi gắm qua những trang giấy, tuy được ông dẫn giải là để độc giả “mua vui” nhưng cũng sẽ được người đọc đón nhận với một chút ưu tư, không dành riêng cho ông mà cho tất cả những ai có cùng hoàn cảnh với ông, đã sống một cuộc đời ngoại lệ.

Nhân vật tên Phong của ông, vai chính trong “Tìm Một Cõi Về”, được ông cho biết là nửa hư cấu, nửa hiện hữu. Phong tốt nghiệp đại học sư phạm Sài Gòn, được bổ về dạy tại một trường nữ trung học công lập nổi tiếng thập niên 60, thế kỷ trước. Thông minh, lịch duyệt, đẹp người, ông là giấc mơ đầu đời của các cô học trò nhìn thầy như thần tượng. Mặc cho bà hiệu trưởng lo lắng, mặc cho nội quy nghiêm ngặt của nhà trường, ông thầy hào hoa, đa cảm, xuất thân

từ một giòng họ văn học lầy lùm, đã để lòng mình thôn thức rung động vì nhan sắc thanh tân, kiều mị của cô nữ sinh Uyên Nhã. Cuộc tình đẹp như mơ, như thơ, trong nắng sớm, trong sương chiều, trong hẹn hò khao khát nhưng ông thầy biết nó sẽ mãi mãi là mơ, là thơ và không bao giờ mặc được tấm áo bụi bặm của thế gian. Ông tự biết ông mang trong thân thể mình một bí ẩn không cách nào bày tỏ cùng ai. Thượng Đế, cha mẹ, khi ban cho ông đời sống, đã đồng thời giam ông vào ngục tù nghiệt ngã. Cho dù ông có khả năng yêu thương tràn trề, cho dù ông có thể là một chú rể lý tưởng trong tiệc tân hôn, chỉ riêng ông biết hai cánh tay ông bị trói vào số phận không may, khiến ông không có khả năng đem lại cho người bạn đời của ông niềm hạnh phúc làm mẹ một đàn con.

Vấp phải bức tường định mệnh kiên cố này, ông chấp nhận ngã xuống rồi đứng dậy, nhiều lần, như một con kiến mang nặng thân phận, cố leo lên cái chiều cao mơ ước, biết là để lại lăn xuống cho một thử thách khác, càng lúc càng tuyệt vọng nhưng sức sống đầy ứ trong trái tim nhỏ bé vẫn không ngừng kêu đòi quyền sống và thúc đẩy nó tìm đường thoát thân.

Đau khổ, dầy vò, trần trở, nghẽn tắc, bị vây khốn nhưng thiên nhiên và đời sống vẫn đẹp đến tê dại trên những đầu dây thần kinh nhạy cảm của ông. Ông không muốn chịu thua, ông không muốn bỏ cuộc, ông

Vu Lan

Hồng nâng cánh tình thương
Vu Lan đóa diệu thường
Báo đền ơn sâu hiếu
Ân đặng giọt phước sương.

Ý Anh

*

Trung Thu

Ngây thơ đôi mắt em nhìn
Lung linh đèn nến anh tìm ra trăng
Cười tươi đôi má tròn căng
Vọng vang xóm nhỏ
thành rằm của anh.

Ý Anh

phải tìm cho bằng được một nơi an trú cho tâm hồn ông nương náu trong cõi tạm này trước khi xuôi tay về với hư vô. Những cô thiếu nữ bình thường không có với ông một khởi điểm chung để cảm nhận cùng ông món quà ông trao tặng họ. Họ lần lượt rời bỏ ông. Ngay cả một bệnh nhân nan y mà ông tìm đến ở một nơi đèo heo hút gió, chỉ với mục đích đem tấm chân tình đền bù sự khiếm khuyết của cô và cùng băng bó vết thương cho nhau thì ý thức về tình yêu được ông gọi dậy trong cô cũng chỉ cho cô đủ sức mạnh để cô một mình bươn bả đi

tìm bác sĩ chữa bệnh, với hy vọng cô được trả về đời thường, ôm lấy những hệ lụy kiếm tủa của xã hội, như mọi ai.

Người chiến sĩ kiên cường, li lợm, đau buồn đau trong từng hơi thở, không ngừng đi tìm sinh lộ mới cho mình. Cứ gỡ đi, cửa sẽ mở. Cuối cùng, một phụ nữ vì mất tiếng nói trong một tai nạn nên đã nghe được tiếng lòng của ông trong thinh lặng. Khiếm khuyết trong khả năng thiết lập tương quan với người bên cạnh, tuy Phong và cô có chỗ khác nhau nhưng họ có cùng sự bối rối và thua thiệt để dễ cảm thông nhau. Phong sung sướng tìm được “một cõi về” giữa cuộc đời đã bạc đãi ông đến điều nhưng ông không ngừng yêu thương và say mê nó.

Giữa Phong và tác giả, thực hư nhiều ít thế nào, thiết tưởng cũng không cần đo đếm. Chỉ biết họ như bóng với hình. Chỉ biết con đường họ đi không suông sẻ, khổ đau rất nhiều. Chỉ biết họ rất dũng cảm, đầu ngẩng cao, mắt nhìn thẳng, không sợ hãi, ngậm hết ê chề và nuốt cạn chén đắng. Chỉ biết họ rất nhân ái, cứ yêu thương người dù đời bạc như vôi. Con tim họ là cả một vườn hoa được vun xới, nâng niu, trau chuốt, để dâng ngọt ngào hương sắc cho đời. Cho đến con chữ cuối cùng, Tác Giả Nguyễn Lân vẫn còn chấp nhận đem tâm sự đời ông làm câu chuyện mua vui cho người đọc, khiến em liên tưởng đến câu kết truyện Kiều thật chua chát của Cụ Nguyễn Du: Mua vui cũng được một vài trống canh. Nói vậy nhưng ông không khởi thác thỏm, mong đợi có ai đó hiểu mình: khi gấp cuốn sách lại, may ra còn một chút gì...

Tình Yêu và Hy Vọng là tất cả tài sản quý giá của tác giả “Tim Một Cõi Về”.

Bùi Bích Hà (California)

Tâm Tình Tác Giả

Tim Một Cõi Vê

NGUYỄN LÂN

Tim Một Cõi Vê là một cuốn tiểu thuyết đặt trọng tâm vào một con người mà Thượng Đế khi ban cho đời sống đã đồng thời đưa anh ta vào một định mệnh nghiệt ngã là không thể duy trì giòng giống như những người bình thường. Đó là cuộc đời của một con người đa cảm khao khát yêu thương.

Viết để mua vui cho độc giả cũng có mà để thực hiện một ước mơ là sau những trang cuối cùng, gấp cuốn sách lại, độc giả tìm được đôi điều hữu ích. Vì là một cuốn truyện nên có nhiều phần hư cấu. Tác giả lấy cái thực để rút kinh nghiệm, lấy cái hư để mơ tới điều chưa có được trong đời.

Mỗi ngày qua đi chúng ta càng bước tới gần nấm mồ của mình. Đáng buồn thật! Sao ta không nghĩ mỗi ngày qua đi ta càng tới gần nơi vĩnh cửu? Nhưng đã mấy ai sửa soạn cho ý tưởng đó vì ta còn nhiều việc phải làm, nhiều chương trình chưa thực hiện, nhiều ước muốn chưa hoàn tất và ngay cả tình yêu nhiều khi chưa trọn vẹn. Ta đang sống và trên con đường ta đi, đường đời, ta vẫn phải **tìm một cõi về** dù là tạm bợ trên thế gian.

Con đường đó lúc nào cũng có hai khía cạnh tương phản nhau, một bên u sầu ảm

đạm, một bên sáng lạn huy hoàng, một bên xám, một bên hồng. Thì cứ nhìn hưởng màu hồng mà đi để lòng được ung dung tự tại. Cho dù có sa lầy cũng không nản lòng. Cứ coi như có nếm mùi thất bại mới cố vươn tới thành công. Trên trường đời, trong cái rủi vẫn ẩn cái may, trong khổ đau vẫn nhú mầm hạnh phúc. Cứ coi như những khó khăn, những chông gai chỉ là những thử thách để kích động ý chí tiến thủ, là chất xúc tác để đạt tới thành công.

Mỗi người có một lối sống, mỗi người có một quan niệm khác biệt về cuộc đời nhưng không ai là không kinh qua những giai đoạn đau thương, không ai là không một lần vấp ngã. Đây là cái NGHIỆP phải trả. Có thể mới thấu hiểu cái KHÔNG của cuộc đời. Nói một cách khác, Trời bầy đặt ra như thế, Đấng Sáng Tạo muốn thế.

Cuộc đời là một chuỗi những ràng buộc. Ràng buộc đã trở thành xiềng xích khiến con người bị tù hãm. Tù hãm của những người chung quanh, tù hãm của quá khứ, tù hãm của đạo đức, của luân lý cổ truyền mãi mãi không thoát ra được. Những cái đó đã trở thành thói quen khiến con người không nhận ra mình đang bị trói, tâm tư đang bị cùm, khó mà khai phóng, bước tiến chậm hẳn lại. Chỉ có sức mạnh vô hình mới gỡ dần những ràng buộc. Sức mạnh đó là **đức tin**. Thế nên, trong *Tim*

Một Cõi Vẽ, tôn giáo được nhắc nhở đến, đạo Phật và đạo Thiên Chúa như cứu cánh của đời người.

Ngoài đức tin, chúng ta còn cần điểm tựa làm sức bật của cuộc sống. Điểm tựa đó là **tình người**: tình gia đình, tình bè bạn, tình thầy trò, tình xã hội, tình dân tộc và cũng không thể quên được tình yêu!

Yêu là thế nào?

Là “thấy cả cuộc đời lên sắc thắm” hay là “chìm xuống đáy vực sâu thăm thẳm”?

Người xưa có câu:

“Tự cố chí kim, yêu là khổ

Tự kim chí cố, khổ vẫn yêu”

Nói cho cùng, ai trong chúng ta, trừ những người chí tâm luyện đạo, trừ những bậc chân tu, lại không có ít nhất một lần trong đời với một tình yêu hoặc lãng mạn vẫn vợ, hoặc cuồng si sôi động, vì:

“Đời không ân ái, đời vô vị

Kiếp sống không yêu, kiếp sống thừa”

Thế nên, những cảnh yêu thương đôi lứa trong TMCV có những đoạn nhẹ nhàng thì cũng có những đoạn bốc lửa, rất “nóng” nhưng rất “người”. Có gợi lòng dục hay không là tùy ở người đọc lòng thanh hay tục. Một áng văn, một bài thơ, một bức họa, một pho tượng đều là những sản phẩm nghệ thuật. Nếu ngắm một pho tượng khỏa thân hay xem một bức tranh mô tả hành động ân ái của một đôi trai gái, người lòng thanh chỉ rung động vì nét khắc tuyệt vời của điêu khắc gia, nét vẽ gợi cảm của nhà họa sĩ. Nhưng người lòng tục nhìn thấy

những cái đó dục vọng sẽ dấy lên. Thì văn chương, thi phú đối với con người cũng vậy.

Trong TMCV tác giả nói đến nhiều cái đẹp vì đối với tác giả cái đẹp thật cao quý, thật đáng tôn trọng. Từ cái hoa mỹ của văn chương, nghệ thuật đến cái diệu kỳ của khoa học, của kỹ thuật. Trong vũ trụ, tác giả mến mộ nét đẹp của thiên nhiên – từ cái đẹp thanh tao của đầu cây ngọn cỏ, cái đẹp lộng lẫy của muôn hoa, cái đẹp lặng lẽ của dòng sông, cái đẹp mênh mông của biển cả, cái khôi vĩ của núi non hùng tráng đến cái đẹp đầy màu sắc sống động của cầm thú và cuối cùng, cái đáng yêu, cái đẹp của con người – từ thể chất đến tâm hồn – tác phẩm cao nhất, tinh vi, tuyệt diệu của Đấng Sáng Tạo.

Trong TMCV, tác giả đã dẫn nhân vật chính tới cuối chặng đường tìm được cuộc sống thanh thản, dung dị mà đầy cuốn hút. Sống cho hiện tại. Sống với lương tâm. Đối đầu với những thử thách khó khăn bằng thái độ bình thản. Quay lưng lại những đau thương hãi sợ để tâm hồn được an bình. Quên đi những bất hạnh bên ngoài mang lại để dễ dàng tha thứ, tha thứ cho người mà cũng cho mình.

Mong ước người đọc nhìn thấy thâm ý của tác giả và cũng mong ước cuốn truyện nhỏ nhoi này mang đến cho độc giả vài giờ thư giãn.

NGUYỄN KHÂN
(Virginia)

Vàng Chiếc Lá Thu

Chiếc lá vàng bay mang mùa thu tới
dòng thủy triều dâng khi đầy lại vơi
tình dân phai bao cung sầu vời vời
thương cánh hoa tàn vương giọt sương rơi.

Dòng lệ lạnh thắm hôm nào ly biệt
cho đôi tâm hồn mãi nhớ về nhau
lòng cứ ngỡ vừa qua cơn mộng đẹp
lời trách yêu sao truyền cảm dạt dào.

Vì mãi nhìn nhau quên cả nhìn trăng
kỷ niệm xa xôi ai nhớ gì chẳng
nước đưa nhánh sông chảy xuôi về biển
tình bơi ngược dòng gợn sóng bắn khoan.

Cuộc đời sẽ phai bao niềm tiếc nuối
thời gian, dung nhan, biết còn lại gì
ta vẫn là ta trải bao thay đổi
người ơi già biệt, lệ mờ hoen mi.

Lá vàng chiều nay nhẹ bay theo gió
Thu về man mác những nỗi sầu riêng
Nhà ai vừa nở cánh hoa tim vỡ
Dĩ vãng dầu buồn, tình đẹp triển miên.



Đỗ
Thị
Minh
Giang
(Arizona)

Thì Thơ Buồn Em Mãi Dệt Vẫn Đau

Da em trắng cho tuyết hờn ả náu
Tóc em bay cho mây cuốn trôi mau
Mắt em sâu cho giếng nước âu sầu
Tim thổn thức cho gió chiều lay động

Em vẫn thế vẫn người em sầu mộng
Mang tình sâu vào giấc ngủ mong manh
Mang thở than cho hoa lá khô nhảnh
Mang nhung nhớ về lay miền dĩ vãng

Mưa vẫn rơi cho đêm dài trống vắng
Thu vẫn về cho cây nổi điệu linh
Đời xót xa cho đá phải tự tình
Nhịp u uân cho cung đàn chùng phím

Nếu cuộc đời tràn lan muôn sắc tím
Thì thơ buồn em mãi dệt vẫn đau
Thì bến mơ em cột với nhánh sầu
Thì xa vắng có còn là hư ảo?



Uyên
Phương
Minh
Nguyệt
(Texas)

BƯỚM VÀNG ĐANG ĐẬU

Thơ : Phan Khâm
Phổ nhạc : Nguyễn tất Vịnh

Vừa phải - lằng lằng.



"Bướm vàng đang đậu dọt cau tơ", em đậu hồn tôi thấy sùng



sờ. Xuôi gió thuận bướm xin bến đậu, bến nào êm à đậu dòng



thơ. Bướm vàng đang đậu dọt cau non, chim đậu đất lành hót véo



von. Khúc hát tình xuân mùa hạnh ngộ, nồng nàn neo ý buổi giao

MỘT TUẦN ĐÃ QUA.

Thứ Hai khoác áo thiên-thanh,
Băng ngang cửa sổ, né anh, ngại chào.
Thứ Ba mắc-cỡ hay sao,
Áo hồng thật đẹp, chẳng vào thăm nhau.
Thứ Tư với áo nhiều màu,
Ý cho hàng-xóm-chưa-lâu rộn ràng.
Thứ Năm, thứ Sáu ngó sang,
Được em nhìn lại nhẹ-nhàng, thướt-tha!
Lòng vui, anh cứ tưởng là...

Nào ngờ thứ Bảy thấy tà áo bay,
Cùng ai ríu-rít cầm tay,
Để anh Chủ-Nhật một ngày chơ-vơ...
Bên ni, bên nớ bây giờ
Kệ người áo mặc, không chờ nữa đâu!
Thế mà... đôi lúc về sau,
Dù không duyên-nợ, nhớ nhau bồi-hồi.

Nguyễn-Phú-Long

(Virginia)

ngón. Bướm vàng đang đậu đọt cau xanh, tôi
đậu tím em muốn dỏ dành. Nhớ Huế về em thôn Vỹ - Dạ, lựa
mềm ngọc ngấn đậu trắng thanh. Bướm vàng đang đậu đọt cau duyên,
tâm tưởng trao nhau phút diệu huyền. Đã phải lòng nhau vào bến
đâu, bến nào hoa bướm kết ước ương

NHÀ VĂN HỒ TRƯỜNG AN

Phỏng Vấn

HỌC GIẢ TRẦN BÍCH SAN



1.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin cho biết về tiểu sử của anh.

TRẦN BÍCH SAN: Thưa anh, tôi tên thật là Trần Gia Thái, sinh vào giờ Thìn ngày 28 tháng 7 năm Canh Thìn tức là ngày 31 tháng 8, 1940 dương lịch. Vì ông thân sinh tôi khai tể nên trong giấy khai sinh lại là ngày 10/10/1940. Tôi chào đời tại Mỹ Lộc, Nam Định, gia đình theo đạo Nho. Bố mẹ tôi có 5

người con, 4 chị gái và tôi là con trai út. Ba người chị mất lúc còn nhỏ nên chỉ còn người chị thứ hai. Ông nội là Trần Tích Thiện em ruột Án Sát Trần Đình Bình triều Nguyễn. Mẹ tôi, Lê Thị Soan người làng Yên Đổ, Bình Lục, Hà Nam con gái út của Nghị Viên Lê Kính. Cha tôi, Thi Sĩ Vị Giang Trần Gia Phúc, trước 1945 có tiệm sách ở đường Gia Long Hà Nội, khi Quốc Trưởng Bảo Đại về nước thành lập chính phủ quốc gia năm 1949, ông được cử làm Quận Trưởng Bình Lý, Hà Nam (chức vụ này trước 1945 là Tri Phủ, Bình Lý do hai Quận Bình Lục và Lý Nhân sát nhập). Lúc đó Tỉnh Trưởng Hà Nam là Hoàng Thụy Năm, Thủ Hiến Bắc Việt là Nguyễn Hữu Trí, rể họ Trần (lấy Trần Thị Ngọc con gái Án Sát Trần Đình Bình).

Từ 1947 gia đình tản cư về quê ngoại Làng Vỵ Hạ thường gọi là Làng Và (tức làng Yên Đổ, quê Nguyễn Khuyến), học Trường Làng Vỵ Thượng từ Lớp Vỡ Lòng đến Lớp Ba. Tôi cũng được học thêm Tam Tự Kinh và sau này có học thêm nên biết chút ít chữ Hán. Năm 1950 hồi cư về Nam Định, học trường tiểu học Bến Ngự. Đến 1952 lên Hà Nội học Trường Tiểu Học Nguyễn Du Đường Hàng Than. Đỗ Tiểu Học năm 1953. Di cư vào Nam 1954, Trung Học Đệ Nhất Cấp Học Trần Lục, đến niên khóa 1957-1958 sang Chu Văn An học Đệ Tam B3 cùng lớp với Nhà Thơ Nguyễn Đức Liêm và Nhà

Văn Lê Tất Điều. Xong Tú Tài tôi học Luật.

Năm 1965 tốt nghiệp khóa I Phóng Viên Báo Chí Việt Tấn Xã cùng với Lê Thiệp. Năm 1968 tốt nghiệp khóa I Tùy Viên Báo Chí do Nguyễn Ngọc Linh, Tổng Giám Đốc Thông Tin Báo Chí tổ chức. Sau đó được cử làm Tùy Viên Báo Chí cho Tổng Trưởng Giáo Dục Tăng Kim Đông, vốn là giáo sư trưởng Luật dạy môn Quốc Tế Công Pháp. Nhập ngũ khóa 3/69 Thủ Đức, ra trường về Sư Đoàn 5 BB, đi tác chiến một thời gian ở Tiểu Đoàn 2, Trung Đoàn 8, rồi làm Trưởng Ban Chiến Tranh Chính Trị Tiểu Đoàn. Sau khi tốt nghiệp khóa CTCT của Đại Học CTCT Đà Lạt, Trung Tá Trưởng Khối CTCT lúc đó là Thi Sĩ Thục Vũ (bạn thân Đinh Hùng) chọn tôi làm Trưởng Ban Báo Chí Sư Đoàn. Nam Lộc và Đinh Hoài Ngọc (con Đinh Hùng) cũng thuộc quân số Ban Báo Chí. Năm 1972 biệt phái về Bộ Dân Vận Chiêu Hồi, ít lâu sau Tổng Trưởng Hoàng Đức Nhã bổ nhiệm làm Trưởng Phòng An Ninh Hành Chánh.

Trước khi Miền Nam sụp đổ, chú ruột tôi, Trung Tá Trần Gia Lộc (khoá 8 Phụ Võ Bị Đà Lạt) trong Ban Liên Hợp Quân Sự 4 Bên, nhờ người Cố Vấn Mỹ cũ của ông lúc còn ở Lực Lượng Đặc Biệt đưa tôi ra khỏi nước bằng ngả DAO đến Guam ngày 23/04/1975. Tạm cư trong Trại Fort Chaffee, Arkansas 6 tháng, tôi định cư tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Sau khi kết hôn lần thứ hai năm 1976, tôi trở lại đi học với sự trợ giúp của vợ. Năm 1979 Tốt nghiệp Cử Nhân Khoa Học về Sinh Y Điện (Biomedical Engineering) George Washington University, được nhận vào làm cho Bệnh

Viện Touro Infirmary ở New Orleans, Louisiana. Đến tháng 03/1990 thăng Giám Đốc Biomedical Engineering Department. Vì nhu cầu điều hành và quản trị, năm 1993 tôi tiếp tục học thêm và tốt nghiệp Cao Học Tulane University năm 1995, Tiến Sĩ (Summa Cum Laude) về ngành Quản Trị Y Tế (Health Administration).

Về đường vợ con, năm 1966, thành hôn với Catherine Nguyễn Yến Mai, học sinh Marie Curie, con gái thứ nhà Saigon Surprise (Bắc Kỳ cũ) ở Sài Gòn, có một con trai tên Trần Quốc Quân năm 1967. Chúng tôi ly dị năm 1970, Mai hiện làm cho nhà băng, sống với con ở Pháp. Cháu Quân tốt nghiệp Cao Học về Computer và hiện là Chủ Tịch Công Ty Autonomy Conseils ở Paris, cung cấp dịch vụ quản trị nhân viên cho các bệnh viện. Năm 1976 tôi lập lại gia đình với Tạ Kim Loan, cựu sinh viên Luật Sài Gòn, Á Hậu Áo Dài Việt Nam, con thứ 7 trong gia đình gốc điền chủ miền Nam (ông nội là Tạ Giang Lương, cháu Tạ Thái Hòa, đại điền chủ Bạc Liêu). Hiện nhà tôi trông coi văn phòng Luật ở New Orleans, chúng tôi có với nhau được ba cháu gái. Cháu đầu Catherine sinh năm 1980, tốt nghiệp Cử Nhân Đại Học LSU, hiện là Giám Đốc điều hành (Director of Operations) hệ thống báo SPEED phổ biến trong giới sinh viên các đại học lớn. Cháu thứ nhì Rosaline sinh năm 1984, Master in Communication (Film, TV & Media) đại học CSU. Cháu vừa đi học vừa trình diễn hài hước (*comedienne*) vào cuối tuần. Cháu út Elizabeth sinh năm 1989 đang theo học ở LSU.

2.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh cho biết ý nghĩa bút hiệu Trần Bích San của anh. Đó phải chăng là tên một nhân vật hay tên một địa danh nào sống mãi trong kỷ niệm của anh? Sao là Bích San mà không là Bích Sơn vì anh có phải là dân Nam Kỳ đâu? Hay đây là một bút hiệu có liên quan đến văn hoá?

TRAN BÍCH SAN: Trần Bích San là tên thật của Tam Nguyên Vị Xuyên Trần Bích San, một tác gia văn học thế kỷ thứ 19. Xin thưa với anh, hai chữ *San* và *Sơn* ở đây tuy đồng âm nhưng viết khác nhau và không cùng nghĩa. Chữ *Sơn* thuộc bộ *Sơn* có nghĩa là núi, viết như các chữ thái sơn, sơn hà, sơn thủy, sơn lâm, sơn cước...hoặc như chữ *Sơn* trong câu: “*sơn bất cao hữu tiên tắc danh*” nghĩa là núi không cao nếu có tiên sẽ nổi tiếng (đổi lại với câu: “*thủy bất thâm hữu long tắc linh*” nghĩa là nước không sâu nếu có rồng sẽ linh thiêng). Còn chữ *San* thuộc bộ *Vương* có nghĩa là san hô ngoài biển. Bích San là đá san hô màu xanh biếc.

Trần Bích San sinh năm 1838 tại Mỹ Lộc, Nam Định thường được gọi là ông Nghè Bến Nứa. Ông và Tam Nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến cùng theo học Hoàng Giáp Tam Đẳng Phạm Văn Nghị. Lúc trước tên ông là Trần Tăng Tiểu, vì thấy ông văn hay hạnh tốt nên thầy đổi tên cho là Trần Bích San. Năm 1864 đỗ Giải Nguyên trường Nam Định. Năm sau, 1865 vào Huế đỗ luôn Hội Nguyên và Đình Nguyên Hoàng Giáp năm ông mới 27 tuổi. Đầu ba kỳ thi liên tiếp như thế rất hiếm có. Nguyễn Khuyến tuy cũng đỗ Tam Nguyên nhưng bị cách quăng,

thì Hương đỗ Giải Nguyên trường Hà Nội nhưng năm sau thi Hội bị trượt. Vua Tự Đức mến tài Trần Bích San nên ban tên hiệu cho là Hy Tăng để so sánh với Vương Tăng đời Tống cũng đỗ liên trúng tam nguyên như ông.

Trần Bích San là một người con chí hiếu. Khi làm Tri Phủ An Nhơn, Trung Kỳ thấy địa phương có lụt nổi tiếng, ông thử một tấm sai người đưa về Vị Xuyên biếu mẹ. Mẹ ông chiêu đãi người mang lụt chu tất rồi gửi lại cho ông một gói đồ. Mở ra ông thấy còn nguyên tấm lụt và một cây roi mây. Hiểu ý thân mẫu mắng mình là *dĩ công vi tư*, ông nằm xuống tự đánh mình đủ ba roi rồi hương về Bắc lạy tạ lỗi.

Năm 1875 lúc làm Tuần Phủ Hà Nội, Linh Mục Trần Lục, tên thật Trần Hữu Triêm, mới được triều đình Huế phong làm Khâm Sai Tuyên Phủ Sứ, từ Phát Diệm tới thăm. Trong lúc trò chuyện, muốn thử tài vị Tam Nguyên, Linh Mục Lục đưa ra một vế đối nói rằng đã nghe được, muốn đối nhưng thấy khó quá, nhân dịp gặp nhà đại khoa nhờ đối giùm. Vế ra như sau:

“*Ba cụ ngồi một cỗ, cụ đủ điều, cụ chẳng sợ ai*”

Vế ra có ba chữ *cụ* nghĩa khác nhau. *Cụ* là cụ đạo, tiếng gọi các linh mục ở miền Bắc, *cụ* còn có nghĩa là sẵn sàng, là sợ hãi. Ý và lời ngạo mạn, đặc chí của kẻ được thời. Lúc đầu, Trần Bích San từ chối, e khiếm nhã. Cho rằng ông không đối nổi, Linh Mục Lục cố nài ép nài cố đây là chuyện văn chương “*văn hành công khí*” không có gì phải ngại cả. Lúc đó, ông mới ứng khẩu đối lại:

“*Một đạo há hai đường, đạo trộm cắp, đạo còn nói láo*”

Chữ *đạo* cũng có ba nghĩa như chữ “cụ”. Đạo là cổ đạo, đạo còn là con đường, là trộm cắp. Ý và lời mỉa mai nhà tu hành vượt qua đạo hạnh, xu thời còn lên mặt kẻ đắc thế.

Cũng trong thời gian làm Tuần Phủ Hà Nội Trần Bích San thường xuyên có dịp giao thiệp với người Pháp. Một lần Phó Thủy Sư Đô Đốc Dupré ở Sài Gòn ra ghé thăm xã giao có đất theo con chó. Ông đón Dupré vào công đường, chủ khách vừa an tọa thì chó cũng nhảy lên ngồi trên ghế đối diện. Cho là Dupré dụng ý muốn bĩ mặt mình, ông nổi giận phải áo đứng dậy không tiếp, sai lính đánh chết con chó. Năm 1877 nhân dịp đấu xảo ở Paris, ngoài việc cử Nguyễn Thành Ý, Lãnh Sự của triều đình Huế ở Sài Gòn đem sản vật sang trưng bày, vua Tự Đức còn ngỏ ý muốn cử một phái đoàn ngoại giao sang Pháp tỏ tình hữu nghị. Pháp ưng thuận, yêu cầu Nam Triều cử Tuần Phủ Hà Nội Trần Bích San làm Chánh Sứ. Vua Tự Đức triệu ông vào Kinh để trao sứ mạng. Hành trình phải vào Sài Gòn nhờ phương tiện đường thủy, ông biết Dupré sẽ nhân dịp này trả thù cái nhục ngày trước. Không thể để ngoại bang làm nhục lây đến quốc thể, nhưng lệnh vua không thể trái, tiến thoái lưỡng nan, ông trả nợ nước bằng cách nuốt giấy bản tự vận. Vua Tự Đức rất thương tiếc làm thơ truy niệm và cho đưa thi hài về làng Vị Xuyên mai táng. Năm đó Trần Bích San mới 39 tuổi để lại cho văn học Việt Nam tác phẩm Tam Nguyên Vị Xuyên Thi Tập với hơn 100 bài thơ bằng chữ Hán.

Một số nhà biên khảo chủ trương gạt phần chữ Hán ra khỏi Văn Học Sử, cho rằng văn chương Việt Nam phải được viết bằng

thứ chữ nước mình, nên chỉ nghiên cứu các tác phẩm bằng Chữ Nôm và Chữ Quốc Ngữ. Trần Bích San sáng tác bằng Hán Văn nên ít người biết đến. Tôi lấy bút hiệu Trần Bích San vì hâm mộ tinh thần kẻ sĩ “*không sợ, không tham, không hèn*” của ông. Không có ý phạm thượng với người xưa, chủ tâm muốn làm sáng danh một kẻ sĩ cô đơn cuối cùng của thế kỷ thứ 19 đã bị quên lãng.

3.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh cho biết về quê quán của anh. Anh là dân thành phố hay dân miệt vườn? Mỹ Lộc thuộc vùng nào? Nếu là dân thành phố, xin anh nói khái quát về thành phố Nam Định. Còn nếu là dân miệt vườn xin anh tả sơ qua khung cảnh miệt vườn nếu anh còn nhớ.

TRẦN BÍCH SAN: Quê tôi thuộc Mỹ Lộc, Nam Định được lập nên do ông tổ họ Trần là Trần Đình Xu, một tướng của Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư. Khi Thoát Hoan đem quân sang đánh nước ta lần thứ hai năm Đinh Hợi 1297, quân Nguyên đóng寨 ở Vạn Kiếp lương thực sắp cạn, Thoát Hoan sai Ô Mã Nhi dẫn thủy quân ra cửa bể Đại Bàng thuộc Huyện Nghi Dương, Hải Dương, sau này là Huyện Gia Bình tỉnh Bắc Ninh, đón thuyền lương của Trương Văn Hổ. Ô Mã Nhi đem thuyền đến Ải Vân Đồn thuộc Vân Hải, Quảng Yên thì bị quân của Trần Khánh Dư chặn đường. Quân Nguyên đánh rất quá Trần Khánh Dư thua, phải rút lui để giặc kéo ra biển đón thuyền lương. Mấy ngày sau, Ô Mã Nhi trở vào đi trước mở đường, thuyền lương đi sau. Khánh Dư thu

góp thuyền bè phục quân đội sẵn. Khi Trương Văn Hổ tải thuyền lương vào cửa bể Lục Thủy Dương phía Đông Nam Huyện Hoàn Bồ, tức Vịnh Cửa Lục bây giờ, quân ta đổ ra đánh chiếm được hết thuyền lương. Trương Văn Hổ phải xuống thuyền nhỏ chạy trốn về Quỳnh Châu. Đạo quân do Trần Đình Xu chỉ huy là lực lượng chủ yếu trong trận Cửa Lục góp công tạo điều kiện thuận lợi cho quân ta nhanh chóng phản công đưa đến chiến thắng cuối cùng. Sau khi đã đánh đuổi quân Nguyên về Tàu, đến tháng tư năm Kỷ Sửu 1289 Vua Trần Nhân Tông định công phạt tội. Tất cả các vương hầu đi đánh giặc có công được thăng thưởng cả, còn các tướng sĩ khác ai có công thì cho quốc tính. Trần Đình Xu lập công lớn trong trận Vân Đồn Cửa Lục nên được cấp đất khai khẩn.

Theo lời bố tôi kể lại thì sở dĩ họ Trần sau này phát văn là nhờ ngôi mộ Cụ Trần Đình Đạo, một danh y, tình cờ được thiên táng và kết phát ở thế đất “*cửa ngõ một giỏ văn tài*” (chuyện này được nhà địa lý Cao Trung viết lại và đăng tải trên tạp chí nghiên cứu địa lý Tả Ao ở Sài Gòn trước 1975).

Như đã thưa với anh, tôi vừa là dân quê vừa là dân thành thị. Thời gian tản cư từ 1945 đến 1950 thực sự biến tôi thành một cậu bé nhà quê. Tôi tự hào và yêu thích con người nhà quê của mình. Lúc đó chiến cuộc chưa lan đến vùng tôi ở nên làng Và còn thanh bình lắm. Tôi sống quanh quẩn sau lũy tre làng, chơi những trò chơi của trẻ con nhà quê như cướp cờ, rồng rắn, đánh bi, đánh đáo, chọi cù hoặc kiếm những cành ổi hình chữ V chặt làm ná cao su bắn chim. Ngày mưa, tôi

ra bờ ao nhà mấy ông bác họ câu cá hay lùng bắt ếch nhái bị kẹt trong những hố đất. Ngày nắng, tôi mãi mê lần theo đường làng tìm những nhánh cỏ gà hay lang thang ra quốc lộ chọn đá đen trên đường rẫy xe lửa đem về mài thành bi, hoặc chui vào các bụi tre kiếm đọt măng non cho mẹ tôi nấu canh. Tôi còn có cái thú dùng dao chặt xéo vào thân cây dâu tìm bắt những con sâu trong ruột nướng ăn. Người tôi đen nhẻm đến nỗi khi hồi cư về Nam Định năm 1950, trẻ con cùng lớp Trường Bến Ngự thường giễu cợt gọi tôi là “*thằng tay đen con*”.

4.

HỒ TRƯỜNG AN: Anh là dân Bắc di cư sau Hiệp Định Genève, xin anh nói về sinh hoạt của anh sau khi di cư vào Nam, chẳng hạn như thuở còn học sinh, nơi anh sinh sống, những bạn bè thân.

TRẦN BÍCH SAN: Khi di cư vào Nam gia đình tôi tạm trú nhà ông anh bên họ ngoại ở Phú Nhuận một thời gian ngắn. Ông này làm cho Quan Thuế nên được vào Nam trước. Sau đó bố tôi thuê được nhà, dọn ra hẻm Bến Tắm Ngựa Đường Yên Đổ. Tôi không được hưởng cái không khí của trại học sinh Phú Thọ ngày nào. Tôi làm quen với đám trẻ trong xóm, nhưng thú thật với anh, suốt sáu tháng đám con trai Nam Kỳ nói chuyện như chim hót, tôi chẳng hiểu gì cả. Chúng tôi thường chơi đánh *boule* với nhau mỗi chiều nơi bãi đất, trước cửa những quán nhậu có xe bán nước đá nhận, nước mía. Năm sau tôi có thêm đám bạn mới Bắc Kỳ. Chúng tôi thành lập đội banh, chiều chiều

hẹn nhau ra sân cỏ gần Tân Sơn Nhất hoặc bãi đất trống đường Trương Minh Giảng quần thảo. Tôi giữ chân thủ môn, Nguyễn Tường Đăng (Thẩm Phán Tòa Án Quân Sự) hậu vệ, Nguyễn Tường Giang (Bác Sĩ, nhà văn) cánh trái, Đoàn Phương Hải (Thiếu Tá Dù) trung phong, Đỗ Văn Hạnh (An Ninh Quân Đội), cánh phải. Tối đến chui vô phòng tôi ôm theo trái banh tung lên đỉnh màn luyện bắt *goal* cho nhuyễn. Thời gian này tôi cũng hay đi Hồ Tắm Nguyễn Bình Khiêm, học nhu đạo thầy Hồ Cẩm Ngạc, học Vovinam thầy Nguyễn Lộc, Nguyễn Sáng, học đàn guitar... Tuổi trẻ hồn nhiên sung sướng quá, đúng là tuổi vàng anh ạ!

5.

HỒ TRƯỜNG AN: Hồi chưa ra hải ngoại anh đã viết lách hay chưa? Anh thích bộ môn nào nhất trong văn chương, văn hóa hay văn học?

TRẦN BÍCH SAN: Tôi bắt đầu dính líu chút đỉnh tới chuyện viết lách có lẽ từ năm 1957. Lúc đó tôi cùng Thế Nguyên ra một giai phẩm văn nghệ nhưng chỉ được một số rồi tiêu. Sau đó, thỉnh thoảng viết truyện ngắn, tùy bút cho giai phẩm, tạp chí của ông anh rể là thi sĩ Văn Thế Bảo. Những năm 1961, 62 thường gặp gỡ nói chuyện văn chương với Huy Trâm, Đông Duy, Tú Kếu (lúc đầu bút hiệu là Hoàng Bình Sơn). Thời gian từ 1965 tôi thường trà đàm ở La Pagode với các bạn Trần Lam Giang, Nguyễn Bá Trạc, Bùi Bảo Trúc, Du Tử Lê, Phạm Trọng Phúc, Phan Nhật Nam... Sau này tôi giữ mục Phiếm một thời gian trên báo Tin Sống của chị Phùng Thị Hạnh, vợ anh Lưu Nguyễn Đạt. Khi qua

Mỹ tôi mới thực sự viết văn, làm báo. Từ 1980 thỉnh thoảng viết cho giai phẩm, đặc san và viết có tính cách chuyên môn trên Journal of Clinical Engineering về quản trị liên quan đến ngành Biomedical. Năm 1987 bắt đầu viết nhiều hơn khi làm chủ bút tờ Lên Đường do tôi, Nhà Văn Nguyễn Tường Phong và Thi Sĩ Nhất Tâm chủ trương. Đến tháng 1, 1995 bắt đầu làm tờ Tuần Báo Sài Gòn Nhỏ ấn bản Louisiana thuộc hệ thống báo của Nhà Văn Hoàng Dược Thảo, do Vũ Hiến, một bạn trẻ, vì bận công việc khác nên giao lại cho tôi trông coi đến bây giờ. Từ mùa Thu 1996 tôi bắt đầu cộng tác với tạp chí văn học Cổ Thơm do anh Lưu Nguyễn Đạt làm Chủ Nhiệm, rồi trở thành đại diện Cổ Thơm vùng Đông Nam Hoa Kỳ và Quản Trị Viên Cổ Thơm Foundation. Tôi còn tham dự vào việc hình thành cơ sở nghiên cứu Tư Tưởng Việt do Tiến Sĩ Lưu Nguyễn Đạt chủ trương từ năm 2003. Gần đây chúng tôi sửa soạn đưa Tư Tưởng Việt lên mạng lưới. Tôi quen anh Lưu Nguyễn Đạt từ Việt Nam. Ông anh chú bác ruột của tôi là Luật Sư Trần Danh San, người đầu tiên sau 1975 đã cùng Luật Sư Triệu Bá Thiệp tranh đấu cho nhân quyền ở Việt Nam, lấy cô Lưu Bích Nga, em gái Luật sư Lưu Nguyễn Đạt.

Về văn chương tôi thích nhất thể Tùy Bút. Tôi thấy muốn viết Tùy Bút hay, thật khó. Ngoài văn tài, người viết phải tài hoa, trải đời, tâm hồn nhạy cảm, sâu sắc, phóng khoáng và quan trọng nhất, nhiều chất lãng. Võ Phiến tử mủ, hơi khô. Vũ Bằng, lãng chưa đủ, Mai Thảo chải chuốt quá. Tôi thích Nguyễn Tuân và Vũ Khắc Khoan hơn.

6.

HỒ TRƯỜNG AN: Hồi còn đi học và khi vào

quân ngũ anh thích đọc tạp chí nào? Lý do.

TRẦN BÍCH SAN: Lúc đầu tôi đọc tạp chí Sáng Tạo của Mai Thảo, Hiện Đại của Nguyên Sa vì lối nghĩ, cách viết của hai nhóm này mới lạ, khác hẳn văn chương thời tiền chiến. Về sau tôi chuyển sang đọc Đại Học, Bách Khoa, Quê Hương, Văn Hóa Á Châu vì muốn tìm hiểu về các vấn đề văn học và triết học.

7.

HỒ TRƯỜNG AN: Anh bắt đầu sưu tầm các sách báo viết về văn hóa bắt đầu từ năm nào?

TRẦN BÍCH SAN: Năm 1956 mẹ tôi mở tiệm sách Văn Chương Thư Quán đường Võ Di Nguy, Phú Nhuận. Bà thường nhờ tôi đi lấy sách từ những nhà xuất bản như Khai Trí, Á Châu... Mỗi lần tôi đều chọn mua thêm sách văn học và lập một tủ sách. Tôi còn tìm mua những sách hiếm, nhất là loại giấy bản thời tiền chiến. Đến ngày đi Mỹ tôi sưu tập được hơn 3,000 quyển đủ loại.

8.

HỒ TRƯỜNG AN: Ra hải ngoại, làm sao anh có nhiều sách báo để tham khảo cho những bài văn khảo của anh? Nếu không có gì trở ngại, xin anh cho biết công việc sưu tầm sách báo của anh khi anh định cư ở tiểu bang Louisiana.

TRẦN BÍCH SAN: Một sự trùng hợp kỳ lạ, đúng là tôi có duyên với sách vở. Từ Hoa Thịnh Đốn về New Orleans năm 1979, bà xã mở một tiệm thực phẩm Việt Nam. Để kéo thêm khách, ngoài dịch vụ thông thường, tiệm còn cho thuê truyện. Tôi áp dụng

phương pháp cũ, mỗi khi đặt mua tiểu thuyết của Sống Mới, Nam Á, Xuân Thu hay Đại Nam cho bà, tôi thêm sách văn học cho mình. Sự kiện những nhà xuất bản ở Hải Ngoại không trả, hay có nhưng rất khiêm nhượng, tác quyền cho tác giả có tác phẩm họ in lại, là không lương thiện. Nhưng nếu nhìn ở khía cạnh khác, một bình diện lớn hơn, họ rất có công. Việt Cộng khi vào Nam đã tịch thu, hủy diệt các văn hóa phẩm của Việt Nam Cộng Hòa, nhờ những nhà xuất bản ở Hải Ngoại các sản phẩm tinh thần của chúng ta đã được bảo tồn một phần nào. Tôi về Việt Nam hai lần, lần trước bà già đau nặng, lần sau bà già mất. Khi trở lại Mỹ tôi cho các cháu tất cả quần áo, dành hành lý chứa sách mua đem về. Một điều may mắn là tủ sách ngày trước còn lại được một số nhờ mấy đứa cháu cất dấu được. Lần đầu về thăm nhà tôi lựa những sách văn học đem qua Mỹ. Ngoài ra, tất cả các sách báo xuất bản về lịch sử, khảo cứu, văn học ở hải ngoại tôi đều đặt mua. Đến nay, chỉ riêng các sách thuộc văn và sử học, tôi đã gầy lại được hơn 1,200 nhan sách.

9.

HỒ TRƯỜNG AN: Trước khi đi vào chuyện văn chương, văn hóa, xin anh nói sơ qua về công việc in ấn cổ truyền của các cụ ta.

TRẦN BÍCH SAN: Thưa anh, trước khi có nghề in, sách vở của ta đều phải viết tay gọi là *thủ bản*, muốn có bản thứ hai phải sao chép lại từ bản chính. Mãi đến đời nhà Lý (1010-1225), người mình mới biết lối in *mộc bản* (bản khắc trên gỗ) nhưng còn rất thô sơ,

vụng về. Phải chờ đến đời vua Lê Nhân Tông, khi Lương Như Hộc đi sứ hai lần, lần thứ nhất năm 1443, lần sau năm 1459, mới học thêm được kỹ thuật in của Tàu. Khi về nước ông dạy lại dân hai Làng Liễu Trai và Liễu Tràng thuộc Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương. Từ đó nghề in khắc ván của ta mới tiến bộ hơn và có thợ chuyên môn về ấn loát. Tuy vậy vì giấy bản làm bằng vỏ cây dó nên dễ rách, rất thấm nước, mặt giấy không bằng phẳng nên dù có thợ khéo, bản in không được rõ và dễ bị nhòe. Tuy nhiên kỹ thuật của ta cũng chỉ dừng lại ở lối in mộc bản trong khi người Trung Hoa còn tìm thêm được lối in *thạch bản*. Kỹ thuật khắc đá tiến bộ hơn lối khắc ván vì chữ nhỏ, rõ và sắc sảo hơn. Tiếc là ta chưa học được lối in này vì người Tàu dấu nghề rất kỹ. Vì việc khắc chữ tốn kém nên chỉ có sách sử ký, địa lý và sách cử nghiệp là loại dùng đi học, đi thi mới được triều đình nâng đỡ mà thôi. Ngay như bộ *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* gồm 49 quyển của Phan Huy Chú cũng không được in, chỉ có thủ bản. Đây là một bộ sử chép theo lối *chí* (chép theo từng loại) của các cổ sử Trung Hoa trong *Nhị Thập Ngũ Sử* (Hán, Đường Thư, Tống Sử...) và châm chước theo lối soạn *Đại Nam Thông Sử* của Lê Quý Đôn.

10.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh cho biết ảnh hưởng của văn hóa Tàu và văn hóa Pháp đối với văn hóa Việt Nam.

TRẦN BÍCH SAN: Nước ta bị Tàu đô hộ ba lần gần 1,000 năm nên văn hóa của ta bị ảnh

hưởng Tàu nặng nề là chuyện phải có. Tuy nhiên, thay vì bị đồng hóa chúng ta vẫn giữ được nét đặc thù của mình. Niềm tự hào dân tộc và lòng yêu nước giúp ta giữ được bản sắc riêng cho văn hóa Việt. Tôi xin đan cử hai thí dụ điển hình. Trước nhất, tuy đi học đi thi, công văn giấy tờ viết bằng chữ Hán, nhưng ta vẫn sáng chế ra chữ Nôm để dùng riêng. Thứ nữa, tuy theo đạo Nho của Khổng Tử, học *Tứ Thư Ngũ Kinh* nhưng ta không nhắm mắt theo quan niệm Văn Dĩ Tải Đạo. Tống Nho quan niệm văn chương phải dùng để chuyên chở đạo lý, nhưng ngược lại, ta quan niệm văn thơ phải dùng để phục vụ cái hay cái đẹp. Hoàng Đức Lương viết: “Đối với thơ văn cổ nhân ví như gói nem, ví như gắm vóc. Gói nem là vị rất ngon trên đời, gắm vóc là màu rất đẹp trên đời, phàm người có miệng có mắt, ai cũng kính trọng mà không vất bỏ khinh thường. Đến như thơ văn thì lại là sắc đẹp ngoài cả sắc đẹp, vị ngon ngoài cả vị ngon, không thể đem mắt tầm thường mà xem, miệng tầm thường mà nếm được”. Hoặc ta coi văn chương là phương tiện để gửi gắm tâm sự như Ngô Thì Nhậm khi bàn về thơ với Phan Huy Ích: “Làm thơ phải gửi gắm tâm tình vào sự vật”.

Trong hơn 80 năm “khai hóa” Việt Nam, ngay những ngày đầu người Pháp đã muốn cắt đứt liên lạc văn hóa giữa ta với Trung Hoa, với quá khứ Việt nặng nề Hán học. Để xóa đi ảnh hưởng văn hóa Tàu, một mặt người Pháp dùng Chữ Quốc Ngữ, là thứ chữ dùng mẫu tự La Tinh, thay thế chữ Nho. Chữ Quốc Ngữ được các giáo sĩ Bồ Đào Nha và Pháp sáng chế để giúp việc truyền đạo Thiên Chúa được dễ dàng, nhưng đã bị Thực

Dân Pháp lợi dụng đem dùng vào việc củng cố chế độ cai trị, từ từ dẹp bỏ ảnh hưởng của Triều Đình Huế và của nền Văn Hóa Đông Phương. Nhưng nhờ các nhà trí thức, nhà văn, nhà báo, các nhà ái quốc, Chữ Quốc Ngữ rút cục lại trở thành lợi khí sắc bén khơi dậy lòng ái quốc, tinh thần quốc gia dân tộc chống lại sự đô hộ của Pháp. Mặt khác, Thực Dân bắt buộc ta dùng chữ Pháp trong việc học, việc thi, công văn, giấy tờ để đưa văn hóa Pháp thay thế văn hóa của ta. Nhờ đã có một di sản văn hóa truyền thống lâu đời, dân tộc Việt với bản lãnh cao đã sáng suốt tiếp nhận và chọn lọc những tinh hoa văn hóa và tư tưởng Tây Phương để xây dựng và phát triển nền văn hóa thuần túy Việt Nam. Hồn thơ Pháp khi chuyển vào thơ Việt đã bị Việt hóa hoàn toàn, văn chương với sự mô phỏng ngu muội thiếu bản sắc Việt Nam không thể tồn tại. Tuy vậy, chúng ta không thể phủ nhận sự đóng góp quan trọng của văn hóa Pháp trong tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam về nội dung và nghệ thuật qua ba yếu tố: tư tưởng dân chủ, tinh thần khoa học và tính chất quốc tế.

11.

HỒ TRƯỜNG AN: Anh nghĩ sao về truyện cổ tích của chúng ta? Tôi thấy một vài truyện của ta hơi giống nước khác chẳng hạn như truyện *Tám Cám* và *Cendrillon* của Pháp, anh nghĩ thế nào về vấn đề này? Theo anh, có thể cho truyện cổ tích là những tác phẩm văn học được không?

TRẦN BÍCH SAN: Thưa anh, truyện cổ tích nguyên thủy đều ở dạng truyền khẩu nên

không thể coi là một tác phẩm văn học được vì chỉ mới có phần nội dung mà chưa có phần hình thức. Nhưng một khi truyện cổ tích được viết lại bởi một văn gia, tức là đã được bố cục và diễn tả bởi văn tài của người viết, khi đó trở thành một tác phẩm văn học. Chẳng hạn như *Việt Điện U Linh Tập* của Lý Tế Xuyên, *Lĩnh Nam Trích Quái* của Trần Thế Pháp, *Truyện Kỳ Mạn Lục* của Nguyễn Dữ, *Nam Hải Dị Nhân* của Phan Kế Bính, *Truyện Cổ Nước Nam* của Nguyễn Văn Ngọc đều là những tác phẩm văn học dù rằng những sách này viết về những truyện thần kỳ, truyện cổ tích.

Truyện cổ tích của ta đa số đều chứa tính cách luân lý ở trong. Tôi đồng ý với anh là có một số truyện cổ tích của ta hơi giống truyện của nước khác. Hơn thế, có kẻ còn cho rằng ta vay mượn của người, chẳng hạn như truyện *Tám Cám* mượn của Ấn Độ. Nếu điều đó đúng, ta phải giải thích thế nào khi truyện *Cendrillon* hay *La Petite Pantoufle de Verre* của Perrault cũng tương tự như của ta? Thực ra, truyện cổ tích, truyện thần tiên, phát sinh bởi một nhu cầu đặc biệt của nhân loại, nhất là khi con người ở giai đoạn cổ sơ. Đó là *nhu cầu sự huyền diệu (besoin du merveilleux)*. Truyện cổ tích ở hai nước giống nhau vì cùng phát sinh do một nhu cầu tâm lý giống nhau. Tôi thấy nhận xét của Nguyễn Văn Vĩnh có thể đúng. Ông cho là ở một giai đoạn chung của nhiều nước, những truyện thần kỳ là một trạng thái cần phải có và đâu đâu cũng có. Một luật lệ vô hình cai quản những sáng tạo của trí tưởng tượng loài người mà ta không thể giải thích được.

12.

HỒ TRƯỜNG AN: *Truyện Kiều* là tác phẩm tiêu biểu của văn chương chúng ta. Dù đó là truyện phóng tác, nhưng nó hay hơn truyện gốc *Kim Vân Kiều* của Thanh Tâm Tài Nhân ở điểm nào, thưa anh?

TRẦN BÍCH SAN: *Kim Vân Kiều Truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân là một tiểu thuyết Tàu, văn chương rất tầm thường nhưng dưới ngòi bút tài hoa của Nguyễn Du đã biến thành áng văn chương tuyệt tác, vượt không gian và thời gian. Nguyễn Du dùng *Truyện Kiều* để gửi gắm tâm sự hoài Lê của mình, trong truyện còn chứa đựng thuyết nhân quả của đạo Phật, quan niệm nhân sinh của tác giả. Nhưng giá trị *Truyện Kiều* không nằm trong cốt truyện, tình tiết, bố cục, cũng không ở tư tưởng đạo đức, luân lý, triết học. Theo tôi, giá trị *Truyện Kiều* nằm ở kỹ thuật tả cảnh, tả tình, tự sự, diễn đạt tình cảm. Nói một cách khác, chính văn chương của Nguyễn Du qua *Truyện Kiều* đã tạo cho tác phẩm trở thành bất tử.

13.

HỒ TRƯỜNG AN: Anh nghĩ gì về quyển sách vỡ lòng *Quốc Văn Giáo Khoa Thư* của chúng ta?

TRẦN BÍCH SAN: Tôi có cái may mắn được học hai quyển *Quốc Văn Giáo Khoa Thư* và *Luân Lý Giáo Khoa Thư* lớp Sơ Đẳng (Cours Élémentaire) hồi tiểu học ở đình làng Vỹ Thượng trong thời gian tản cư. Năm 1933 Hoàng Đế Bảo Đại bổ nhiệm Phạm Quỳnh làm Thứ trưởng Thứ Bộ Học, ông chủ

trường nuôi dưỡng và phát triển quốc văn để bảo tồn dân tộc bằng ngôn ngữ văn tự riêng. Ông chống việc dùng chữ Pháp làm quốc văn cho Việt Nam. Do đó phải nói sở dĩ có hai quyển sách này là do công của Phạm Quỳnh một phần lớn. Tuy sách dùng để dạy học trò lớp Ba nhưng được soạn bởi các ông Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc và Đỗ Thận là những bậc thâm Nho và học giả, có cái học thật vững vàng cả về tâm lẫn cụu học. Mỗi bài được viết ngắn với câu văn trong sáng, gọn gàng, đơn giản, mạch lạc. *Đó là mẫu mực viết văn cho mọi người cầm bút sau này.* Ngoại trừ một số bài có tính cách kiến thức tổng quát, những bài học còn lại, dù là thơ hay văn xuôi, đều nhắm vào việc đề cao điều hay lẽ phải, tránh xa điều xấu, xây dựng những con người lương hảo. Qua các bài học, sách dạy đủ cả *nhân, lễ, nghĩa, trí, tín* tạo nền tảng vững chắc cho thế hệ tương lai một phẩm chất cao. Có thể nói hai quyển sách nhỏ bé này đã đào tạo nên lớp thanh niên tiểu tư sản lãng mạn yêu nước đóng góp xương máu cho cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc Việt Nam mà Cộng Sản cướp công người Quốc Gia năm 1945.

14.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh cho biết sự khác biệt giữa nền giáo dục của Việt Nam Cộng Hoà và của Cộng Sản.

TRẦN BÍCH SAN: Cộng Sản coi giáo dục là *một hiện tượng xã hội*, giáo dục có nhiệm vụ phục vụ cho chính trị. Nền giáo dục của Cộng Sản Việt dùng chủ thuyết Marx

Lénine làm nền tảng kết hợp chuyên môn với chính trị và được đặt dưới sự lãnh đạo chuyên chế tuyệt đối của đảng Cộng Sản. Đây là một nền giáo dục phi dân tộc. Ngược lại, chúng ta, cũng giống như tây phương, quan niệm giáo dục là *một hiện tượng tự nhiên*. Nền giáo dục của Việt Nam Cộng Hoà lấy chương trình Hoàng Xuân Hãn làm căn bản là một nền giáo dục dân tộc mang tính cách vô tư và nhân bản.

15.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh cho biết những nhóm làm văn hóa nổi tiếng từ thời tiền chiến và dưới thời Việt Nam Cộng Hoà.

TRẦN BÍCH SAN: Thời Tiền Chiến khi nghề báo bắt đầu phát triển ở nước ta, Nguyễn Văn Vĩnh và nhóm *Đông Dương Tạp Chí*, Phạm Quỳnh và nhóm *Nam Phong Tạp Chí* đánh dấu sự chấm dứt nền văn chương lịch triều, mở đầu nền văn học Chữ Quốc Ngữ. Tuy nhiên, lối văn cổ vẫn còn ảnh hưởng rõ nét với các văn gia thuộc hai nhóm này. Từ đầu thập niên 1930 đến ngày chiến tranh Việt Pháp bùng nổ năm 1946, trước tiên phải kể đến nhóm Tự Lực Văn Đoàn đã đưa lối văn thơ mới Tây Phương vào văn chương, đánh dấu sự chấm dứt hoàn toàn lối văn cổ. Cùng thời còn có nhóm Nhà Xuất Bản Tân Dân, nhóm Tao Đàn Tạp Chí. Hoàn cảnh chính trị đặc biệt giai đoạn 1939-1945 tạo bản khoả, suy tư cho giới cầm bút và trí thức về vận mệnh đất nước. Khởi sự công việc sửa soạn lịch sử đưa đến ra đời ba nhóm văn học: Tri Tân, Thanh Nghị và Hàn Thuyên. Nhóm Tri Tân của Hoa Bằng

Hoàng Thúc Trâm qui tụ các nhà tân và cựu học, chuyên về biên khảo với chủ trương *ôn cố tri tân*, gây dựng lại những giá trị tinh thần cũ của ta. Nhóm Thanh Nghị của Vũ Đình Hòe chuyên về sáng tác, khảo cứu, và phê bình gồm các nhà trí thức khoa bảng xuất thân đại học Pháp, tiêu biểu cho giới tân học, trí thức trẻ chủ trương sử dụng những mẫu mực Tây Phương để soi đường và kích thích tiến bộ nhưng vẫn giữ vững cá tính Việt Nam. Nhóm Tân Văn Hóa Hàn Thuyên của Trương Tửu với chủ trương đi tìm một triết lý mới về nhân sinh có lợi ích thiết thực cho cuộc sống hiện tại của quốc dân Việt Nam. Nhóm qui tụ những nhà văn trẻ, trí thức nhiệt tình nhưng nhản quan chính trị khuynh tả cấp tiến của họ dễ bị ngộ nhận với duy vật sử quan của người Cộng Sản.

Thời Việt Nam Cộng Hoà, nhóm Sáng Tạo của Mai Thảo qui tụ các nhà văn trẻ, phát huy một nền nghệ thuật mới với tư tưởng và lối viết khác hẳn thời tiền chiến. Nhóm Bách Khoa với Võ Phiến và Nguyễn Hiến Lê làm được nhiệm vụ tìm tòi về các giá trị văn học cũ của ta và giới thiệu các trào lưu văn học mới của tây phương. Nhóm Đại Học với Nguyễn Văn Trung đáp ứng được khao khát triết lý thời đại và các vấn đề văn học.

16.

HỒ TRƯỜNG AN: Theo anh, những nhà làm văn hóa Việt Nam xuất sắc nhất có những ai? Xin cho biết tại sao họ lại được anh cho là xuất sắc?

TRẦN BÍCH SAN: Thưa anh, những nhà làm văn xuất sắc của Việt Nam thì có quá nhiều làm sao kể hết được. Câu hỏi của anh bao trùm từ khởi thủy đến hiện đại, thành thử chỉ xin nêu ra một vài người đã đóng góp lớn lao cho nền văn học Việt Nam. Nguyễn Du nâng lục bát lên đỉnh cao nhất của nghệ thuật thi ca. Hồ Xuân Hương tục nằm sau thanh bằng kỹ thuật ẩn dụ nghệ thuật. Tú Xương nâng cấp thi ca châm biếm. Trương Vĩnh Ký mở đường nền văn học Chữ Quốc Ngữ. Phạm Quỳnh đặt nền móng cho văn học cận đại. Trần Trọng Kim soạn sử bằng Chữ Quốc Ngữ chính xác và khoa học đầu tiên. Nhất Linh thổi một làn gió mới vào nền văn học, tạo căn bản lối viết trong sáng cho thế hệ sau. Vũ Ngọc Phan áp dụng phương pháp phê bình văn học tây phương trước nhất. Xuân Diệu thi sĩ cột trụ đem lại thắng lợi hoàn toàn cho phong trào thơ mới. Nguyễn Tuân có công đưa một bộ môn mới là tùy bút trở thành thế giá trong văn học. Mai Thảo đổi mới bộ mặt văn học Miền Nam sau tiền chiến.

17.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin cho biết anh kỳ vọng gì về nền văn học hải ngoại của chúng ta?

TRẦN BÍCH SAN: Ngày trước Nguyễn Văn Vĩnh nói: “*Nước Nam ta mai sau hay dở cũng ở như chữ quốc ngữ*”, tôi xin lặp lại lời người xưa: “*Văn học hải ngoại mai sau ra sao cũng ở như chữ quốc ngữ*”. Việc duy trì Chữ Quốc Ngữ ở hải ngoại là vấn đề sinh tử của văn học. Nếu những thế hệ kế tiếp chúng ta không biết đọc, biết viết thì làm

sao văn học có thể tồn tại? Mà ngay cả những người thế hệ sau có thể đọc được tiếng Việt đi nữa nhưng đâu còn ai sáng tác khi những người làm văn chúng ta đi vào lòng đất? Từ Lớp Võ Lòng Đến Tú Tài phải mất 13 năm chữ nghĩa thầy cô mới có thể hiểu được cái thâm thúy của tiếng Việt, nói chi tới chuyện làm văn chương!

Biết rằng cuối đường hầm không ánh sáng, biết rằng tương lai văn học hải ngoại là một tương lai bất hạnh, nhưng không phải vì thế mà chúng ta sẽ ngưng sáng tác. Chừng nào còn độc giả, người cầm bút còn phải viết. Đó là kỳ vọng, không phải chỉ của riêng tôi, mà là của chung những người làm văn chúng ta.

18.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh cho biết sự hình thành tác phẩm *Văn Khảo* của anh.

TRẦN BÍCH SAN: Năm 1987 tình cờ tôi được đọc một số bài viết soạn cho tin chỉ văn học Việt Nam của trường Đại Học Hoa Kỳ. Tác giả sử dụng tài liệu tham khảo do người ngoại quốc viết nên có nhiều sai lầm nghiêm trọng. Chẳng hạn như bài văn tế cá sấu viết bằng Chữ Nôm và Hàn Thuyên là người sáng tác ra Chữ Nôm. Chính những sai lầm của các tài liệu này đã gợi ý cho tôi viết những bài khảo cứu về văn học Việt Nam để có thể sử dụng như tài liệu căn bản trong việc giảng huấn cho những ai cần đến.

19.

HỒ TRƯỜNG AN: Anh đã đi diễn thuyết,

nói chuyện ở những đâu, trong dịp nào? Có kỷ niệm nào đáng ghi nhớ trong những lần đó không?

TRẦN BÍCH SAN: Nói chắc anh không tin, tôi ít đi diễn thuyết hay nói chuyện lắm. Chỉ có bốn lần. Một lần làm diễn giả chính trong dịp ra mắt phóng sự tiểu thuyết *Chợ Chôm Hổm* của Nguyễn Tường Phong, lần ra mắt sách chung với anh và anh Lưu Nguyễn Đạt, lần giới thiệu tuyển tập truyện ngắn *Một Thoáng Mây Bay* của Nguyễn Thị Ngọc Dung, và lần qua Pháp nói chuyện như anh đã biết. Nhờ lần nói chuyện ở Paris tôi gặp lại được vị hôn phối cũ và cháu Quân sau 28 năm xa cách kể từ khi Miền Nam sụp đổ. Cũng dịp này tôi gặp lại người cháu bên họ ngoại và cũng là bạn văn ở Sài Gòn là Lê Ngọc Quỳnh tức Từ Ngọc Lê, chủ trương tờ *Bạn Đường*, tiếng nói duy nhất của người Quốc Gia ở Pháp.

20.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh cho biết những dự tính tương lai về việc sáng tác của anh.

TRẦN BÍCH SAN: Thưa anh, tôi dự định cho xuất bản *Văn Khảo Tuyển Tập* vào cuối năm nay hoặc đầu 2008. Tôi cũng đang soạn từ hơn hai năm nay bộ *Văn Học Sử Việt Nam Hải Ngoại* để những công trình sáng tác của người cầm bút ở nước ngoài không bị mai một. Hiện đã phác thảo được một phần và tiếp tục sưu tập tài liệu cần thiết. Công trình quá lớn lao đối với tôi nên cần khoảng mười năm để hoàn tất. Nhưng anh cũng hiểu cho là dự tính là một chuyện, thực hiện

được còn tùy thuộc vào hai yếu tố thời giờ và sức khỏe nữa. Như anh đã biết, hiện tôi đang hợp tác với anh Lưu Nguyễn Đạt cùng một số các nhà trí thức trên khắp năm Châu tiếp tục xây dựng cơ sở nghiên cứu Tư Tưởng Việt đóng góp vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị tinh thần của dân tộc, đồng thời sửa soạn về đường tư tưởng một hướng đi có lợi ích cho Việt Nam trong tương lai.

21.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin chân thành cảm tạ anh đã dành thì giờ cho Hồ Trường An được dịp nói chuyện khá nhiều với anh về các vấn đề văn học.

TRẦN BÍCH SAN: Xin cảm ơn anh Hồ Trường An.

Trích trong *Giai Thoại Văn Chương*
của **HỒ TRƯỜNG AN** (Paris)



Cô Gái Với Đôi Hạt Trân Châu

HOÀNG DUNG

Một tối, xem một cuốn phim về đời sống bình dân của người “da đen”, phim chỉ có 1 sao rưỡi (1.5 stars). Thường thì bên Mỹ này họ đánh giá phim hay hay dở bằng thị hiếu của khán giả rồi cho điểm bằng những ngôi sao, thí dụ phim hay và ăn khách nhất là năm sao, khi thấy ít sao, có nghĩa là phim rất dở, nhưng cũng bắt chước cái thú của nhà đạo diễn phim “ET” là Steven Spielberg là thích xem phim dở, xem xem nó dở như thế nào.

Câu chuyện kể lại cuộc đời của một người đàn bà da đen còn rất trẻ, bà đã sống trong một cuộc sống đầy sa đọa, nghĩa là một cuộc sống có đầy đủ cần sa ma túy, giang hồ dĩ điếm, cướp của giết người... gì gì đều có xảy ra trong phim, người đàn bà có một đứa con gái nhỏ khoảng năm bảy tuổi gì đó và cuộc sống của bà sao gặp toàn những chuyện bất trắc. Xem phim rồi mới biết sao trên đời này lại có quá nhiều nỗi bất hạnh như thế chứ. Sinh ra và lớn lên trong một môi trường sô bồ vô trách nhiệm cho nên bà đã bỏ mặc đứa con gái bé bỏng để tự nó xoay sở sinh sống một mình trong một căn chung cư rách nát. Cũng may là có một người đàn ông da đen hàng xóm đồng tính luyện ái đã dòm chừng và chăm sóc cho đứa bé. Một hôm, đứa bé xin người đàn ông mua cho mình một cái bánh để mừng sinh nhật mẹ nó. Người đàn bà sa đọa cũng vì ngày sinh nhật của mình mà mò về thăm

con. Từ một nơi tối tăm nào đó bà đã mò về, người mẹ được đưa con gái tặng cho cái bánh sinh nhật và nói “mẹ hãy ước đi, ước đi...”. Người đàn bà đã nhắm chặt mắt lại và ước to lên rằng “I wish I never wish again”, tạm dịch “tôi ước rằng tôi chẳng bao giờ phải ước gì nữa”. Vậy nghĩa là gì?? Các bạn nghĩ sao?? Có phải bà ta đã ước rằng mình có tất cả những điều tốt đẹp nhất trên cõi đời này để khỏi phải ước muốn điều gì nữa? Hay là bà ta mong mình chết đi để khỏi phải khổ đau như đã từng quá đau khổ. Vậy thì ... tùy các bạn vậy...

Thôi chúng ta lại xem một cuốn phim khác vậy. Cuốn phim này tới ba sao lặn (3 stars), có vẻ hay đấy, tựa cuốn phim là “Girl With A Pearl Earring” của đạo diễn Peter Webber, phóng tác từ tác phẩm cùng tên của tác giả Tracy Chevalier.

Tracy tâm sự rằng một hôm đang nằm trên giường ngắm nghĩa bức tranh, trong đầu cô bỗng hiện ra cả một câu chuyện đằng sau bức tranh, cô vội nhồm dậy ghi xuống và ngày hôm nay chúng ta có một bộ phim để xem, thật là vô cùng thú vị phải không?

Phim nói tiếng Anh giọng Ảng Lê, hơi khó nghe nhưng không sao vì nội dung và hình ảnh đã đánh gục tôi. Câu chuyện xảy ra ở Delft bên Hòa Lan, từ năm 1665. Câu chuyện nói về một cô gái, con của một họa sĩ lỗi thời vì bàn tay phải đã bị tàn phế. Cô vì cảnh nhà nghèo khó cho nên phải đi làm thuê cho một gia đình giàu có, duyên nợ gì, mà cô lại làm thuê đúng cho gia đình của một danh họa. Ông có cái tên là Johannes Vermeer.

Thời đó dường như không có người mẫu, Vermeer đã phải dùng hình nộm để làm người mẫu. Màu sắc cũng rất khó tìm, phải tự pha chế. Rất khó khăn và rất lâu mới hoàn thành một tác phẩm, nhưng khi hoàn thành thì rất được giá vì các danh gia vọng tộc thời đó đua nhau làm dáng, phải mua tranh cho bằng được để chứng tỏ “ta đây...” Cũng vì thế mà Vermeer đã trở nên kiêu căng, khó tính, không ai được tới gần khi ông ta làm việc. Vermeer thường hay bần gắt vì không tìm được mảng màu mình muốn, không tìm ra góc ánh sáng mình cần. Không ai được trông thấy tác phẩm khi chưa hoàn thành.

Nhưng rồi ... cũng vì duyên nợ gì mà, cô gái đi làm thuê đó..., cô có một khuôn mặt vô cùng ngây thơ, với đôi mắt ngơ ngác đến tội nghiệp, đôi môi đầy hơi thô nhưng mái tóc nâu đỏ dợn sóng thì tuyệt đẹp lúc nào cũng được giấu kín trong cái khăn đội đầu dành cho kẻ ăn người ở, cô đã được phép vào phòng làm việc của nhà danh họa để dọn dẹp lau chùi những lúc ông vắng nhà. Một hôm Vermeer bất ngờ về đến, đúng lúc cô gái đang lau chùi cánh cửa sổ, ông la lên “đứng yên”. Tôi và ông đều nhận thấy rằng cô đang ở trong một tư thế vô cùng tuyệt đẹp. Hai cánh tay thon dài của cô, một dưới thấp đang vịn chặt lấy cánh cửa, một trên cao đang với lau chùi khung kính, nghe gọi cô quay đầu nhìn lại, ánh sáng ban mai đang rọi vào cô rực rỡ. Dáng vẻ, cảnh sắc làm ông xúc động mạnh, làm tôi cũng xúc động mạnh... Hình ảnh đó cứ quần quanh trong đầu ông, ông lay hoay với cái hình nộm, mãi mà sao vẫn không hài lòng, những gì ông phác họa xuống vẫn chưa vừa ý.

Phần cô gái thì vẫn cứ vào ra lau chùi

dọn dẹp. Có những lúc cô đứng sững trước bức tranh ông đang vẽ dở mà đáng lẽ không ai được nhìn... Bỗng ông xuất hiện sau lưng cô. Ông nhẹ nhàng hỏi cô “thấy sao?”. Cô từ tốn trả lời “thấy dường như thiếu cái gì nhưng không nói lên được, màu sắc chẳng? làm sao để biết thiếu màu gì?” Ông đưa cô đến bên cửa sổ, bảo cô hãy nhìn lên bầu trời xem có thấy gì không? Cô thấy “áng mây màu trắng, còn gì nữa, a thấy màu xám viền xung quanh áng mây, còn gì nữa, a màu xanh của bầu trời, và nhiều nữa... và nhiều nữa...”

Và cuối cùng thì ông quyết định cần phải dùng người thật làm người mẫu. Mà người mẫu đầu tiên của ông lại là một người thấp hèn nhất trong xã hội, như thế thì ai mà chấp nhận cho nổi, nhất là vợ ông, một người đàn bà thượng lưu, bà diên tiết lên là cái chắc... Nhưng không ngờ người ủng hộ ông lại là bà mẹ vợ, một người đàn bà có đầu óc kinh doanh ưu tú. Bà đánh hơi được có một người thượng lưu trong xã hội đã để mắt đến cô gái mặc dù cô đang ở trong một vai trò thấp hèn nhất, vai trò của một “con đòi”... Cô gái được phép một cách lén lút của bà mẹ vợ, được ra vào phòng vẽ, phụ giúp ông đi mua màu, pha màu, và làm người mẫu. Người vợ thì hoàn toàn không hay biết điều này.

Trong đôi mắt nghệ thuật của Vermeer, ông đã biến cô gái quê mùa thành một cái gì đó thật đặc biệt... Bức tranh vẽ chân dung một người con gái có một cách phục sức khác lạ trong thời đó, màu sắc cùng cách vắn khăn vô cùng ngoạn mục, cô ngồi trên chiếc ghế dựa, nghiêng người, ba phần tư khuôn mặt nhìn về phía ông... Ông ngắm nghía phác họa và cảm thấy dường như vẫn thiếu một cái gì... nghĩ mãi... nghĩ

mãi... cho nên chưa thể hoàn thành bức tranh như ý muốn được... Còn bà mẹ vợ thì nóng ruột hơn ai hết.

Một hôm ông ngồi nhìn vợ đang loay hoay trang điểm, ông bỗng trông thấy đôi bông tai bằng “trân châu” nổi bật trong chiếc hộp nữ trang, mắt ông sáng lên, nhồm dầy và cảm xúc dâng tràn. Bà mẹ vợ ngồi cạnh bắt ngay được cảm xúc của ông, và bà biết phải làm gì... Bà sắp xếp, chờ một ngày đẹp trời con gái bà vắng nhà, bà vội lấy đôi bông tai trân châu đưa cho Vermeer. Ông liền bảo cô gái hãy đeo vào. Nhưng cô chưa xỏ lỗ tai, con nhà bần cùng làm gì có chuyện xỏ lỗ tai, cô gồng mình bảo ông cứ cầm thẳng vào thịt, mặc cho máu ở trái tai rỉ ra... Sự đau đớn, sự đụng chạm khiến cô gái run lên... Vermeer cũng run lên... Nhưng.. nghệ thuật đã thắng, ông vội vã hoàn thành bức tranh “Girl With A Pearl Earring”...

Giữa giây phút đụng chạm của ông và của cô trong lúc vẽ tranh, cô gái lúc nào cũng cảm thấy mình run lên... và run lên... Sau đó cô thường chạy vội đi tìm người bạn trai của cô, người có cùng giai cấp, cùng trang lứa với cô. Cô ôm chầm lấy anh ta, ngấu nghiến và... để cho sức sống của cô tràn ra ngoài một cách... ồ ạt, khiến người bạn trai của cô lấy làm kinh ngạc.

Thế rồi cũng không tránh khỏi thị phi vì sự gần gũi của cô với nhà danh họa..nhưng đó chỉ là chuyện phụ... tôi chỉ chú tâm đến những cảnh trí mà đạo diễn đã cố tình thực hiện và trình bày cho chúng ta thưởng thức.

Khi bức tranh hoàn thành, chưa được phép, nhưng người vợ của Vermeer đã cảm thấy được có điều gì khác lạ nên nhất định

mở ra xem, để rồi hốt hoảng... để rồi khóc thét... để rồi... “tại sao không phải là tôi... tại sao lại là nó... trời ơi đôi bông tai trân châu của tôi” ... để rồi cô gái bị tống ra khỏi cửa. Trước khi rời khỏi, cô muốn lên từ giã Vermeer, từ giã người làm cho cô run lên... làm cho cô run lên... nhưng tới bên cửa thì cô ngần ngại không dám vào, cô ngừng ở đó. Dáng vẻ ngập ngừng, với góc cạnh, với ánh sáng, đạo diễn đã “pose” một dáng vẻ vô cùng tuyệt đẹp, làm tôi không thể nào không thốt lên “trời ơi đẹp quá”.

Rồi cô gái bị trả lại nhà, nơi có người cha là họa sĩ lỗi thời bị tàn phế. Một hôm có một người mang lại cho cô một gói quà được gói vội vàng trong một mảnh vải, cô mở ra là đôi bông tai với hạt trân châu rạng ngời mà cô đã từng đeo...

Bức tranh hiện đang ở đâu đó, trong một viện bảo tàng nào đó...

Hoàng Dung

Virginia 07/24/2010



CD **VUI SÂU THƯƠNG NHỚ**

tiếng hát

Trịnh Thanh Thủy

Liên lạc: **Trịnh Thanh Thủy**

1605 Lagoon Road
Lake Land, Fl. 33803

Thơ Trời Đất Không Bao Giờ Chết

Leigh Hunt và John Keats

Hai bài thơ về con cào cào và con đế mèn

Biên khảo và dịch của

PHẠM TRỌNG LỆ

Thomas E. Sanders, trong cuốn *The Discovery of Poetry*, trang 201, kể một câu chuyện văn chương rằng nhà thơ và phê bình văn chương người Anh, Leigh Hunt (1784-1859), trong một buổi tối tháng chạp, tới thăm người bạn thơ trẻ hơn mình 11 tuổi là John Keats (1795-1821) và hai người cùng vui miệng đồ nhau: từ tối đến sáng mỗi người phải làm xong một bài sonnet theo thể thơ Petrarch. Thể thơ Petrarch bắt nguồn từ Ý gồm hai phần, phần đầu tám câu gọi là octave và phần sau 6 câu gọi là sestet. Hai người chọn đề tài rất thường là con cào cào và con đế mèn.

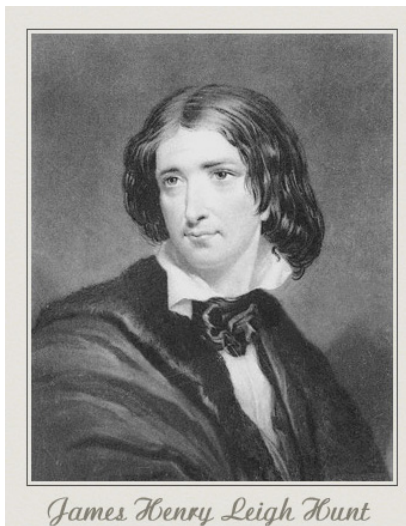
Theo nhà hiền triết Plato kể lại (trong *Phaedrus*, 259) thì Socrates nói rằng, ngày xưa những con cào cào là người, ra đời trước khi có các nàng thần thơ. Khi các

nàng thi thần (muses) sinh ra và có bài ca rồi thì các nàng mê hát quá đến nỗi quên ăn, đói là mà chết. Sau khi chết, hồn nhập vào những con cào cào. Thi sĩ cũng như con cào cào, được gọi là “nhà thơ nơi đồng ngô,” đem tài năng thiên phú ca ngợi vẻ đẹp cho người đời, trước khi chết.

Theo Sanders thì Keats làm xong bài sonnet trước. Sau đây là hai bài thơ, bài dịch nguyên văn, và bài dịch bài của Keats sang văn vần.

A. Bài của Hunt:
gieo vắn theo mẫu
sau đây: abba
abba cdcddc.

Bổ cục: tám câu đầu nói về hai con đế mèn và cào cào; đoạn hai (sáu câu cuối) phê bình về hai con côn trùng này. Lời thơ của Hunt nghiêm trang, nhân cách hóa hai con côn trùng. Một ẩn dụ đẹp: “chộp đúng những giây phút yên lặng vui tươi khi chúng qua.” Phần sau là ý riêng của thi sĩ: “Cả hai được gửi xuống đời này để ca cho những ai biết thưởng thức một bài ca về niềm vui.”



B. Bài của Keats: gieo vần theo mẫu sau đây: abba abba cdecde. Nhận xét: trong bài thơ của Keats, chữ “mead” (nghĩa cỏ của chữ “meadow” (bãi cỏ non), đọc với âm /i/, không vần với chữ “dead” (chết), đọc với âm /e/, tuy phần “ead” trông giống nhau. Đây là một phá lệ của Keats, thiên tài về thơ. Khác với Hunt, Keats không triết lý hóa hai con côn trùng (“Cả hai được gửi xuống đời này để ca bài ca về niềm vui”); ngược lại, Keats dùng hai câu nghe tưởng rất tầm thường mà ngụ ý nhiều: “The poetry of earth is never dead” (Thơ trời đất không bao giờ chết), và “The poetry of earth is ceasing never” (Thơ trời đất không bao giờ ngừng). Và đó cũng là triết lý về thơ của ông. Theo Keats, người làm thơ cứ ca tụng cái đẹp một cách chân thành, đừng thêm ý kiến riêng vào nghệ thuật; như vậy là đủ. Bài thơ nổi tiếng nhất của ông, “Ode on the Grecian Urn” (“Bài ca về chiếc bình đựng di cốt Hy Lạp”) ông làm vào tháng năm, năm 1819, lúc 24 tuổi, ngồi trong Bảo tàng viện British Museum ở London, ngắm những bức tượng và bình bằng cẩm thạch (marble). Trên thành bình có vẽ cảnh một đám người đi dự lễ, các chàng trai đuổi theo các cô gái, nhã nhạc vang lừng. Ông viết:

“*Heard melodies are sweet, but those unheard/Are sweeter...*” ngụ ý những khúc nhạc âm nín của những thiếu nữ vẽ trên thành bình, đối với nghệ sĩ biết thưởng thức thì còn du dương hơn nhạc thực ta nghe

ngoài đời. Ông muốn cô đọng nghệ thuật để vươn tới miền vĩnh cửu. Đoạn cuối bài thơ trên có hai câu tóm tắt quan niệm thi ca của ông:

Beauty is truth, truth beauty – that is all
Ye know on earth, and all ye need to know.

(Nguyên văn: Mỹ là chân, chân là Mỹ - Đó là tất cả những điều bạn biết trên đời này, và bạn chỉ cần biết bấy nhiêu thôi.)

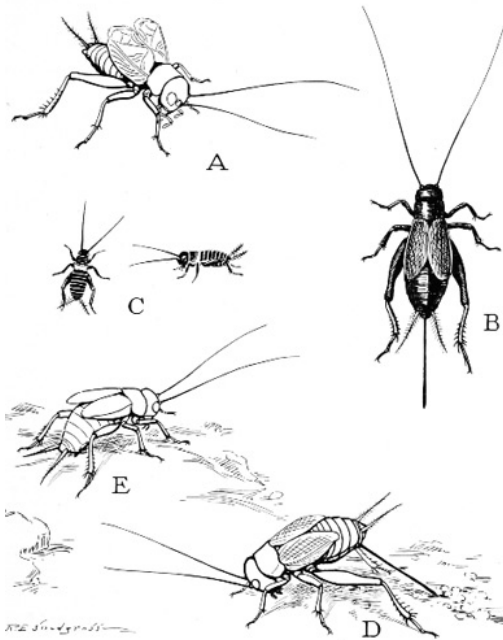
Hỏi tìm Chân Mỹ nơi đâu
Mỹ = Chân, Chân = Mỹ, lọ cầu nơi nao!



Sau này hậu thế đọc lại vẫn nhớ hai câu bắt hủ trên của John Keats, một nhà thơ viết tiếng Anh nổi tiếng nhất thế kỷ 19. Cũng tả hai con côn trùng nơi đồng quê mà bài của Keats được coi như hay hơn của Hunt vì giọng thơ thành thực, chữ dùng gợi cảm, và đầy nhạc điệu. Tiếc thay, đa tài mà mệnh yếu, Keats bị lao phổi mất sớm vào tháng hai, năm 1821 tại Rome, năm đó mới 25 tuổi.

- To the Grasshopper and the Cricket

Green little vaulter in the sunny grass
Catching your heart up at the feel of June
Sole voice that's heard amidst the lazy noon,
When ev'n the bees lag at the summoning brass;
And you, warm little housekeeper, who class
With those who think the candles come too soon,
Loving the fire, and with your t



[Picture 3: the grasshopper: cào cào;
picture 4: the cricket: dế mèn]

Giọng ca độc nhất nghe thấy trong buổi
trưa hè uể oải
Khi ngay cả những con ong cũng chậm trễ
khi tiếng công gọi về
Và người, người coi nhà nhỏ bé thân mật,
người được xếp cùng loại
Với những loài côn trùng coi ánh nền chiếu
sớm quá,
Ưa ánh lửa, và với điệu ca nghịch ngợm
của người
Chộp đúng những phút yên lặng vui tươi
khi chúng qua
Ôi, hai con côn trùng cùng họ nhỏ bé dịu
hiền ơi, các người
Con thì ở ngoài đồng nội, con thì ở gần lò
sưởi trong nhà.
Cả hai đều hưởng ánh mặt trời; cả hai, tuy
nhỏ bé, nhưng thật mạnh
Trong tâm hồn trong sáng của các người;
và cả hai được gửi xuống đời này
Để ca cho những ai biết thưởng thức bài ca
hồn nhiên này –
Trong nhà và ngoài đồng – mùa hè và mùa
đông – ca khúc về niềm vui vậy.

ricksome tune

Nick the glad silent moments as they pass;
Oh, sweet and tiny cousins, that belong,

One to the fields, the other to the hearth.
Both have your sunshine; both, though
small, are strong

At your clear hearts; and both were sent
on earth

To sing in thoughtful ears this natural song—

Indoors and out—summer and winter—Mirth

Leigh Hunt

- Dịch nguyên văn:

Bài thơ ca ngợi con cào cào và con dế mèn
Chú nhỏ nhảy cao màu xanh trong thảm cỏ
đầy ánh nắng mặt trời
Vườn hồn mình lên với nguồn cảm hứng
của tháng Sáu

- On the Grasshopper and the Cricket

The poetry of earth is never dead:

When all the birds are faint with the hot sun.

And hide in cooling trees, a voice will run
From hedge to hedge about the new-mown mead;
That is the Grasshopper's--he takes the lead

In summer luxury--he has never done

With his delight; for when tired out with fun,

He rests at ease beneath some pleasant weed.

The poetry of earth is ceasing never:

On a lone winter evening, when the frost

Has wrought a silence, from the stove
there shrills

The Cricket's song, in warmth increasing ever,

And seems to one in drowsiness half lost,

The Grasshopper's among some grassy hills.

John Keats

- Dịch nguyên văn:

Cào cào và đé mèn

hơ của trái đất không bao giờ chết:

Khi tất cả chim chóc lá đi vì trời nóng.

Và ẩn trong tàn cây mát, thì một giọng sẽ
trỗi lên

Từ hàng giậu này đến hàng giậu khác gần
thảm cỏ vừa mới cắt;

Đó là tiếng kêu của con cào cào—nó cất
giọng đầu

Trong vẻ xanh tươi của mùa hè—nó chưa
bao giờ làm vậy

Với niềm vui như thế; vì khi vui chơi mệt rồi,

Nó thành thói nghỉ dưới lớp cỏ êm dịu.

Thơ của trái đất không bao giờ ngừng:

Vào buổi tối mùa đông hiu-quạnh, khi
sương giá

Làm cảnh vật im lặng, thì từ lò sưởi kia trỗi
lên lạnh lạnh

Tiếng đé kêu, mỗi lúc một thêm nồng ấm,

Và hình như đối với kẻ nửa say nửa tỉnh,

Tiếng con cào cào như lạc đi trong mây
ngọn đồi xanh.

(P.T.L. dịch)

- Dịch sang văn vần:

Cào cào và đé mèn

Thơ trời đất không bao giờ chết,

Khi oi nóng chim chóc ú-ê

Tàn cây râm mát chiều quê,

Nơi chim ẩn náu, vang về giọng ca.

Từ thảm cỏ mượt qua hàng giậu,

Chú cào cào trỗi giọng đầu tiên

Mùa hè cây cỏ hồn nhiên,

Cào cào lên giọng chia niềm vui tươi.

Ca cho thoá, cho đời thích chí

Rồi thành thói nghỉ dưới cỏ mềm.

Thơ trong trời đất triền miên,

Mùa đông hiu quạnh, màn đêm lạnh lùng.

Khi sương giá bốn vùng yên lặng

Cảnh vật đương yên ắng đợi chờ,

Góc tường lò sưởi ấm kia,

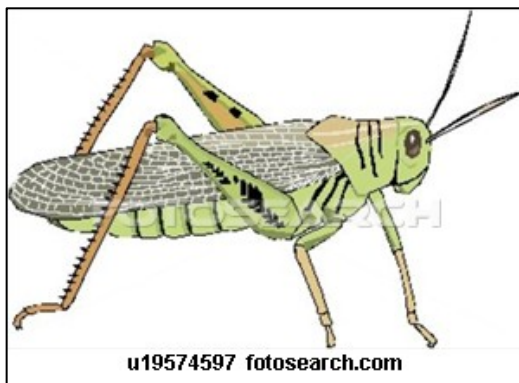
Vút lên thành thót tiếng to đé mèn.

Như quuyến dũ kẻ chìm trong mộng,

Tiếng đé kêu trầm bổng nồng nàn.

Trên đồi cỏ mọc xanh rền,

Vẳng nghe tiếng nhạc thiên nhiên cào cào.



Phạm Trọng Lệ

dịch

Sách tham khảo:

-Thomas E, Sanders. THE DISCOVERY OF POETRY. Glenview. IL:

Scott, Foresman and Company, 1967, pp. 201-202.

- M. H. Abrams, et al. THE NORTON ANTHOLOGY OF ENGLISH

LITERATURE. Vol. 2. New York: W.W. Norton & Company, 1968.

Leigh Hunt from p. 595+; Keats from p. 598+.

(Viết xong tại Virginia 7/18/93; sửa lại 5/25/10)

HẠT BỤI TRONG TIM

Tiểu Thu

Hơn nửa đời người đã trôi qua, có biết bao vật đổi sao dời. Thế mà mỗi lần nhớ về người cha khuất bóng, Hằng lại se sắt buồn. Hai hàng nước mắt cứ chực lã chã rơi. Một thứ tình cảm trái ngược luôn xung đột, xâu xé trong tim Hằng. Thương hay giận cha? Có lẽ cả hai.

Những kỷ niệm xa nhất mà nàng có thể nhớ được về ông, có lẽ chừng như năm sáu tuổi gì đó. Lúc ấy ba mẹ và Hằng ở chung trong ngôi nhà nền đúc đồ sộ của ông bà nội, cách thị xã Sa Đéc vài cây số. Anh Tâm trợ học nhà bác Phú là anh họ của ba trên Sài Gòn. Trong trí nhớ khá nhạt nhòa của nàng, ông nội là một ông già quắc thước, cao lớn. Tiếng nói sang sảng, nét mặt nghiêm nghị khiến ai cũng phải nể nang. Trên đầu ông lúc nào cũng đội một chiếc mũ len đen, màu nâu giống như mũ của ông Hòa Thượng ở chùa gì đó quên mất tên rồi. Thình thoảng Hằng thấy Hòa Thượng đến thăm ông nội. Hai ông trò chuyện rất tương đắc trong phòng riêng của ông nội. Ngồi trên tấm nệm mỏng, mỗi ông dựa tay trên một chiếc gối hình chữ nhật, rất cứng và áo gối màu đỏ thêu rồng phụng, chim chóc, đính hạt cườm lấp lánh đẹp rực rỡ. Lũ nhỏ bị cấm bên măng vô phòng ông nội, trừ Hằng. Vì ông cưng Hằng đặc biệt, đứa cháu nội gái duy nhất của ông. Sau này theo lời kể của những người trong họ, Hằng biết ông nội là một mẫu người thông minh tuyệt vời. Tấm lòng lại nhân đức. Bà nội chắc cũng chỉ khoảng năm mươi, nét đẹp lúc xuân thì chưa phai, nhưng mái tóc bạc trắng, búi

thành một búi rất đẹp sau ót. Bà hay la rầy con cháu. Trong ký ức, Hằng chưa bao giờ được nghe bà nói một lời dịu dàng âu yếm.

Hằng còn nhớ cái tủ bằng gỗ trong nhà bếp đựng đầy những thố mạch nha. Mạch nha bà nội nấu vàng óng như hồ phách, thơm ngọt tuyệt vời. Nhưng trong đại gia đình đông người, bà phải khóa tủ bằng ống khóa và chiếc chìa khóa quý giá bà giữ khư khư trong túi áo! Thình thoảng bà nội mới kêu mẹ Hằng hoặc cô Bích nướng bánh phồng. Những chiếc bánh phồng khéo léo mà mẹ và cô Bích quét vào dịp Tết, được bà tự tay phết lên một lượt mạch nha vàng óng ánh trước đôi mắt thèm thỗng của lũ trẻ. Ngoài gia đình Hằng còn có gia đình cô Bích là em gái của ba. Cô góa chồng và đem ba đứa con về ở chung với ông bà nội. Ba đứa con của cô cũng sần sần tuổi Hằng, nhưng là ba thằng con trai nên nghịch ngợm như giặc. Bà nội phát cho mỗi đứa một miếng bánh phồng quét mạch nha to bằng bàn tay người lớn. Hằng nhắm mắt nhớ lại cái cảm giác cắn miếng bánh phồng dòn tan, hương vị ngọt ngào của mạch nha tan trên đầu lưỡi. Tuyệt vời không gì có thể sánh bằng! Món thứ nhì bà nội hay làm là bánh lọt lá dứa màu xanh biếc như ngọc, chan nước đường và nước cốt dừa. Thình thoảng cũng có bánh đúc lá dứa chấm nước đường thắng kẹo quánh róc mè rang thơm phức.

Bà nội nghiêm khắc với tất cả mọi người. Đặc biệt là với mẹ Hằng. Bà soi mói từng chút. Hình như bà không ưa mẹ vì cho rằng mẹ theo tây học. Văn minh quá! Nghĩ cũng bất công. Ba học Trường Chasseloup Laubat, nói tiếng tây như gió. Cô Bích cũng học Trường Áo Tím. Đôi khi Hằng bắt gặp cô nói tiếng tây với ba

mà bà nội có nói gì đâu. Nhưng dù sao cô cũng là con gái bà nội và mẹ là con dâu. Đương nhiên không giống nhau!

Vì bé quá nên Hằng không biết giữa ba mẹ có chuyện gì, hoặc giữa bà nội và mẹ có chuyện gì. Một buổi chiều ba dắt Hằng ra con lộ sau nhà. Con lộ cách nhà độ hai, ba trăm thước. Một vườn cây trái sum suê ngăn ngôi nhà và con lộ. Phía sau con lộ là cánh đồng trải dài vô tận trong xa, tận lũy tre xanh xanh của Làng Mỹ Long. Hằng còn nhớ lúc đó là mùa nước. Những cây lúa vươn lên khỏi mặt nước, rập rờn theo cơn gió chiều mát rượi. Một hàng dài những chiếc xuồng ba lá bơi theo con kinh, về hướng Làng Mỹ Long trong đồng sâu. Ba nói họ đi câu tôm. Hằng líu lo hỏi ba đủ thứ chuyện. Nhưng hôm nay ông có vẻ trầm ngâm, thỉnh thoảng mới ừ hừ. Hằng còn đang dõi mắt nhìn theo cánh cò trắng bay la đà về hướng mặt trời lặn xa xa, bỗng ba nắm tay Hằng bóp mạnh, giọng buồn có nảo nuột:

-Mẹ bỏ cha con mình đi mất rồi Hằng ơi!

Hằng ngây thơ nói với ba:

-Hôm qua mẹ nói về thăm ngoại bệnh mà ba.

Ba trả lời, mắt vẫn dõi về cõi vô tận nào:

-Mẹ không về nhà ông bà ngoại.

Lúc đó Hằng mới òa lên khóc. Ba ôm con gái vào lòng dỗ dành:

-Không sao đâu. Ba con mình sẽ đi tìm mẹ về.

Đêm đó Hằng ngủ với ba. Hình như trong mơ con bé vẫn khóc thút thít vì nhớ mẹ. Ba trần trọc ôm con gái xoa lưng vỗ về.

Hai hôm sau ba thu xếp dẫn Hằng lên Sài Gòn. Hai cha con ở nhà Bác Phú. Không hiểu sao ký ức của Hằng rất mờ mờ trong khoảng thời gian này. Con bé không nhớ ba đã dẫn đi những đâu để tìm mẹ. Lâu lắm sau này, tình cờ nhìn thấy trong album, tấm hình hai cha con chụp ở Sở Thú. Ba mặc đồ tây, tóc hớt cao, nét mặt buồn rười rượi. Con bé Hằng nhỏ xíu ngồi bên cạnh, mặt cũng đầy nét u

hoài. Hằng nhìn tấm ảnh, lòng se thắt và tự hỏi tại sao buồn vậy mà ông già còn hứng thú chụp hình?!

Cuối cùng không hiểu nhờ phép lạ nào mà ba cũng tìm được mẹ và hai người dắt con gái trở về Sa Đéc. Hằng gặp lại mẹ vui như Tết và tiếp tục sống cuộc đời vô tư lự như chưa hề có chuyện gì xảy ra. Bắt đầu từ đó ông nội cho ba mẹ cất nhà ra riêng. Nhưng cũng chỉ cách nhau một mảnh vườn trồng cam, chanh, bưởi và vài cây soài cát. Mẹ thoát cảnh làm dâu và không còn nghe những lời chỉ chiết của bà nội nữa nên vui vẻ hơn nhiều. Bà xin ba mở một tiệm tạp hoá dưới chợ. Mẹ lúc còn con gái là một người đẹp nổi tiếng. Bà lại có học, thông minh, có tài ăn nói và có khiếu văn chương. Lớn lên Hằng nghe mẹ đọc thuộc lâu lâu Cung Oán Ngâm Khúc, Lục Vân Tiên...và thơ Nguyễn Bính thì bà thích đặc biệt. Ngược lại ba không phải là người sành văn thơ. Trước đây ông làm ở sở lúa gạo, nhưng sau này giúp ông nội trông coi ruộng đất. Đến mùa thu lúa ruộng, có khi đi tận trong đồng xa hàng tháng mới về.

Nhờ có duyên buôn bán nên cửa hàng của mẹ rất đông khách. Lớn hơn, Hằng đã biết ra cửa hàng giúp mẹ chút đỉnh. Ngoài mẹ ra còn có chị Mai, cháu họ xa bên mẹ giúp việc, trông nom cửa hàng mỗi khi mẹ có công chuyện đi đây đi đó.

Sáng thứ bảy đó Hằng ra tiệm với mẹ. Khoảng trưa trưa vắng khách, mẹ dặn chị Mai và Hằng coi tiệm mẹ đi khui hụi. Hằng đang kể cho chị Mai nghe những chuyện trong lớp của Hằng, thì một người đàn ông bước vào. Ông ta nhìn dáo dáo rồi hỏi chị Mai:

-Ừa, bà chủ không có đây sao cháu?

-Dạ, cô Tư mắc đi khui hụi. Mai trả lời ông ta.

-Lúc nào bà ấy về? Giọng ông ta có vẻ băn khoăn.

-Dạ cháu không biết.

Ông này đứng tần ngần một lúc rồi nói:

-Chùng bà chủ về nhớ nói có ông Nam đến nhé.

-Dạ, cháu sẽ nói với cô Tư. Chị Mai trả lời và nhìn ông ta chăm chăm. Người đàn ông có vẻ hơi ngượng ngập vội đi ra. Chị Mai nhìn theo ông ta rồi thì thầm với Hằng:

-Ông này kỳ ghê.

-Kỳ sao hả chị? Hằng ngây thơ hỏi.

-Thì cứ hai ba ngày là tới đây một lần. Nhiều khi có mua thứ gì đâu. Hỏi vợ vẫn vài câu. Mà coi bộ ông tới đây để gặp mặt cô Tư mà thôi.

- Gặp mặt mẹ em chi vậy hả chị?

Chị Mai tặc lưỡi:

-Thì làm sao chị biết được. Chị chỉ thấy ông kỳ kỳ!

Lúc mẹ về, Hằng láu táu nói có ông Nam tới kiểm mẹ. Mẹ thoáng có chút bối rối:

-À, ông Nam làm ở Toà Án Vĩnh Long. Mà ông này kỳ thiệt, cứ đến làm phiền người ta. Tuy là phàn nàn, nhưng Hằng cảm thấy giọng mẹ không có chút gì bực bội. Hằng không thể ngờ rằng bắt đầu từ giờ phút này, từ người đàn ông có nước da bánh mật, mái tóc dợn sóng và giọng nói ngọt ngào, nhưng không phải gốc Nam kỳ này, đã bắt đầu cho những cơn sóng ngầm mang phong ba bão táp tới cho gia đình nàng.

Ba Hằng đẹp trai, con chủ điền và có uy quyền với những người tá điền mướn đất ông nội. Những lần theo ghe đi góp lúa ruộng, họ đã tổ chức cho ông biết bao nhiêu buổi nhậu. Trong đồng sâu thiếu gì tôm cá, rắn rùa... Kể cả những đứa con gái tươi mơn mớn thơm mùi hương đồng cỏ nội. Ba cứ hưởng thụ thoải mái. Cho đến khi Hằng có một đứa em cùng cha khác mẹ bắt đấng dĩ thì ba mẹ bắt đầu cắn đắng. Những lần cãi nhau âm ỉ đưa đến xô xát khiến con bé sợ hãi khóc như mưa. Sau cùng ông nội bắt ba phải lên trụ luôn trên Sài Gòn. Ba phụ coi xưởng gỗ của Bác Phú. Mẹ vẫn ở Sa Đéc và Ông Nam vẫn đến thăm

mẹ đều đều mỗi tuần. Có khi mang sách báo đến cho mẹ đọc và mang quà cho Hằng. Thật là hai tâm hồn đồng điệu. Cùng yêu thích văn chương thơ phú. Đôi khi mẹ giữ ông ta ở lại dùng cơm trưa. Phải công nhận rằng ông ta có giọng nói rất quyến rũ. Điều kỳ lạ là ông ta vẫn còn độc thân. Nhưng làm sao biết được. Quê ông ta tận ngoài Nha Trang xa lắc xa lơ!

Ba thường về thăm ông bà nội và hai mẹ con. Một lần, ba từ Sài Gòn về thẳng ngoài tiệm. Gặp Ông Nam ở đây, thế là ba đào dạy sóng. Có thể những buổi gặp gỡ giữa mẹ và Ông Nam đã đến tai ba nên mới ra nông nổi. Đàn ông có quyền năm thê bảy thiếp, nhưng luân lý Khổng Mạnh vẫn bắt đàn bà giữ tam tòng tứ đức. Bây giờ nghĩ lại, Hằng chắc chắn giữa mẹ và Ông Nam không có chuyện yêu đương phạm tục. Hai người chỉ là bạn tương đắc về văn chương. Nhưng hồi ôi, ngày đó, những người đàn bà có chồng được quyền tự do hành động như vậy chăng? Ngán lần không!

Ba bắt mẹ phải sang tiệm để lên Sài Gòn sống với ba. Cộng thêm tiền sang căn tiệm dưới Sa Đéc, ông bà mua một căn nhà khang trang gần chợ Thị Nghè. Vốn là người quen buôn bán. Ở không bút rứt chịu không nổi, mẹ lại mở tiệm bán gạo, than, củi. Mẹ về quê đem chị Mai lên giúp việc như xưa. Hằng học trường Tiểu học Thị Nghè. Hằng ngày đi về với chị Út Kim con của bác Phú. Ba cưng Hằng hơn anh Tú. Có lẽ vì Hằng là con gái Út rượu của ba! Anh hơn Hằng cả mười tuổi, vì giữa hai đứa mẹ có hư thai một lần. Sau khi sinh Hằng thì ngưng đẻ luôn. Cũng tốt vì mẹ vẫn không thích con đông.

Gần ngày đi học, ba chở con bé tới tiệm bán văn phòng phẩm mua tập vở. Hằng làm sao quên được nàng đã đòi nàng nặc ba phải mua mấy tờ giấy bao vở màu hồng trong suốt, có in hình cô Công Chúa Bạch Tuyết và chiếc cặp bằng da màu vàng nâu. Ba mua về

Năm Nào

Em Cài Thu Lên Tóc

*Nhớ năm nào em cài thu lên tóc
Lá đỏ vàng sương ướt đẫm lối đi
Tay trong tay, đỡ bồng lên má ngọc
Mất mơ màng, em ngọt lịm bờ mi.*

*Khung cửa sổ trường xưa em cúi mặt
Nỗi ngậm ngùi gờn gợn lá me bay
Thu đang đến nghe tên chùng quên lãng
Heo may về nâng nhẹ dấu phôi phai...*

*Làn khói tím nghiêng nghiêng ngã bóng dài
Thu hiu hắng gió lan vừa hé nụ
Giọng hát buồn, tiếng lục huyền ngái ngủ
Kỷ niệm nào như gọi giấc mơ xưa.*

*Tình thu sâu òm ấp mối âm thừa
Chiều lặng gió, hàng cây sương pha muối
Người em nhớ hồn hoang sơ nắng bụi
Hẹn một ngày ta lại gặp trong mơ.*

*Còn bài thơ anh viết tự bao giờ
Gửi em đó, những mảnh nắng cay đắng
Chuyến đò xưa chở ân tình quá nặng
Lá thu sầu đốt cháy vết thương đau...*

(VA, vào thu năm 2005).

Bùi Thanh Tiên

cậm cụi bực hết tập vở cho con gái. Ông vui ra mặt. Rồi hè năm đó ba dẫn Hằng đi... uốn

tóc! Người thợ uốn làm sao mà khi xong rồi, mái tóc con bé xoắn tít như lông chó xồm. Trên đường về, Hằng giận dữ, khóc thút thít bắt đền ba khiến ông bối rối không biết phải làm sao, đành dẫn con gái đi ăn một châu hủ tíu mỹ ngon thật là ngon Hằng mới hết giận!

Nhớ tới đây ruột gan Hằng quặn đau. Ba ơi ba, con thương ba nhiều biết chừng nào. Ba tha lỗi cho những lần con vô tình làm ba buồn nghe ba. Con gái ba đang khóc vì nhớ ba đây!...

Tuổi trẻ vô tư. Ăn, học và ngủ. Hằng cũng vậy. Trong lớp con bé đã quen được nhiều bạn mới. Con Quỳnh da trắng bóc, tóc cắt bum bệ. Đôi môi nó đỏ thắm, nhỏ xíu như một nụ hồng. Con Nga mặt đầy tàn nhang, tóc dài cột đuôi ngựa nè. Nhỏ này hay nói xấu con Quỳnh sau lưng. Chắc tại nó tức vì con Quỳnh xinh và học giỏi hơn nó! Chao ôi, mới nứt mắt đã bày trò ganh ghét nhau. Hèn nào trong xã hội người lớn, họ dùng tất cả mọi thủ đoạn để hèn để giết hại, hạ bệ... nhau cứ đây rầy ra! Con Cẩm Yên miệng móm mà có đồng tiền trên má thật là xinh nè... Riêng đám con trai thì Hằng sợ lắm, chưa quen đứa nào.

Rồi chẳng hiểu vì cớ gì những cuộc cãi vã của ba mẹ bắt đầu trở lại. Ban ngày ba đi làm, mẹ mắc buồn bán nên không có gì, nhưng nhiều đêm đang ngủ, Hằng giật mình thức giấc vì tiếng cãi vã khá lớn của ba mẹ khiến con bé sợ xanh mặt. Mấy ngày sau chị Mai nói riêng cho Hằng biết ba gập lá thư Ông Nam gửi cho mẹ. Không hiểu làm thế nào mà ông ta biết được địa chỉ trên Sài Gòn. Tuy mẹ cô giải thích nhưng ba vẫn giận dữ, cho là mẹ có tình ý với Ông Nam. Hằng còn nhỏ quá để có thể hiểu được những khúc mắc của người lớn. Nhưng không khí trong nhà bắt đầu khó thở. Ba không còn pha trò vui vẻ như xưa. Trái lại mặt mày cau có làm anh Tú cũng sợ. Cơm nước xong là anh rút vô phòng. Thấy ba mẹ buồn Hằng cũng buồn

lắm. Con bé cảm thấy đến trường chơi với bạn vui hơn là ở nhà, cho nên nhiều hôm sau giờ học Hằng xin mẹ đến nhà con Cẩm Yến chơi. Nhà nó cách nhà Hằng độ năm phút đi bộ mà thôi. Chị Cẩm Hạnh của nó cũng thương Hằng lắm. Chị hay mua quà cho hai đứa ăn chung. Đôi khi Hằng ao ước, thay vì anh Tú, phải chỉ có một bà chị như chị Cẩm Hạnh thì hay biết mấy! Chị Mai cũng thương Hằng, nhưng chị đâu phải chị ruột. Hơn nữa chị xấu xí, quê mùa chứ đâu có đẹp đẽ, thơm tho, điệu đà như chị Cẩm Hạnh!

Có lẽ mẹ đã yêu cầu ông Nam đừng tìm cách liên lạc với mẹ nữa nên sau đó ba mẹ lại bắt tay hòa bình! Anh Tú và Hằng thờ phào nhẹ nhõm. Ba tiếp tục dẫn cả nhà đi ăn tiệm cuối tuần. Có lần ba dẫn mọi người, kể cả chị Mai, đi xem cinéma. Phim Tarzan đóng khổ da thú, vừa đu dây vừa hú vang cả rừng, còn Hằng sợ quá nắm tay ba thật chặt.

Hai năm êm đềm trôi qua. Một hôm mẹ nhận được điện tín của cô Bích kêu ba về Sa Đéc gấp. Ông nội bị trúng gió, bây giờ nằm một chỗ không đi lại được. Ba vội vàng thu xếp về quê ngay sáng hôm sau. Ông nội đang đi thăm ruộng. Lúc đó đang là mùa gặt lúa, thì trúng gió té ngoài đồng, tá điền khiêng ông về nhà. Bắt đầu từ lúc đó ông bị liệt nửa người.

Cô Bích chỉ có thể giúp bà nội việc nhà, nên ba phải về ở luôn, hay ít ra trong thời gian ông nội bệnh, trông coi việc gặt và thu lúa ruộng. Mẹ, anh Tú và Hằng vẫn ở Sài Gòn. Ba về dưới quê một thời gian thì bốn củ soạn lại và bắt đầu nghiện rượu nặng. Con sâu rượu tàn phá người ông lạ không ngờ. Trước đây ở Sài Gòn, mỗi ngày mẹ Hằng bắt ông chỉ được uống rượu khi ăn cơm. Lúc đi làm ông có lên uống không thì chẳng ai hay. Nhưng bây giờ ở một mình trong căn nhà rộng, không vợ con bên cạnh. Nhất là không ai cấm cản nên ông uống tha hồ, uống thỏa

thích. Hè năm đó Hằng về Sa Đéc, con bé hết hồn khi gặp lại ba. Không ngờ chỉ có mấy tháng mà ông thay đổi nhiều đến vậy! Người ba vốn cao bây giờ càng khẳng khiu. Con bé xót xa cần nhẩn sao ba uống nhiều, ba ôm nhom thì ông tặc lưỡi nói ba không sao thật mà. Cô Bích nói ba cháu chỉ thích uống rượu chứ không thích ăn cơm! Bà nội rầy ba cũng làm ngo...

Ông nội có bình phục chút đỉnh nhưng vẫn không đi lại được. Vậy là ba đành phải ở lại Sa Đéc. Công chuyện làm ăn của mẹ không tiến triển chút nào. Nhân dịp cô dưỡng Bảy Vinh có xe hàng đi đường Sài Gòn -Pleiku, về nói nơi này làm ăn phát đạt lắm. Vì là tỉnh mới thành lập rất xa Sài Gòn, nên hàng hóa gì đem lên đó bán cũng chạy vù vù. Mẹ nghe ham quá nên đóng cửa tiệm, theo xe hàng lên Pleiku thám thính. Lúc đầu thấy khí hậu lạnh lẽo, đất đỏ bay mù trời, mùa mưa đất đỏ dính giày dép đeo queo như đất sét, mẹ cũng ngại. Nhưng nhìn thấy hàng của cô Bảy vừa lên tới, bữa trước bữa sau là bán sạch sành sanh, cảnh chợ búa buôn bán rộn rịp bà cũng bị lôi cuốn. Mẹ về Sa Đéc bàn với ba, bán nhà lên Pleiku làm ăn. Ba lúc này bị ma men ám thường xuyên nên cũng dễ mặc mẹ muốn tính sao cũng được. Nhưng hình như chuyện gì trong nhà cũng do mẹ tính toán.

Mẹ lên Pleiku sang một căn nhà trên đường Hoàng Diệu, mở một tiệm tạp hóa bán đủ thứ. Từ gạo, nước mắm, chén bát, nước ngọt ... Tất cả do cô Bảy Vinh chở từ Sài Gòn lên bỏ sỉ rồi mẹ bán lẻ lại. Vậy mà lời vô khối. Hằng và chị Mai lại theo mẹ lên Pleiku. Phần anh Tú xin đi dạy học ở Long Xuyên. Ngoài những lúc bận rộn trong mùa lúa, ba lên Pleiku ở với má và Hằng vài tháng. Nhìn thân thể tiêu tụy của ba, Hằng thương quá. Con bé lúc này đã lên lớp Đệ lục, biết suy nghĩ nhiều hơn xưa. Đàn bà ở một mình thì biết tự lo cho mình, nhưng người đàn ông ở một mình thật thảm thương. Tuy hằng ngày qua nhà ông bà nội ăn cơm, nhưng làm sao

bằng được chính bàn tay người vợ săn sóc. Hơn nữa bây giờ ông uống rượu càng ngày càng nhiều nên ba say nhiều hơn tỉnh. Tuy rằng chẳng bao giờ ông nhận là mình say!

Mẹ ở tuổi ngoài bốn mươi một tí nên hương sắc còn rất đậm đà. Khí hậu lành lạnh của vùng Cao nguyên giúp làn da bà càng thêm mịn màng, trắng hồng. Núm đồng tiền trên má đã khiến lắm con tim "không chịu ngủ yên và đập trật nhịp lia chia!". Nhiều sĩ quan đôi lên đây. Có người mang gia đình vợ con, nhưng cũng có những ông "độc thân tại chỗ". Trong số những người ái mộ mẹ có ông Đại úy Hòa, ông Trưởng ty Thuế vụ tên Sinh. Ông Hòa đen đúa nhưng cao lớn và cái miệng dẻo quẹo, ngọt như đường. Mỗi bận đi phép về ông đều có quà bánh cho Hằng. Ông này người Nam, có vợ con nhưng bà vợ và các con không lên Pleiku vì chê xứ này khí hậu cò gáy và bẩn thỉu! Mẹ nói nơi xứ lạ gặp người cùng quê cũng thấy thân thiện hơn người khác. Hằng xem ông Hòa như một ông bác trong nhà, không hề nghi kỵ. Trái lại ông Sinh người Bắc, tướng rất thư sinh, đẹp trai. Ông ta còn độc thân ở tuổi bốn mươi, nhưng nghe nói ngày xưa yêu một cô láng giềng tuyệt đẹp. Gia đình cô ấy ép lấy một anh Bác sĩ học bên Tây về. Từ đó ông trở nên hận đàn bà. Nếu gặp người vừa ý thì cũng chỉ chơi qua rồi bỏ. Vậy mà không thiếu phụ nữ mê mệt, muốn chiếm độc quyền trái tim bệnh hoạn của ông ta.

Hằng nhận thấy mỗi bận ông Sinh đến chơi, dĩ nhiên trong khoảng thời gian ba không có mặt ở Pleiku, mẹ rất vui, nói cười luôn miệng. Lại còn đom dáng hơn ngày thường. Bà chỉ thoa chút phấn hồng, chút son thôi mà thấy lộng lẫy hẳn lên.

Năm đó mẹ quyết định về Sài Gòn mua hàng bán Tết và mẹ dẫn Hằng theo. Con bé được về Sài Gòn thì vui không tả. Mua hàng

xong mẹ con về Sa Đéc thăm ba và ông bà nội. Ông nội yếu quá, gặp Hằng ông mừng lắm. Hằng thấy thương ông ngồi một chỗ, ăn uống và làm vệ sinh phải có người giúp. Ông nội lì xì trước cho Hằng tiền mua chiếc xe đạp. Con bé cảm động ứa nước mắt. Ba thì vẫn say sưa tới ngày khiến mẹ rất buồn! Đêm đó Hằng nghe như hai người cãi nhau. Lại cãi nhau! Sao họ cãi nhau không biết chán hờ trời!? Đời sống vợ chồng có gì vui sao? Con bé quyết định lớn lên sẽ không lấy chồng!

Hai hôm sau mẹ con đi xe đò lên Sài Gòn và mẹ dẫn Hằng đi Vũng Tàu tắm biển. Trời ơi, sướng chưa! Suốt đời con bé chưa từng thấy biển lần nào!

Hai mẹ con đi xe đò ra Vũng Tàu. Tới nơi còn đang lơ ngơ bỗng thấy một chiếc xe Peugeot 203 màu đen trời tới đậu bên cạnh. Ông Sinh từ trên xe bước xuống. Hai người tay bắt mặt mừng trong khi con bé Hằng cứ tròn mắt ra nhìn. Ông Sinh mời hai mẹ con lên xe, đưa về một căn nhà khá lớn, mặt tiền nhìn ra biển. Hằng ngạc nhiên không biết tại sao hai mẹ con lại gặp ông Sinh ở đây, nhưng không dám hỏi sợ mẹ rầy!

Trong hai ngày ở đây, ông Sinh đưa mẹ con đi chơi khắp nơi. Ăn tôm cua sò hến thả dàn. Mặt mẹ sáng ngời hạnh phúc. Tâm hồn con bé quá đơn giản, quá ngây thơ để đặt câu hỏi tại sao? Biển buổi sáng đẹp không thể tả. Ánh mặt trời chiếu xuống như dát vàng, chói cả mắt. Xe chạy vòng từ Bãi Trước ra Bãi Sau. Buổi trưa người đi tắm biển đông đen. Mẹ và Hằng không tắm, chỉ đi chân trần trên cát. Con bé lượm vô số vỏ sò để đem về Pleiku tặng bạn. Nhưng biển buổi chiều lại càng đẹp hơn. Hằng yêu về êm ả và bình yên với những chiếc thuyền đánh cá trở về bến đậu. Hằng nói điều này với mẹ và ông Sinh. Ông ta nhìn Hằng một lúc rồi nói "Cô bé này có tâm hồn thi sĩ. Lãng mạn lắm nhé!". Mẹ nghe chỉ cười không nói gì. Riêng Hằng

chẳng hiểu lãng mạn nghĩa là gì!

Sáng sớm ngày thứ ba, ông Sinh lái xe đưa hai mẹ con ra bến xe về lại Sài Gòn. Trước khi từ giả ông ta đưa cho Hằng một cái hộp. Trong đó có một con thuyền làm bằng vỏ ốc tai tượng, có khắc chữ Kỷ Niệm Vũng Tàu... Hằng nói cảm ơn và ông Sinh còn bẹo má con bé một cái.

Năm đó cả nhà ăn Tết thật vui. Có lẽ tại mẹ vui. Mồng một Tết ông Sinh đến chúc Tết mẹ và lì xì cho Hằng. Ba không lên vì ông nội trở bệnh nặng và một tháng sau thì ông mất. Mẹ không về được, Hằng đang đi học nên mẹ sai chị Mai cầm tiền về phụ vào đám tang. Mai được về thăm nhà thì vui lắm. Hằng dặn khi chị trở lên Pleiku nhớ đem ít chục soài cát và vú sữa hột gà. Mười ngày sau chị Mai trở lên. Ngoài soài và vú sữa, chị còn đem một nồi cá thu nước ngọt kho nước dừa, đặc sản của Sa Đéc. Hằng thương chị nhất ở điểm này!

Không hiểu sao lúc này mẹ hay bệnh. Nói bệnh thì không đúng. Mẹ ăn không ngon lại hay nôn mửa. Bà thêm một thứ gì đó, sai chị Mai đi mua. Đem về vừa ăn xong là nôn ra hết. Hằng lo quá, không biết mẹ bệnh gì. Một hôm, thấy Hằng lo lắng, mặt buồn hiu, chị Mai hỏi Hằng ra nhà sau nói "chắc cô Tư có bầu, Hằng mừng không?". Dĩ nhiên là Hằng mừng. Có thêm em thì vui biết mấy. Hằng vội vàng chạy lên lầu hỏi mẹ có phải mang bầu không, bỗng nhiên mặt mẹ đỏ thành trắng bệch, người bà hầu như hết hơi sức, chỉ chực ngã xuống. Hằng vội chạy lại đỡ mẹ nằm xuống giường, lấy dầu nhị thiên đường xúc hai bên thái dương. Một lúc mẹ hơi tỉnh, hỏi ai nói với Hằng là mẹ có bầu. Hằng cười toe trả lời chị Mai nói. Mẹ bảo Hằng xuống kêu chị Mai lên cho mẹ nói chuyện, còn Hằng thì đi học bài. Hôm sau chị Mai nói với Hằng là mẹ có bầu thật, nhưng Hằng không được tiết lộ với ai vì mẹ mắc cỡ. Mẹ nói già rồi mang bầu kỳ lắm. Mẹ sợ người ta cười!

Người lớn thật là kỳ quặc, khó mà hiểu nổi họ! Tuy nhiên Hằng cũng nghe lời, không tiết lộ tin này. Rồi hai tuần sau mẹ đi nhà thương vì bị băng huyết. Vậy là giấc mộng có em bé của Hằng không thành. Mẹ về nhà người xanh lợt, nhưng có vẻ vui. Ông Sinh đến thăm mẹ với một túi nho tươi. Hai người nói chuyện gì lâu lắm. Lúc ông ta về thì mắt mẹ đỏ hoe.

Lần này ba lên định ở chơi hai tháng. Rồi một buổi tối ba vô phòng Hằng. Đang nói chuyện chơi, con bé bỗng nhớ tới đứa em đáng lẽ phải có, nói với ba, giọng đầy tiếc rẻ:

- Mẹ bị hư thai uống quá hả ba?

Ba như bị điện giật:

- Con nói gì? mẹ con hư thai? Hồi nào? hồi nào? Giọng ông cao lên bất ngờ.

- Mẹ bị hư thai cách đây ba tháng. Mẹ không nói cho ba nghe sao? Hằng kinh ngạc hỏi.

Ba nhìn Hằng trừng trừng như nhìn một con quái vật xa lạ nào đó. Bỗng ông bật dậy lao ra khỏi phòng. Sau đó thì tiếng ba quát tháo ầm ĩ bên phòng mẹ. Hằng chạy sang, thấy mẹ ngồi trên giường, hai tay ôm mặt. Ba đang tát bà tới tấp. Hằng hét lên, chị Mai dưới nhà chạy lên. Nhìn thấy cảnh tượng này chị hoảng kinh, xông vào lôi ba ra. Ông còn chửi mẹ một hồi mới chịu êm.

Đêm đó ba ngủ trong phòng Hằng, còn Hằng xuống dưới nhà ngủ với chị Mai. Nhưng hình như không ai ngủ được đêm đó. Mọi người thao thức tới sáng. Hôm sau mặc cho con gái khóc lóc năn nỉ, ba xách va ly ra bến xe trở về Sa Đéc. Còn thể độc sẽ không bao giờ trở lại Pleiku!

Cả tuần lễ căn nhà buồn hiu hắt. Mẹ u sầu chẳng nói chẳng rằng. Hằng vẫn cắp sách đến trường đều đặn. Một buổi tối, sau khi học bài xong, Hằng xuống nhà. Thấy chị Mai đang gấp quần áo, con bé sà vào gấp tiếp:

- Nhà mình buồn quá chị Mai ơi! Em không hiểu tại sao hôm đó ba lại đánh mẹ em

dữ như vậy? Đâu phải tại mẹ em muốn hu thai phải không?

Mai ngừng tay, nhìn Hằng một lúc rồi ngập ngừng:

- Nếu chị nói cô Tư không phải có bầu với đượng Tư, Hằng có tin không?

Con bé dấy nẩy:

- Em không tin. Em không tin đâu. Vậy mẹ em có bầu với ai?

- Cô Tư có bầu với ông Sinh.

- Vậy còn ba em? Kỳ vừa rồi mẹ em có về Sa Đéc mà. Sao không phải là ba em? Sao chị biết không phải là của ba em? Chị nói đi! Giọng con bé có vẻ như muốn khóc.

- Cô Tư nói với chị. Hằng nhớ hôm em đi Vũng Tàu chơi không. Chính lúc đó cô Tư dính bầu.

Hằng bàng hoàng nhớ lại những ngày vui ở thành phố biển. Trong tâm trí, con bé mơ hồ nhớ lại, đêm thứ nhì ngủ tại đó, nửa đêm chợt thức giấc không thấy mẹ bên cạnh, Hằng tưởng bà đi nhà vệ sinh nên ngủ tiếp. Nào ngờ...!

Nhưng con bé vẫn không chịu tin:

- Vậy trước đó mẹ em về Sa Đéc cũng ngủ chung với ba em mà.

- Cô Tư tâm sự với chị là từ mấy năm nay đượng không còn làm được chuyện đó nữa.

- Chuyện đó là chuyện gì hở chị? Con bé ngập ngừng hỏi.

- Thì chuyện... em bé đó. Chị đâu có rành. Cô Tư nói với chị vậy mà. Cũng tội nghiệp cô Tư, đượng say sưa tối ngày, cô Tư khổ lắm em ơi. Chị mong em đừng giận mẹ ghen. Ông Sinh thương cô Tư lắm. Ông thương thật tình đó.

Di nhiên chị Mai đâu có rành. Tuy đã hăm lắm chị vẫn chưa chồng mà. Chị Mai vừa là cháu, vừa là người tâm phúc nên có gì mẹ cũng tâm sự với chị. Hằng thương mẹ, nhưng cũng thương ba. Biết mẹ phản bội ba, Hằng làm sao không giận được. Vậy là từ đó Hằng không muốn gần gũi mẹ như trước. Mẹ biết cũng chỉ thờ dài. Mỗi lần ông Sinh tới chơi

Hằng đều tránh gặp ông ta. Mẹ có gọi con bé cũng đóng cửa phòng im im. Ông Sinh biết ý cũng bớt tới nhà.

Vừa nghỉ hè là Hằng xin phép mẹ về quê. Con bé quá giang xe cô bảy Vinh về Sài Gòn. Mẹ dặn Hằng đi xích lô đem qua nhà bác Phú trong Thị Nghè biểu hai ký măng le khô và một ký khô nai. Con bé ngạc nhiên tốt độ khi gặp ba đang ở nhà bác Phú. Hai cha con mừng quá là mừng. Ba ôm đầu Hằng hôn chùn chụt. Ông nói ở dưới quê buồn quá nên lên Sài Gòn chơi ít hôm cho khuây khỏa. Sáng hôm sau hai cha con gọi taxis ra bến xe. Đi quá sớm nên chưa ăn sáng. Lên xe rồi ba đưa tiền bảo Hằng lại tiệm nước gần đó mua cho ba bánh bao. Mới bước được vài bước thì gặp ngay một con bé trạc tuổi Hằng, bụng một xê bánh bao nóng hổi còn bốc khói nghi ngút. Hằng mua hai cái. Cứ định ninh bánh bao nhân thịt. Nào ngờ khi cắn rồi mới biết chỉ là nhân bắp cải. Hằng nói để đi mua cái khác, ba bảo thôi. Đã mua rồi thì ráng ăn. Giờ đây, gần nửa thế kỷ trôi qua, nhớ đến nét mặt ba cố ăn hết cái bánh bao nhân bắp cải mà hai hàng nước mắt Hằng vẫn tuôn tràn. Có những chuyện giống như những vết dao chém vào đá. Vĩnh viễn với thời gian. Không bao giờ phai mờ. Lần này Hằng để ý thấy tay ba run run và mắt thì vàng như nghệ. Người chỉ còn da bọc xương. Bác Phú nói riêng với Hằng "Cháu nói với mẹ cháu là ba cháu có vẻ bệnh nhiều lắm đó. Coi chừng không xong đâu à!". Hằng lo lắm, nhưng chẳng biết lo làm sao?

Về tới nhà, Hằng lo quét tước lau chùi nhà cửa cho thật sạch sẽ. Mẹ có gửi tiền cho cô Bích nấu ăn cho ba. Cô nói ba cháu chỉ uống rượu chứ có ăn uống gì đâu mà đưa tiền. Hai tuần đầu ba còn cố ăn được chút đỉnh, nhưng sau đó ăn vào là nôn ra. Trong thức ăn có lẫn máu tươi. Ba nằm trên giường rên rì, đau đớn. Mỗi ngày con bé đổ sữa cho ông, nhưng phần lớn là nôn ra hết. Càng ngày càng nhiều máu tươi hơn. Hằng chỉ biết nhìn ba và khóc. Con bé còn nhớ, một đêm trời tối

như bung, trong nhà hết nước sôi để pha sữa, Hằng phải cẩn răng băng qua khu vườn, qua đập cửa nhà bà nội. Eo ơi, nhìn cây cối trong vườn rung động trong bóng đêm như những bóng ma đầy dọa nạt, Hằng sợ đến run lập cập. Nhưng thương ba quá, con bé vẫn cố đi, miệng niệm Phật liên hồi. Hôm sau Hằng nhờ con trai cô Bích qua Long Xuyên gọi anh Tú về. Anh Tú về vội vàng đưa ba đi khám Bác sĩ. Bác sĩ nói ba bị bệnh chai gan và loét bao tử trầm trọng. Tất cả vì rượu. Ông chuyên nước biển và cho thuốc uống. Đến ngày thứ ba mới cầm, không ra máu và ba có vẻ tỉnh táo hơn.

Anh Tú bảo Hằng lên Pleiku trông nhà cho mẹ về chăm sóc cho ba. Hằng không chịu thì anh vừa mắng mỏ, vừa năn nỉ. Cuối cùng con bé phải đầu hàng. Buổi sáng Hằng thấy ba nằm thiêm thiếp trên giường, mặt mày xanh xao, hơi thở nặng nhọc. Lòng đau như dao cắt, con bé vừa xách chiếc valy nhỏ bước ra khỏi nhà, đi ngang cửa sổ phòng khách là có tiếng ba gọi từ phía trong cửa sổ:

- Hằng, Hằng! Con đi đâu đó?

- Con đi Pleiku kêu mẹ về săn sóc ba.

Hằng trả lời giọng nghẹn ngào.

- Không, không! Con đừng đi. Còn không cho ba đi theo với.

- Ba đang bệnh đi không được đâu. Thôi ba vô nằm nghỉ. Con đi ghen ba.

Dứt lời là con bé xách va ly đi như chạy. Nước mắt tuôn ướt cả mặt. Anh Tú dẫn Hằng tới Sài Gòn là đi thẳng ra bến xe Miền Trung. Gặp chuyên nào đi liền chuyên này không được chờ. May quá có chuyên trưa sắp chạy. Chỉ còn chỗ ở băng cuối cùng Hằng cũng leo lên. Suốt mười mấy tiếng đồng hồ trên đường đi, Hằng rầu rĩ nhớ ba đến nỗi không muốn ăn uống gì cả. Cũng không để ý đến những lúc xe bị xóc, hành khách băng sau cùng bị tung lên, đôi khi đầu đụng trần xe đau điếng. Nhớ tới hình ảnh ba, hai tay nắm chần song cửa sổ, đòi đi theo Hằng là con bé lại giọt vắn giọt dài khiến hai người ngồi bên cạnh ái ngại quá. Nhưng hỏi gì con bé cũng lắc đầu, không nói.

Hằng không ngờ đó là lần cuối cùng gặp mặt ba. Vì mẹ về tới là ông yếu lắm rồi. Ba ngày sau ba trút hơi thở cuối cùng. Nhận được điện tin anh Tú đánh lên báo tin ba mất và dặn Hằng đừng về, con bé lịm người khóc không thành tiếng. Nếu biết ba ra đi sớm như vậy, có đánh chết Hằng cũng quyết ở lại với ba. Con bé đau liệt giường cả tháng trời sau đó. Mẹ lại khổ sở săn sóc cho con gái...

Một thời gian sau ông Sinh xin đổi đi tỉnh khác vì mẹ từ chối lời cầu hôn của ông ta. Cả anh Tú và Hằng đều ghét cay ghét đắng, cho là vì ông ta mà ba mới chết sớm như vậy.

...Thật lâu, thật lâu sau này, nghĩ lại Hằng thấy thương mẹ vô cùng. Bà đã vì hai anh em nằng mà chịu hy sinh hạnh phúc của riêng mình. Theo lời chị Mai, mẹ rất yêu ông Sinh. Về sau có nhiều người theo đuổi mẹ đều từ chối.

Công bình mà nói, ba cũng đáng trách. Hằng không hiểu tại sao một người có điều kiện tốt như ba mà chịu xuôi tay đầu hàng Định mệnh, để ông Thần Lưu linh lôi cuốn đến nỗi tan nát cả hạnh phúc gia đình? Tại sao ba lại hèn yếu đến thế hờ ba? Con thương ba nhưng cũng ghét ba. Bà rù áo ra đi, thanh thân, nhẹ nhàng bên kia thế giới. Nhưng phần mẹ được gì? Suốt đời làm lưng, buôn bán cực khổ nuôi chồng, nuôi con. Trở thành góa phụ ở tuổi mới ngoài bốn mươi, đẹp đẽ, giỏi giang... mà cứ phải cẩn răng sống cảnh phòng không chiếc bóng, chỉ vì tình thương dành cho hai con. Trong khi chung quanh ông bướm dập diu. Hằng thương cả ba lẫn mẹ. Nhưng vẫn canh cánh bên lòng một tình cảm khó tả: thương, giận và tiếc nuối! Nếu được bắt đầu lại, Hằng sẽ nghĩ đến mẹ nhiều hơn.

Ba không đáng trách và mẹ không đáng thương lắm sao? Những hạt bụi bám chặt trong tim con gái chừng nào mới gội sạch được đây? Khóc!

TIỂU THU

(Montreal)

Tình Ca Trên Phố

Thơ Hoàng Song Liêm
Nhạc Anh Bằng (2010)

Moderato

Em cứ hát tình ca trên phố Vì chim xanh tím nắng mai
 hồng Con bướm vàng vờn hoa hé nụ Cổ mèm ru từng dấu chân
 chim — — — — — Em cứ hát tình ca trên phố
 Những vòng xe nhỏ nhỏ đều quay Từ một ngã
 ba ngã tư đại lộ Mắt còn trong khi mới dựng ngày —
 Kia trái lựu hiện nhà ai chín đỏ Mỏ hỏn thơm răng trắng ngọc ngà Lá sân
 trường gió thì thầm kể chuyện Lời ỏng nản hương rớt tự đêm xa Em cứ hát tình ca trên
 phố Anh đi tìm những dấu chân chim Con chim
 nhỏ trên cành xanh ngựa mỏ Hỏt ngẩn ngơ trong nỗi nhớ riêng mình —
 Em cứ... ...mình

PHƯỜNG XƯA PHỐ CŨ HÀ THÀNH

Mỹ Phước Nguyễn Thanh

Dân tộc ta đã định cư từ lâu đời trên khắp đồng bằng Sông Hồng. Ngoài việc làm ruộng, chài lưới, đốn gỗ... người dân còn mưu sinh bằng những nghề thủ công như dệt vải, làm đồ gốm, đan giỏ...

Từ khi Thăng Long là kinh đô của Đại Việt, cách nay một ngàn năm, người dân càng hướng về đây, đặt niềm tin vào một nước nhà độc lập, đầy hứa hẹn cuộc sống thanh bình, no cơm ấm áo.

Nằm giữa vùng đất nhiều hồ ao, sông ngòi, lại có một mặt hướng ra Nhị Hà, Thành Thăng Long chiếm địa thế vừa dễ phòng thủ lại vừa tiện đường giao thương với bốn phương đất nước. Một vị trí như vậy có sức thu hút người dân quê ra kinh đô lập nghiệp, buôn bán. Họ đem tài trí đóng góp cho sự phát triển của đô thị, biến nơi ấy thành chốn phồn hoa đô hội nhất.

NGUỒN GỐC CỦA PHƯỜNG VÀ PHỐ.

Vào thuở ban đầu của Thăng Long, đời Nhà Lý, đã có những xưởng, trại của triều đình chuyên sản xuất vũ khí, đóng tàu thuyền, đúc tiền... Cùng lúc với những hoạt động công nghiệp đó, người dân tụ tập thành những làng mạc chung quanh hoàng thành, sinh sống bằng những nghề trồng tía, thủ công, buôn bán, vận chuyên... Lâu hồi có nhiều làng chuyên môn một nghề hay một thứ sản phẩm, đó là những **phường**, ngày nay gọi là làng nghề.

Hoàng thành nằm giữa Thăng Long, có tường cao và hào sâu che chở, còn phía bên

ngoài là nơi cư trú của các quan văn võ, binh sĩ và thường dân. Riêng khu vực phía đông, từ các lớp thành quách ra đến dải đê bên bờ Sông Nhị, nhịp sống rộn rã tấp nập hơn, trên bờ chợ búa hàng quán san sát, dưới sông thuyền dò xuôi ngược không ngớt, mặc dù lúc ấy nhà cửa, đường sá hãy còn thô sơ, giữa vùng đất ao, hồ. Nhờ có Sông Tô Lịch chảy xuyên qua khu thị tứ đó, thuyền buôn lên đến tận tường thành phía bắc. Dọc hai bờ là những bến chuyên buôn gạo, cá, mắm, muối, đường..., hiện nay còn lại các phố mang tên tương tự, gần vị trí sông rạch xưa. Nơi cửa sông, bên hữu ngạn có Đền Bạch Mã và Chợ Cửa Đông. Toàn cảnh sinh hoạt nhộn nhịp ấy là chiếc nôi của **ba mươi sáu phố phường** sau này.

Ngày nay chúng ta gọi là **khu phố cổ**, mặc dù di tích nghìn xưa không còn mấy, nhưng để nhắc nhở rằng đó là nơi đã trôi qua nhiều thăng trầm lịch sử, nơi hội tụ văn hóa, nghệ thuật, nơi trưởng thành của nếp sống văn minh, thanh lịch, nơi tập trung những tài hoa biết cống hiến món ngon vật lạ.

Đến đời Nhà Trần, thế kỷ 13, Thăng Long được chia thành 61 phường. Năm 1428, Vua Lê Lợi đổi tên Thăng Long là Đông Kinh. Khu phố cổ thuộc Phủ Trung Đô, đến năm 1469 đổi thành Phủ Phụng Thiên, gồm hai huyện, Quảng Đức và Vĩnh Xương, mỗi huyện gồm 18 phường. Tóm lại, Đông Kinh vào đời Nhà Lê có **36 phường**, phần phía bắc Sông Tô Lịch thuộc Huyện Quảng Đức, phần phía nam thuộc

Huyện Vĩnh Xương. Dư Địa Chí của Nguyễn Trãi, soạn năm 1435, nêu tên vài phường trong khu phố cổ như Phường Hàng Đào, Phường Đường Nhân (nơi Hoa kiều đến buôn bán, nay là Phố Hàng Ngang).

Sang đời nhà Mạc (thế kỷ 16), Huyện Vĩnh Xương đổi thành Thọ Xương. Vào khoảng cuối thế kỷ 16, Người Châu Âu (Anh, Hà Lan, Bồ Đào Nha...) đến Đông Kinh buôn bán, họ ngạc nhiên trước một đô thị sầm uất, không thua kém các thành phố lớn đương thời ở Châu Á. Dân gian gọi kinh đô lúc ấy là Kê Chợ.

Vào thế kỷ 18, kinh đô có ít nhất tám chợ to: Cửa Đông, Cửa Nam, Huyện, Đình Ngang, Bà Đá, Văn Cũ, Bác Cũ, Ong Nước. Phường Diên Hưng (Hàng Ngang) và Phường Đông Lạc (Hàng Đào) là hai nơi náo nhiệt nhất. Lúc đầu các chợ chỉ họp vào ngày mồng một và ngày rằm, nhưng vì dân cư ngày càng đông, chợ họp thường xuyên.

Đầu thế kỷ 19, đời Gia Long, Phủ Phụng Thiên đổi tên là Hoài Đức, Huyện Quảng Đức đổi thành Vĩnh Thuận. Năm 1831, đời Minh Mệnh, Thành Thăng Long giáng xuống làm tỉnh thành Hà Nội vì kinh đô đã chuyển vào Huế. Chu vi của tường thành bị thu hẹp, việc quản lý của triều đình có phần nới lỏng, sinh hoạt nghề nghiệp dễ phát triển, có lẽ thêm nhiều đợt di dân từ thôn quê lên Hà Nội. Năm 1837, do còn nhiều đầm hồ, nhà cửa chỉ chiếm khoảng 70 phần trăm đất đai trong khu phố cổ. Năm 1889, ba phần tư dân cư Hà Nội sống trong khu phố cổ. Vào khoảng thời gian này, phố phường chuyển mình bước vào thế kỷ 20: các đầm hồ và Sông Tô Lịch bị lấp, đường sá được chỉnh trang và gia tăng, thêm nhiều nhà tường gạch mái ngói, ban đêm đèn điện chiếu sáng. Từ 1901, tuyến

xe điện đầu tiên xuyên qua phố phường theo hướng bắc nam.

Chu vi khu phố cổ gần giống hình thang, cạnh đáy nhỏ là Hàng Đậu. Cạnh trái đi dọc theo tường và hào thành cũ: các Phố Hàng Cót, Hàng Gà, Hàng Điều, Hàng Da. Cạnh phải hướng ra Sông Hồng: đường Trần Nhật Duật, Trần Quang Khải. Cạnh đáy lớn gãy góc ở khoảng phía bắc Hồ Hoàn Kiếm, từ tây sang đông gồm các phố: Hàng Bông, Hàng Gai, Cầu Gỗ, Hàng Thùng.

BA MƯƠI SÁU PHỐ PHƯỜNG

Như đã nói trên đây, **phường** là tổ chức nghề nghiệp (phường chài, phường ca kỹ), ngoài ra còn nghĩa khác: làng nghề quy tụ dân các tỉnh lân cận đến kinh đô làm ăn, buôn bán (Phường Yên Thái làm giấy, Phường Nghi Tàm dệt vải và lụa).

Phố là cửa hàng buôn bán hay một dãy hiệu buôn v.v. Theo các định nghĩa ấy thì trong phường có nhiều phố. Cách gọi **phố phường** để chỉ một khu vực (**phường**) bao gồm nhiều đường, ngõ, hai bên có hàng quán, cửa tiệm (**phố**).

Hơn ba thế kỷ suốt Triều Nhà Lê, kinh đô chỉ có 36 phường. Nhưng lâu nay chúng ta thường nghe là «36 phố phường», có lẽ căn cứ vào số phường trên. Thực ra Thăng Long - Hà Nội có gần trăm con phố nghề, cho nên 36 chỉ là số tượng trưng, ước lệ, diềm lành, may mắn.

Từ thế kỷ 19, trong khi các phường ở chung quanh Hà Nội vẫn giữ tên cũ (Yên Phụ, Nghi Tàm, Hồ Khẩu, Thịnh Hào...), tên các phường buôn bán trong kinh thành đều nhường chỗ cho tên phố, thường thường là tên sản phẩm được mua bán, đặt sau chữ «Hàng» (Phường Tăng Kiếm trở thành Phố Hàng Trống, Phường Hà Khẩu trở thành Phố

Hàng Buồm, Mã Mây...). Những phố lập sau này không phải là phố cổ đúng nghĩa, vì được xây lên sau khi các kênh, hồ bị lấp, các ngõ hẹp được mở rộng, phố cũ được nối dài. Các phố này thường mang tên danh nhân, địa danh, thí dụ như Phố Đinh Liệt, Lương Văn Can, Tố Tịch, Yên Thái...

TỔ CHỨC PHƯỜNG XƯA.

Ban đầu những người thợ đến kinh đô bán hàng hóa do họ sản xuất tại làng quê mình. Họ bắt đầu hòa nhập vào nhịp sống, quen dần các sinh hoạt phức tạp của đô thị. Khi đã rõ đường đi nước bước, những người đến trước dẫn lối cho thân nhân hay đồng hương nối gót theo sau. Từng đợt người cùng làng quy tụ đến lập **phường**, tức là cộng đồng nghề nghiệp. Nguồn gốc ruộng đồng đã hun đúc nơi họ bản tính chất phác, hiền từ, họ dễ dàng đứng chung với nhau, lập thành tập thể đoàn kết chặt chẽ. Từ đây những làng nghề thành hình ở Thăng Long. Họ làm những nghề thủ công và bán sản phẩm do chính mình tạo ra : dệt vải, nấu đường, chạm nữ trang, rèn sắt, nắn đồ gốm... , hoặc bán hàng hóa sản xuất ở các tỉnh xa: gạo, mắm, rươi, than... Dù chuyên về bất cứ nghề nào, nông nghiệp, luyện kim, dệt vải làm giấy... các phường cũng đều lệ thuộc vào hệ thống sông ngòi. Các tàu thuyền có thể vào giữa các phường để buôn bán trao đổi, khiến các phố nghề càng phát triển, mỗi phố chuyên kinh doanh một loại mặt hàng, ở công mỗi phố có biển gỗ đề tên hàng hóa và địa chỉ các hiệu buôn.

Tuy đã quen với cuộc sống thành thị, họ vẫn giữ mối quan hệ mật thiết với làng cũ, vì nơi ấy không chỉ có cây đa, mái đình, mà còn là chỗ sản xuất hàng hóa, cung cấp nguyên liệu chế tạo. Khi cần, họ có thể huy

động những thợ đồng hương tùy theo nhu cầu đặt hàng. Hơn nữa làng quê còn là nơi tích lũy kiến thức, kinh nghiệm tổ truyền. Lại có khi vì họ đã giúp ích cho quê quán, cho đồng hương, họ được làng ghi công, và biết đâu ngày nào đó họ có chân trong hội đồng hương chính, vừa có chức quyền, vừa hưởng bổng lộc

Từ thế kỷ 17 trở đi, triều đình đã giảm hạn chế sự đi lại mua bán, nông dân và thợ thủ công có thêm điều kiện dễ dàng để mang hàng hóa ra thành thị bán cho các thương gia, thí dụ như thợ các Phường Yên Thái và Hồ Khẩu mang vải hay giấy giao hàng cho các nhà buôn Phố Hàng Đào và Phố Hàng Giấy.

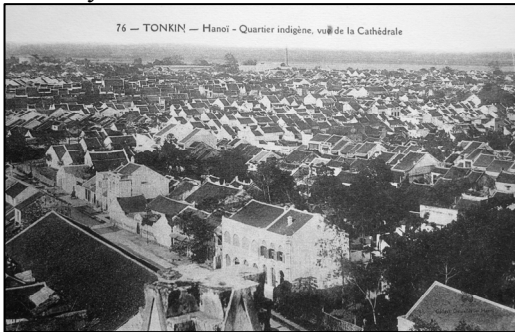
Nhiều lượt dân cư đến lập nghiệp, người thị thành ngày một đông, đất phố phường ngày một hiếm, mối tương quan giữa thị dân càng phức tạp, thí dụ như trong cùng một phố, chen bên cạnh những người làm công vất vả hoặc ăn lương từng ngày, cũng có những thợ lành nghề với đồng lương khá và những chủ nhà buôn phát đạt. Những cộng đồng dân cư hòa hợp với nhau được do ý thức tương thân tương trợ, không phân biệt giai cấp, gốc gác : dù là người từ nhà quê mới vào nghề hay người thợ đã thiện nghệ, dù là Người Việt hay Hoa kiều... họ đều là những láng giềng sát cánh cùng kinh doanh.

Tuy bon chen bận bịu với nghề nghiệp, người dân vẫn hướng lòng về quê cha đất tổ. Trong nhà họ đặt bàn thờ vọng để cúng vái ông bà tổ tiên vào ngày giỗ, ngày tết. Trong mỗi phường đều có vọng đình thờ thành hoàng làng cũ hay thờ ông tổ nghề, cũng dùng làm nơi hội họp của các vị thân hào. Nhưng dần dần qua nhiều thế hệ sinh sống làm ăn trong phố phường, người dân

không còn bị ràng buộc bởi tập quán và tín ngưỡng của làng quê. Vọng đình trở thành đình chính thức, họ thờ cúng ông tổ nghề thủ công họ đang theo, hoặc sau đó thờ các vị thành hoàng của Thăng Long (Thần Linh Lang, Bạch Mã...) để hòa đồng, đoàn kết với láng giềng, vừa tỏ quyết tâm định cư hẳn ở thành thị. Với nghề chuyên môn, họ có mức sống cao, nhà cửa khang trang, hàng quán ngăn nắp, luật lệ, lễ nghi thật quy củ, họ trở thành «Người Hà Nội gốc», có nếp sống văn minh, tao nhã, lịch sự...

HÌNH ẢNH PHỐ CŨ.

Từ khi mở mang Thăng Long, nhà cửa của thường dân không được làm bằng đá gạch, cũng không được xây tầng. Mãi đến thế kỷ 17, các giáo sĩ đã thuật lại rằng họ thấy nhiều nhà dân xây lầu, có lẽ vì Kẻ Chợ đã đông dân, triều đình không khắt khe thi hành luật cũ. Dù sao, nếu nhà được xây cao thì người dân có nơi lánh nạn mỗi khi lũ lụt, vì đê ven Sông Hồng không đủ ngăn hết các thủy tai.



Toàn cảnh khu phố cổ nhìn từ tháp chuông Nhà thờ lớn, 1905.

Đến năm 1884, phần nhiều đường sá trong phố cổ vẫn còn hẹp, chính giữa có lối đi rộng khoảng một mét lót bằng gạch



nung, để khách bộ hành tránh lầy lội lúc Đường Đinh Tiên Hoàng, phía Bắc Hồ Gươm, sau này mở rộng làm Ga Bồ Hồ, 1900.

trời mưa. Hai bờ đường chưa có cống rãnh, nước mưa tù đọng. Mái hiên che mưa nắng trên quây hàng dọc hai bên càng làm cho đường hẹp thêm. Khi có kiệu hay ngựa đi qua, khách bộ hành phải nhường lối, chân lội bùn bì bõm. Những phố sang trọng như Hàng Ngang, Hàng Đào, Mã Mây... được lát gạch, hai bên có rãnh thoát nước. Ở đầu mỗi phố có cổng ngăn và tấm biển ghi rõ loại hàng bán ở đó. Ban ngày người dân được tự do qua lại, đêm đến các cổng đóng kín. Người đi đêm phải mang đèn, vì các phố tối đen, chỉ có các phu điếm, trang bị gậy dài, canh gác hay đi tuần. Ban đầu lối ra vào phố chỉ có sợi thừng giăng ngang đường để kiểm soát khách đi đêm, sau được thay thế bằng cổng tre hay gỗ chắn hết bề rộng phố, kê bên có chòi canh lợp tranh hay lá. Trước kia vào thế kỷ 17, nhiều phố còn có nhà tù để giam giữ những kẻ vô gia cư, lang thang rình rập lúc đêm xuống. Ở các phố buôn bán của Hoa kiều, cổng xây bằng gạch, trên có hành lang cho phu điếm đi lại, có lỗ châu mai như trên tường thành.

Chúng ta thử xem qua kiến trúc của nhà cửa trong các phố từ thế kỷ 19 trở đi. Hầu hết nhà trong phố xây liền vách nhau, bằng gỗ hay tre, vách đất, lợp tranh hay lá, để

xây ra hỏa hoạn. Chỉ một số nhà giàu hay Hoa kiều mới xây nhà gạch, mái ngói. Mặt tiền không đồng đều, cái lù vào, cái nhô ra. Dần dần nhà gạch lợp ngói thay nhà tranh, tường ngăn vươn cao hai bên nhà, hình bậc thang. Do tình trạng đất hẹp dân đông, bề ngang các ngôi nhà có khi không quá ba mét, đó là kiểu «nhà ống», nhà hẹp nhưng rất dài, đôi khi mặt sau thông qua phố khác. Nhà ống gồm nhiều lớp : tùy theo chiều dài, không kê gian ngoài dùng làm tiệm bày hàng hoặc xưởng thợ, còn có kho hàng, nhà khách hay một vài sân trong với bể nước, hòn non bộ, cây cảnh... Khi bắt đầu xây tầng thì nhà chỉ có gác xép rất thấp và lù sâu hơn mặt tiền, cửa sổ nhỏ trông ra đường, đó là kiểu nhà « mái chông diêm ». Đến đầu thế kỷ 20, cùng lúc với việc sửa sang đường phố, nhiều nhà có mặt tiền xây với mái hiên, ban-công theo kiểu Châu Âu, cao hai, ba tầng.



Phố Hàng Đào, mặt tiền dãy nhà bên số chẵn, nhìn về hướng Hàng Ngang (1902).

Mỗi phố thường có một đình. Lúc còn thưa dân, những ngôi đình xưa xây theo kiểu thức truyền thống với mặt tiền rộng. Nhưng từ giữa thế kỷ 17, đình xây theo chiều sâu, chen giữa những nhà ống cho nên dài và hẹp. Nhiều đình được đưa lên tầng trên, bên dưới làm cửa hàng. Rải rác trong các phố còn có đền, chùa, hội quán của Hoa kiều...



Phố Hàng Đào, bên phải là dãy nhà số chẵn, nhìn về phía Hồ Hoàn Kiếm (khoảng 1902).

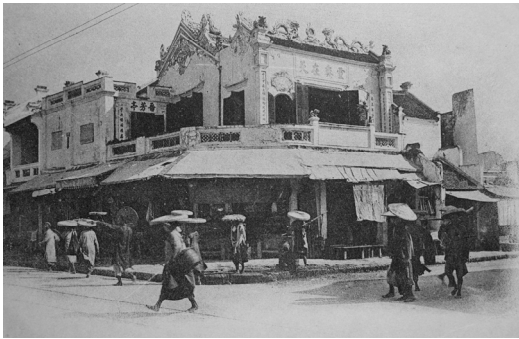
DU NGOẠN PHỐ PHƯỜNG XƯA

Trong một khoảnh khắc thời gian, chúng ta thử lướt qua phố phường xưa và điểm qua một vài di tích lịch sử.

Trong một khoảnh khắc thời gian, chúng ta thử lướt qua phố phường xưa và điểm qua một vài di tích lịch sử.

Lúc xưa, từ những Phố Hàng Ngang, Hàng Đào rẽ sang Hàng Gai nối tới Hàng Bông là trung tâm thương mại của 36 phố phường. Chúng ta chọn quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục ở phía bắc Hồ Hoàn Kiếm gần đây làm điểm khởi hành đi thăm khu phố cổ theo «trục chính» bắt đầu từ Phố Hàng Đào đi lên hướng bắc đến Phố Hàng Giấy. Cũng trên trục phố này trước kia có tuyến xe điện từ Ga Bờ Hồ đi Thụy Khuê.

Phố **Hàng Đào** từ lâu được xem là giàu có, sang trọng nhất. Vào đời Nhà Lê, người dân ở đây làm nghề nhuộm màu điều và các màu khác. Sau này chuyển sang buôn bán vải vóc, tơ lụa nên phố còn được gọi là Hàng The. Khoảng năm 1925, có nhiều hiệu buôn của Ấn Kiều bán cả vải nhập cảng. Bên trong các nhà dãy phố phía đông, càng vào sâu nền càng thấp vì nhà xây trên bờ Hồ Thái Cực đã lấp bằng. Ở



Một góc phố cổ, bên trái là Hàng Ngang, bên phải là Hàng Bạc, 1902.

đầu phố phía Hàng Ngang có nhà Cụ Lương Văn Can và Trường Đông Kinh Nghĩa Thục. Vài ngôi đình đáng kể:

Đình Hoa Lộc thờ vọng tổ nghề nhuộm vải Làng Đan Loan (Hải Dương), Đình Đồng Lạc thờ các thần Bạch Mã, Linh Lang, Cao Sơn.



Chợ Đồng Xuân nhìn từ Phố Hàng Giấy, mái lợp tôn, cầu chợ bằng khung sắt. Đình đồng Xuân ở bên trái, gần đầu Phố Hàng Khoai (1905)

Tiếp theo là phố **Hàng Ngang**, tên gọi thế vì xưa có công to xây bằng gạch chắn ở hai đầu phố. Trước kia là phố Việt Đông, nơi Hoa kiều gốc Quảng Đông và về sau người Minh Hương buôn bán tạp hóa, tơ, lụa, trà, thuốc... Đoạn phố về phía Hàng Đào là Hàng Lam, chuyên bán tơ lụa nhuộm xanh. Khoảng cuối thế kỷ 19, gần

công phố đặt một điểm canh, bên cạnh có người bí mật đến dán những bài về để chỉ trích, chế nhạo, tố giác những hành động mờ ám, bất chính cho người qua lại xem, người dân gọi là «Điểm Vê».

Nổi dài với Hàng Ngang là **Hàng Đường**, chuyên bán đường, mật, kẹo, mứt... Lúc xưa phố này vượt qua Sông Tô Lịch bằng chiếc cầu đá gọi là Cầu Đông, bên cạnh cầu có tượng Phật đá tọa thiền, miệng mỉm nụ cười, được gọi là Tiểu Phật. Gần cầu có chợ Cầu Đông, sau này dời lên phố Đồng Xuân. Chùa Cầu Đông xây từ cuối thế kỷ 18, có tượng Trần Thủ Độ và chuông đúc vào đời Tây Sơn. Đình Đức Môn thờ Ngô Văn Long, danh tướng đời Hùng Vương 18.

Rời Hàng Đường chúng ta sang phố **Đồng Xuân**. Tên cũ của phố này là Hàng Gạo vì xưa có chợ họp thường xuyên buôn bán gạo trên bãi đất trống sau này xây lên chợ Đồng Xuân. Cuối thế kỷ 19, sau khi sông Tô Lịch bị lấp, hai chợ cũ ven sông là Bạch Mã và Cầu Đông được dời về chợ Đồng Xuân to hơn, gồm năm ngăn bằng khung sắt, mái lợp tôn. Đến khoảng năm 1920, chợ được xây lại bằng bê tông cốt thép.



Chợ Đồng Xuân, 1926.

Nổi dài với Phố Đồng Xuân là phố **Hàng Giấy**, xưa chuyên bán các loại giấy bản, giấy dó... của các Làng Yên Thái, Hồ

Khẩu ở ngoại ô Hà Nội. Suốt vài mươi năm đầu thế kỷ 20, trong phố có những nhà hát ả đào. Hàng Giấy bị chia làm hai đoạn do cầu xe hỏa của phố Gầm Cầu xây cao vắt ngang qua. Đình Đồng Xuân ở đầu phố phía Hàng Khoai, thờ thần Bạch Mã. Đến cuối Phố Hàng Giấy, chúng ta dừng chân bên một ngã sáu, giữa có tháp nước hình trụ, xây bằng đá của Thành Hà Nội bị phá bỏ. Bên cạnh là vườn hoa và sở cấm Hàng Đậu.



Khu vực quanh Hàng Đậu còn đất hoang, đầm hồ, phía xa là tháp nước (Khoảng 1925)

Phố **Hàng Đậu** kéo dài từ vườn hoa đến bờ Sông Hồng. Khi xưa những người làm vườn từ làng quê chung quanh mang các loại đậu đến đây bán. Đầu thế kỷ 20, khu đất hai bên Phố Hàng Đậu vẫn còn những bãi cỏ và những đầm nước trồng rau muống. Trong phố có Cửa Ô Tiên Trung trông ra Sông Hồng, đã bị phá khi sửa sang đường sá quanh đầu Cầu Long Biên. Đình Nghĩa Lập thờ thần Bạch Mã; Đền Nghĩa Lập thờ những vị nữ thần phù hộ người đi thuyền vượt sông biển.

Chúng ta quay trở lại Hàng Đào, chuyển hướng đi xem các phố phía đông, bắt đầu là Phố **Cầu Gỗ**. Xưa có chiếc cầu gỗ bắc qua con kênh nhỏ nối Hồ Hoàn Kiếm với Hồ Thái Cực. Vào thế kỷ 19, rải rác từ bên Cửa Nam đến phố này có những « xóm học trò », với quán com, nhà trọ cho

các sĩ tử ra kinh ứng thí. Người dân ở đây còn làm nghề bán các loại dầu, dùng thắp



Toàn cảnh khu phố cổ nhìn từ phía bắc Hồ Hoàn Kiếm. Tháp Bút bên trái, Đền Bà Kiệu bên phải (1900).

đèn hay làm thức ăn, họ là đồng nghiệp với dân phố Hàng Dầu gần đây.

Nối tiếp với Cầu Gỗ là **Hàng Thùng**, phố chỉ dài đến đê sông Hồng, chuyên bán các loại thùng tre hay gỗ ghép trét sơn, dùng múc nước, gánh nước sông, nước giếng. Về sau Hàng Thùng nối dài thành phố Phúc Châu đến tận bờ sông, nơi bán gỗ và các vật dụng bằng gỗ như bàn, ghế, tủ, giường... Ở phố này có đình Đông Yên thờ thần Uy Linh Lang, con vua Trần Thánh



Những mái nhà và một sân trong phía sau dãy số chẵn, Phố Hàng Giấy (khoảng 1920).

Tông và là vị anh hùng cầm quân chống giặc Nguyên-Mông vào thế kỷ 13.

Phố **Hàng Bè** lúc xưa ở gần bến sông. Tre, nứa, gỗ từ các tỉnh được kết thành bè cập vào bến, cung cấp nguyên liệu cho các

cửa hàng đóng bàn ghế, xây dựng nhà cửa. Ở phố này có Đình Ngũ Hâu thờ Thần Cao



Phố Hàng Bè nhìn từ Ngã Tư Phố Cầu Gỗ. Phía xa là các mái nhà Phố Hàng Mắm (1905).

Tứ, con rể của An Dương Vương, cầm binh chống Triệu Đà, tử trận trên Sông Tô Lịch. Ngã tư Hàng Bè - Cầu Gỗ xưa là bãi đất rộng trên đó họp Chợ Hàng Bè. Về sau chợ này dời về bên Phố Hàng Thùng, giữa Phố Bắc Ninh và Phố Hàng Tre.



Phố Hàng Tre nhìn về Ngã Tư Hàng Thùng. Khu Tòa Công Chính ở bên trái. (1905)

Phố **Nguyễn Hữu Huân**, trước là phố Bắc Ninh, còn gọi là Bè Thượng, đi dọc theo đê sông đến ngã năm Cột Đồng Hồ, chuyên buôn gỗ như các phố gần bên (Hàng Bè, Hàng Tre). Phố này tương đối dài nên có nhiều đình: Ưu Nghĩa, Đông An, Trang Lâu...

Xa hơn về phía bờ sông là Phố **Hàng**

Tre. Đầu thế kỷ 20, hai bên phố này còn bày bán những thân tre dài, chiếm hết các vỉa hè. Ở phố này có nha công chính Đông Dương, Tòa Án Hàng Tre, và ngôi chợ dời từ Hàng Bè đến đây.

Chúng ta hãy trở về «trục chính», đến ngã tư Hàng Ngang-Hàng Đào, bên phía đông là phố **Hàng Bạc**. Lúc xưa người dân ở đây



Phố Hàng Bạc, từ ngã ba Mã Mây nhìn về phía Hàng Đào, (1905).

sống bằng nghề đúc vàng bạc thành tiền, thỏi, nén, nữ trang... sau có cả nghề đổi tiền. Vài di tích của phường nghề xưa ở phố này là: Đình Kim Ngân và Đình Trương, thờ ông tổ nghề kim hoàn gốc Làng Châu Khê; nhà thờ tổ nghề kim hoàn gốc Làng Định Công; trường đúc bạc xây vào đời Lê, thế kỷ 16.

(Còn tiếp 1 kỳ)

Tài liệu tham khảo

Hà Nội cũ – Doãn Kế Thiện (1943)

Cổ tích và thắng cảnh Hà Nội – Doãn Kế Thiện (1999)

Phố Phường Hà Nội Xưa – Hoàng Đạo Thúy (2000)

Histoire de Hanoi – Philippe Papin (2001)

Bản đồ Hà Nội 1890, 1925, 1974.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH
(Paris)

THE LONELY SEAGULL AND
THE INDIFFERENT SEA

HẢI ÂU CÔ ĐƠN và
ĐẠI DƯƠNG LẠNH LÙNG

You are an unfathomed ocean
I am a lonely seagull
Flying over high and silvery waves,
Waiting desperately for the call
Of the mysterious sea.
The universe is so immense!

Người đại dương vô tận
Tôi hải âu cô đơn
Bay cao trên sóng bạc
Chờ tuyệt vọng mỗi mòn
Tiếng gọi mời của biển
Trong vũ trụ mịt mù!

Why can't I have any place to rest?
The water flowing over the sand
Erases all the memories!
You are cruel and emotionless,
Why have'nt you ever answered me?
You've refused to take the burden of
sadness
Away from my little body.
Alas ! I am only a lonely bird
Is it my destiny?

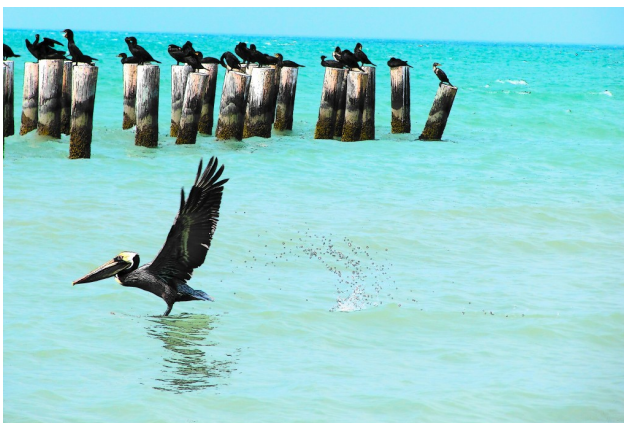
Tại sao tôi không thể
Có chỗ nào nghỉ ngơi?
Nước chảy vùi trên cát
Xóa bao kỷ niệm rồi.
Tàn nhẫn và vô cảm
Sao người không trả lời?
Người đã không cất nhẹ
Gánh u sầu cho tôi
Một tấm thân bé nhỏ
Một con chim lạc loài
Ôi, cuộc đời là thế
Một định mệnh an bài.

Ngô Thị Vân

CA ngày 10 tháng 10 năm 1982

Thu Lê

Phỏng dịch (6/30/10)



Hình: Minh Châu

“Một giọng hát thuộc lớp đầu đàn của thời đầu Tân Nhạc Việt Nam vừa vĩnh viễn ra đi”

Thanh Trang

Dương Thiệu Tước, một tác phẩm vào cuối thập niên 40.

Chương trình “Ca khúc Việt Nam” do Thanh Trang thực hiện xin chào quý thính giả nghe Đài!

Quý thính giả thân mến!
Hôm 17 tháng 08 dương lịch vừa qua, tính theo lịch tại Nam California, Hoa Kỳ, một giọng ca nổi tiếng một thời, thuộc lớp đầu đàn vào thời đầu của Tân Nhạc Việt Nam đã qua đời. Và lễ hỏa táng cho người quá cố cũng đã được thực hiện vào hôm thứ Tư 25 tháng 8 dương lịch vừa rồi tại Thành Phố Westminster ở Nam Cali.

Chúng tôi xin mời quý thính giả nghe lại giọng hát quen thuộc và nổi tiếng một thời đó mà chúng tôi tin là những ai thuộc lứa tuổi trên dưới 60 vào ngày hôm nay và xưa kia từng yêu thích ca nhạc thì hẳn vẫn còn có thể nhận ra được, qua trích đoạn từ âm thanh của một đĩa nhựa vào thời cuối thập niên 40, đầu 50 nhưng cũng vì thế mà phẩm chất âm thanh tất nhiên có sự hạn chế. Bài hát tựa là “*Áng mây chiều*” của



(Trích “*Áng mây chiều*”)

Vừa rồi là trích đoạn bài “*Áng mây chiều*” của Dương Thiệu Tước. Trong số quý vị thì hẳn cũng đã có người nhận ra giọng hát. Nhưng đối với những vị nào còn ngỡ ngơ, chưa nhận ra rõ cho lắm, một phần không nhỏ vì lý do phẩm chất âm thanh của một đĩa nhựa thời trước đã bị hao mòn vì thời gian, thì chúng tôi xin trích đoạn tiếp từ một ca khúc khác, cũng của Nhạc sĩ Dương Thiệu Tước, bài “*Đêm tàn bến Ngự*”, và cũng qua giọng ca như vừa rồi!

(Trích “*Đêm tàn bến Ngự*”)

Quý thính giả thân mến! Trích đoạn hai bài hát của Dương Thiệu Tước, bài “*Áng mây chiều*” và bài “*Đêm tàn bến Ngự*” vừa rồi là qua giọng hát của Nữ Danh Ca Minh Trang khi xưa. Bà vừa qua đời tại Nam Cali., Hoa Kỳ, vào ngày 17 tháng 08 dương lịch vừa rồi như chúng tôi đã nói đến khi mở đầu chương trình hôm nay, ở tuổi 90!

Cũng xin mở đầu ngoặc là khi chúng tôi soạn đề tài cho buổi phát thanh này thì cũng lại được tin buồn là Nữ Ca Sĩ Thúy Nga của thời giữa thập niên 50, cũng là người bạn đời của cố Nhạc Sĩ Hoàng Thi Thơ, đã qua đời tại California, Hoa Kỳ, hôm 24 tháng 08 dương lịch vừa qua ở tuổi 75. Chúng tôi sẽ có chương trình dành riêng cho Nữ Ca Sĩ Thúy Nga, tên thật là Nguyễn Thúy Nga trong một buổi phát thanh kỳ tới.

Trở lại với đề tài của ngày hôm nay thì chúng tôi có suy nghĩ là với ngần ấy biến động về mặt lịch sử và xã hội trên đất nước trong suốt 40 năm qua, kể từ tháng Tư năm 75, thì thế hệ trẻ, trên dưới 40 vào ngày hôm nay không dễ gì biết được những giọng nữ, cùng thời với Nữ Danh Ca Minh Trang, mà cách đây trên 50 năm đã được những người nghe ca nhạc yêu thích. Để mấy ai trong lớp trẻ của ngày hôm nay có được điều kiện để nghe những giọng ca thuộc phái nữ một thời vang bóng từ các đài phát ở Hà Nội, Huế vào đến Sài Gòn như Minh Đỗ, Thanh Nhạn, Mộc Lan, Ngọc Hà, Túy Hoa, Tâm Vấn chẳng hạn?

Có hai sự hạn chế về mặt “*truyền thống trên nền ca nhạc*”, tạm gọi như vậy!

Hạn chế thứ nhất là không ai tương đối biết rõ về nhau trong giới âm nhạc bằng chính các nhạc sĩ sống cùng thời, thế nhưng ở ta thì các vị ấy lại không chịu viết “*Hồi ký*”. Viết “*Hồi ký*” không phải chỉ để nói về mình mà nói về cái thời mình đã từng sống qua với ngần ấy sự việc, ngần ấy bạn bè cùng giới, trong cùng một bối cảnh lịch sử, xã hội. Không có những tài liệu như vậy cho nên ta mới có thể bắt gặp những thông tin chẳng mấy có lợi cho giới trẻ khi họ muốn tìm hiểu việc này hay việc kia trong lịch sử Tân Nhạc. Chẳng hạn như trên

mạng có nơi khi đề cập đến Nhạc sĩ Văn Giảng thì viết rằng ông còn có một bút hiệu khác là “*Mạnh Phát*”, trong khi Nhạc sĩ Mạnh Phát hay Tiên Đạt, tác giả những bài hát như “*Ai về quê tôi*” hay “*Trăng sáng trong làng*”, đã qua đời ở Sài Gòn vào năm 1973, còn Nhạc sĩ Văn Giảng hay Thông Đạt, tác giả những bản hùng ca như “*Lục quân Việt Nam*” hay ca khúc trữ tình như “*Ai về sông Hương*”, “*Đôi mắt huyền*”... thì vẫn còn sống để có thể qua tái định cư ở Úc vào đầu thập niên 80!

Cho đến nay thì mới chỉ có hai quyển “*Hồi ký*” đáng kể nhất, một của Nhạc Sĩ Phạm Duy và hai là của Nhạc Sĩ Tô Hải. Còn về phía các ca sĩ thì lại còn hiếm hoi hơn nữa. Mà theo chỗ chúng tôi suy nghĩ thì khi xưa không ai có tài liệu tương đối nào tương đối đáng tin cậy bằng các nhạc sĩ nổi tiếng khi các vị ấy nhận định về các ca sĩ, bởi hầu hết các vị ấy đều đứng đầu các ban nhạc ở những đài phát thanh, và tất cả các ca sĩ nổi tiếng cùng thời đều hát ở những ban nhạc ấy, hay ít ra thì tình hình ở trong Nam sau năm 54 là như thế!

Còn mặt hạn chế thứ hai là vấn đề lưu trữ! Tất cả những bài hát khi xưa được ấn hành ít nhất là vài nghìn bản qua mỗi lần xuất bản, thế nhưng thử hỏi xem ngày hôm nay có nơi nào trong cũng như ngoài nước có được đầy đủ ít nhất một bản còn nguyên vẹn hình hài của tất cả ngần ấy bài hát? Hậu quả tất nhiên là một khi không có nguyên tác trong tay vì lý này hay lẽ nọ thì người ta hát theo truyền khẩu với những chỗ sai cứ thế được truyền cho nhau! Mà quan trọng hơn cả, khi nói đến ca nhạc, là việc lưu trữ dưới dạng âm thanh! Trích đoạn hai bài hát vừa rồi do Nữ Danh Ca Minh Trang hát vào thời cuối thập niên 40, đầu 50 là được lấy

từ trên các đĩa nhựa được sản xuất thời ấy do gia đình người hát may mắn còn giữ lại được, và vì chúng cũng đã được nghe đi nghe lại nhiều lần cho nên đã bị hao mòn, mất khá nhiều phẩm chất về mặt âm thanh! Chúng tôi khi còn trẻ đã từng nghe một giọng hát Minh Trang trong trẻo, rõ ràng, với phần nhạc đệm cũng rất rõ ràng qua làn sóng của đài phát thanh hay đĩa nhựa mới tinh của thời ấy. Nay sau trên 50 năm thì chỉ còn lại chút thanh âm như quý thính giả vừa nghe trong hai mẫu trích đoạn vừa rồi! Trái với trên ba mươi năm trở lại đây, với kỹ thuật thu âm mỗi ngày một tinh xảo, những ca sĩ qua đời đã khá lâu như Lê Dung, Ngọc Lan nhưng các CD với giọng hát của hai người này vẫn còn đầy với âm thanh trong chùng như khi nghe thì mới được thu âm từ ngày hôm qua! Chính vì thế mà sự vắng bóng nơi chốn trần gian này của những ca sĩ này mang tính chất hư hư thực thực, mất đây mà vẫn như còn đây. Trong khi hôm nay đây mà nghe lại âm thanh thu từ đĩa nhựa của thời cuối thập niên 40, đầu 50 ở nước ta thì chẳng khác gì nghe tiếng của một cõi thiên thu nào đấy vọng về! Và khi những ca sĩ có các giọng hát đó đã qua đời thì điều đó lại càng làm rõ thêm ấn tượng!

Đến đây thì chúng tôi xin viện dẫn một ví dụ để quý thính giả dễ nhận ra một cách

cụ thể hơn về mức hệ trọng của vấn đề như vừa nêu ở đoạn trên. Chúng tôi lấy trích đoạn của một bài hát thu trên đĩa nhựa vào cùng thời với hai bài hát vừa rồi, ở bên Pháp; bài “*L'étoile des neiges*” - (“*Ngôi sao nơi miền tuyết trắng*”) một ví dụ trong muôn một - một bài hát xưa kia đã có tác giả đặt lời Việt, mở đầu với câu “*Chiều nay người phiêu lãng nhìn sóng xa mờ...*”, với tựa đề “*Sao biển*” cho hợp tình hợp cảnh vì xứ ta lấy đâu ra tuyết? Bài hát là của Winkler và Plante, viết ra năm 1948 và do Line Renaud hát cùng thời!

(Trích “*L'étoile des neiges*”)

Quý thính giả vừa nghe trích đoạn một bài hát của Pháp vào thời cuối thập niên 40, tức là cùng thời với những bài hát mà nữ

đanh ca Minh Trang hát lúc ban nãy, nhưng vì xứ sở người ta lưu trữ những tài liệu, tác phẩm văn học nghệ thuật có hệ thống, có nền nếp cho nên như ngày nay ở Hoa Kỳ chẳng hạn, người ta vẫn cho ghi âm lại những bài hát từ thời thập niên 30, 40 với chất lượng âm thanh nếu như có những bài chỉ dưới dạng “mono” chứ không phải “Stereo” ở một số đĩa hát chẳng nữa thì chất lượng âm thanh phần lớn vẫn rõ ràng, mạch lạc!

Đến đây thì chúng tôi xin giới thiệu bài “*Con thuyền không bến*” của Đặng Thế Phong qua giọng ca Minh Trang thuở trước, được thu trên đĩa



nhựa vào cuối thập niên 40. Bài “*Con thuyền không bến*” được trình bày theo cách hát mà chúng tôi cho là chuẩn mực, phát xuất từ tính chất của bài hát là tuy buồn đầy thể nhưng là buồn thanh thoát, nỗi buồn của thi nhân chứ không phải từ âm giai theo thể Thứ vốn đã buồn sẵn mà lắm ca sĩ khi tìm cách “diễn tả” thì lại đi đến chỗ cường điệu, khiến bài hát trở nên thô lương, ảm đạm, chẳng còn gì là thơ! Bởi tính chất của bài “*Con thuyền không bến*” nó không như bài “*Giọt mưa Thu*” cũng của Đặng Thế Phong! Cái buồn nơi bài “*Con thuyền không bến*” là tiêu biểu qua câu hát “*Như nhớ thương ai chùng tơ lòng*”, khi người nhạc sĩ, thi nhân cảm thấy lòng mình như “chùng xuống”. Nỗi buồn đó không giống như thứ “*vạn cổ sầu*” nơi bài “*Giọt mưa Thu*” mà ý nhạc theo như cái tựa ban đầu là “*Vạn cổ sầu*” trước khi Bùi Công Kỳ viết lời cũng như đặt lại tựa đề bài hát! Nữ Danh Ca Minh Trang xưa kia khi hát bài “*Con thuyền không bến*” đã diễn tả được đúng mức tinh tiết của bài hát!

(Trích “*Con thuyền không bến*”)

Chúng ta đang nghe bài “*Con thuyền không bến*” của Đặng Thế Phong qua giọng ca Minh Trang của thời cuối thập niên 40. Bà Minh Trang tên thật là Nguyễn Thị Ngọc Trâm, sinh năm 1921 tại Huế. Hai chữ “Minh Trang” là ghép tên người con trai trưởng, Bửu Minh và tên người con gái là Công tằng Tôn Nữ Đoàn Trang, tức không ai khác hơn là Nữ Ca Sĩ Quỳnh Giao. Còn có những CD nhạc ngoài thị trường với tiếng hát của Quỳnh Giao và Vân Quỳnh thì Vân Quỳnh lại là tên một người em gái của Quỳnh Giao. Bà Minh Trang lập gia đình với nhạc sĩ Dương Thiệu Tước vào thời đầu thập niên 50. Trước đây,

từ năm 1948 Bà là xướng ngôn viên ban Pháp ngữ tại Đài Phát Thanh “Pháp Á”, và cũng do làm việc tại đài này mà Bà khởi sự nghiệp ca hát ngay tại đây, tuy từ đầu thập niên 60 khi đài này đã trở thành Đài Quốc Gia từ sau năm 54, thì Bà đã ngừng hát vì lý do sức khỏe! Sau năm 1975, Bà cùng mấy người con tìm đường vượt biên vào cuối thập niên 70 và tái định cư tại Hoa Kỳ. Nhạc sĩ Dương Thiệu Tước ở lại trong nước và mất vào năm 1995, ở tuổi 80.

Một trong những bài hát nổi tiếng nhất của Nhạc sĩ Dương Thiệu Tước, người mà Nhạc sĩ Phạm Duy trong quyển “*Hồi Ký*” của ông đã xếp vào hàng “*Tiên Chi*” của thể nhạc lãng mạn, trữ tình trong Tân Nhạc Việt Nam, là bài “*Bóng chiều xưa*”! Nơi bìa trong của bài hát này do Nhà Xuất Bản Tinh Hoa ấn hành khi xưa chúng tôi còn nhớ là có ghi tên tác giả gồm hai người là Dương Thiệu Tước và Minh Trang. Bài hát được viết vào đầu thập niên 50, tức là cùng thời kỳ đôi bên thành vợ thành chồng. Đồng tác giả thật sự hay người nhạc sĩ tài hoa kia có ý ghép tên người bạn đời vào tác phẩm để đánh dấu một kỷ niệm nào đấy thật đặc biệt trong đời mình? Họa chăng chỉ có hai con người biết được đích thực ngọn nguồn thể nhưng nay thì cũng đã tìm về với nhau trong cõi vô biên!

Nhưng hình như giọng hát của một Nữ Danh Ca Minh Trang khi xưa vẫn còn lại đâu đây!

Xin mời quý thính giả, ta cùng nhau nghe bài “*Bóng chiều xưa*” của Dương Thiệu Tước và Minh Trang qua giọng ca Quỳnh Giao, với phần hòa âm của Duy Cường: (Trích “*Bóng chiều xưa*”)



Văn Phụng & Châu Hà và một số thân hữu vùng Hoa Thịnh Đốn

1: Ca sĩ Anh Ngọc 2: Ca sĩ Châu Hà 3: Nhạc sĩ Văn Phụng 4: Tướng Ngô Quang Trường
5: Ca sĩ Minh Trang 6: Ca sĩ Quỳnh Giao 7: Nhạc sĩ Nhật Bằng 8: Nhạc sĩ Nguyễn Túc

Quý thính giả thân mến! Ta đang cùng nhau nghe ca khúc “*Bóng chiều xưa*” của Dương Thiệu Tước và Minh Trang qua giọng ca Quỳnh Giao, người con gái như thừa hưởng phần nào giọng hát của mẹ mình khi xưa. Nơi bài hát có câu “*Mây vương sầu lan, gió ơi đưa hồn về làng cũ...*” Khi còn tại thế, nếu như con người ta thường thả hồn về những khung trời dĩ vãng thì khi liạ chốn dương trần này, và đối với người đang được nói đến trong buổi phát thanh hôm nay, trên bước đường siêu thoát hẳn cũng có giây phút linh hồn người quá vãng trở về nơi cố quận, nơi đã từng có một thuở mà khi buồn thì có những “*Đêm tàn bến Ngự*” (*), khi vui có những “*Khúc nhạc dưới trăng*” (*), và khi lưu luyến mặn nồng thì có thanh âm cùng hình ảnh đầy triu mến của những “*Bóng chiều xưa*” (*)!

(Nhạc nền)



Thanh Trang
(California)

(*) *Đều là tựa đề những bài hát của Dương Thiệu Tước.*

Và đến đây thì cũng đã kết thúc chương trình “Ca khúc Việt Nam” do Thanh Trang thực hiện buổi nay. Xin gửi đến quý thính giả lời chào thân ái và xin hẹn nhau lại đến tuần sau!

(Nhạc nền kết thúc)

Suối Tóc” của Thái Đắc Nhã

Le Văn Hoa 

Làm và chơi là hai việc khác nhau, nhưng trong lĩnh vực nghệ thuật, nhất là nhiếp ảnh thì hai phần kia rất gần nhau và nhiều khi kết làm một. Một thợ ảnh và một nhiếp ảnh gia có thể là một. Một ông phó nhòm cũng có thể là một nghệ sĩ nhiếp ảnh. Trong thực tế ta có Nhiếp Ảnh Gia Nguyễn Mạnh Đan, người chụp hình và là chủ nhân tiệm ảnh Nguyễn Mạnh Đan, ta có Trần Cao Lĩnh, người chụp ảnh và là chủ nhân hiệu ảnh Đồng Đa ở Sài Gòn. Rồi có Cao Thắng, Nguyễn Kỳ, Lý Lan Siêu, Trần Việt và nhiều người khác. Như vậy lấy gì để phân biệt hai trong một như trên?

Thật ra câu trả lời không khó. Khi mình làm công cho người ta để nhận tiền là “thợ”, còn làm riêng cho mình thì là “gia”. Nói như vậy cũng chưa đủ. Muốn thành “gia” thì ngoài việc mình làm cho sự thỏa thích hay mục đích theo đuổi của mình, người “gia” phải có trình độ cao hơn “thợ”.

Trong cộng đồng người Việt ở Orange County, Nam California, chúng ta có một



“thợ” kiêm “gia” rất nổi tiếng là Thái Đắc Nhã. Tôi được biết Thái Đắc Nhã từ đầu thập niên 1970.

Một hôm Nhiếp Ảnh Gia Nguyễn Cao Đàm từ Bộ Thông Tin gọi điện thoại cho tôi, giọng hào hứng: “Này Khoa, mình mới khám phá một tay ảnh khá lắm. .” Tôi hấp tấp cắt ngang: “Vậ à? Người đó tên gì? Già hay trẻ?”.

Cao Đàm đáp: “Tôi không rõ già hay trẻ, nhưng có lẽ còn trẻ, tên rất mới: Thái Đắc Nhã. Chụp hình có vẻ I-ta-li lắm. Anh ta gửi ảnh dự thi nhiếp ảnh. Hôm nào rảnh ghé xuống xem nhé.”

Tên Thái Đắc Nhã đến với tôi từ đó. Tôi đã được gặp Thái Đắc Nhã nhiều lần. Anh người rất trẻ, mảnh khảnh, cao, ăn nói rất nhu mì. Rồi chúng tôi có cơ hội làm việc với nhau từ trước '75. Đến khi qua Mỹ chúng tôi gặp nhau thường hơn và sinh hoạt nhiều hơn trong Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam.

Sau '75 Thái Đắc Nhã chụp ảnh dạo ở vườn thú Sài Gòn. Qua Mỹ lần lần Thái Đắc Nhã lập nên cơ sở nhiếp ảnh và phóng ảnh “Reflection” lớn nhất, chụp



Thái Đắc Nhã
Thanh Hằng

ảnh chân dung và ảnh đám cưới rất thành công, nhờ tất cả đều làm trong nội cơ sở mình. Trang điểm thì có Thanh Hằng, người có khiếu thẩm mỹ đặc biệt. Chụp ảnh thì có Thái Đắc Nhã. Hầu hết ca sĩ đều nhờ đến tài nghệ của ông để có ảnh đẹp làm bìa báo và bìa băng nhạc. In ảnh và phóng lớn thật lớn thì có toán chuyên viên thành thạo việc làm. Sự thành công đó của Thái Đắc Nhã thuộc lĩnh vực nghệ. Tôi muốn nói đến khía cạnh khác là nghiệp.

Theo tôi, Thái Đắc Nhã bước chân vào nhiếp ảnh như là môn chơi. Chơi rồi thành nghệ. Khi thành nghệ vẫn không quên chơi. Bây giờ ta thử xem Thái Đắc Nhã “chơi” có đạt không.

Khi mục “Chụp Ảnh Đẹp” * này bắt



Suối Tóc 1 - Thái Đắc Nhã

đầu từ hơn một năm trước, trong bài đầu tiên đã có ảnh “Suối Tóc” của Thái Đắc Nhã. Tác phẩm ấy đã gây chấn động trong giới yêu ảnh đẹp trên toàn thế giới. Ông đã chiếm Huy Chương Vàng trong cuộc thi ảnh quốc tế rất lớn ở Áo (Austria). Tôi nghĩ các bạn đã nhớ ảnh đó rồi. Một cô gái xõa tóc đen trên nền toàn trắng, một tương phản rất mạnh, nhưng rất dễ thương. Một ảnh khỏa thân nhưng rất kín đáo nên không thấy gì hết.

Mái tóc dài đã là đề tài cho rất nhiều bài thơ, bài văn, bài nhạc và hình của nhiếp ảnh. Trong giới ảnh, thành công nhất của loại ảnh này thì ngoài cố Nhiếp Ảnh Gia Phạm Văn Mùi, bây giờ ta có Thái Đắc Nhã.

Suối Tóc 2 - Thái Đắc Nhã



Trước hết tôi nói “cái kém” của Thái Đắc Nhã. Ông không màu mè, không cầu kỳ, đơn sơ đến tận cùng. Thấy sao nói vậy. Thấy tóc dài thì gọi là tóc dài. Ta tạm đặt cho ảnh của ông cái tên có vẻ thơ mộng hơn một tí là Suối Tóc, nhưng vẫn giữ chất đơn sơ của ông nên gọi là Suối Tóc 1, Suối Tóc 2, v.v. . .

Gặp một người đẹp có suối tóc đẹp, không người ảnh nào chụp chỉ một ảnh. Dĩ nhiên Thái Đắc Nhã đã chụp rất nhiều ảnh mái tóc độc đáo này. Mời bạn xem tác phẩm trúng giải thưởng quốc tế của Thái Đắc Nhã, ảnh “Suối Tóc 1”.

Để rộng đường nhận xét, mời bạn xem vài ảnh Suối Tóc khác không dự thi của ông. Đã có người đẹp với mái tóc đẹp, nhưng làm sao để chụp hình ra ảnh có tính chất nghệ thuật là chuyện khác. Thái Đắc Nhã cô tình tạo sự tương phản mạnh giữa trắng và đen. Trắng của hậu cảnh và áo quần, còn đen là mái tóc dài. Ông giữ lại một chút màu rất lợt của da mặt và hai bàn tay cô gái. Không dùng màu để quyến dụ hay đánh lừa người xem. Tóc dài là chủ đề của ảnh, phải làm sao cho chủ đề rõ ra. Trong trường hợp này làm cho chủ đề rõ không khó, nhưng phần không phải là chính phải hỗ trợ để tôn chủ đề lên tột đỉnh mới thành công.

Tong ảnh “Suối Tóc 2” tuy không thấy trọn, nhưng ta biết cô gái chống cùi chỏ và nằm sấp, tóc trải dài ra trước và chiếm trọn khoảng cách từ trái qua phải của ảnh được cắt đẹp để tạo ảo tưởng chiều dài. Trong ảnh điểm nhận thấy rõ là mặt và hai bàn tay của cô gái, nhưng những điểm này chỉ tăng

thêm chiều dài của tóc.



Suối Tóc 3 - Thái Đắc Nhã

Sự thành công đầu tiên của tác giả là ở điểm này. Cũng trong ý hướng đối chiếu đó, tác giả cho người mẫu ngồi dựa nghiêng, mái tóc kéo dài theo thân người. Tóc từ đỉnh đầu xuống đến chân. Phần thấy được của người là mặt và hai tay, dĩ nhiên quá ngắn sánh với chiều cao của toàn người. Ta thấy quả nhiên tóc thật dài.

Trong ảnh “Suối Tóc 3” ta thấy cô gái eo lả hơn, hấp dẫn hơn ảnh trên chỉ thấy có một phần rất ngắn của người. Dáng điệu tăng thêm ý nghĩa của ảnh. Tóc ở đây có đối tượng và đối điểm nên xem lý thú hơn.



Suối Tóc 4 - Thái Đặc Nhã

Mời bạn xem một ảnh kể là “Suối Tóc 4”.

Ở đây tác giả cho người mẫu có một việc làm để đỡ gương khi “bị” chụp hình. Cô ôm đàn Tì Bà, một loại đàn thon, gọn, rất đẹp. Người ôm đàn có tính cách làm cảnh hơn là đàn thật vì thế ôm đàn chưa chuẩn, nhưng dù sao hai tay cô có việc làm nên không bị thừa thãi. Trong ảnh này ta có thêm một vài màu ám, rất nhỏ, đó là tua dây vàng và đỏ dùng làm đẹp cho cây đàn. Điểm chính vẫn là mái tóc huyền thật dài.

Các bạn có người thân đẹp, tôi đề nghị nên đưa đến người chuyên môn để họ giúp bạn lưu giữ sắc đẹp ấy vào vĩnh cửu. Thời gian qua nhanh, sức tàn phá của thời gian thật khủng khiếp, nhưng ảnh ghi nhận được nét đẹp ấy sẽ còn đến lâu dài. Cô gái trong ảnh các bạn vừa xem không còn mái tóc dài, nhưng ảnh này sẽ lưu mãi đến nhiều đời sau.

Lê Văn Khoa 

Tháng 8, 2010

Ghi chú:

* Mời quý vị vào xem các bài viết của Lê Văn Khoa với ảnh màu trong mục “Chụp Ảnh Đẹp” ở website Cỏ Thom:

TẬP SAN CỎ THƠM
và sách của
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
có bán tại

Washington Music

Eden Center

6795 Wilson Blvd. #26

Falls Church, VA 22044

Tel. 703 538 4979

CHÚC MỪNG



DUY QUỐC PHAN và LEIGH ANNE LEWIS
đã làm lễ thành hôn ngày 14 tháng 8 năm 2010 tại Richmond, Virginia.
Xin chia vui cùng Nhạc Sĩ Phan Anh Dũng và Phu Nhân Tâm Hảo. Chúc
DUY QUỐC PHAN và LEIGH ANNE LEWIS
trăm năm hạnh phúc.

TOÀN BAN TRỊ SỰ VÀ BIÊN TẬP TAM CÁ NGUYỆT SAN

Một Chút Cảm Nghiĩ Về Cộng Hòa Ukraine

Phan Anh Dũng

Từ lúc quen biết Nhà Soạn Nhạc Lê Văn Khoa và qua những CD của anh như Symphony Vietnam 1975, Memories, Lullaby, Souvenir ... tôi đã bắt đầu làm quen với những tên như: Kyiv Symphony Orchestra & Chorus (KSOC); Lyudmila Chychuk - dương cầm thủ độc tấu bài *Remembrance* tuyệt vời; Svyatoslava Semchuck - vĩ cầm thủ đàn bài *Nocturne* thật ngọt ngào quỵện theo tiếng dương cầm đầy kinh nghiệm của Irina Starodub; và Katerina Myronuk với tiếng đàn thánh thót độc đáo qua bài dân ca Việt Nam *Trống Cơm* soạn cho bandura, cây đàn 40 dây cổ truyền của Ukraine ...

Qua tiếng đàn điêu luyện đầy tình cảm của một số nhạc sĩ trong các CD này, tôi đã có thiện cảm với Ukraine, một quốc gia có truyền thống nhạc cổ điển lâu đời với những viện âm nhạc đã đào tạo nhiều thế hệ nhạc sĩ lừng danh thế giới, trong đó có 3 danh cầm mà những ai tập nhạc cổ điển đều biết và thán phục: Vladimir Horowitz (dương cầm) và Nathan Milstein, David Oistrakh (vĩ cầm).

Khi có dịp gặp anh Khoa, tôi lại hỏi thêm để biết về phong tục tập quán của họ vì anh Khoa và hiền thê là chị Ngọc Hà đã từng qua Ukraine nhiều lần cộng tác với dàn giao hưởng ở trên để thu âm cho các CD. Khi đã có mối quan hệ thân thiết, KSOC cũng đã tổ chức một buổi hòa nhạc giới thiệu dòng nhạc của Lê Văn Khoa và mời anh chị qua tham dự ở Kyiv năm 2007.

Xem lại lịch sử cận đại của Âu Châu thì thấy những diễn biến quan trọng như sau:

- Năm 1989: Các chính phủ Cộng Sản ở Đông Âu bị sụp đổ như Ba Lan, Tiệp Khắc, Hung Gia Lợi, Bảo Gia Lợi, Đông Đức...

- Năm 1990: Bức tường ô nhục Bá Linh bị dân chúng đập tan. Đông Đức và Tây Đức bắt tay hòa giải, thống nhất đất nước.

- Năm 1991: Chính phủ Cộng Sản ở Nga bị giải thể. Một số quốc gia bị nhập vào Liên Bang Sô Viết sau hai Thế Chiến đã mạnh dạn tuyên bố độc lập tự trị, trong đó có Ukraine (vào ngày 24 tháng 8, 1991).

Tên chính thức của Ukraine là Cộng Hòa Ukraine (The Republic of Ukraine), một quốc gia rộng khoảng 600 ngàn km vuông (nhỏ hơn Tiểu Bang Texas một chút); với khoảng 46 triệu dân (theo thống kê năm 2010), đứng hàng thứ 5 ở Âu Châu,



Nhạc Sĩ Katerina Myronuk
với đàn bandura

gồm: 78 % người gốc Ukraine, 18 % người Nga, 4% còn lại là dân ở các quốc gia lân cận. Khoảng 3 triệu người sinh sống ở Kyiv, Thủ Đô của Ukraine. Một số thành phố lớn khác như: Kharkiv, Odesa, Dnipropetrovsk, Lviv, Donetsk, Zaporizhzhya ... Các quốc gia cạnh biên giới gồm có: Belarus, Nga, Ba Lan, Slovakia, Hung Gia Lợi, Moldova, và Romania. Phía Nam của Ukraine là Hắc Hải (Black Sea), phía bên kia là Thổ Nhĩ Kỳ. Dnipro là con sông lớn và quan trọng nhất của Ukraine, chạy từ Bắc xuống Nam. Đất đai của Ukraine màu mỡ - phần lớn đất đen - rất tốt cho nông nghiệp. Từ khi độc lập đến bây giờ, ngôn ngữ riêng, Chính Thống Giáo (Orthodox) và văn hóa của Ukraine đang được phục hồi. Quốc Kỳ của Cộng Hòa Ukraine có hai màu, cân bằng về kích thước: phía trên màu xanh dương (tượng trưng cho bầu trời và sông nước) và phía dưới màu vàng (tượng trưng cho đồng lúa mì và hoa hướng dương - sunflowers).



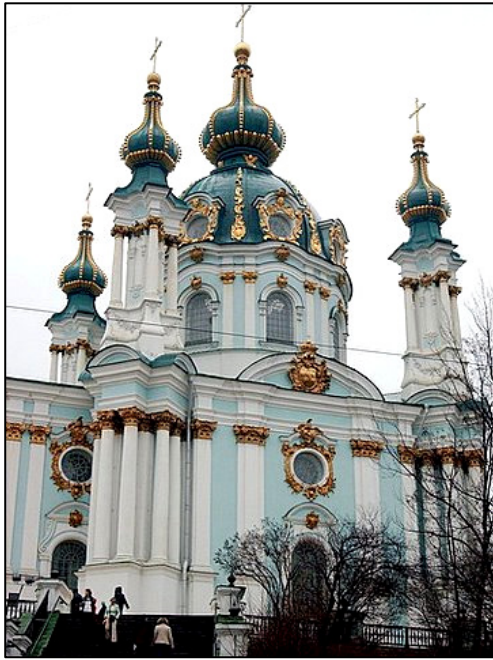
Bản đồ sơ lược của Cộng Hòa Ukraine

Anh Lê Văn Khoa có nhắc đến những kỷ niệm đẹp về thành phố Kyiv, những người nhạc sĩ trong dàn giao hưởng KSOC, tình tình hiền hòa, hiếu khách, những món ăn quốc hồn quốc túy như xúc xích (kovbasa), súp củ cải đỏ (borsch), bánh hấp nhân trái cây hay nhân thịt (varenyki), “Gà Kyiv” - gà rút xương bao bột, chiên giòn, cuộn với bơ và gia vị. Đây là xứ lạnh và chuyên về nghề nông nên cần ăn nhiều chất dầu mỡ hay chẳng? Quần áo dân tộc của Ukraine có nhiều màu rất sặc sỡ và trong những hội hè thường làm một loại bánh đặc biệt (kolach) có rải muối ở trên.



Quần áo cổ truyền của Ukraine

Một trong những sự kiện đen tối nhất trong lịch sử Ukraine là nạn đói năm 1932-1933, đã giết chết gần 10 triệu người (khoảng 20% dân số lúc ấy, trong đó 1/3 là trẻ em). Theo như bài viết “*Holodomor - Ukrainian Genocide in the early 1930’s*”, trong trang mạng của Tòa Đại Sứ Ukraine tại Hoa Kỳ, tội diệt chủng Ukraine bằng cách bỏ đói của Cộng Sản Liên Xô đã được dấu kín và che đậy. Theo như tài liệu này, Stalin đã ra lệnh tịch thu tất cả thực phẩm, trâu bò, hạt giống của nông dân Ukraine. Sau đó đóng cửa



Nhà Thờ St Andrew ở Kyiv, Ukraine

biên giới không cho người dân Ukraine thoát ra kiếm ăn ở các bang lân cận, bắt giam và đưa 80% thành phần trí thức vào các trại tập trung ở Tây Bá Lợi Á và cấm không cho phổ biến văn hóa Ukraine. Ukraine lúc bấy giờ được xem như “thúng bánh mì (breadbasket)” của Liên Bang Xô Viết, với 28% tổng lượng lúa mì. Stalin muốn tập trung quyền lực về Moscow nên không chịu được truyền thống bất khuất và ý chí dân tộc mạnh mẽ của Ukraine, nhất là thành phần nông dân vẫn muốn giữ truyền thống nông nghiệp và không chịu tập thể hóa. Sau khi phần lớn nông dân Ukraine bị chết đói và rời bỏ làng mạc ra đi về các tỉnh thành hay buộc làm việc trong các cơ xưởng thì Stalin cho những người dân Nga

và các bang lân cận di dân vào chiếm cứ nông trại và thực hiện chính sách tập thể hoá nông nghiệp (collectivization). Từ đó, người dân Ukraine đã phải quy phục như nô lệ trước bàn tay sắt máu của Trung Ương Đảng Cộng Sản Liên Xô!

Trong một Lễ Tưởng Niệm Nạn Nhân của Holodomor (theo tiếng Ukraine, “holod” là “đói, bị bỏ đói, nạn đói; và “moryty” là giết, tiêu diệt”), Tổng Thống Viktor Yushchenko của Cộng Hòa Ukraine tuyên bố như sau: *”Tôi lên tiếng với tất cả mọi người để thay mặt một quốc gia đã mất khoảng 10 triệu người, kết quả của cuộc diệt chủng Holodomor ... Chúng tôi nhấn mạnh cho toàn thế giới để hiểu sự thật về những tội ác chống lại nhân loại. Chỉ có cách đó chúng ta mới chắc chắn được những kẻ gây tội ác sẽ không còn bạo dạn vì sự hờ hững của mọi người”.*



Đài Tưởng Niệm Nạn Nhân Holodomor ở Kyiv, Ukraine

Mấy trăm năm qua, người dân Ukraine cũng đã trải qua nhiều chinh chiến với các quốc gia lân cận như Ba Lan, Áo ... và trong Thế Chiến Thứ Hai, Ukraine, vì thuộc

Nga Xô, là nơi xảy ra nhiều trận đánh ác liệt giữa Nga Xô và Đức Quốc Xã. Khoảng 8 triệu người đã chết và rất nhiều thành phố, đường xá, nông trại bị tàn phá. Đọc lịch sử của Ukraine, tôi không khỏi ngậm ngùi nghĩ đến lịch sử oai hùng nhưng không kém đau thương của Việt Nam với những chiến tranh chống lại quốc gia khổng lồ Trung Hoa ở phía Bắc, dành độc lập từ Thực Dân Pháp và cuộc chiến tranh vừa qua, khoảng 5 triệu người chết, gây nên bởi Hồ Chí Minh và những người Cộng Sản, tay sai của Cộng Sản Xô Viết. Tôi cũng không khỏi không nghĩ đến Nạn Đói Năm Ất Dậu 1945, khoảng 2 triệu đồng bào ở miền Bắc đã chết vì chính sách bành trướng ở Đông

Nam Á của quân phiệt Nhật!

Giờ đây Cộng Hòa Ukraine đã được độc lập, tự do, dân chủ và trên đường khôi phục về kinh tế và văn hóa. Còn Việt Nam yêu dấu của chúng ta, biết đến khi nào đây?

Phan Anh Dũng (cuối Hạ 2010)

Tài liệu tham khảo:

1. website của Tòa Đại Sứ Ukraine tại Hoa Kỳ: <http://www.mfa.gov.ua/usa/en/>
2. các websites về Ukraine trên internet
3. "Ukraine - Enchantment of the World": Patricia K. Kummer
4. "Ukraine - Cultures of The World ": Volodymyr Bassis

Bác Sĩ

NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine



- Nguyên Bác sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới
(Bệnh Viện Chợ Quán cũ)
- Tốt nghiệp hậu đại học Nội Khoa tại New York
- Bác sĩ điều trị tại bệnh viện Alexandria, Virginia



CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG

VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

6305 Castle Place, suite 3D, Falls Church, VA 22044

Tel. (703) 538-2200 -- Fax: (703) 538-2201

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ Hai - Thứ Sáu:
9:00 AM - 6:00 PM

Thứ Bảy: **10:00 AM - 2:00 PM**

Chủ Nhật: Theo hẹn

Nhận Medicaid, Medicare,
và các loại bảo hiểm.



Thiền Trong Nhiếp Ảnh

Trương Anh Thụy

Giữa thời buổi văn minh vật chất đang cực thịnh, chế ngự trên toàn thể đời sống con người khiến con người chỉ còn là một cái máy cho người ta bấm nút là chạy bán mạng, không tự chủ được nữa... thì cũng có một số người khôn ngoan, chợt nhận ra rằng cần phải bung ra khỏi cái guồng máy khổng lồ giết người này, tự tạo ra cho mình một vài khoảng thời gian ngắn ngủi xen kẽ giữa công việc kiếm sống hàng ngày, tìm một chỗ dựa tinh thần, một "nơi ẩn náu" để tâm trí có cơ hội lắng xuống, nhìn vào bản thể... mới mong có được quân bình trong tâm hồn, trong cuộc sống... Bởi thế càng ngày chúng ta càng nghe người ta nói nhiều đến "Thiền": Thiền trong hội họa, trong thi ca, âm nhạc, cắm hoa, trồng trọt, uống trà, đi bộ...vv...và...vv... Có thể nói là "Thiền" có ở trong mọi thứ, mọi việc mà người ta khả dĩ đặt được cho nó một cái tên. Nhưng trong bài này, tôi muốn đóng khung trong phạm vi "Thiền trong nhiếp ảnh." Và trước hết chúng ta hãy thử tìm hiểu "Thiền" là gì?

Sẽ có người... "cãi cho đến chiều" về định nghĩa của "Thiền". Điều đó cũng đúng và cũng "nên" lắm là vì với môn học cao với vội, sâu hun hút này, ngay cả Đức Phật khi còn tại thế cũng phải chật vật lắm mới làm cho đệ tử của Ngài hiểu được. Sách chép câu chuyện "Niêm Hoa Vi Tiểu" rằng một hôm Đức Phật giảng về Thiền, mấy ngàn đệ tử ngồi nghe chẳng ai hiểu gì cả.

Ngài bèn rút trong tay áo ra một bông hoa sen, dơ lên. Mọi người đều ngơ ngác không hiểu Phật muốn nói gì, chỉ có Ông Ma Ha Ca Diếp mỉm cười. Phật nói: "Ta biết ông hiểu rồi." Vậy thì nếu chúng ta có như một trong mấy ngàn đệ tử còn lại kia không hiểu, hay hiểu sai thì cũng chỉ là tự nhiên thôi!

Trở lại chuyện "Thiền trong nhiếp ảnh", trước khi bàn xa hơn về bộ môn này, tôi xin thưa trước rằng tôi dùng những từ ngữ, những thí dụ trong Đạo Phật chỉ vì đạo Phật gần gũi đối với tôi, chứ tôi không hề quan niệm "thiền" tuyệt đối chỉ dành riêng cho Đạo Phật, vì sự thật "Thiền" có ở mọi giới, mọi ngành, mọi tôn giáo... Trong cõi trần gian này, bất cứ làm việc gì người ta cũng có thể nhập vào thiền được cả.

Nhiếp Ảnh Gia Peter Zack, trong một bài viết có tựa đề "Why Photography is Meditation" đã so sánh "Nhiếp ảnh" với "Golf" và cho rằng hai bộ môn này giống nhau ở chỗ đều có "Thiền" trong đó. Ông nói đại khái: "Golf" là một môn thể thao duy nhất không giống các môn thể thao nào khác ở chỗ người chơi Golf là người chỉ tỷ thí với chính mình, cho dù người ấy có thể đi chơi với vài người bạn, so sánh điểm cao thấp hoặc bàn bạc về những cú "sút" ngoạn mục... Nhưng tựu trung, trong cuộc chơi, ông ta phải một mình "tâm sư học đạo", lục tìm những tin tức mới trong sách vở, báo chí, Internet... và còn phải tiếp tục khám phá dài dài trong kinh nghiệm... để đi đến hoàn hảo. Rồi ông kết luận: Việc chơi Golf và việc chụp ảnh tương tự. Người ta thư giãn, thân nhận tất cả [những gì trước mắt],

bỏ lại sau lưng tất cả [những phiền toái] và tập trung vào trò chơi (Golf) hay chụp ảnh. Các Thiền sư thời xưa có kể lại một câu chuyện khá lý thú : "Có bà thợ may kia vừa lú lẫn vừa dốt nát, không thể lãnh hội lời thuyết pháp của Phật về Thiền. Phật bèn dạy bà khi may áo hãy chú ý, tập trung vào từng mũi kim may. Bà vâng lời, cứ từng mũi kim bà trút hết tâm tư vào đó. Lần lần tâm bà trong sáng vì bỏ ra ngoài được tất cả các 'vọng niệm' lẫn 'tạp niệm'... Cuối cùng bà thành một A-la-hán."

Vậy thì hãy tạm hiểu Thiền là: **chủ thể** và **đối tượng** nhập lại làm **một**. Người ta tập trung vào một cái gì đó để cho các "vọng niệm", "tạp niệm" không còn ở trong tâm. Tâm lúc đó được gọi là "chân tâm". Đầu óc trống rỗng, trong sáng như cái bình pha lê có ánh trắng rơi vào.

Từ đó chúng ta hãy thử tìm hiểu "Thiền" có thể "lên" vào Nhiếp ảnh như thế nào? Trong nhiếp ảnh, người chụp ảnh đứng trước cảnh vật, nhìn chăm chú vào cảnh vật, loay hoay tìm góc cạnh ưng ý

nhất, xoay qua xoay lại ống kính để tìm điểm rõ nhất... một lúc tâm hồn người ấy nhập vào cảnh vật, tức là tâm hồn mình với đối tượng không còn phân biệt nhau. Minh không còn là chủ thể, cảnh vật không còn là đối tượng, cả hai chỉ là một. Người nghệ sĩ thuộc bộ môn này phải chờ đợi tâm hồn mình thấm sâu vào cảnh vật thì mới bấm máy chụp. Họ đã vô tình bước vào cõi Thiền.

Bạn hãy thử tưởng tượng một buổi sáng

còn mờ mịt hơi sương... Có một nhóm người, trên vai vác máy ảnh có gắn những ống kính đồ sộ công kênh, từ loại "Wide angle" đến "telephoto zoom lens" dài thòng. Thêm vào đó lại còn có chân đứng (tripod), ghế gấp, lương thực... mà vẫn cứ hăm hở tiến bước tới tụ điểm chụp ảnh. Không ai có dáng vẻ mệt mỏi, không nghe ai cạp rạp than van gì, ngay như cả các bà, các cô mảnh mai, loại người mà ở nhà thì trói gà không chặt... Tại sao vậy nhỉ? Tại sao họ lại có nhiều năng lực đến thế nhỉ? Phải chăng, vì những lúc đó trên vai họ, trong tâm hồn họ chỉ mang có bấy nhiêu thứ, còn các "gánh nặng" khác nặng hơn gấp nhiều lần, như "bill", nợ "mortgage", việc học hành hay những vấn đề phức tạp của con cái, công việc ở sở làm, ở cơ sở thương mại riêng, thị trường chứng khoán lên, xuống... họ để lại sau lưng, họ để ở nhà...

Và bạn hãy thử nhìn một nhiếp ảnh gia sau ống kính, đang để hết tâm trí hướng về phía mặt trời mọc... kiên nhẫn chờ mặt trời nhích

lên từng tí chút... dần dần toả lan rộng trên mặt nước lăn tăn một vạt vàng lóng lánh... để bấm một cái, rồi lại chờ đợi... bấm một cái nữa... cứ thế, cứ thế... cho đến khi mặt trời lên cao quá mức đã định.

Rồi bạn lại nhìn một ông/bà/cô đang "chổng mông" (xin lỗi tôi phải dùng từ thô kệch như vậy để cho có hình tượng), chăm chăm rơi ống kính vào một bông súng nằm soi bóng trên mặt hồ.... Hãy thử tưởng tượng, chỉ cần một cơn gió mạnh, hay một



người đi qua vô ý đụng nhẹ phải là người ấy có thể "lộn cổ xuống nước" làm một Lý Bạch* tân thời ngay! Rõ ràng là tâm của các nhiếp ảnh gia này đã nhập vào bông súng: Chủ thể và đối tượng đã nhập làm một.

Rồi hãy nhìn ai kia! Tại sao không cầm cái lon xịt sâu mà xịt xối xả vào tấm thân bé mọn của một con sâu như ông/bà/cô thường làm ở vườn sau nhà? Mà ở chỗ này người ấy lại kiên nhẫn theo dõi con sâu chậm chạp bò trên một chiếc lá, để một lúc nào đến chỗ thật "đắc địa" thì mới bấm máy. Rồi cũng lại đối xử như thế với con ong, con dế...v...v... nhìn chúng như những đối tượng "kiểu mẫu xinh đẹp" lý tưởng! Thế có phải là một nhiếp ảnh gia bỗng dung trở thành từ bi, bình đẳng... nhập hồn cả vào những vật nhỏ nhoi nhất như con ong, cái kiến không?

Về mặt này thì ông Peter Zack có ý kiến rất hay. Cũng trong bài "Why photography Is Meditation", ông nói: "Điểm tôi định nói là phải tập trung. Tập trung tư tưởng vào thể-giới chung quanh mình. Thiền có thể giúp tập trung vào cuộc sống, **nhập ảnh tập trung vào cái nhìn của mình**. Tôi nghe thấy quá nhiều người nói, 'Tôi mất cái ngón nghề chụp ảnh của tôi rồi. Tôi không còn biết phải chụp cái gì nữa'. Tôi nghĩ, họ nói như vậy là họ trật đường rầy rồi. Cứ nhìn xuống chân mình là thấy có cái để chụp. Hãy cứ nhìn vào đời một cách khác đi và tập trung vào những chi-tiết làm tăng vẻ của thể-giới chung quanh mình. Hãy chụp theo một phong cách khác với cách mình thông thường vẫn chụp. Nếu mình thích chiều tà thì đi chụp rạng đông vào lúc 5 giờ sáng. Chắc chắn bạn sẽ thấy một cái gì khác. Nếu suốt đời bạn từng chụp phong cảnh thì hãy thử đi ra

mà chụp mấy người vô gia cư ngoài đường phố. [Bạn sẽ thấy khác hẳn.]

("The point I'd like to make though is about focus. To focus on the world around you. Meditation can focus your life, photography can focus your vision. I hear so many people say, I've lost my *photo mojo*. I just don't know what to shoot. I think sometimes, they miss the point. Look down at your feet and you will see something worth taking a picture of. Try to look at the world differently and focus on the small details that enhance the surroundings. Shoot a style that isn't what you normally would consider. If you like sunsets, then go out and shoot a sunrise at 5:00AM. I bet you'll see something different. If you take landscape shots all the time, go out and shoot homeless people on the street.")

Tôi không biết sẽ có bao nhiêu người trở thành "A-la-hán" trong bộ môn Nhiếp ảnh, nhưng tôi tin chắc rằng, một nhiếp ảnh gia đã có một đời sống, một tâm hồn khác nhiều so với chính ông / bà/ cô ấy trước khi bước vào "nghề" này. Họ đã kiên nhẫn hơn, họ sáng tạo hơn, họ nhìn đời với con mắt thiện cảm và cởi mở hơn... tại vì với họ, không có cái gì là tuyệt đối xấu, tuyệt đối vô nghĩa... Ngoài ra những phút tận hưởng thiên nhiên, những phút "nhập thiền" họ có được trong khi "săn ảnh", cũng đã là những liều thuốc tiên làm lành lặn lại những vết thương do đời sống chung quanh tạo ra như máy móc, vật chất, lo âu, tất bật, vất vả... vô tình làm tổn thương tâm hồn họ ngày này qua tháng khác.../.

Chú Thích: Lý Bạch là Lý Thái Bạch, một nhà thơ lừng danh bên Tàu vào đời Đường. Một đêm ông đang đi thuyền trên sông trông thấy mặt trăng dưới đáy sông, ông yêu thích quá bèn nhảy xuống nước ôm trăng!

Người Em Gái Buồng Tầm

Nguyễn Hương N.C.

*Elle a passé, la jeune fille
Vive et preste comme un oiseau:
A la main une fleur qui brille,
A la bouche un refrain nouveau.
Gérard de Nerva(1)*

Lời vào truyện.

Một địa danh có từ lâu đời, một họ đạo không xa thành phố lắm, độ 30 km, tuy vậy ít người đi tới nơi.

Theo sổ sách địa bộ cổ xưa còn lại, buổi đầu tiên một nhóm giáo dân chạy loạn trồng dâu nuôi tằm đặt tên vùng đất mới: Xóm Buồng Tầm. Họ đạo Buồng Tầm thuộc giáo xứ Thạch Hàn (Đá Hàn), làng Kim Ngọc, huyện Hương Trà, tổng Long Hồ.

Hiền hòa, đơn sơ, xóm đạo Buồng Tầm cũng như họ đạo Phú Cam buổi nguyên sơ, nguồn gốc công giáo đạo hạnh từ trên trời (*Catholicisme enraciné dans le ciel*). Buồng Tầm sống đạo, đưa đạo vào đời, nơi vùng đất hứa Dương Hòa, dù khốn khổ chịu đựng bao nhiêu bất hạnh, bạo lực hung tàn dồn dập tới tấp.

Chỉ còn 10 gia đình sống sót sau biến cố Văn Thân, hai đêm liên bị tàn sát, (đêm 19-12-1883, đêm 21-12-1883), Buồng Tầm tưởng bị xóa sổ bộ đời, không ngờ như phép lạ an bài, Buồng Tầm đứng dậy được,

chung sức chung lòng xây dựng lại xóm làng, họ đạo. Từ đó địa danh Buồng Tầm đi vào lịch sử giáo hội Đàng Trong, lịch sử địa phận Huế.

Kể từ ngày khai sinh giáo hội/Trăm năm như khí thuận Dương Hòa
Ba chìm ba nổi giữa phong ba / Lúc tụ lúc tan tùy cảnh ngộ!

Lời linh mục Đa Minh Hồ Ngọc Cẩn (sau này giám mục tiên khởi địa phận Huế) mừng giáo hữu Buồng Tầm, mừng Buồng Tầm từ đạo hoa trái đầu mùa, ngày thụ phong linh mục Nguyễn Văn Ngọc (26-5-1834).

Gác Ngự Viên: câu chuyện dưới đây do người bạn kể lại. Chuyện cũ ba bốn mươi năm, nhưng mới trong tâm tư người kể chuyện, mới đối với độc giả đang theo dõi câu chuyện.

Ngày xưa, nói rõ hơn trước biến cố Văn Thân, chưa có địa danh Buồng Tầm, mà chỉ có thôn Dương Hòa. Như bạn đọc nhìn thấy qua bản đồ Huế-Thừa Thiên, thôn Dương Hòa, thuộc tổng Long Hồ, huyện Hương Trà, một thung lũng cạn hẹp, băng rú băng ri, đi hết núi tới khe: Bắc giáp các thôn Võ Xá, Đinh Môn, Dạ Khê, Kim Ngọc, Nam giáp động Man Châu, núi Ké, khe Ran Ban.

Xa xa phía đông Dương Hòa là Sông Hương, nguồn Tả Trạch chảy qua Khe Môn, từ đó lên Võ Xá, Đinh Môn. Phía tây

Dương Hòa dài dài núi rừng nguyên thủy cận kề Sông Hương, nguồn Hữu Trạch. Đến Ngã Ba Tuần, hai dòng hợp một, từ đó đến chợ Tuần, đồi Thiên An, núi Ngọc Trản (Điện Hòn Chén), đồi Vọng Cảnh.

Thời Tự Đức, vào khoảng thập niên cuối cùng, trốn tránh lệnh cấm đạo và bắt đạo, một số giáo dân Dương Sơn và Phủ Cam chạy loạn, ngược dòng Sông Hương lên Ngã Ba Tuần, lần mò đến Thôn Dương Hòa, tạm dừng chân nơi đây, rừng rú hoang vu hẻo lánh hy vọng yên thân giữ đạo. Đốn tre, đẵn gỗ, cất cỏ, đẽm tranh làm nhà cửa, khai khẩn đất đai, trồng dâu nuôi tằm, lần hồi khai sinh vùng đất mới: Xóm Buồng Tằm.

Buồng Tằm sống đạo giữa đời loạn lạc chiến tranh. Hết Văn Thân đến Mậu Thân, rồi “chiến khu” Dương Hòa bạo lực, tang tóc uất hận, đoạn đường thánh giá còn dài từ đó về sau:

Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
Cơn lâm lụy vừa trải qua dưới thế
Hàn Mặc Tử

Một thời điêu linh, xóm đạo điêu tàn.

Cô gái Phủ Cam theo mẹ theo cha lên rú lên ri, trồng dâu nuôi tằm vốn là truyền thống của họ đạo Dương Sơn dệt thao dệt lụa đẹp nổi tiếng Thừa Thiên — Huế.

”Làm ruộng ba năm không bằng nuôi tằm một lứa”. Khổ nhọc công lao còn hơn mấy chú mấy cậu đời trước một nong tằm bằng ba nong kén, cả ngày thấp thỏm coi tới coi lui trông ngóng đợi chờ khi tằm lên năm lên bảy!

Tơ Buồng Tằm che nắng gió, lá dâu xanh
Tằm chín đỏ, kén vàng tơ óng ả.

Phủ Cam chiều chiều đòi thông vi vu, nhụy hoa vàng theo gió cuốn lan xa. Sáng sớm, tơ Buồng Tằm đã vắn thì vương. Không vương tơ nữa cũng nằm trong tơ.

Năm tháng qua, mây thế hệ lùi dần trong dĩ vãng.

Người Buồng Tằm đêm mơ ngày, ngày đứt ruột nhớ Phủ Cam. Nhớ xóm làng, nhớ hàng rào bông cần sau vườn. Nhớ rau ngắt ngơ cập kề rau bác bác, canh tập tàn (2) ngày tháng nuôi nhau.

Nhớ nhà xưa ôn mẹ, cây ổi cây xoài trước hàng hiên, bông bưởi bông chanh cha mạ lôn trồng ai nữ bưng đi.

Nhớ bạn bè, trở lại xóm làng cũ chuông nhật một, họ ven họ đồng, lần chuỗi đọc kinh hôm mai ngày tháng. Hòn độn Phủ Cam, lớp người mới cư ngụ, mô mô đó loạn lạc tìm về bóng cây thánh giá nguyện cầu, linh địa Phủ Cam huyền diệu.

Cũ mới ba bốn đời, gặp nhau lần đầu tưởng như người làng, xóm trên xóm dưới, những con đường hội ngộ, âm thầm hẹn ước mai một anh về!

-Cô ở mô tới đây?

- Dạ thưa anh, em ở đây mấy đời rồi, ôn mẹ nói rứa, cha mẹ nói rứa, chừ em thưa lại anh như rứa.

- Ngộ không, nói như cô mới mà cũ, cũ mà mới, tại răng?

- Dạ thưa anh, tại ri nì! Ngày xưa Phủ Cam mình gặp cảnh “phân sáp”, ôn mẹ chạy trốn, xa lắm mô mô trên năm non tè tè ... lâu ngày lập xóm đạo Buồng Tằm. Bây chừ thế hệ em, khổ nạn Mậu Thân, từ Buồng Tằm trở lui lại Phủ Cam - Phước Quả.

- Buồng Tằm ở mô, nghe nói mà chưa mấy khi có dịp tới nơi!

- Dạ thưa anh, Buồng Tằm đây nè ... có xa ngại chi mô, người Buồng Tằm chạy

giặc đang nói chuyện với anh đây nè! Chạy lên chạy xuống mấy năm ni, mệt rúa rã, khổ lắm anh ơi!

Ngày trước ôn mẹ có lần than thở thờ than: *Ô Châu ác địa* chi xứ mình ... oan khiên bất hạnh dồn dập như ri làm răng chịu cho thấu.

Sống cảnh chạy giặc, bầy chừ em mới cảm thấy thấm thía đoạn trường. Nhưng rúa rã mà em cứ thương cứ nhớ xóm đạo Buồng Tầm - Phú Cam ... Có lạ không anh?

-Không lạ chi hết vì đó là kỷ niệm quê hương, lâu ngày chôn chặt, khó mà tháo gỡ... Chỉ nghe buồn buồn, nhưng dễ thương mấy lời cô nói. Cô thông minh; cô gái Buồng Tầm đạo hạnh như mấy chị nhà Phước Phú Cam lâm râm cầu nguyện Ave Maria.

- Tại răng anh nói rúa?

- Qua lời cô nói, thấy cô hiền hậu thông minh; nghe giọng Huế, thấy cô dễ thương, cái dễ thương hiện rõ trong nét thông minh; dù mới gặp lần đầu ai cũng nhận thấy.

Gặp cô hái dâu Buồng Tầm bữa ni, nhớ chuyện một cô hái dâu khác, cô gái xứ Quảng về sau trở thành bà chúa, bà hoàng xứ Huế mình.

Cành dâu xanh, lá dâu xanh
Một mình em hái một mình em thương
(Nguyễn Bính)

-Ai rúa anh, cô hái dâu mô mà hò hát dễ thương rúa?

-Ngày xưa, tên họ không biết, chỉ biết sử sách truyền tụng cô hái dâu 16 tuổi, người xứ Quảng, thời Trịnh Nguyễn phân tranh, Đàng Trong – Đàng Ngoài!

Chuyện kể rằng một ngày đẹp trời hái dâu trên bãi sông, cô thôn nữ xứ Quảng vừa

làm vừa hát. Cũng vừa lúc ấy, chiếc đò mái cong đưa công tử Nguyễn Phúc Lan đi qua.

Bước chân xuống bãi dâu này
Nuôi tầm cho lớn mong ngày ươm tơ

Tai nghe chúa ngự thuyền rồng
Thiếp thương phận thiếp má hồng nắng mưa.

Tiếng hò nhẹ nhàng truyền cảm nơi thôn ấp vắng vẻ là chuyện hiếm có, hiếm có ngạc nhiên hơn, cô thôn nữ điệu bộ ngây thơ tự nhiên. Không tỏ chút ngại ngùng sợ sệt nhìn thấy đoàn thuyền đi qua làm xao động một khúc sông; con trưởng vị chúa tể Đàng Trong là Nguyễn Phúc Lan.

Cũng là chuyện tự nhiên phải đến, mấy ngày sau công tử Nguyễn Phúc Lan cho đem kiệu hoa rước nàng về dinh!

Công tử Nguyễn Phúc Lan nổi nghiệp cha lên ngôi chúa, chúa Thượng Vương và cô gái hái dâu xứ Quảng, được dân chúng tôn xưng đệ nhất phu nhân xứ Đàng Trong. Đẹp người đẹp nét, thông minh và hiền thực không những được chồng sủng ái, cô thôn nữ xứ Quảng sau này còn được vua Gia Long tuyên dương công đức ngôn hạnh Trinh Thục Hiếu Chiêu Hoàng Hậu.

-Chuyện cô hái dâu nghe như chuyện thần tiên, cô thấy đẹp không?

-Đẹp, đẹp lắm, nhưng em chỉ muốn làm cô gái Buồng Tầm đơn sơ bình thường với xóm với làng, với bạn bè trước sau:

Mẹ Buồng Tầm một đời lao khổ.

Nia kén vàng để lại cho con ...

- Buồng Tầm xóm nhỏ của em không có chi cả, nghèo xác nghèo xơ! Ngày xa xưa một nhóm di cư – di dân tan tác tụ họp lại,

ngày tháng sum vầy chưa được bao lâu thì gặp khổ nạn Văn Thân. Nhà Nước bắt đạo và giáo dân tuần đạo. Tang tóc rồi cũng vượt qua, tưởng được bình yên lâu dài ngờ đâu khổ nạn còn dài dài từ đó về sau.

Anh thử lên thăm Buồng Tằm một lần cho biết. Nhà nguyện mái tranh đơn sơ mới lợp lại, vách đan tre chèn thêm mấy tấm gót mỏng manh, giáo dân lưa thưa độ hơn trăm người. Họ đạo nghèo, nhưng lòng người rộng mở chờ đón mấy anh lên thăm! Anh nhớ lên anh hi. Ai đã qua một lần chạy giặc di cư tị nạn, xin đừng quên nhìn lại đoàn người tỵ nạn vất vả đến sau.

Em xin nhắc lại, anh nên đi một lần cho biết. Anh lên Đá Hàn trước, em chờ anh tại Buồng Tằm, từ đó mình đi thăm xóm làng, ngược dòng Sông Hương, Bàng Lãng, Ngã Ba Tuần, Cầu Lim, Bến Than ... Có đến đây anh mới cảm thấy ý nghĩa của Tình Thương, lòng Nhân Ái và Hạnh Phúc, không phải cho mình, mà cho kẻ khác.

Uống lung chén nước, từng nẩy thôi ... đủ rồi! Tình thương như rứa đó phải không anh! Anh biết không, lâu đời lắm, không nhớ từ lúc nào Buồng Tằm xóm đạo có câu ca dao:

Buồng Tằm giữ mãi mối tơ
Tơ năm bảy mối vẫn chờ mối anh...

-Cám ơn em, cám ơn Buồng Tằm đã cho anh trở lại một vùng quê hương đầy kỷ niệm, gắn gũi với thoáng hương xưa, góc trời cũ, những kỷ niệm quê hương lâu ngày tưởng đã nhạt nhòa trong trí nhớ.

Anh sẽ lên thăm, thăm em gái Buồng Tằm, một ngày đẹp trời... không xa lắm. Nói rứa, nhưng rồi tháng này qua năm khác...

Bên ni người anh chưa về được vì không muốn làm khách viễn lai du lịch trên xứ sở đất nước mình.

Người em gái bên nớ, năm tàn tháng lụn chờ mãi không thấy; năm tháng qua, không chờ được nữa, cuối cùng người em gái Buồng Tằm ra đi... Nàng đi rồi, đi mãi, vĩnh biệt quê hương trần gian.

Tuổi tám mươi mấy lần lỗi hẹn
Có ngày về thăm lại dòng sông.
Nhớ mãi ngày hôm ấy
Từ xa về, chờ đợi.
Lần gặp nhau,
Mây chiều lãng đãng ...
Ngày tháng chừ,
Lạc lõng, cô liêu.

Lời Cuối:

Bài viết chưa hết bỗng nghe vang xa từng đợt sóng cuộn cuộn âm thanh diatonic, vời vợi tự nhiên hình tượng absolute music, “ngọn triều non bạc trùng trùng” nửa thực nửa hư!

Tiếng Sông Hương. The Sound of Music. Tiếng hát vọng về “một gian nước biết, mây vàng chia đôi” chập chùng thôn thức, thỉnh thoảng bị đứt khoảng, xa xăm diệu vợi không nghe được rõ ràng.

“Dù đến rồi đi, tôi cũng xin tạ ơn người, tạ ơn đời, tạ ơn ai đã đưa em về chốn này.

“Dù đến rồi đi, tôi cũng xin tạ ơn người, tạ ơn đời đã cho tôi những ngày mơ ước cùng người.

“Ôi mệnh mông ngày tháng vắng em. Em ra đi như thoáng gió, để lại đây thành phố không hồn. Nhìn dòng sông, nhớ người đi xa; thành phố nắng tràn nhưng mưa vẫn rơi, cây sang thu lá úa trời mưa, chuyện ngày xưa heo hút trong mơ ...

“Dù đến rồi đi, tôi cũng xin tạ ơn người, tạ ơn đời, tạ ơn ai đã cho tôi những ngày quên kiếp sống lẻ loi.

“Dù đến rồi đi, tôi cũng xin tạ ơn người, tạ ơn đời, tạ ơn ai đã cho tôi tình xa vời như sao xuống từ trên trời (3)

Chú Thích:

(1) Mới thoáng đó người em gái thơ ngây
Con chim nhỏ lẹ làng vung đôi cánh
Cầm tràng hoa rụng rã nở trên tay
Và trên miệng, khúc tình ca mở hội.
(Thơ Gerard de Nerval, tạm chuyển ngữ)

(2) Canh tập tàng

Rau ngát ngor, rau bát bát, rau mơ, rau mùng toi, nói chung loài rau dại “không trồng mà mọc” như dây leo thường thấy trong các sân vườn nhà nào cũng có. Tuy thuộc loại rau cỏ dại, tên gọi nôm na, nhưng hầu hết đều được ghi chép trong Đại Nam Nhất Thống Chí, Thừa Thiên Phủ - Kinh Sư, chương viết về các loại thảo, rau. Vài ví dụ như Rau Ngát Ngor (tên Hán-Việt bôi mầu), thân cây đỏ, cao độ 3, 4 tấc, lá nhỏ mà xanh dùng ăn sống ...

Rau bát bát, (tên Hán-Việt bạch thảo, bạch anh thái) loại dây leo, lá có 3 chia, nở bông trắng, dùng nấu canh ăn. Trái lớn bằng ngón tay, khi còn sống thì xanh, chín thì đỏ ... trẻ con thích ăn.

Rau mồng toi (tên Hán-Việt lạc quỳ hay chung quỳ) hay leo trên bờ đậu, lá láng mà dòn, dùng nấu canh ăn...

Rau mơ (tên Hán-Việt, la ma) loại dây leo, đứt dây ra có nước nhựa trắng, dùng ăn sống hay nấu chín.

Các loại rau dại kể trên và nhiều nhiều thứ rau khác nữa, gọi chung là Rau Tập Tàng.

Rau tập tàng đem nấu canh với tôm khô, có khi thêm trái mướp, thành món


canh ngon miệng, vừa mát vừa hiền, gọi là canh tập tàng.

Thích văn chương chữ nghĩa, nhiều người đặt thêm tên mới: canh thập toàn (Thập, mười; toàn, toàn vẹn, đầy đủ)

Có thể, ý nói món canh bổ dưỡng hiệu nghiệm như môn thuốc “thập toàn đại bổ”, môn thuốc bổ thân bổ thể, đủ mọi phương diện chẳng?

Nói cho vui vậy thôi, chừng ấy rau với vài con tôm nhỏ, Huế mình gọi là “tôm đất, tôm te” làm sao có thể tạo thành vị thuốc bổ “thập toàn” được? Rau “tập tàng” cứ nói canh tập tàng, như vậy mà hay đã!

(3) Từ người bạn chép lại theo trí nhớ nhạc phẩm: Tạ ơn. Không biết tên tác giả, nhưng nhớ rõ người nghệ sĩ ca sĩ Nguyễn Chánh Tín. Dalat – Saigon – Mạc Đĩnh Chi trước 1975 nhiều người biết.



THAO THỨC
tiếng hát
Trịnh Thanh Thủy
Liên lạc: **Trịnh Thanh Thủy**
1605 Lagoon Road
Lake Land, Fl. 33803

PHỐ PHƯỜNG XƯA HÀ NỘI

Nguyễn Thị Ngọc Dung

LTS: Để tưởng nhớ Hà Nội, hậu thân 1000 năm Thăng Long Thành (1010), Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm trích dẫn một số đoạn trong Hồi Ký Tiểu Thuyết *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* của Nhà Văn Nguyễn Thị Ngọc Dung. Tác phẩm này được in lần thứ nhất vào năm 1995, tái bản lần thứ I năm 1998, tái bản lần thứ II 2005.

(Tiếp theo Cổ Thơm 51)

Sinh trưởng ở Hà Nội, tôi may mắn đủ lớn để được biết sơ qua về Hà Nội và có nhiều kỷ niệm với thành phố này. Thực vậy, nếu đã ở đất ngàn năm văn vật mà không được đi thăm cảnh đẹp của Hà Nội và vùng lân cận là một thiếu sót lớn lao trong đời. Cũng như Người Pháp, không được uống rượu, ăn phở-mát, Người Mỹ lấy vợ Việt, không biết thưởng thức món ăn Việt.

Một ngày kia chị Kim, anh Phúc rủ chúng tôi đi chơi Chùa Trâm, lần này có cả bố mẹ. Xe anh chị có cháu Khanh, Bảo, Minh, anh Lượng, chị Phong, chị Tâm và tôi. Xe anh Huệ chở bố mẹ, em Khoa, cô Tham Hạc, Hồng Hảo, chị Nguyệt, anh Uẩn và cháu Ánh. Cô Tham là em ruột người vợ yếu mệnh của bố trước khi ông cưới mẹ tôi.

Gần hai chục người trên hai xe ào ào đi xuống Vườn Hoa Cửa Nam. Qua Ga Hàng Cỏ trước cửa ngôi nhà kín cổng cao tường của Lê Dung, cô bạn cùng lớp tôi, xe rẽ phải vào Khâm Thiên, xóm cô đầu tom chất

một thỏi vàng son của “anh Phán Khôi bố.” Xe rẽ trái theo đường tàu điện Hà Đông, chúng tôi đi qua Giòng Chúa Cứu Thế. Một mùa Lễ Phục Sinh tôi đã thích thú theo chị Phượng và bạn bè Trường Sơ Saint Paul của chị đi săn trứng luộc nhuộm nhiều màu, những con gà, con thỏ làm bằng len xinh nhỏ ở Nhà Thờ Nam Đồng. Không xa đấy, Gò Đống Đa với mấy chục bậc thang, cổng đền cổ kính, người lên kẻ xuống tấp nập.

Sau đó, xe qua Ngã Tư Sở, nơi nhà thơ Núi Tản, Sông Đà Nguyễn Khắc Hiếu đã dừng lại và sống nốt những ngày cuối cùng của cuộc đời bạc bẽo, nghèo nàn. Làng Mọc Thượng Đình hiện ra với cổng sắt nhà Les Saules, cổng gạch cao nhà bác cả Vinh. Nhà Ông Đốc Bách và Chấn Long vẫn nhìn thấy từ ngoài đường cái. Bà nội đang ở Biệt Thự Văn Khôi của chúng tôi trong làng để nuôi bác Vinh ốm nặng. Chúng tôi vẫn thường xuyên về chơi thăm bà. Nếu nơi đây có an ninh, chúng tôi đã sung sướng trở về nếp sống ngoại ô thành phố, làng quê bình dị như những ngày thơ ấu. Nhưng đối với một bà già và một bệnh nhân sắp chết, mấy ông Vẹm chẳng thêm ngó tới. Với những người như bố mẹ và anh chị em chúng tôi, chắc chắn các đồng chí không tha. Các ông sẽ bắt đi theo kháng chiến Việt Bắc làm vật hy sinh cho chiến tranh tàn khốc. Chúng tôi không dám ở lại đêm, hay chiều muộn tại

biệt thự trong làng cũ. Kỷ niệm xưa vẫn thường xao xuyến trở về.

Đường rộng giữa hai bên cánh đồng bao la của Làng Thanh Xuân dẫn vào Tỉnh Hà Đông nổi tiếng nghề dệt lụa khéo léo, khảm xa cừ tinh vi. Một thoáng sau, đồi núi chập chùng hiện ra. Xe lên núi, xe vòng núi, xe đổ bộ Chùa Trầm. Mau quá!

Mọi người đói meo, ngã lưng thực ra ăn trước tiên. Nào cơm nắm muối vừng, bánh chưng, bánh dầy, giò chả. Nào bánh mì thịt nguội. Con nít tranh nhau ăn, chạy loăng quăng vườn trên, vườn dưới. Người lớn vui cười hể hả, chụp hình chùa trong, chùa ngoài. Vợ chồng trẻ có những bức hình thật âu yếm, du dương. Bố mẹ cũng nghiêm trang vài kiểu trông còn đẹp đôi lắm. Đây đó, vài nhóm người khác cũng như chúng tôi, đang dạo cảnh chùa cổ nên thơ. Núi rừng huyền ảo như trong tranh Tàu, mây nước bỗng lai tiên cảnh.

Đường về có vẻ ngắn hơn. Con nít ngủ chui, ngủ vùi. Chỉ chốc lát chúng tôi đã trở lại Hà Nội, bình yên vô sự. Xe bám đầy đất đỏ của rừng núi và bụi đường trường. Anh Phúc vui mừng nói:

- Kể ra mình liêu thiệt. Xe chở đầy nhóc người. Suốt hành trình chỉ lo xe gãy trục, đồi nằm vạ dọc đường.

Trong chuyến đi chơi này tôi cố gắng ghi nhớ đường đi lối về. Nhiều toán thanh niên con trai, con gái có vẻ từ Hà Nội đi xe đạp du ngoạn. Chùa Trầm không xa lắm. Tôi sẽ dẫn các bạn phiêu du một ngày gần đây.

Cuộc đời niên thiếu vô tư, êm đềm vẫn trôi qua. Trong lớp tôi vẫn chăm chỉ, học hành khá. Tôi nhớ rằng không bao giờ bị

xếp dưới hạng năm. Nhưng chỉ có thể ganh đua được với Lê Dung, Huy Lễ, Kim Dung, Ngọc Diệp, Thu Hòa... Với Hà Dương Thị Quyên thì bất khả kháng. Cô nàng quá ư xuất sắc. Quyên còn dám lên mặt tự xưng là “chồng” cả một nhóm bạn bấy, tám đứa, Ngọc Diệp, Kim



Chùa Trầm 1953.

Dung, Thu Hòa, Tuyết Anh, Việt Bảo, Thái Lan và cái tôi Ngọc Dung... Tôi không nhớ đã

là “vợ” thứ mấy của “chàng” Quyên.

Thời buổi này, bên Âu Mỹ, nếu không muốn bị nghi ngờ đồng tính luyến ái, thưa các bạn thương mến của tôi, hãy giữ những kỷ niệm đẹp kia ở trong lòng hay ôn lại những ôm vai, khoác tay, nắm tay nhau trong các dịp họp mặt riêng tư, chớ nơi công cộng!

Nhưng, có một môn học tôi có thể “chèn” được Quyên đó là môn nhạc. Thầy Thẩm Oánh cho tôi nhất hai lần. Tôi không giỏi, rất lơ mơ về nốt nhạc. Nhưng nhờ Kim Dung trong ban thánh ca Nhà Thờ Hàm Long và Tuyết Minh, một cây dương cầm,

hai cô chỉ cho tôi ghi đô, rê, mi xuống bài nhạc, tôi cứ thế học thuộc lòng. Lúc thi, phải đứng giữa lớp, cạnh bàn thầy, tôi run lẩy, chỉ muốn hát cho xong để đi xuống. Tôi không ngờ được nhất. Tuy vui mừng, tôi vẫn ngạc nhiên nói với Kim Phượng, người đẹp yếu điệu thực nữ, đôi môi mọng đỏ, ướt át trong lớp tôi:

- Thái Lan cũng hát hay lắm, sao không được nhất nhỉ?

Kim Phượng đã trả lời:

- Ngọc Dung có giọng hát trong như tiếng chuông!

Nếu ngày nay nghe lại giọng tôi, người bạn giàu tưởng tượng đó có thể ví tiếng hát của tôi đục như tiếng cồng!

Giáo Sư Thẩm Oánh là tác giả hiệu đoàn ca của trường tôi, bài *Trưng Nữ Vương*. Mỗi buổi sáng thứ hai chúng tôi kiêu hãnh mặc đồng phục áo lam, xếp hàng trong sân trường hát Quốc Ca chào cờ rồi đến Hiệu Đoàn Ca.

Hằng năm vào lễ kỷ niệm Bà Trưng Trắc lên ngôi, ngày 6 tháng hai âm lịch, khi mưa xuân lất phất bay trong bầu trời Hà Nội, tất cả nữ sinh Trưng Vương tụ họp ở sân trường, áo dài lam trang trọng, khăn voan, khăn lụa màu nhẹ mỏng. Các cô xếp hàng đi bộ theo Phố Huế tới Đền Hai Bà, Làng Đồng Nhân. Đền xưa lắm, được xây dựng vào năm 1142, đời vua Lý Anh Tông. Tiếng đồng ca *Trưng Nữ Vương* cao vút,



Đền Hai Bà Trưng

kiêu hùng, hòa nhịp với tiếng chiêng, tiếng trống uy nghiêm trong sân đền nghi ngút khói hương.

Cho đến nay, mỗi lần hát Hiệu Đoàn Ca trong các buổi họp mặt trường cũ, tôi và có lẽ tất cả các bạn đồng trường, đồng lớp đều cảm thấy phấn khởi với hồn thiêng sông núi, anh hùng lịch sử Nước Nam và tâm hồn trẻ trung, yêu đời trở lại như thuở học trò.

Đáng lẽ tôi phải sinh ra dưới sao cầm thi xướng họa mới đúng. Tôi chép bài hát vào tập học trò không biết mỗi tay, ca hát véo von suốt ngày với máy phát thanh. Nhạc hùng tráng, ủy mị, vui, buồn, bài nào tôi cũng hát. Hát trong khi làm bài, học bài, hát trên xe đạp rong ruổi trên đường phố đến trường. Hát cả trong nhà tắm, nhà bếp và bên bàn ăn trong bữa cơm. Tôi bị bà nội la hoài vẫn cứ quên. Chị Tâm cũng thích hát và có giọng rất hay.

Rồi từ hát qua đàn. Một hôm chị Tâm rủ tôi đi học Hạ-uy-cầm. Tôi hưởng ứng ngay.

Không biết chị kiếm đâu ra ông thầy trẻ dạy đàn ở Hàng Giấy. Một tuần hai chị em chăm chỉ đi học hai lần. Thầy khuyên mua đàn tập thêm ở nhà cho chóng giỏi. Nhưng dĩ

nhiên là “tiền không”! Hằng tuần còn phải bó bụng trả tiền học đàn, tiền đâu mua đàn.

Thầy nghe vậy bèn cho hai chị em mượn một cây đàn. Chúng tôi lại than đi học xa quá, có lẽ phải nghỉ. Thầy bèn dọn lớp nhạc cho hai chị em về đầu Phố Quan Thánh rất

gần nhà chúng tôi, đi bộ chỉ mất năm phút. Nên chúng tôi tiếp tục học đàn rất hăng say và chơi thuộc những bản *Tiếng Đàn Tôi, Giọt Mưa Thu, Suối Mơ, Dứt Đường Tơ...* Một buổi gần xế trưa, hai chị em đang kể đàn, người hát, bỗng đứng nghe tiếng bố ho xù xụ. Chị Tâm hốt hoảng:

- Thôi chết rồi! Sao ông bỏ lại về giờ này?

Chúng tôi ngưng ngay đàn hát, định liệng cây đàn vào gầm giường nhưng không kịp. Bố đã nhìn thấy tất cả, la quát rầm rầm:

- Con gái, con đứa không đàn địch gì cả. Để thời giờ mà học hành. Tiền đâu mua đàn hả?

Mẹ nói thay chúng tôi:

- Đàn chúng nó đi mượn đấy mà.

Bố la luôn cả mẹ:

- Bà bảo chúng nó đem đàn đi trả mau không tôi đập nát ra bây giờ. Học hành không lo, chỉ lo chơi!

Chúng tôi phải “dứt đường tơ” từ đó, không bao giờ dám chơi đàn nữa trong thời con gái còn lại! Bố chỉ muốn chúng tôi chuyên tâm vào việc học hành, để đạt vẻ vang, mai sau đi làm có chức phận, lo cho gia đình sung túc, khá giả. Thuở đó đàn hát vẫn còn là bộ môn xa xỉ, bố mẹ không đủ khả năng tài chánh cho chúng tôi học một môn “vô tích sự”, chỉ tốn tiền, không làm nên “công chuyện gì” như ông bà vẫn thường nhắc nhở! Chúng tôi được đi học tư Anh Văn, Toán đã là một sự cố gắng rất nhiều của bố mẹ. Cũng may, bố có thừa khả năng kèm chúng tôi Pháp văn, không mất tiền học tư.

Mấy chục năm sau, nhà tôi đầy đàn Guitar cùng các nhạc cụ khác. Trước hết là Nguyên Thủy, cậu con trai đầu của tôi. Một ngày sắp

mười bốn, bằng tuổi tôi hồi xưa bị bố cấm học đàn, Thủy rụt rè hỏi mẹ:

- Sinh nhật con, mẹ mua cho con một cây Guitar được không?

Tôi ngạc nhiên nhìn con, lòng chùng xuống còn hơn dây đàn sắp đứt. Tôi nghĩ thầm “con tôi có tâm hồn, thích đồ chơi nghệ thuật thanh tao” và xúc động ôm vai con hỏi cặn kẽ:

- Một cây Guitar? Nhưng có chắc con thích chơi đàn không?

Nguyên Thủy biết mẹ đã bằng lòng, sung sướng quả quyết:

- Con thích lắm chứ. Thăng John có cây Guitar, nó chỉ cho con đánh vài nhịp, con chơi được liền, dễ lắm mẹ à.

Thấy rằng không có lý do gì để từ chối con, tôi đã đưa Thủy đi chọn mua đàn. Ông chồng tôi bàn thêm:

- Phải tìm thầy dạy cho Thủy chứ? Thích chơi đàn là một điều may mắn. Ngày xưa tôi muốn học Piano. Ông thầy tu chê tôi tay thô, ngón ngắn không học đàn được. Tôi còn giận đến bây giờ.

Thông thường người ta chỉ muốn dạy âm nhạc cho những người xuất sắc, có triển vọng đi dự những buổi trình tấu thi thố tài năng. Ngày nay, có nhiều người đã coi âm nhạc như một giải trí lành mạnh tại gia. Đàn được dạy cho cả những người tàn tật, già cả, nghễnh ngãng, lãng trí, điên loạn để họ quên đi cái loạn điên của cuộc đời! Nếu thế hệ này là nạn nhân của thế hệ trước, thế hệ sau cũng sẽ là nạn nhân của thế hệ này. Có trách nhau cũng hoài! Ông bà, cha mẹ, con cái hay con người muốn đi trước, con người muốn đi sau thời đại vẫn đang trên những

dặm đường xa tít tắp, những quãng thời gian dài đặc, cố gắng bắt với, tìm hiểu, thông cảm, tha thứ, trả nợ, xin lỗi, cảm ơn nhau.

Tôi đi tìm lớp dạy đàn và đưa Nguyên Thủy đi học với lòng rưng rưng. Thế rồi, Trường Sơn, Thần Phong cũng đòi học Clarinette, Guitar, trống. Nhà cửa lúc nào cũng rầm rầm, đình tai, nhức óc. Có nuôi con mới biết lòng cha mẹ. Bây giờ đến tôi lo âu, luôn căn dặn các con:

- Thủy, con làm bài nhà trường chưa mà đã chơi đàn thế?

- Sơn, con phải làm bài xong mới được chơi đàn nhé! Nếu bị điểm kém, không được chơi nữa đâu!

- Phong, con chơi trống nhẹ xuống một chút đi, không bể nhĩ, điếc tai đấy!

Ngày tốt nghiệp Trung Học bên Vương Quốc Bỉ, Nguyên Thủy ôm đàn lên sân khấu chơi một bản nhạc trước mấy trăm bạn bè, giáo sư, gia đình học sinh, trước sự hãnh diện của cha mẹ và các em.

Một ngày ở Thủ Đô Bonn, bên giong sông Rhine thơ mộng, cảnh sát đã tới hỏi thăm chúng tôi vì tiếng nhạc làm rung chuyển nhà bên cạnh. Thì ra cậu con thứ hai, Trường Sơn chơi Guitar điện, quên đóng cửa sổ phòng, tiếng đàn đã vang ra tận đầu đường, cuối phố và đặc biệt ngày Chủ Nhật là ngày của tín ngưỡng, không được làm chi ồn ào, kể cả rửa xe trong sân và nghe Radio ngoài vườn nhà mình. Thôi thì “nhập gia tùy tục, nhập giang tùy khúc, nhập quốc tùy luật!”

Thần Phong cũng ở trong ban nhạc nhà trường ngày đó. Cậu Út đã vài lần viết nhạc tặng cha mẹ và vẫn lai rai chơi nhạc giải trí

với một nhóm bạn lành mạnh ngoài công việc sở bận rộn ngày nay.

Bên cạnh môn nhạc, ba cậu con trai đều có khiếu về vẽ. Ngón tay của các chàng hình như có rồng bay, phượng múa. Cô con gái độc nhất của tôi, Ngọc Hân đôi khi buồn rầu thổ lộ với mẹ:

- Trong gia đình ai cũng có tài năng về nghệ thuật, âm nhạc, ca hát, vẽ, viết. Con không có một khiếu nào!

Tôi thủ thủ an ủi Hân:

- Ngày xưa mẹ đâu biết mẹ sẽ làm thơ, vẽ, viết như ngày nay. Thiên chức đàn bà luôn luôn nghĩ tới gia đình trước. Không phải ai cũng có năng khiếu trong môn nghệ thuật làm vợ, làm mẹ, tề gia nội trợ cao quý này. Đến một ngày, con ngừng lo học, lo công ăn việc làm. Tâm hồn bình thản hơn sẽ kêu gọi, sẽ đánh thức cái phần nhún nhường sâu kín trong con và cho biết con còn thích gì ngoài những bộ môn nghệ thuật làm người kia.

Thời nữ sinh Trưng Vương Hà Nội, có một môn học tôi tưởng thích thú lắm, môn Hán Văn, kết quả chẳng học được bao nhiêu. Có hai câu như *Ngô đồng nhất điệp lạc, Thiên hạ cộng tri thu*, mấy cô học trò ma mẫn cũng không nhớ và viết được. Hai thầy dạy Hán văn, Thầy Lương già nóng nảy, cao gầy, Thầy Thăng hiền lành, tầm thước, tứ thời, bát tiết khăn xếp đen, áo the thâm lụng thụng. Cô nào phải lên bảng viết chữ Hán mà không nhớ thì cứ nhìn vào miếng giấy dán lên bên bàn thầy có viết sẵn những chữ ấy. Để rồi chữ thầy trả lại thầy, hàng chữ Nho ngoài cửa Đền Ngọc Sơn tôi cũng không đọc được.

Dù luôn luôn cố gắng, chăm chỉ học hành, giữ hạnh kiểm tốt, tôi vẫn bị đi phạt Chủ Nhật một lần. Thực vậy, một hôm có giờ giáo sư nghỉ, lớp học ồn ào như chợ vỡ. Bà giám thị Người Huế, bà Thanh Lan vào lớp cố gắng la át mấy chục cái miệng con gái. Không biết cô nữ sinh ngoan ngoan, lễ phép nào dám nhái lại tiếng Huế chọ chọc của bà. Bà còn trẻ đẹp, thính giác còn tốt, bà ra tới hành lang còn nghe được câu nhái. Bà trở lại lớp la lên sang sảng. Chẳng cô nào sợ, còn phì cười thêm. Kết quả, Chủ nhật đó chúng tôi bị đi phạt cả lớp.

Nhưng có sao đâu, mấy cô lại được dịp rủ nhau đi sớm qua lò bánh Michaud trong một ngõ hẻm Phố Tràng Tiền, mua bánh tây nóng hổi, “pâté”, thịt nguội đem đến trường. Chúng tôi vừa chép một trăm câu “Tôi phải lễ phép, không được nhái bà giám thị,” vừa ăn bánh ngon bù, thơm phức! Đôi khi bánh chưa được đem tới lớp, các cô đã gặm hết trên xe đạp. Không bánh mì nào ngon như thế, dù ở Sài Gòn, D.C., Bruxelles, Paris, London, Bonn, Berlin... Cái ngon này chỉ có được ở tuổi học trò Hà Nội xưa.

Ngoài những chuyện đùa nghịch còn chuyện phiêu lưu nữa. Khi nghe tôi kể chuyện đi chơi chùa Trầm với anh chị trong gia đình, các cô “vợ non” của “chàng” Hà Dương Thị Quyên mê tíu cung mây:

- Đẹp quá nhỉ!
- Thích quá nhỉ!
- Làm sao tụi mình đi được với nhau nhỉ?
- Chùa Trầm có xa không?

Tôi nói một cách rất đáng tin tưởng:

- Gần lắm, chúng mình có thể đi bằng xe đạp.

Rồi một ngày đẹp trời, Thu Hòa, Kim Dung, Tú Anh, Tuyết Anh và tôi gặp nhau ở nhà Ngọc Diệp, Hàng Than, mang theo bánh tây, giò chả, trái cây, nước lạnh. Mỗi đứa một xe đạp phóng về hướng Hàng Đào. Tôi dẫn các bạn theo tàu điện Hà Đông, yên trí không lạc đường được.

Khi đi ngang Làng Mộc Thượng Đình, tôi hẹn sẽ có một ngày dẫn các bạn về thăm Biệt thự Văn Khôi của gia đình tôi khuất sau hàng cây rậm rạp kia. Qua Thanh Xuân, nơi sinh của Vân, cô em gái thứ năm thì tới Hà Đông quê ngoại. Vậy đã đi được nửa đường.

Ra khỏi Hà Đông, chúng tôi tìm một gốc cây ven đường ngồi nghỉ, ăn uống. Mấy cô bé đói bụng từ sớm, nhưng các bà váy đen, áo nâu sồng kịt kịt gánh phân đầy đường, ăn sao nổi? Vì hăm hở muốn chóng thấy cảnh Chùa Trầm nên ăn uống xong, chúng tôi tiếp tục hành trình ngay. Lúc đầu còn thi nhau đạp xe nhanh, vẫy theo xe đò, ca hát, cười vang. Nhưng đoạn đường rẽ vào chùa gập ghềnh, khúc khuỷu, bên đồi núi, bên thung lũng vực sâu. Tôi ngạc nhiên tự hỏi, “Quái nhỉ, khi đi xe Citroen của anh Phúc, chị Kim, không thấy đường xấu như thế này?” Đường lên dốc quá cao, chúng tôi không đạp xe nổi, phải xuống đẩy xe lên núi. Cũng may Chùa Trầm hiện ra trong lùm cây.

Cuối cùng, sáu cô cũng vào đến sân chùa. Quá mệt, các cô dựng xe, ngồi bệt xuống thêm thở không ra hơi. Nhìn quanh, sân chùa vắng hoe không một bóng người, không khí rợn lạnh. Các điện thờ nửa đóng nửa mở, tối om, thấp thoáng tượng Phật sơn son thếp vàng, khói hương lạnh ngắt. Nghe nói nước mưa của nhà chùa ngon lắm. Trông

thấy lu nước đó mà không cô nào dám liều lĩnh uống. Không quen dùng gạo công cộng, chúng tôi cũng không quen uống nước thiên nhiên và sợ mấy con cung quăng kia chui vào bụng. Nước máy vẫn phải được đun sôi trước khi uống như bố mẹ tôi căn dặn từ thuở nào.

Bỗng nhiên trời sấm tối như sắp mưa. Đường trở lại Hà Nội còn xa. Không dám nghỉ lâu, chúng tôi vội vàng dắt xe xuống núi. Khi ra đến đường cái mới hết sợ cái vẻ âm u, huyền bí của núi rừng phía sau. Mấy cô bé thiếu sự hộ tống của các ông anh, bà chị lớn, nên chưa cảm thấy yên tâm đi chơi với nhau những nơi xa xôi hẻo lánh. Đường trường đi chơi còn đầy cheo leo, sỏi đá thì đường đời định mệnh sẽ không bằng phẳng, êm đềm như mộng tưởng đâu, các cô ơi!

Về đến bến xe đò Hà Đông, mặt cô thì vàng khè, mặt cô thì xanh ngắt, mặt cô thì đỏ gay! Cô nào, cô nấy gần ngắt lá. Từ đó còn phải đi một nửa đường nữa mới về tới Hà Nội! Tôi trông thấy xe đạp được chở trên mui xe hàng và liệu sức mình, nên bàn với các bạn:

- Tụi mình chắc đạp hết nổi về Hà Nội. Hay, đi xe hàng về nhé! Nhìn thấy xe đạp trên mui xe kia không?

Các bạn tôi đều vui mừng đồng ý. Chúng tôi nấn nủ, đếm tiền xem tất cả có bao nhiêu. Tôi ra hỏi giá xe đò và thất vọng nói với tài xế:

- Sao đắt thế! Sáu vé cho người chúng tôi còn không có đủ tiền, nói chi đến xe đạp nữa. Thôi, chúng tôi đạp xe về vậy!

Người tài xế nhìn các thiếu nữ từ đầu tới chân hỏi:

- Thế các cô muốn xuống chỗ nào ở Hà Nội?

“Giữa đám mù anh chốt làm vua,” các bạn tôi biết mô tê đảng nào? May quá tôi nhớ ra hai địa điểm, Quốc Tử Giám gần nhà cô bạn Bích Vân Phố Sinh Từ và Vườn Hoa Cửa Nam trước cửa nhà chị Kim. Địa điểm thứ hai này gần nhà chúng tôi hơn. Tôi trả lời:

- Vườn Hoa Cửa Nam.

Người tài xế nhìn trời đã về chiều, nhìn cái xe của ông ta còn trống nhiều chỗ nên gạt gù:

- Thôi được, các cô có bao nhiêu trả bấy nhiêu.

Được lời như cởi tấm lòng, tôi kéo tay các bạn ra xa người tài xế một chút, bàn bạc đủ nghe với nhau:

- Mỗi đứa giữ lại một đồng, lờ ngã vào hàng bánh đa!

Thu Hòa lo lắng:

- Nếu bánh xe xẹp thì... “bỏ xừ”!

Ngọc Diệp rùng mình như chột nghĩ ra vừa thoát cơn hiểm nghèo:

- Ủ nhỉ, may mắn xe chúng mình đã không bị nổ lốp!

Kim Dung gạt gù nghiêm trọng:

- Vá cái lốp xe mất hơn một đồng cơ!

Mấy cô thậm thụt giữ lại mỗi người hai đồng tiền độ đường và khúc khích cười, đã che mắt được người tài xế đang bận rộn chất sáu cái xe đạp lên nóc xe hàng. Tuy mất một món tiền không dự định và gần sạch túi, các nàng vẫn cho rằng đã may thật là may! Lên ngồi trên xe ai nấy thở phào nhẹ nhõm, tươi tỉnh trở lại. Phong cảnh hai bên đường gợi nhớ bài hát *Nương Chiều* của Phạm Duy:

Chiều ơi, lúc chiều về rợp bóng nương khoai, trâu bò về đục mõ xa xôi, ơi chiều...

Tâm hồn lâng lâng phơi phới, chúng tôi quên ngay sự gian nan, vất vả vừa qua. Đồi núi Chùa Trầm chỉ còn là một dải mây xanh mờ nhạt dần.

Sau này tôi mới biết Chùa Trầm cách Hà Nội bao xa. “Điếc không sợ súng,” tôi đã dám dẫn mấy cô bạn gầy còm, ốm o, làm một cuộc mạo hiểm 40 cây số vừa đi vừa về xa út tấp, khi tuổi chanh cơm vừa mười bốn, xe đạp còn lớn hơn người. Nếu bánh xe bị nổ lốp cũng không biết tính sao! Tuy nhiên, cái tật vẫn không chữa. Vài năm sau tôi lại đầu têu, rủ các bạn làm một cuộc hành trình 60 cây số đi về, cũng bằng xe đạp ở một nơi khác, tôi sẽ viết trong hồi ký thứ hai.

Hình như có một điềm gì sắp xảy tới, thanh niên nam, nữ muốn đi xem, đi ngắm hết những địa danh nổi tiếng của Hà Nội. Chúng tôi có cảm tưởng, “nếu không đi bây giờ, sẽ không còn dịp nào khác”. Chị Tâm, Phương, Liên, Thịnh, Vương, anh Lượng đang tuổi mười tám, mười bảy bẻ gãy sừng trâu, tuần nào cũng rủ nhau đi chơi. Cô bé Dung tôi cũng được đi theo các cô chị vui vẻ và ông anh họ trẻ trung của Phố Hàng Buồm.

Một đoàn xe đạp, hàng đôi, hàng ba thông dong. Chúng tôi lên Hồ Tây ăn bánh tôm Cổ Ngư rồi qua Thụy Khuê, Ngọc Hà,

nhớ nhớ đi tìm nhưng không gặp cô hàng hoa của Khái Hưng và Nhất Linh. Có lẽ phải vào Làng Ngọc Hà buổi sáng sớm tinh mơ khi các cô gánh hoa đi bán chợ Đồng Xuân hay buổi chiều muộn khi tan chợ về.



Lăng Ông Hoàng Cao Khải, 1953.

Một buổi sáng, chúng tôi qua thăm Đền Voi Phục nằm bên đường tàu điện đi Ô Cầu Giấy. Đền có hồ nước giữa sân thơm hương hoa lan, hoa sồi và vườn nhãn phía sau. Buổi chiều cùng ngày hôm ấy, chúng tôi đi sang Chùa Láng ở Làng Láng gần đấy. Chùa được xây cất từ năm 1164, có nhiều cây đa, cây tùng lớn. Từ cổng đi vào sân lát gạch Bát Tràng, có chòi bát giác, mái cong. Làng Láng có thứ rau thơm gọi là húng Láng, để ăn với phở mới thật đúng vị.

Lần khác, chúng tôi đi thăm Lăng Ông Hoàng Cao Khải (1) Thái Hà Ấp, quê Nhà Thơ *Nhớ Rừng* Thế Lữ, và leo trèo mấy chục bậc lên Gò Đống Đa, nơi mấy ngàn quân Mãn Thanh đã để lại xác, năm 1789. Tôi nhìn quanh và tự hỏi: “Tướng Tâu, Sầm Nghi Đống, khi bị quân Nguyễn Huệ vây hãm bốn bề, không đường chạy trốn, đã treo cổ tự vận trên cành cây nào nhỉ?”

Những ngày tập bơi ở Làng Nghi Tàm, sinh quán của Bà Huyện Thanh Quan, phía đông bờ Hồ Tây, vui thật là vui! Chị Tâm,

chị Hợi, Liên và tôi thường rong ruổi xe đạp theo Đê Yên Phụ, qua nhà thuyền Hùng Nhân dốc Cổ Ngư. Chị Hợi là bạn học của chị Tâm, cũng ở Hàng Than. Chúng tôi đi thêm độ nửa cây số nữa tới Làng Nghi Tàm. Bên cạnh là Làng Quảng Bá, có rặng ổi châu rất thơm ngon, hấp dẫn. Tôi chưa bao giờ đi tới làng đó, nhưng được nghe nhiều giai thoại ăn cắp ổi thần sầu, quý khắp của thanh thiếu niên Hà Nội.

Gia đình Tiêu, Thu ở Làng Nghi Tàm. Chị em Thu, Liên là con gái chú Hai. Nguyễn Đức Tiêu là một lực sĩ đẹp, bơi lội giỏi đã từng chiếm nhiều giải nhất ở Hà Nội và sau này là Đại Tá Công Binh của Miền Nam. Nhà gia tộc của Lực Sĩ Tiêu ngay bên Hồ Tây rộng bao la như một vịnh biển lớn. Ngoài vườn trồng rất nhiều cây song mai, trái nào cũng dính đôi. Mùa



Đường Cổ Ngư

Xuân hoa mai nở trắng vườn. Chúng tôi được ông em họ dạy cho những sỏi bơi đầu tiên, được sặc sụa uống nước Hồ Tây đầy bụng.

Nghe nói rằng, ngày nay khách sạn Mini được xây trên miếng đất gia đình Nguyễn Đức Tiêu ngày xưa. Bên cạnh là khách sạn Quốc Tế Thắng Lợi tối tân, lớn nhất Hà Nội bây giờ nhưng được xây từ giữa thập niên 1970 với sự cố vấn rất kém của kiến trúc sư Cuban. Bao giờ Chú Sam Hoa Kỳ sẽ xây một Holiday Inn với tiện nghi tối

thiểu bên Hồ Tây để hai triệu đồng bào gốc Việt của chú về nghỉ mát, thăm cố hương?

Thời niên thiếu là những chuỗi ngày ngà ngọc, xanh thơm cốm Vòng, thắm thiết hoa phượng đỏ. Trước những đôi mắt trong sáng long lanh của lũ trẻ ngây ngô, thơ dại, Hà Nội vẫn yên vui, thanh bình. Nhưng những cánh dù rực rỡ đủ màu của quân viễn chinh tập dượt trên không phận Bạch Mai, Gia Lâm chẳng làm vui lòng người lớn. Chiến tranh đang rền rĩ ngoài xa và mon men tới gần...

Niên học Đệ Thất qua đi, Đệ Lục tới.

Khai trường vẫn vào mùa thu. Lá vàng rụng nhiều như niêm thất vọng đang rải rác khắp nơi. Sương thu mong manh muốn ôm ấp Tháp Rùa chơ vơ, đơn độc. Mùa đông tới, những tấm áo

len, áo dạ, áo nhung không làm ấm được nước Hồ Gươm trong gió heo may lạnh giá như chưa bao giờ giá lạnh như vậy. Xuân về, hoa đào trên bãi Phúc Xá, chợ hoa Hàng Lược, Hàng Khoai, e dè không nở trọn vẹn như hàng năm. Người Hà Nội nghe lòng suy tư trĩu nặng Câu Thê Húc. Thiện nam tén nữ nướm nướp đi lễ Đền Ngọc Sơn, xin xăm, hái lộc, khăn vái cho phát tài, phát lộc bằng trăm bằng nghìn năm ngoái, đầu năm sinh con trai, cuối năm sinh con gái! Trai thanh, gái

lịch cầu xin cho duyên may, phận lành. Nhưng, ai kia đang tâm cầu xin cho đất nước Việt Nam của chúng tôi chia đôi?

Chiến tranh giữa Việt Minh và Pháp trở nên ác liệt, gần kề bên cạnh. Thấy rằng không thể kéo dài hơn nữa những thất bại nặng nề với chiến cuộc đẫm máu, du kích xuất quỷ nhập thần trong rừng thiêng, nước độc, chiến thuật biển người cảm tử trên đồng bằng Bắc Việt của bộ đội Việt Minh, mấy ông thực dân Pháp đã Việt Nam hóa chiến tranh.

Quân Đội Quốc Gia được thành lập, dần dần thay thế quân đội viễn chinh Pháp để họ sửa soạn ngày rút lui có trật tự, vớt vát danh dự, thể diện tối thiểu của kẻ bại trận. Thanh niên lính thành có lệnh động viên tại chỗ hay đi quân trường. Trong số đó có lực sĩ đẹp Nguyễn Đức Tiêu, anh giáo trẻ Nguyễn Công Bình đã lên đường học tập quân sự Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Ông anh lớn Nguyễn Quốc Khánh, ông em họ Nguyễn Quốc Văn, cậu giáo Ngô Sĩ Vân, muốn được lè phè ở lại Hà Nội, đã ra nhập Hiến Binh. Trong ba chàng hùng dũng, đẹp trai như tài tử màn bạc, như *Ba Chàng Ngự Lâm Pháo Thủ*. Cũng cùng một lý do, ông anh rể Vũ Công Uẩn ra nhập ban văn nghệ, báo chí Quân Đội trong thành phố.

Chiến địa lòng chảo Điện Biên Phủ, biên giới Bắc Lào-Việt cách Hà Nội 300km, kinh hoàng, mê hồn trận. Bom lửa Napalm rừng rợn, đốt cháy thành than những làng mạc, nhà cửa, thân xác con người. Chiến sự được nhắc tới hằng ngày trên báo chí, trên đài phát thanh, trên cửa miệng dân gian. Cuối cùng Pháp thất thủ địa ngục Điện Biên. Hội nghị

Genève nhóm họp liên miên để bàn định Hiệp Ước Đình Chiến tại Đông Dương.

Ông Võ Thành Minh, cảm lều, thổi sáo, tuyệt thực bên bờ Hồ Leman để phản đối Pháp, Việt Minh, các nước Cộng Sản đang âm mưu chia cắt đất nước Việt Nam. Nhưng tiếng sáo của nhà chí sĩ quá yếu ớt, quá mong manh, không đủ thần lực mơn chớn và sai khiến mấy con rắn hổ mang Nga, Tàu, Việt Cộng cùng bọn đồ tể ngưng tay dao búa trên cái thớt quần quai hình chữ “S”!

Mấy chục năm sau, tôi đến Genève, trông thấy người cao niên Á Đông nào với nét đăm chiêu, khắc khổ, tôi cũng nghĩ rằng có thể là Ông Võ Thành Minh. (2) Tiếng sáo ai oán buồn của ông như còn quyện trong gió hồ Leman, khóc than cho số phận mảnh đất Việt Nam nhỏ bé bị chia ba, chia đôi và tuy được nhập thành một vẫn còn đau khổ triền miên, tiếp nối một thế kỷ dài.

(Còn tiếp)

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Chú thích:

(1) *Hoàng Cao Khải (1850-1933), đậu cử nhân năm Thành Thái, làm quan dưới triều các Vua Đồng Khánh, Thành Thái. Trong thời Pháp đô hộ, ông được Pháp bổ sung chức Kinh Lược Bắc Kỳ. Ông trước tác nhiều cuốn sách giá trị: Việt Nam Sử Yếu, Việt Nam Nhân Thần Giám, Nam Sử Kinh, Vịnh Nam Sử... (theo Văn Học Tử Điển của Thanh Tùng)*

(2) *Khi đọc Giai Phẩm Tiếng Sông Hương 2002-2003, tôi được biết nhà chí sĩ Võ Thành Minh, một niên trưởng Hướng Đạo đầu tiên ở Huế đã bị Việt Cộng thẩm sát trong biến cố Tết Mậu Thân, 1968.*

TẠI SAO TÔI TỔ CHỨC ĐẠI HỘI VĂN CHƯƠNG PHỤ NỮ?

(Bài tham luận trong Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ tại Virginia 8/15/2010)

Phong Thu

Năm 2005, Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ do Nhà Báo, Nhà Thơ Quốc Nam sáng lập, đã tổ chức lần đầu tiên tại Seattle, Washington State thành công rực rỡ. Ba mươi lăm năm qua, chưa một ai dám đứng ra tổ chức một đại hội nào cho phụ nữ cầm bút tại hải ngoại.

Nếu nhìn thật cẩn thận và làm một cuộc thống kê thì tỉ lệ phụ nữ cầm bút tại hải ngoại rất đáng khích lệ. Một số đã thành danh khi còn sống trong nước trước năm 1975. Ra hải ngoại, họ vẫn tiếp tục viết và một số đã thực sự vắng bóng.

Trong suốt 35 năm qua, những nữ văn nghệ sĩ thuộc thế hệ thứ hai và thứ ba đã xuất hiện trên nhiều báo chí và báo điện tử. Họ đã thực sự tạo được một phong cách riêng, với những tư tưởng mới lạ tạo sự chú ý của quý độc giả. Nhưng họ chưa có một mảnh đất, một tổ chức nào nâng đỡ, giới thiệu, khuyến khích và dẫn dắt họ đi vào con đường văn học nghệ thuật nhiều gian truân và thử thách.

Khi tôi nhận lời tổ chức Đại Hội Văn Chương Phụ nữ, tôi giống như một người điếc không sợ súng. Tôi biết nhiều người chê cười, thậm chí mỉa mai chúng tôi khi dám làm chuyện chẳng ai muốn làm. Thực sự ở cái xứ sở này, nếu làm cái gì hái ra tiền, có lợi cho cá nhân hay tổ chức nào đó



thì sẽ có nhiều người nhào vô giành giật. Nhưng nếu làm một việc tốn thời gian, công sức, tiền bạc thì thường bị dè bieu, chê cười (vì ngu). Ngoài hai cổ vắn là Nhà Thơ Quốc Nam và Nhà Văn Jackie Bông tiếp tay, tôi còn được sự ủng hộ tích cực và thiết thực của Nhà Văn Nguyễn Thị Ngọc Dung. Tôi và chị chỉ thật sự hiểu nhau sau chuyến đi Paris. Nhưng đã gắn bó và thương mến nhau, quý trọng lẫn nhau. Chị đã động viên tôi và luôn góp ý kiến chân tình. Nhà Báo Phạm Bá Vinh thấy tôi công nhiều việc một

lúc nên cũng thương cô em gái mà nhào vô tiếp tay phổ biến tin tức. Anh vừa tháo vác, vừa nhiệt tình nên tôi rất yên tâm. Tôi còn được Nhạc Sĩ Hoàng Cung Fa và Hoàng Dung ủng hộ, rồi các anh chị ca sĩ thân mến Đèo Văn Sách, Kim Phụng, Sĩ Tuấn- Thu, Như Hương, Tuyết Lan, Hiếu Thuận, Sĩ Tường, Hoàng Anh yểm trợ. Hiện nay, danh sách các văn thi hữu thuộc phe “TÓC NGẮN” đại diện cho nhiều tạp chí có tiếng tăm đã ghi danh yểm trợ rất đông đảo làm chúng tôi rất vui mừng.

Những ngày đầu, tôi nhận được nhiều thư của nhiều nữ văn thi hữu ghi danh tham dự. Rồi sau đó, một số bỗng dưng rút lui vì nhiều lý do khác nhau. Nhưng trở ngại lớn của tôi vẫn là một số người kiêu ngạo cho mình là thiên tài nên không thích đứng chung với “tôm tép, cá lòng tong” (nguyên văn một nhà thơ NHỚN nói với tôi). Và điều đáng khinh nhất là một nhóm người thiếu ý thức, văn hoá và vô trách nhiệm vẫn tiếp tục phá rối. Họ gửi email trên các diễn đàn khắp nơi để bôi bẩn, phá đám.

Quý vị nhìn xem, chúng tôi đang làm gì? Đi lừa gạt người khác kiếm tiền chia nhau ăn? Hay đang tranh giành danh lợi với quý vị?

Đây là hoạt động văn học thuần túy mà hiện nay ở hải ngoại đã dần dần im lặng và vắng bóng. Trong lúc, Cộng Sản Hà Nội đang tung ra hải ngoại 2 triệu đô la hàng năm để thành lập bộ phận dịch thuật và in ấn các tác phẩm của nhiều tác giả trong nước (theo Nhịp Cầu Thế Giới Online tại Hungary). Chẳng bao lâu nữa, sách báo trong nước lẩn sâu và nằm trong tất cả các

thư viện Mỹ, còn sách báo của ta thì sao? Nếu quý vị vì quyền lợi phe nhóm, băng đảng, tự cao, tự đại nên không muốn yểm trợ cho chương trình chúng tôi thì cũng đừng vì lòng tị hiềm, nhỏ nhen, ích kỷ mà đập đổ, bôi bác. Quý vị yên tâm, nếu quý vị nào có can đảm, tài giỏi tổ chức cho chúng tôi thì chúng tôi cam đoan sẽ đến tham dự và sẽ rất cảm ơn.

Đừng để thế hệ trẻ nghĩ rằng những người đi trước luôn ứng xử bất xứng, chỉ thích đánh bóng tên tuổi và chia nhau chiếc chiếu hoa để ngồi rung đùi hưởng lợi. Và hãy tự hỏi liệu rằng có xứng đáng và sống mãi với thời gian chăng?

Tôi còn nhớ rõ 10 năm trước, tình hình văn học nghệ thuật còn là món ăn tinh thần không thể thiếu của cộng đồng người Việt. Hàng tuần, khắp nơi đều có những buổi ra mắt sách rầm rộ. Và bà con đồng hương đến tham dự rất đông đảo. Các nhà văn, nhà thơ in sách và rao bán trên các sạp báo, các nhà sách. Ai cũng nói văn học được mùa gặt lớn. Những nhà văn, nhà thơ lão thành khi rời khỏi Việt Nam, vẫn mang trong lòng nhiều hoài bão lớn, nhiều mơ ước ấp ủ không thành nên đã gửi tâm sự mình trên trang sách. Ba mươi lăm năm qua, thế hệ tinh hoa của miền Nam đã dần dần vắng bóng. Nhiều người đã đi vào cõi vĩnh hằng mang theo một giấc mơ lớn “được trở về quê mẹ” nhưng giấc mơ đơn sơ đó không bao giờ thành. Một số khác đã già nua, mòn mỏi và dòng tư tưởng đã cạn. Họ không còn biết phải viết cái gì đây? Những vấn đề về lịch sử đã được khai thác triệt để qua nhiều thể loại, nhất là thể loại biên khảo, hồi ký rất phổ biến tại hải ngoại đã ghi chép lại nhiều sự kiện quan trọng của Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử từ năm 1945

cho đến hiện nay. Đó là một pho sử liệu quan trọng, khả tín soi sáng lại cuộc nội chiến Việt Nam.

Thế hệ thứ nhất đã dần dần ra đi, nhưng thế hệ trẻ hầu như không còn bao nhiêu người tiếp nối con đường văn nghiệp. Bởi nó đòi hỏi sự dấn thân, dâng hiến, phân phát trái tim, khối óc cho muôn người. Những người trung niên như tôi vẫn còn vương bận cơm áo, gạo tiền, gia đình, con cái...và hàng trăm thứ phải lo toan. Nếu không có niềm say mê, không có hoài bão lớn làm sao tôi có đủ nghị lực để tiếp tục cầm bút. Văn chương không thể mua bán, không thể hái ra tiền. Nó là một thứ xa xỉ phẩm mà những người sống trên mây như chúng tôi mới dám hy sinh thời gian, tâm huyết, tiền bạc để bảo vệ nó, nâng niu nó và trân trọng nó như một báu vật. *“Tôi yêu tiếng nước tôi, từ khi mới ra đời à.. ời...Mẹ hiền ru những câu xa vời...” (Phạm Duy).* ài hát của Nhạc Sĩ Phạm Duy vẫn còn rót vào lòng tôi những lời ca tha thiết, mong nhớ quê hương, nguồn cội. Thế nhưng tiếng Việt còn tồn tại bao lâu khi thế hệ con cháu tôi không còn ai biết đến. Ngay cả những bạn trẻ tuổi đời khoảng 30 cho đến 35, 36, hơn 90% đã không thể nói, đọc, viết tiếng Việt một cách thông thạo. Các em đã thành người Mỹ gốc Việt. Ngày nay, kỹ thuật điện toán đã đưa con người xích lại gần nhau trên không gian ảo. Chúng ta có thể tiếp cận với thông tin trên toàn thế giới chỉ cần một cái click rất nhẹ, chúng ta có thể hiểu được tất cả những biến động của toàn cầu. Thế nhưng những khuôn mặt trẻ cầm bút ở hải ngoại vẫn thưa thớt và không ai biết đến họ.

Những người trẻ tuổi vẫn còn e dè, lo sợ cây cao, bóng cả, rừng phong, thiên tài

che bóng. Họ bước vào con đường văn nghiệp với nhiều lời chê bai, khinh thường hơn là được khuyến khích, động viên, nâng đỡ, hướng dẫn...v...v...

Khi tôi còn ở Việt Nam, hàng năm các Hội Văn Học Nghệ Thuật các tỉnh, thành phố thường nhận được kinh phí của Nhà Nước Cộng Sản, để tổ chức những trại sáng tác văn học, huấn luyện và tìm kiếm tài năng. Mục đích của Đảng Cộng Sản Việt Nam là đào tạo một thế hệ cầm bút trẻ nối tiếp để làm bồi bút, tô son, trét phấn cho chế độ. Thế nhưng, không phải ai được đào tạo cũng trở thành nhà văn. Bởi còn tùy thuộc vào trình độ kiến thức, khả năng thiên phú và niềm say mê văn học nghệ thuật. Có nhiều nhà văn miền Nam sống tại các tỉnh, thành phố có tài nhưng bài không bao giờ được đăng tải trên các báo danh tiếng tại Sài Gòn và Hà Nội. Cái sân chơi đó chỉ dành cho cán bộ văn hoá danh giá, các ông quan lớn nhỏ viết nghị quyết, các phe phái và các phóng viên... Bởi vừa có danh vừa có tiền.

Còn ở hải ngoại hiện nay, sách báo hầu như tê liệt. Số lượng người đọc báo ngày càng thu hẹp. Người ta thích xem quảng cáo, hình ảnh, vui chơi, giải trí hơn là đọc sách báo. Đáng lo ngại hơn Thủ Đô Washington D.C, MD, VA có hơn mấy trăm ngàn người Việt nhưng chỉ có một nhà sách rất khiêm tốn của bác sĩ Trần Trúc Quang. Còn đâu tiếng Việt mến yêu khi hàng ngày nhiều người thích vui chơi, ăn uống, chạy theo lợi nhuận, chạy theo phe đảng, thích chửi bới, nhục mạ nhau trên website mà không còn chú trọng gì đến văn học, giáo dục và trách nhiệm của người tị nạn Cộng Sản...Những buổi ra mắt sách báo ngày càng ít và nhất là thế hệ trẻ không thể

ĐẠI HỘI VĂN CHƯƠNG PHỤ NỮ

Nắng hè rực rỡ khắp Hoa Đô
Vương áo lụa hồng thắm ước mơ
Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ hẹn
Tao nhân mặc khách muội huynh chờ
Đón chào rộn rã, trung tranh họa
Thăm hỏi thân thương, trao sách thơ
Tình nặng ý sâu cùng cõi mở
Tình hoa gái Việt chẳng lu mờ.

NGUYỄN T. N. DUNG

Virginia 8/15/2010

hoà đồng với chúng ta? Câu hỏi tuy nhỏ nhưng chúng ta không thể thờ ơ.

Cách đây một tuần, tôi có gặp một danh nhân thành công, giàu có người Việt gốc Hoa. Ông là một người hoạt động trong nhiều tổ chức Á Châu Thái Bình Dương. Ông nói với tôi một câu rất thấm thía “Cộng Đồng Người Việt rất lớn. Nhưng không hoạt động thành một khối thống nhất như những Cộng Đồng Á Châu khác. Lâu lâu, tôi thấy vài tổ chức hào hào riêng rẽ rồi biến mất. Nó không tập hợp được sức mạnh

của người Việt Nam. Thật đáng tiếc...”. Câu nói của ông làm tôi đau.

Khi tôi đang viết bài này, cũng là lúc thời gian ngày Đại Hội Phụ Nữ đã gần kề. Với vai trò trưởng Ban Tổ Chức, tôi rất bận rộn. Nếu không có sự tiếp tay tích cực của bạn bè thì Đại Hội không thể thành công tốt đẹp.

Kính thưa quý văn thi hữu, quý đồng hương, Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ nhằm mục đích vinh danh những người phụ nữ cầm bút đã hy sinh thời gian, công sức của mình để cống hiến cho gia đình, xã hội, Cộng Đồng Việt Nam trong nhiều thập niên qua. Họ xứng đáng được giới thiệu, vinh danh cho mọi người trong và ngoài nước biết. Đại Hội là của tất cả phụ nữ, không phải của riêng ai, không phải là nơi so đo, kèn cựa tranh tài cao thấp, bon chen... mà là nơi để tạo mối liên kết, học hỏi lẫn nhau, trao đổi kinh nghiệm và kết tình văn thi hữu. Quan trọng hơn là giữ gìn, bảo vệ tiếng MẸ VIỆT NAM trong Cộng Đồng Người Việt Hải Ngoại.

Ban Tổ Chức vẫn mở rộng cửa chào đón tất cả quý vị nữ văn thi hữu ghi danh đến tham dự. Hành động ủng hộ và ghi danh tham dự cũng thể hiện tinh thần mà quý vị thường hô hào rằng “Tôi muốn bảo vệ nền văn hóa, văn học Việt Nam?”

Kính chúc quý văn thi hữu, quý đồng hương bình an, hạnh phúc và may mắn.

Trân trọng
TMBTC
Phong Thu

TẠI SAO NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG THAM DỰ Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ 08/15/2010

Xin kính chào quý vị quan khách, quý văn thi nghệ sĩ, báo chí, truyền thông. Trước hết Ngọc Dung xin có lời cảm ơn Nhà Văn Phong Thu đã ưu ái giới thiệu Nguyễn Thị Ngọc Dung. Thực sự là cái duyên văn nghệ đã đưa đẩy chúng tôi đến với nhau.

Và, cũng vì Phong Thu mà tôi ghi tên tham dự Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ ngay từ phút đầu. Qua một thời gian gần quen biết, qua hai tập truyện *Cô Bé Ban Giàn Hoa Giấy Đỏ*, và *Đóa Phù Dung* của Phong Thu tôi nhận thấy tác giả là một cây viết xuất sắc, có bản lĩnh và tích cực hoạt động văn học. Nói là làm đến nơi đến chốn, đáng tin cậy. Tổ chức một đại hội lớn như hôm nay không phải dễ. Sức làm việc của Phong Thu bằng 4, 5 nhân lực cộng lại. Lúc đầu vì quá bận với đời sống gia đình và sinh hoạt hằng ngày, tôi chỉ hứa sẽ tiếp tay trong thâm lặng. Nhưng sau thấy Phong Thu một mình phải làm nhiều việc quá, tốn nhiều tiền túi quá, tôi đồng ý để tên vào ban tổ chức của Đại Hội và rủ Nhà Báo Phạm Bá Vinh nữa để thực sự phụ giúp Phong Thu phần nào.

Điều thứ hai, tôi tham dự Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ vì tôi cũng là một phụ nữ cầm bút và lại là chủ nhiệm một tạp chí phục vụ văn học nghệ thuật. Chủ trương

của Tạp Chí Cỏ Thơm là bảo tồn văn chương nghệ thuật Việt Nam ở Hải Ngoại, là chào mời các nhà văn kỳ cựu, tiếp đón, khuyến khích các cây viết mới, các cây viết trẻ. Những cây viết nữ ở Hải Ngoại, ngoài những bổn phận của người vợ, người mẹ, người bà cùng công việc sở hay thương mại để đóng góp vào ngân quỹ gia đình, mà vẫn viết văn, làm thơ, vẽ tranh, sáng tác nhạc. Dù nhiều, dù ít tác phẩm quý chị em phải là những người có tâm hồn và nhiệt tình với văn chương, nghệ thuật. Như vậy, quý chị em đã đóng góp phần nào vào nền văn học hải ngoại. Quý chị em xứng đáng được hoan nghênh và ủng hộ. Là nhà văn của cộng đồng Người Việt Vùng Thủ Đô Hoa Kỳ, chúng tôi cảm thấy có bổn phận phải tham dự Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ Việt để hoan nghênh và đón tiếp những cây viết từ phương xa tới. Làm sao quay mặt đi với những người cùng hội, cùng thuyền với chúng ta?

Có những nhân vật tôi đã được gặp trước đây, có những tên tuổi chỉ được nghe, thì đây là dịp để tôi được hội ngộ những khuôn mặt này. Trước lạ sau quen,

Đại Hội Nữ Lưu Cẩm Bút

Trời Thủ Đô mùa hè rục rỡ
Nắng chan hòa vạt áo dài bay
Hoa khoe sắc nụ môi tươi nở
Nữ khách làm xao động cỏ cây.

Tha thướt quần hồng tràn phố xá
Gót hài yểu điệu bước kiêu sa
Văn chương tỏa ngát hương thơm lạ
Chữ nghĩa điểm trang nét ngọc nga.

Vẫn gửi thư từ theo nắng gió
Đã trao sách báo tặng vần thơ
Vài ngày gặp gỡ như tri kỷ
Mấy bữa hàn huyên tựa giấc mơ.

Kỷ niệm thân thương tràn đại hội
Thi ca thắm thiết vọng quê hương
Văn Chương Phụ Nữ muôn năm đẹp
Thân gửi chị em khắp bốn phương.

HOÀNG BẠCH MAI

(Virginia)

trước mới sau cũ, trước trẻ sau thành kỳ cựu. Không một tác giả nào qua khỏi những giai đoạn này. Và, đây là cơ hội cho chúng tôi, những cây viết nữ gặp gỡ nhau, quen biết nhau trao đổi tâm tình,

niệt huyết và cho Nguyễn Thị Ngọc Dung cùng Tạp Chí Cỏ Thơm có dịp mời mọc những tác giả phương xa biết đến chúng tôi và chúng tôi được quen biết quý vị. Chúng tôi rất vui mừng trước sự hiện diện của các vị văn thi nghệ sĩ tên tuổi, lão thành. Nhưng chúng tôi vui mừng hơn nữa khi nhận thấy có nhiều khuôn mặt mới và trẻ trung. Vì họ chính là tương lai của nền văn học nghệ thuật Việt Nam Hải Ngoại mà chúng ta hằng mong đợi và hy vọng.

Nguyễn Thị Ngọc Dung cũng đã nhận được thư mời từ Nhà Báo, Nhà Thơ Quốc Nam mời tham dự những lần Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ trước đây. Nhưng vốn nhất Ngọc Dung tôi đã không dám đi tới nơi xa lạ một mình. Giá những lần đó có Phong Thu rủ đi cùng thì tôi đã được gặp anh Quốc Nam từ lâu. Tuy nhiên tôi được biết anh là một nhân vật tích cực hoạt động trong Cộng Đồng Seattle và khắp nơi. Bây giờ đại hội ngay địa phương đây, tôi rất hân hạnh được mời và tham dự. Cảm ơn Tổ Chức Văn Hóa Đông Phương đã chú trọng đến những cây viết nữ, không phân biệt già, trẻ, mới, cũ và ủng hộ những người nữ vừa làm tại các công tư sở, vừa làm bếp, vừa cầm chổi vừa cầm bút như chúng tôi.

Xin cảm ơn quý vị đã lắng nghe tâm tình của cây viết nữ Nguyễn Thị Ngọc Dung.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

(Bài nói chuyện trong
Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ tại
Virginia 8/15/2010)

ĐẠI HỘI VĂN CHƯƠNG PHỤ NỮ KỲ II

Ba Thế Hệ Hòa Hòa, Thân Ái
Và Trao Nhau Nhiều Kỷ Niệm

PHONG THU

Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ kỳ I do Nhà Thơ Quốc Nam, Giám Đốc Cơ Sở Văn Hoá Đông Phương sáng lập và tổ chức tại Seattle, Washington State vào tháng 10 năm 2005 với 18 nữ lưu tham dự. Năm năm sau, Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ kỳ II, tổ chức tại Washington D.C vào 3 ngày 13, 14, 15 tháng 8 năm 2010.

Ban Tổ Chức đã chuẩn bị từ một năm qua với số lượng nhân lực rất mỏng, ít, chỉ có bốn người “Phong Thu, Nhà Văn Nguyễn Thị Ngọc Dung, Nhà Báo Phạm Bá Vinh, Bà Jackie Bông”. Bên cạnh chúng tôi còn có các bạn hữu luôn sẵn sàng giúp một tay: Nhạc Sĩ Hoàng Cung Fa và Hoàng Dung, cặp uyên ương Đèo Văn Sách, Sĩ Tuấn - Thu Nguyễn, Kiều Nga và phu quân Nguyễn Văn Đăng, Như Hương, Hiếu Thuận, Tuyết Lan, Hoàng Anh, Bạch Cúc, Sĩ Tường, Bạch Mai, Tiên Kèn, Sĩ Thành.

Những ngày đầu gửi thư thông báo, chúng tôi nhận được rất nhiều tin tức khác nhau. Có tin đồn xấu và tốt (tôi sẽ viết chi tiết trong ba bài tạp ghi). Nhiều người ghi danh tham dự nhưng đến phút cuối lại không xuất hiện vì nhiều nguyên nhân. Thế nhưng, những tháng cuối cùng, số nữ lưu tham dự ngày càng tăng. Đại Hội đã quy tụ

được ba thế hệ đến với nhau trong sự hài hòa, thân ái gồm có: Vi Khuê, Trương Anh Thụy, Như Hảo, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Thu Nga, Kiều Mộng Hà, Ngô Tịnh Yên, Phan Thị Ngôn Ngữ, Phong Thu, Jackie Bông, Nhật Hạnh, Nguyễn Lê Mộng Tuyền, Trịnh Thanh Thủy, Bảo Như Trần, Sầu Phương Thủy, Nguyễn Thanh Xuân, Hoàng Bạch Mai, Ngô Thy Vân, Như Quỳnh, Hồ Hương Lộc, Bạch Mai, Huỳnh Thu Tâm, Tuyết Thu, Nguyễn Phương Thúy, Lê Tống Mộng Hoa, Mộng Trinh, Vũ Thảo, Cung Thị Lan, Hồng Thủy, Hoàng Trúc Ly, Hoàng Dung, Minh Châu, Ngọc Hạnh, Bạch Cúc. Điều làm cho tôi cảm động nhất là hai người bạn thân quý, hai nữ tác giả từ nơi xa xôi nhất đã không ngại đường xa, tốn kém đến tham dự và chia sẻ niềm vui với chúng tôi là Lê Mỹ Hân (Nhật) và Anh Thư (Úc Châu).

Ngoài các nữ lưu, còn có sự hiện diện của Nhà Văn, Nhà Biên Khảo Nguyễn Văn Lục (Canada) một tác giả tên tuổi, cây bút chủ lực của Báo Điện Tử Đàn Chim Việt, Nhà Báo Nguyễn Hiền (Đàn Chim Việt) và Nhà Văn Lê Bảo Kỳ (CA), Nhà Văn Cù Hoa Phong (Houston), Nhà Văn Trần Cao Sạ (Houston)...

Ngày Thứ Sáu, 13/8, BTC tiếp đón các văn thi hữu từ xa về. Ngày thứ bảy 14/8, là

cuộc du ngoạn một số địa điểm độc đáo quanh Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn. Buổi tối ban nhạc nghiệp dư của Nhóm “Hoàng Bửu và Hoàng Tùng, anh Dương và anh Khanh đã đến giúp vui không lấy thù lao. Văn thi hữu có cuộc họp mặt thân hữu và ngâm thơ, ca nhạc.

Chủ Nhật, ngày 15/8 là chương trình Đại Hội chính thức tại Trường James Lee (Falls Church, Virginia). Từ 9:00 giờ sáng trời đã bắt đầu đổ mưa. Con mưa dữ dội, gió lạnh kéo dài và lai rai cho đến ba giờ chiều nên đã cản chân khách đến viếng gian hàng trưng bày sách, báo, CD, DVD, tranh ảnh của các văn thi hữu.

Chương trình chính thức bắt đầu từ 1:00 pm. Mở đầu chương trình chào cờ Mỹ-Việt và phút mặc niệm. Ba MCs thay nhau giới thiệu chương trình là Nghệ Sĩ Đào Văn Sách, Nhà Truyền Thông Thanh Trúc (RFA) và nữ Tác Giả Thu Nga (Giám Đốc Đài Phát Thanh Sài Gòn Dallas 890AM & Trưởng Đài truyền hình vùng Dallas-Fort Worth, TX). Ca Nhạc Sĩ Nhật Hạnh mở đầu chương trình bằng nhạc phẩm “Chào Mừng Văn Chương Nữ Lưu” (Lời Quốc Nam, nhạc Nhật Hạnh).

Thu Nga, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phong Thu, Jackie Bông, Quốc Nam lần lượt giới thiệu tiểu sử các nữ lưu và xen kẽ chương trình văn nghệ đặc sắc và đồng thời phát biểu một số ý kiến về Đại Hội.

Hoàng Cung Fa vừa đánh đàn vừa trình bày bài hát “Cõi Sĩ Tình” (nhạc Hoàng Cung Fa- Thơ Nguyễn Đức Liêm), đôi song ca Đào Văn Sách và Kim Phụng trong ca khúc “Bạn Lòng” (Hoàng Trọng), Hiếu Thuận trong bài “Em Và Nỗi Nhớ Khôn Ngươi” (Nhạc Nguyễn Ánh 9, thơ Hồng

Thủy), Sĩ Tuấn trình bày nhạc phẩm “Tình Tự Mùa Xuân” (Từ Công Phụng).

Trong phần tham luận, Nhà Văn Nguyễn Thị Ngọc Dung đã nói lên tâm sự “Vì Sao Tôi Tham Dự Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ”, Nguyễn Phương Thúy trình bày về “Kinh Nghiệm Làm Thơ”, Lê Mỹ Hân và Nhà Báo Như Hảo nói về cảm tưởng khi đến với đại hội. Do thời gian có giới hạn nên một số nữ sĩ không thể trình bày hết những suy nghĩ của mình. Chương trình Đại Hội chính thức bế mạc lúc 3:30 pm.

Tiếp theo đó là chương trình Dạ tiệc “Bóng Hồng Quê Hương Số 2” vào tối Chủ Nhật tại Nhà Hàng Harvest Moon, Thành Phố Falls Church (Virginia) đã lôi cuốn được hầu hết quý văn thi hữu, quý truyền thông, quý Hội Đoàn, quý đồng hương tham gia đông đảo. Số quan khách đến tham dự đã vượt qua khỏi danh sách ấn định.

Lúc 7:30 pm. MC Đào Văn Sách mở đầu chương trình bằng Quốc Ca Mỹ-Việt và phút mặc niệm để tưởng nhớ đến các anh hùng tử sĩ, đồng bào đã bỏ mình cho lý tưởng tự do. Và toàn ban nhạc hợp ca bài “Cô Gái Việt”. Bốn MCs giới thiệu chương trình buổi tối là Nhà Truyền Thông Thanh Trúc (RFA), nữ Tác Giả Thu Nga, nữ Chủ Báo Nguyễn Lê Mộng Tuyền & Nghệ Sĩ Đào Văn Sách. Bốn diễn giả đã ngỏ lời trước cử tọa gồm Ông Lê Minh Thiệp (Phó Chủ Tịch Cộng Đồng Việt Nam D.C., MD & VA), Chủ Báo Phạm Bá Vinh (Tuần Báo Sóng Thần), Nhà Văn Phong Thu và Thi Sĩ Quốc Nam.

Thi Sĩ Quốc Nam nhấn mạnh rằng: “Việt Nam qua gần 5 ngàn năm lịch sử, chưa bao giờ Người Việt hiện diện ở nhiều quốc gia trên khắp hành tinh như ngày nay.

MỠI Ý THƠ LÀ MỠI SẮC HOA

Rực rỡ mây xanh, mùa đã đến,
từ xa rộn rã về hôm nay.
bốn phương mặc khách đều như hện,
tới hội văn chương phụ nữ này.

Bởi lẽ vinh danh lần thứ hai,
nữ lưu cầm bút nối vòng tay.
từ khi đất mẹ xa tầm mắt,
mỗi tú thơ là mỗi cánh bay.

Năm tháng tha hương quên cố lý,
tùng phen va chạm với chua cay.
lưu vong ngôn ngữ thành chân lý,
Mỗi áng văn là mỗi ý hay.

Thi sĩ, văn nhân thường huyền hoặc,
chính mình qua chúc tụng mê say.
tường đầu vũ trụ trong gang tấc,
mỗi nghĩ suy là mỗi ngất ngây.

Xin viết nhiều thêm trang sách đẹp,
tặng đời hoa gấm chếp duyên may.
muôn sau chữ nghĩa là văn hóa,
chiu chất từng câu gởi một mai.

CAO MỸ NHÂN
Hawthorn, California)

Người Phụ Nữ Việt đã vươn lên vô cùng mạnh mẽ và ngoạn mục, nhất là trên lãnh vực văn học nghệ thuật & truyền thông đại chúng. Nhìn ra thế giới, nhiều quốc gia đã

bầu cử phụ nữ vào vai trò lãnh đạo đất nước. Với những ngôi sao sáng Nữ Lưu VN, chúng tôi đề nghị trao nhiệm vụ lịch sử cho nữ giới trong thế kỷ 21. Họ có thể xoa dịu được những vết thương dân tộc qua bao nhiêu thập niên chiến tranh & bạo lực ngự trị trên quê hương Việt Nam khổ đau, bằng loại vũ khí văn hóa & truyền thông đa dạng hiện đại”.

Nữ Văn sĩ Phong Thu (Trưởng Ban Tổ Chức Đại Hội kỳ II) tâm sự: “...Chúng tôi cũng muốn giới thiệu các nữ văn thi hữu và tác phẩm của họ với độc giả và công chúng. Đại Hội chúng tôi đang làm là một công việc mà hơn 35 năm qua chưa ai dám làm. Nhìn vào đó, ai cũng tưởng dễ dàng, nhưng rất khó khăn. Bởi làm sao để tập hợp được những cây bút lão thành, có tên tuổi từ khắp nơi về tham dự. Làm sao để thế hệ trẻ không quá rụt rè, e ngại trước cây cao, bóng cả, để về tham dự. Sự chuyển tiếp kinh nghiệm cho thế hệ trẻ là công việc của những người đi trước. Tất cả đến với nhau bằng tình cảm gắn bó, thông cảm, chia sẻ. ĐHVCPN không phải là nơi phô trương, tranh tài cao thấp, mà là nơi để tạo sự liên kết của nhiều thế hệ cầm bút. Đại Hội kỳ này, quý vị thấy xuất hiện ba thế hệ khác nhau, cùng đứng bên nhau, cùng chia sẻ với nhau chung một mục đích và hoài bão: Sáng tạo văn học để làm đẹp cuộc đời”.

Ông Lê Minh Thiệp phát biểu rằng: “Văn Học Nghệ Thuật Phục Vụ Nhân Sinh”. Nhân Sinh mà tôi muốn đề cập ở đây là phục vụ nhu cầu thiết yếu con người, phục vụ nhu cầu xã hội, phục vụ đồng bào. Đặc biệt trong hoàn cảnh hiện nay là: phục vụ dân tộc, đồng bào Việt Nam ta. Dân tộc Việt Nam ta đang sống trong cảnh lầm than và áp bức tận cùng. Tôi không tin là chúng

ta làm văn nghệ, viết văn, làm thơ hay sáng tác nhạc kịch chỉ thuần túy phục vụ nghệ thuật. Đồng ý nghệ thuật là chính nhưng bên cạnh nghệ thuật còn phải phục vụ nhân sinh. Nói một cách nôm na, tôi ước mong quý vị với khả năng đặc biệt (mà chúng tôi không có), trong sáng tác cũng như trong nghiệp vụ sẽ không đứng bên lề mà hãy song hành cùng đồng bào trong công cuộc đấu tranh đã và đang diễn ra vì đất nước hiện nay, cuộc đấu tranh vì dân tộc, vì công bằng, vì lẽ phải, vì tự do dân chủ và nhân quyền mà đồng bào ta đang đương đầu một cách hết sức gian khổ với bạo quyền Cộng Sản hiện nay trên quê hương yêu dấu VN... Hãy cùng họ nói lên tiếng nói của lương tâm, vạch trần tội ác tày trời của chế độ...”

Trong bài phát biểu, nhà báo Phạm Bá Vinh có nói đến sự đóng góp to lớn của người phụ nữ cầm bút. Ông so sánh hai dòng văn học Miền Nam Việt Nam và dòng văn học Miền Bắc XHCN. Ông nói rằng «...Người cầm bút phải phân biệt rạch ròi lẫn ranh quốc-cộng, phải làm rõ thiên chức của những người cầm bút, không thể vừa viết văn vừa đi đêm với quỷ... », và ông cũng kết luận: «Thư sinh báo quốc vô thường vận. Duy hữu thư trung bút như đao».

Trong dạ tiệc Bóng Hồng Quê Hương II, quý nữ lưu cầm bút được Đại Hội trao tay mỗi vị một bản văn Cầm Tạ và ca ngợi quý nữ lưu đã đóng góp vào nền Văn Hóa Việt Nam. Có 6 nữ tác giả và 2 nhà truyền thông tài hoa đã được vinh danh trước công luận, gồm:

- Nữ Sĩ VI KHUÊ, Bà đã liên tục sáng tác thơ văn trước và sau tháng tư năm 1975. Bài vở của Bà phổ biến rộng rãi trên nhiều sách báo văn học. Bà đã xuất bản 4 tập truyện và 6 thi tập. Tác phẩm đầu tay của

bà là «Giọt Lệ» (1971). Tên tuổi Nữ Sĩ Vi Khuê được ghi trong nhiều bộ sách quý Việt Nam & ngoại quốc. Bà là 1 trong vài phụ nữ Việt đã tốt nghiệp Cử Nhân Việt-Hán, và là Hiệu Trưởng Trung Học Dê Nhị Cấp Văn Học tại Đà Lạt trước năm 1975.

- Nữ Tác Giả THU NGA đã tích cực đóng góp vào nền Văn Hóa Việt & cộng đồng trong mấy thập niên năm qua. Bà là Giám Đốc Đài Phát Thanh VRN & Saigon Dallas 890AM suốt 10 năm nay. Từ năm 2005, Bà là Trưởng Đài Truyền Hình SBTN tại vùng Dallas-Fort Worth. Hiện nay là Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ Trung Tâm Văn Bút Vùng Nam Hoa Kỳ. Bà đã xuất bản 1 thi tập, 3 tập truyện, 1 quyển trường thiên tiểu thuyết “Mây Theo Gió Về”, cùng đạo diễn phim kịch “Đời Sống Vẫn Trôi” & trường kịch “Đời Sống Trên Đất Mỹ”.

- Nhà Văn NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG, tên tuổi Bà đã gắn liền với Tạp Chí Cỏ Thơm, Chủ bút, Chủ nhiệm Tam Cá Nguyệt San Văn Học Cỏ Thơm từ năm 2000. Được Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Đình Hòa giới thiệu trong Tạp Chí World Literature Today của Đại Học Oklahoma năm 1997. Có tên trong Tuyển Tập Những Nhà Văn Nhà Thơ Hải Ngoại, và trong Tự Điển Thi Ca Anh Mỹ Việt (1998) của Giáo Sư Tiến sĩ Nguyễn Đình Tuyển; *Những Người Thích Dấu Huyền* của nhà văn Đặng Trần Huân... Hai tập hồi ký: *Phượng vẫn Nở Giữa Trời Hà Nội*, *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* đã phản ánh nội tâm sâu lắng của tác giả về Hà Nội yêu dấu chan chứa kỷ niệm nhớ nhung và một Sài Gòn vừa xa lạ, vừa thân ái nhưng đầm đầy nước mắt của đổ vỡ, chia ly, và ba tác phẩm khác: *Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời* (thơ), *Một*

Thoáng Mây Bay (tập truyện), *Non Nước Đá Vàng* (bút ký).

- Nhà Thơ / Nhà Thơ Họa KIỀU MỘNG HÀ. Trước 1975 đã có những bài thơ xuất hiện trên các báo: Văn Nghệ Tiền Phong, Tin Văn, Chiến Sĩ Cộng Hoà, Chính Luận... Ở Hải Ngoại thơ và truyện đăng trên các báo: Văn, Văn Nghệ Tiền Phong, Khởi Hành...v.v...và nhiều bài vở đăng trên nhiều tạp chí văn học danh tiếng. Ngoài ra, chị viết Thư Họa thực mỹ thuật. Bà đã xuất bản: *Nỗi Buồn Của Em* (thơ), *Thơ Kiều Mộng Hà* (1971 viết chung với Phương Giang), *Còn Một Nơi Để Đến* (tập truyện),

Trái Tim Đau (2000) và góp mặt trong một số tuyển tập tại hải ngoại.

- Nữ Nghệ Sĩ NHƯ HẢO đã tích cực đóng góp vào ngành truyền thông Việt Ngữ & Cộng Đồng Việt Nam nửa thế kỷ qua. Bà hiện là Chủ Nhân Đài Phát Thanh & Tạp Chí Mẹ Việt Nam tại miền Nam California. Từ đầu thập niên 1960 tới ngày 30/4/1975, Bà là xướng ngôn viên của Đài Phát Thanh Quân Đội & Đài Truyền Hình 9 Sài Gòn, và cũng là Giám Đốc Trung Tâm băng nhạc Tú Quỳnh trong Thương Xá Crystal Palace. Tại San Jose, từ năm 1994 Bà là Chủ Nhân đài Việt Ngữ đầu tiên ở hải ngoại phát thanh 17 giờ hàng ngày. Tại Quận Cam, Bà đã thực hiện “Ngày Vinh Danh Các Bà Mẹ VN” suốt 10 năm qua, và từng được nhiều giới chức hành pháp & lập pháp Hoa Kỳ tuyên dương, đặc biệt là chính quyền 2 Thành Phố Westminster & Garden Grove.

- Nữ Chủ Báo NGUYỄN LÊ MỘNG TUYỀN đã tích cực đóng góp vào nền Văn Hóa Việt Nam & cộng đồng trong nhiều năm qua. Cô hiện là Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút Nguyệt San Bút Tre từ năm 2000 phát hành tại 3 tiểu bang Arizona, New Mexico & Utah. Cô tốt nghiệp Arizona State University với cấp bằng Cao Học MSIM.

Trong 10 năm qua tại Arizona, cô từng là phối trí viên nhiều chương trình nhạc hội, sinh hoạt văn hóa, xã hội, cộng đồng v.v...

Sáu bản văn Vinh Danh ký tên bởi Thi sĩ Quốc Nam Cùng Nữ Văn Sĩ Phong Thu. Sau phần vinh danh, Thi Sĩ Quốc Nam và Nhà Truyền Thông Thanh Trúc đã đặc biệt giới thiệu một khuôn mặt



Phóng Viên Minh Thúy SBTN phỏng vấn Phong Thu trong ngày Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ.

phụ nữ trẻ là Nguyễn Thanh Xuân Aka Sue Ann Cutshaw. Thanh Xuân cũng tâm sự vì sao viết 2 quyển sách “Con đường đi đến «Giàu Sang & Hạnh Phúc» và “Bí ẩn Của Sự Thành Công».

Chương trình văn nghệ phụ diễn do Nghệ Sĩ Đào Văn Sách và Nhạc Sĩ Hoàng Cung Fa điều khiển được coi là hấp dẫn, với sự cộng tác của các Ca Nhạc Sĩ Nhật Hạnh, Trịnh Thanh Thủy đến từ phương xa, và những tiếng hát nổi bật trong cộng đồng như : Như Hương, Đèo Văn Sách, Sĩ Tuấn, Tuyết Lan, Sĩ Tường, Kim Phụng, Bạch Cúc, Hoàng Anh, và màn vũ «Cái Trống Cơm» của nhóm Jackie Bông.

ĐHVCPN được thành công là nhờ sự giúp đỡ của rất nhiều văn thi hữu và truyền

thông báo chí và các tổ chức cộng đồng đã đăng tải tin tức, thông báo rộng rãi đến quý đồng hương gần xa trong nhiều tháng liên tục như: Ông Bà Hoài Thanh và Cụ Bà Phan Tú Anh (cựu Chủ Nhiệm Báo Đại Chúng) đã âm thầm giúp đỡ BTC và tận tâm với Nhà Văn Anh Thư (Úc Châu), Nhà Thơ Hoàng Song Liêm và phu nhân đã đón tiếp Nhà Văn Lê Mỹ Hân (Nhật), Ông Bà Nguyễn Văn Đăng và Ca Sĩ Kiều Nga, Nhà Thơ Bạch Mai và Huỳnh Trường Võ Bị Huyện Trần đã đưa đón các văn thi hữu. Nhà Thơ Đỗ Nguyên, Chủ Biên Website Trời Nam, Nhà Thơ Song Nhị và BBT Cội Nguồn, Ông Nguyễn Văn Tân, Chủ Nhiệm Báo Đời Nay, Ông Bà Nguyễn Hữu Điền, Chủ Nhiệm Thủ Đô Thời Báo, Ông Đào Trường Phúc (Chủ Nhiệm Báo Phố Nhò), Ông Bà Nguyễn Văn Minh, Chủ Nhiệm Báo Văn Nghệ Tiền Phong, Bà Mina Nguyễn, Ban Biên Tập Cỏ Thơm, Nhà Thơ Đăng Nguyên (Phó Chủ Tịch Trung Tâm Văn Bút Hải Ngoại miền Đông Bắc Hoa Kỳ), Nhà Văn Nhạc Sĩ Nguyễn Đức Nam; Ông Nguyễn Phúc, Bà Bạch Mai, Ông Bùi Dương Liêm và Bà Nguyễn Thị Bé Bảy (ĐTH Việt Nam Thủ Đô HTĐ), Ông Võ Thành Nhân (Giám đốc đài VATV), Bà Thanh Trúc, Ông Đào Hiếu Thảo (RFA) và phu nhân, Ông Nguyễn Tự Tín (SBTN), Ông Thanh Vân (SBTN), và Ông Bà Kiều Thu (SBTN), Nhà Thơ Bùi Thanh Tiên, Ông Lê Minh Thiệp (Phó Chủ Tịch Cộng Đồng Washington D.C, MD, VA),

Trong số quan khách tham dự, chúng tôi nhận thấy có: Nhà văn Nguyễn Lân, Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích (Chủ Tịch Nghị Hội Việt Nam Toàn Quốc Hoa Kỳ), Giáo Sư Biên Khảo Gia Phạm Văn Tuấn, Học Giả Nguyễn Hữu Hiệu, Danh Họa Vũ Hối, Nhà Thơ Luân Tâm, Ông Bà Đoàn Hữu Định (Chủ Tịch

Liên Hội Cựu Chiến Sĩ VN vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn), Ông Lý Hiền Tài (Chủ Tịch Liên Minh Dân Chủ Thuần Túy vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn), Họa Sĩ/Nhà Truyền Thông Mặc Lâm (RFA), Nhà Thơ Cao Nguyên (Câu Lạc Bộ Hùng Sĩ Việt Virginia), Nhà Thơ Lâm Thúy (Chủ Tịch Văn Bút VN vùng Đông Bắc Hoa Kỳ), Giáo Sư/Tiến Sĩ Nguyễn Quốc Khải, Tiến Sĩ Nguyễn Huy Long, Nhà Biên Khảo Nguyễn Văn Lục (Montreal, Canada), Cô Nguyễn Minh Thúy (Đài SBTN-TV), Nhà Thơ Phan Khâm, Luật Sư Phạm Đức Tiến, Giáo Sư Đinh Văn Long, Nhạc Sĩ Huy Lâm, Nhà Văn Đỗ Ngọc Phú và phu nhân, Nhiếp Ảnh Gia Hăng Việt, Ông Thomas Phạm ...v...v... và rất đông đảo quan khách mà chúng tôi không nhớ hết (mong được thứ lỗi). Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ chấm dứt vào lúc 11:00pm và để lại trong lòng mọi người nhiều kỷ niệm thân ái.

Điều làm cho chúng tôi vui mừng và hãnh diện là ba thế hệ cầm bút đứng bên nhau. Chúng tôi cảm thấy gần gũi, thân ái, hài hoà và gọi lại cho nhau nhiều nụ hôn và kỷ niệm. Dù rất mệt và tốn kém nhưng sự thành công của Đại Hội làm chúng tôi vui mừng và tràn đầy hy vọng. Người viết xin gởi nơi đây lòng tri ân đến tất cả quý nữ lưu về tham dự Đại Hội. Và cũng cảm ơn tất cả quý vị đồng hương, quý hội đoàn, quý truyền thông báo chí và bạn hữu đã giúp đỡ BTC, tham dự, chia sẻ và đồng cảm với chúng tôi.

Kính chúc quý vị an lành, hạnh phúc.

Washington D.C 24/08/2010

Phong Thu

Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ Việt Nam

Văn chương Phụ Nữ Việt Nam
Văn hoa đại hội bóng ngàn quê hương
Nữ nhi góp mặt hằng phương
Cùng nhau hội ngộ thân thương Hoa Kỳ
Câu thơ điệu nhạc mê ly
Hoa chung thế giới tầm quy thanh bình
Ý thơ nét nhạc diễm tình
Góp chung tiếng nói chân thành yêu quê
Chẳng xa dặm bước đường về
Thủ đô hưởng trọn mùa hè phong thu

Đón chào từng nét anh thư
An nhân cuộc sống đến từ khắp nơi
Hân hoan nở thắm lòng người
Văn thơ nét đẹp rạng ngời thế nhân
8/15/2010

HỒ HƯƠNG LỘC

San Jose

*

Chào Mừng Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ Việt

chào mừng đại hội văn chương nữ
qui tụ tài năng khắp bốn phương
hợp nghĩa về đây khoe dáng chữ
làm rộn đời vui sắc lẫn hương.

chúc mừng chữ nghĩa em hiền thực
mà đủ uy quyền thuyết phục anh
tạm quên những nỗi buồn du mục
đến ngắm hoa tình reo bút xanh.

chúc mừng đại hội văn chương nữ
gặp nhau đồng cảm ý thơ văn
hẹn mai khoa bút tình chân ngữ
vạn nẻo quê nhà rạng cõi tâm.

cám ơn đại hội văn chương nữ
qui tụ anh thư về Thủ Đô
làm đẹp khung trời Hoa Thịnh Đốn
với tiếng cười vui trên hoa môi.

CAO NGUYỄN

(MD – August 15, 2010)

*

Mừng Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ

Xin qua một giấc mộng hoa,
Cho người trở giấc chan hòa ánh dương.
Mừng ngày Phụ Nữ Văn Chương,
Trong lòng thế kỷ yêu thương ngập tràn.
Bàn tay cầm bút thên thang,
Nữ lưu Việt đã kết trang sử vàng.
Tự Do mở rộng tim nàng,
Dựng xây thế giới văn chương tuyệt vời.
Ngàn xưa, phụ nữ chơi voi,
Nay về Đại Hội người người vinh danh.
Đây rồi, lịch sử Việt Nam,
Còn lưu chúng tích một lần khắc tên:
Những nữ lưu dáng dịu hiền,
Song tài hoa đã đứng riêng góc trời.
Chào mừng Đại Hội lên ngôi,
Văn Chương Phụ Nữ sáng ngời sao mai.

QUỐC NAM

(Seattle, WA.)

HÌNH ẢNH ĐỘI HỘI VĂN CHƯƠNG PHỤ NỮ

08/15/2010 tại Virginia

Phóng sự bằng hình của Phạm Văn Tuấn & Nguyễn Văn Hăng



Minh Châu (1), Nguyễn Thị Ngọc Dung (2), Ngọc Hạnh (3) bên bàn sách báo Cổ Thơm.

Ô. Nguyễn Văn Tấu, Nhà
Thơ Quốc Nam, Ca Nhạc
Sĩ Trịnh Thanh Thủy, Nhà
Truyền Thông Như Hảo,
Nhà Biên Khảo Nguyễn
Văn Lục, Nhà Thơ Ngô
Thy Vân, Thái Hòa, Nhà
Thơ Hồ Hương Lộc, Nhà
Văn Jackie Bông, Nhà
Văn Anh Thư.



Hoàng Bạch Mai,
Thu Tâm,
Như Quỳnh,
Ngọc Dung,
Bạch Mai,
Minh Châu,
Mộng Tuyền,
Hoàng Dung



Tùy Việt, Tùy Vinh, Hoàng Bạch Mai, Kiều
Mông Hà. Thái Hòa. Ngô Tinh Yên.



Lâm Thúy, Hoàng Dung, Cung Fa,
Nguyễn Văn Phúc, Bùi Dương Liêm.



Như Hảo,
Cung Thị Lan, Ngọc Dung
Phong Thu, Thu Nga,
Thanh Thủy.



Ngọc Dung,
Phong Thu,
Nguyễn Lân,
Thanh Trúc,
Phương Thúy,
Hoàng Dung.



Nữ Sĩ Vi Khuê,
Nhà Thơ Cao Nguyên,
Nhà Thơ Chữ Nhất Anh.



Nhà Văn Cù Hoa Phong, Ca Nhạc Sĩ Nhất Hạnh, Nhà Thơ
Ngô Thy Vân và phu quân , Nhà Thơ Hoàng Hương Lộc,
Nhà Văn Lê Bảo Kỳ

Ngô Thy Vân,
Kiều Mộng Hà,
Nhật Hạnh, Thu Nga,
Như Hảo, Thanh Thủy,
Hồ Hương Lộc,
Ngô Tịnh Yên,
Anh Thư, Thái Hòa,
Bảo Như, Jackie Bông,
Nguyễn Thị Ngọc Dung.



Bạch Cúc,
Hồ Hương Lộc,
Thái Hòa,
Anh Thư,
Phạm Bá Vinh,
Hoàng Trúc Ly,
Nhật Hạnh,
Ngô Thy Vân.





Biên Khảo Gia Phạm Văn Tuấn, Nhà Văn Nguyễn Văn Lục, Nhà Văn Nguyễn Lân, Nhà Truyền Thông Võ Thành Nhân, Nhà Thơ Cao Nguyên, Nhà Báo Phạm Bá Vinh, Ông Nguyễn Văn Đặng.



Ông Nguyễn Văn Tầu, Nhà Thơ Quốc Nam, Nhà Văn Nguyễn Đức Nam, Nhà Báo Phạm Bá Vinh, Nhà Thơ Cao Nguyên, Nhà Văn Lê Bảo Kỳ.



Từ trái: 1.Thanh Trúc, 2.Phan Thị Ngón Ngừ, 3.Nguyễn T. Mộng Tuyền, 4.Cung Thị Lan, 5. Nguyễn Phương Thủy, 6.Như Quỳnh, 7.Lê Mỹ Hân, 8. Huỳnh Thu Tâm, 9.Nhật Hạnh, 10.Hồ Hương Lộc, 11. Nguyễn Thanh Xuân, 12.Bạch Mai. 13.Minh Châu, 14.Ngô Tịnh Yên, 15.Kiều Mộng Hà, 16. Vi Khuê, 17. Nguyễn Thị Ngọc Dung, 18.Thu Nga, 19.Jackie Bông, 20. Ngô Thy Vân, 21.Như Hào, 22 Thái Hòa, 23.Kim Phụng, 24.Anh Thư, 25.Bạch Cúc, 26.Bảo Như, 27.Trịnh Thanh Thủy, 28.Hoàng Bạch Mai, 29.Hoàng Trúc Ly, 30.Phong Thu, 31 Hoàng Dung.



Thu Nga giới thiệu Ban Tổ Chức: NV Phong Thu, NT Quốc Nam, NV Jackie Bông, NV Ngọc Dung và NB Phạm Bá Vinh trong Buổi Tham Luận tại Hội Trường James Lee.



Nữ Lưu Cẩm Bút chụp hình kỷ niệm trong buổi Dạ Tiệc 8/15/2010 tại Nhà Hàng Harvest Moon, Virginia, USA.



Ban Hợp Ca của Đại Hội:, Bạch Mai, Hoàng Anh, KimPhụng, Sĩ Thành, Tuyết Lan, Sĩ Tuấn, Như Hương, Đèo Văn Sách, Bạch cúc, Hoàng Dung.



Dạ tiệc tại Nhà Hàng Hãrvest Moon, Virginia.



Như Quỳnh, Thu Tâm, Thái Hòa, Bạch Mai (AZ),

Kim Phụng, Phương Nga, Đèo Văn Sách, Kiều Thu, Hoàng Anh.



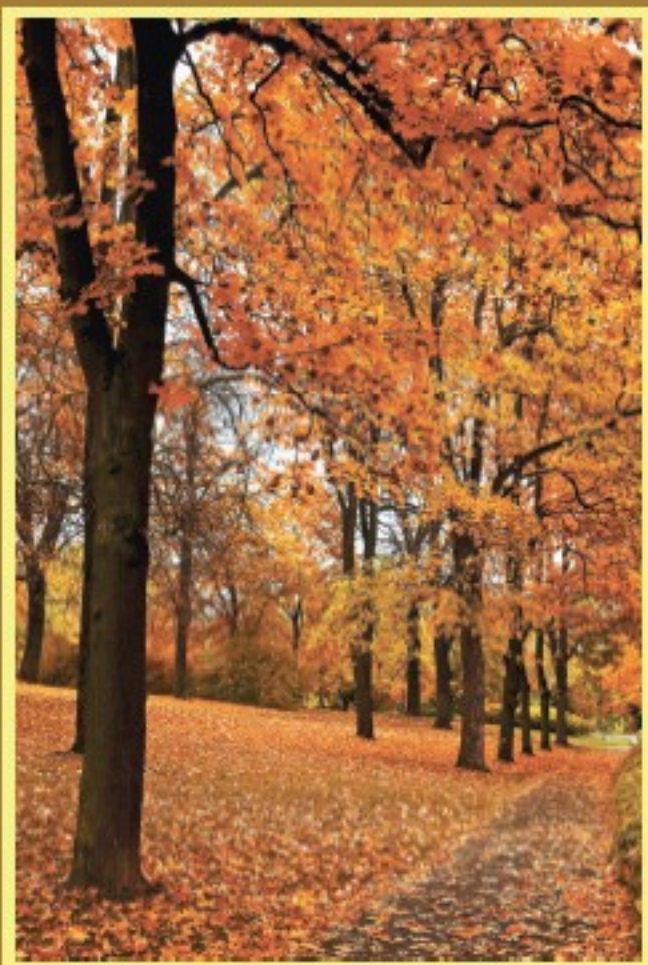
Ngồi: NT Hoàng Song Liêm và Phu Nhân
Đứng: Học Giả Nguyễn Ngọc Bích,
NV Lê Mỹ Hân, NV Nguyễn Đức Nam.



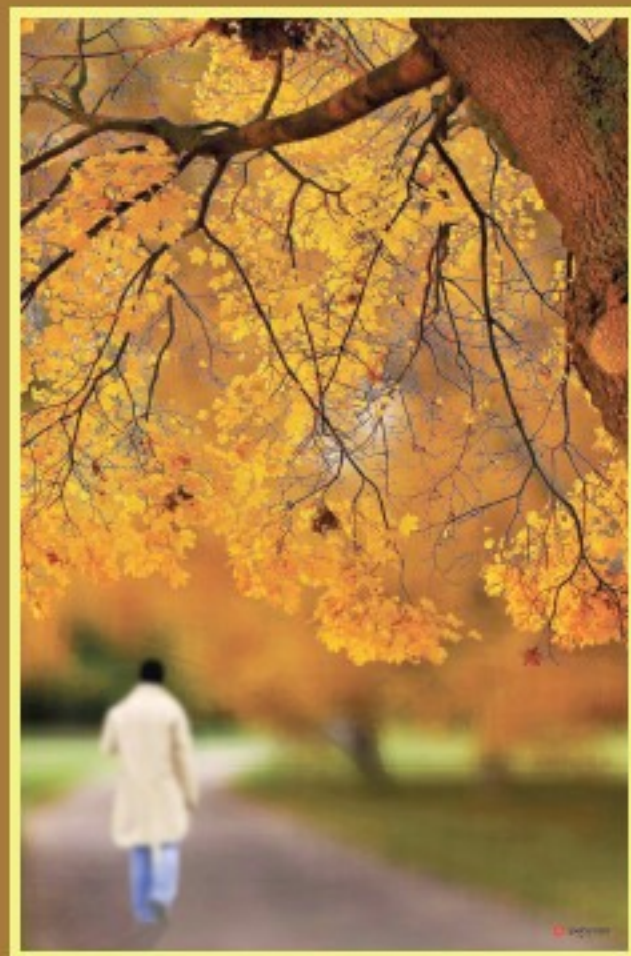
Nhà Văn Hoàng Dung, Nhà Thơ Bạch Cúc,
Luật Sư Phạm Đức Tiến cùng thân hữu.



Phương Nga, Thúy Hiền, Ô.B. Tuệ, Hoàng Anh, Kiều Thu, Ô. Hòa, Thái Phượng.



Lối Thu: Nguyễn Sơn



Thu Ra Đi: Nguyễn Sơn



Thu New York: Trương Minh Châu



Thu New York: Trương Minh Châu